TTC SUGAR



CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN
VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019-2020

THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	: Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN
B2B	: Khách hàng Doanh nghiệp
B2C	: Khách hàng Tiêu dùng
BCTC	: Báo cáo tài chính
BCTN	: Báo cáo thường niên
CAGR	: Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CCS	: Chữ Đường
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
Đường RE	: Đường Tinh luyện
Đường RS	: Đường Kính trắng
ĐVT	: Đơn vị tính
EBIT	: Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
EBITDA	: Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao
ESOP	: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của người lao động
GRI	: Sáng kiến báo cáo toàn cầu
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HORECA	: Kênh bán hàng thông qua Khách sạn - Nhà Hàng - Đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
IFC	: Công ty Tài chính Quốc tế
KSNB	: Kiểm soát nội bộ
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LYKCĐ	: Lấy ý kiến Cổ đông
M&A	: Sáp nhập và Mua lại
NĐ	: Niên độ
P/E	: Hệ số giá trên Lợi nhuận của cổ phiếu
PTBV	: Phát triển bền vững
QCƯX	: Quy chế ứng xử
QLRR/QTRR	: Quản lý rủi ro/ Quản trị rủi ro
QTCT	: Quản trị Công ty
R&D	: Nghiên cứu và Phát triển
TBKT	: Tiểu ban Kiểm toán
TGĐ	: Tổng Giám đốc
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TTC Biên Hòa/ Công ty/SBT	: Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
TTCK	: Thị trường chứng khoán
UBCK	: Ủy ban Chứng khoán
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
VNL	: Vùng nguyên liệu



SCAN ĐỂ XEM PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TTC BIÊN HÒA
NĐTC 2019 - 2020

Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĐTC 2019 - 2020



Các thuật ngữ viết tắt 02
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 04
Cam kết về tính trung thực và hợp lý của BCTN và Báo cáo PTBV tóm tắt NĐ 2019-2020 06

THÔNG ĐIỆP BAN LÃNH ĐẠO

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị 10
Chia sẻ từ Tổng Giám đốc 12
Những con số nổi bật NĐ 2019-2020 14
Điểm nhấn tài chính NĐ 2015-2016 đến NĐ 2019-2020 16
Những sự kiện nổi bật trong NĐ 2019-2020 18
Chuỗi giá trị của cây mía và Hoạt động R&D 22
Danh mục sản phẩm đa dạng TTC Biên Hòa 28
Kênh phân phối chính 42
Hồ sơ doanh nghiệp 44
Quá trình hình thành và phát triển 46
Hệ thống và mạng lưới 48

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quy chế Quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế 56
Bộ quy chế ứng xử 60
Giới thiệu Hội đồng quản trị 62
Báo cáo của Hội đồng quản trị 64
Chiến lược phù hợp, động lực vươn tầm quốc tế 72
Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập 78
Báo cáo Tiểu ban Kiểm toán 82
Báo cáo các Tiểu ban khác trực thuộc HĐQT 90
Quản trị rủi ro 94
Tuân thủ pháp luật 100
Hoạt động thị trường vốn 106
Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư 112
Tổng quan ngành Đường 118
Tình hình thực hiện Thẻ điểm Asean Scorecard và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng 124

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

136 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
138 Tình hình hoạt động trong năm
144 Mô hình vận hành tiên phong
147 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn
149 Đầu tư cải tiến công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động
154 Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng
160 Hoạt động của Công ty con - Công ty liên kết
162 Đảm bảo chất lượng và nhận xét của Khách hàng về chất lượng sản phẩm
168 Người nông dân trên mỗi chặng đường
172 Chia sẻ của Người nông dân và các Trưởng trạm nông vụ
176 Nhân sự và đào tạo
179 Chia sẻ của Nhân viên

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

182 17 Tiêu chí phát triển bền vững của Liên hiệp quốc
185 Sự tham gia của các Bên liên quan
192 Chủ đề Kinh tế
198 Chủ đề Môi trường
209 Chủ đề Xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

222 Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất NĐ 2019-2020 (VAS)
284 Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng NĐ 2019-2020 (VAS)
290 Thông tin liên hệ

HƯỚNG DẪN SMART REPORT

Nhấp chuột vào từng tiêu đề tại trang **Nội dung** và **Tên chương** ở mỗi trang để tương tác nhanh

Thông điệp Ban Lãnh đạo | Quản trị Công ty | Tình hình hoạt động trong năm | Báo cáo phát triển bền vững | Báo cáo tài chính

Nhấp chuột vào các biểu tượng bên dưới ở mỗi trang để tương tác nhanh

Trang bìa | Trang Nội dung | Trang vừa xem | Trang trước | Trang sau | Xem thêm thông tin

Smart Report 4.0 được hiển thị tốt trên phần mềm đọc file PDF. Vui lòng tải ứng dụng miễn phí tại đây: Adobe Acrobat Reader

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững hàng đầu Đông Dương.



Rê chuột



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- HIỆU QUẢ
- SÁNG TẠO
- CHÍNH TRỰC
- TINH THẦN LÀM CHỦ
- TIÊN PHONG

Rê chuột

SỨ MỆNH

Kiến tạo nền Nông nghiệp hiện đại, bền vững và mang lại nguồn năng lượng - dinh dưỡng nguồn gốc tự nhiên, không biến đổi gen.

CAM KẾT TÍNH TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2019-2020

Cùng với định hướng vì một ngành Nông nghiệp hiện đại Xanh sạch và phát triển bền vững

Công ty tập trung vào các sản phẩm Organic, đầu tư thêm hệ thống điện mặt trời áp trên mái nhà của kho, xưởng, văn phòng theo định hướng được Nhà nước khuyến khích đầu tư nhằm tận dụng tối đa các nguồn năng lượng tái tạo, giảm thiểu các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, mang lại giá trị gia tăng cho xã hội nhằm hướng đến mục tiêu TTC Biên Hòa trở thành Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững hàng đầu Đông Dương. Với định hướng trên, việc thay đổi cách quản trị trong chính nội tại doanh nghiệp luôn được Công ty quan tâm và cam kết thực hiện.



Từ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, TTC Biên Hòa đã nhận ra nhu cầu tất yếu trong việc sử dụng công nghệ trong toàn bộ quá trình sản xuất - kinh doanh, việc thực hiện chuyển đổi đã và đang được thực hiện dưới sự chỉ đạo xuyên suốt từ HĐQT đến Ban điều hành nhằm từng bước giúp Công ty tồn tại, thích nghi và phát triển mạnh trong sự biến đổi của cuộc cách mạng công nghệ số.

Trên cơ sở thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ của Phòng Kiểm toán nội bộ, chúng tôi cam kết:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Các nội dung được trình bày trong BCTN NĐ 2019-2020 của Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định về CBTT hiện hành. Đồng thời Công ty đang nỗ lực hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn như: Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC, Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OECD, Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển bền vững toàn cầu GRI,…
- Tất cả các thông tin, dữ liệu tài chính được trình bày trong BCTN NĐ 2019-2020 của Công ty đồng nhất với BCTC NĐ 2019-2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- BCTN NĐ 2019-2020 của Công ty đã được trình bày trung thực và hợp lý, phản ánh tổng thể tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư và tình hình tài chính trong NĐ 2019-2020 vừa qua hướng tới mục tiêu minh bạch hóa thông tin, bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Dựa trên các cơ sở đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn Báo cáo PTBV GRI hợp nhất (2016), Kiểm toán nội bộ nhận thấy Báo cáo PTBV của TTC Biên Hòa là phù hợp và phản ánh đúng chiến lược phát triển dựa trên lợi ích cốt lõi của Công ty, Cổ đông và các Bên liên quan nhằm hướng tới những mục tiêu: Quản trị hiệu quả, Sản phẩm vì Khách hàng, Đồng hành cùng Người nông dân và Trách nhiệm với Cộng đồng.
- Hệ thống kiểm soát do Ban Điều hành thiết lập đã vận hành tốt trong việc kiểm soát và đảm bảo sự hợp lý của các chỉ số được trình bày trên Báo cáo PTBV. Báo cáo được trình bày dưới sự hướng dẫn và đào tạo của tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu - GRI Việt Nam.
- Báo cáo PTBV được trình bày hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, mối quan hệ tương hỗ giữa các Bên liên quan, phản ánh tổng thể 3 chỉ tiêu chính là ***Kinh tế, Môi trường*** và ***Xã hội,*** hướng tới mục tiêu minh bạch hóa thông tin, bảo vệ quyền lợi của các Bên liên quan.

Huỳnh Thành Nhân
Trưởng phòng
Phòng Kiểm toán nội bộ

TỪ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TRẢI RỘNG KHẮP ĐÔNG DƯƠNG

Rê chuột

THÔNG ĐIỆP BAN LÃNH ĐẠO

10 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
12 Chia sẻ từ Tổng Giám đốc
14 Những con số nổi bật NĐ 2019-2020
16 Điểm nhấn tài chính NĐ 2015-2016 đến NĐ 2019-2020
18 Những sự kiện nổi bật trong NĐ 2019-2020
22 Chuỗi giá trị của cây mía và Hoạt động R&D
28 Danh mục sản phẩm đa dạng TTC Biên Hòa
42 Kênh phân phối chính
44 Hồ sơ doanh nghiệp
46 Quá trình hình thành và phát triển
48 Hệ thống và mạng lưới

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh khó khăn nhiều hơn thuận lợi, với sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ Cán bộ nhân viên, cộng hưởng từ chiến lược hợp lý của Hội đồng quản trị, TTC Biên Hòa vẫn khép lại NĐ 2019-2020 với kết quả tích cực trên nhiều khía cạnh hoạt động, thích ứng với hoàn cảnh và chuyển mình tìm giải pháp để đứng vững cũng như tiếp tục phát triển và bảo vệ thương hiệu **"Đường Biên Hòa"** đã tồn tại suốt hơn nửa thế kỷ qua.



Rê chuột

Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Người nông dân, Quý Khách hàng và các Đối tác,

Niên độ 2019-2020 là một niên độ khó quên của ngành Đường Việt Nam nói chung và TTC Biên Hòa nói riêng khi từ 1/1/2020, Việt Nam chính thức thực hiện các cam kết của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Atiga. Đây cũng là năm Công ty chịu nhiều ảnh hưởng và áp lực khi điểm trũng chu kỳ của ngành Đường thế giới chưa thực sự kết thúc trong lúc giá Đường vẫn còn nhiều biến động do các yếu tố bất khả kháng. Đại dịch lịch sử Covid-19 bùng nổ và lan rộng trên phạm vi toàn cầu cũng ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn nhiều hơn thuận lợi đó, với sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ Cán bộ nhân viên, cộng hưởng từ chiến lược hợp lý của Hội đồng quản trị, TTC Biên Hòa vẫn khép lại NĐ 2019-2020 với kết quả tích cực trên nhiều khía cạnh hoạt động, thích ứng với hoàn cảnh và chuyển mình tìm giải pháp để đứng vững cũng như tiếp tục phát triển và bảo vệ thương hiệu "Đường Biên Hòa" đã tồn tại suốt hơn nửa thế kỷ qua.

Niên độ 2019-2020 là niên độ đầu tiên TTC Biên Hòa chinh phục thành công và vượt mốc tiêu thụ hơn 1 triệu tấn Đường, nâng thị phần nội địa lên 46% từ 42% của NĐ trước. Đây là thành quả đánh dấu sự thành công trong chiến lược về mở rộng thị phần mà Ban lãnh đạo Công ty đã theo đuổi suốt thời gian qua, đồng thời, con số 1 triệu tấn Đường còn là mốc son chói lọi đầy tự hào trong hành trình "Mang Đường sạch đến với mọi nhà" của TTC Biên Hòa nhằm mang đến sự an toàn và sức khỏe cho người tiêu dùng.

TTC Biên Hòa hiện sở hữu vùng nguyên liệu rộng lên tới gần 64.000 ha tại 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, dự kiến tiếp tục mở rộng lên đến 70.000 ha trong thời gian tới. Trong năm qua, do chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết kém thuận lợi ở một số vùng mà năng suất toàn vụ mía bình quân của Công ty chưa đạt được cao như kỳ vọng, tuy vậy, nhờ vào những biện pháp canh tác hiệu quả, tỷ lệ trữ đường CCS bình quân toàn niên vụ vẫn đảm bảo tăng tốt, đạt 10,25 CCS, hoàn thành 105% kế hoạch. Vùng nguyên liệu tại Lào tiếp tục được Công ty đầu tư mở rộng để phát triển diện tích trồng mía hữu cơ và sản xuất đường Organic với tiêu chuẩn chất lượng quốc tế đã được các tổ chức uy tín công nhận, góp phần kiến tạo một nền nông nghiệp phát triển bền vững cho TTC Biên Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây được xem là bước đi chiến lược của Công ty nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Đường Việt Nam trên bản đồ thị trường Đường thế giới.

Trở thành nhà tiên phong trong hoạt động xuất khẩu khi đưa sản phẩm của mình tới 24 quốc gia, trong đó bao gồm cả những thị trường khó tính như là Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Singapore,… TTC Biên Hòa đã đang cạnh tranh với những ông lớn Mía Đường trên thế giới để đưa những dòng sản phẩm cao cấp, mới lạ và phù hợp thị hiếu Người tiêu dùng tại các thị trường lớn. Tại Việt Nam, thương hiệu Đường Biên Hòa tiếp tục được tin tưởng và ghi nhận, Công ty đã vinh dự nhận giải "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2020 - Do Người tiêu dùng bình chọn" vào tháng 6/2020. Trước đó, tại Báo cáo thường niên Brand Footprint do Kantar Worldpanel thực hiện năm 2020, TTC Biên Hòa cũng vinh dự thuộc top 5 thương hiệu được chọn mua nhiều nhất ở Thành thị - 4 Thành phố lớn (Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ). Gần đây nhất, TTC Biên Hòa còn được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn trở thành 1 trong 50 thương hiệu dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam năm 2020, đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp Công ty được vinh danh ở bảng xếp hạng này.



*Nhấp chuột để xem bài phát biểu của bà **Huỳnh Bích Ngọc** - Chủ tịch HĐQT TTC Biên Hòa*

Ngoài những nỗ lực được thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh với tổng Tài sản đạt 17.956 tỷ đồng, Doanh thu thuần vượt kế hoạch đạt 12.889 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 363 tỷ đồng, TTC Biên Hòa còn không ngừng khẳng định vị thế của một trong những Công ty Mía Đường đầu ngành niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam khi tiếp tục thuộc Rổ chỉ số VN30 của HOSE. Ngoài ra, SBT còn nằm trong Danh mục của các Quỹ đầu tư lớn hàng đầu thị trường như V.N.M ETF, DB XTRACKER FTSE VIETNAM SWAP UCITS ETF, iShares MSCI Frontier 100 ETF, Quỹ VFMVN30 ETF Fund… với tổng sở hữu gần 18 triệu cổ phiếu.

Với mục tiêu trở thành "Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững hàng đầu Đông Dương", đồng thời nâng thị phần nội địa lên 50% trong niên độ 2020-2021 , TTC Biên Hòa tiếp tục tập trung khai thác và hoàn thiện Chuỗi giá trị cây mía, hướng đến cung cấp cho thị trường các giải pháp năng lượng Xanh từ sản xuất Sạch. Đối với hoạt động nông nghiệp, chúng tôi cam kết chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp truyền thống sang canh tác hướng hữu cơ, cung cấp các giải pháp nông nghiệp chuyên sâu phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững. Niên độ tới được kỳ vọng là tiền đề cho sự phát triển bứt phá, mở đầu cho giai đoạn 5 năm 2021-2025 của TTC Biên Hòa.

Sau đại dịch, chúng tôi nhận ra rằng hành vi tiêu dùng và kinh doanh của toàn thế giới đã thay đổi. Hơn bao giờ hết, mọi mặt của đời sống nói chung và bản thân nội tại ngành kinh doanh nói riêng đều nhận ra sức mạnh của số hóa và công nghệ. Chính vì vậy, NĐ 2020-2021 được SBT xác định là một niên độ của sự chuyển đổi nhằm thay đổi tư duy lặp lại, máy móc sang tư duy chuyên gia ngành nghề với phương tiện hỗ trợ từ số hóa. Dự án Chuyển đổi số "Transform SBT" đã chính thức được khởi động, đây là lộ trình quan trọng giúp TTC Biên Hòa kiến tạo môi trường và công cụ cho toàn thể Cán bộ nhân viên có thể phát triển bản thân, tiếp cận nhanh nhất tri thức và tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp. Dự án này kỳ vọng sẽ trở thành một trong những công cụ hữu hiệu để Công ty hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đã đề ra và sẵn sàng, tự tin bước ra sân chơi quốc tế.

Thay mặt HĐQT, tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến đến Ban điều hành và toàn thể CBNV đã nỗ lực, cống hiến hết mình cho sự phát triển bền vững của Công ty. Đồng thời tôi cũng rất tri ân sự tin tưởng và đồng hành của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Người nông dân, Khách hàng và Đối tác trong suốt thời gian qua. Niên độ 2020-2021 sắp tới dự kiến tiếp tục là một năm với nhiều áp lực, thách thức không chỉ đối với TTC Biên Hòa hay ngành Mía Đường Việt Nam mà còn cả nền kinh tế toàn cầu khi đại dịch Covid-19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Tuy vậy, với những định hướng rõ ràng về chiến lược, gắn kết chặt chẽ với Cộng đồng-Xã hội từ một tập thể được kết tinh qua hành trình lao động miệt mài và đầy trách nhiệm, tôi có đầy đủ niềm tin cho một sự phát triển đột phá, vươn tầm cao mới trong Niên độ 2020-2021 và các năm tiếp theo.

Huỳnh Bích Ngọc
Chủ tịch HĐQT TTC Biên Hòa

CHIA SẺ
TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC



Với kinh nghiệm hơn 50 năm trong ngành, kết hợp cùng định hướng hợp lý của HĐQT và sự chuẩn bị kỹ lưỡng của Ban điều hành cùng tập thể Cán bộ nhân viên, TTC Biên Hòa đã biến thách thức thành cơ hội, tận dụng lợi thế hội nhập, sẵn sàng cạnh tranh và từng bước chuyển mình lớn mạnh trên con đường chinh phục thị trường khu vực.

DOANH THU THUẦN NĐ 2019-2020

12.889 TỶ ĐỒNG

Rê chuột

Kính gửi Quý Cổ đông, Nhà đầu tư,
Người nông dân, Quý Khách hàng và các Đối tác,

Ngành Đường Việt Nam đã trải qua một năm với những thăng trầm lớn không chỉ đến từ tính chu kỳ ngành, thách thức từ việc hội nhập Atiga mà còn từ những tác động không nhỏ do đại dịch Covid-19 gây ra. Tuy vậy, với kinh nghiệm hơn 50 năm trong ngành, kết hợp cùng định hướng hợp lý của HĐQT và sự chuẩn bị kỹ lưỡng của Ban điều hành cùng tập thể Cán bộ nhân viên, TTC Biên Hòa đã biến thách thức thành cơ hội, tận dụng lợi thế hội nhập, sẵn sàng cạnh tranh và từng bước chuyển mình lớn mạnh trên con đường chinh phục thị trường khu vực.

Niên độ 2019-2020 đã kết thúc ấn tượng khi sản lượng Đường tiêu thụ đạt hơn 1 triệu tấn, tăng 41% so với NĐ trước, nhờ vậy Công ty đã vượt kế hoạch đề ra cả về Doanh thu và Lợi nhuận. Cụ thể, Doanh thu thuần đạt 12.889 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ và vượt 18% kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 512 tỷ, tăng 21% so với cùng kỳ và vượt 19% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 363 tỷ, tăng 40% so với cùng kỳ. Đồng thời, Công ty cũng đã kiểm soát tốt các chi phí, bám sát và hoàn thành mục tiêu được HĐQT giao phó.

Đại dịch Covid-19 thực sự là một cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa từng có tiền lệ, ảnh hưởng đến tất cả mọi quốc gia, ngành nghề và hầu hết doanh nghiệp, trong đó Việt Nam và TTC Biên Hòa cũng chịu tác động không nhỏ trong đại dịch lần này. Nhờ các biện pháp triệt để và quyết liệt của Chính phủ mà Việt Nam được quốc tế đánh giá là một trong những nước thành công nhất trong công tác chống dịch Covid-19. Với TTC Biên Hòa, ảnh hưởng của đại dịch vào 6 tháng cuối NĐ 2019-2020 được nhìn nhận ở một góc nhìn khác biệt theo hướng không bi quan, cũng như cách Công ty nhìn nhận về Atiga hội nhập quốc tế, đó là cơ hội để TTC Biên Hòa đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi và thích nghi mạnh mẽ hơn, sâu rộng hơn trên tất cả các phương diện hoạt động của mình.

Hiện tại, mô hình vận hành và kinh doanh đang được Công ty từng bước chuyển đổi từ hướng truyền thống sang hướng dịch vụ, sẵn sàng cung cấp các sản phẩm Đường & giải pháp năng lượng cũng như đảm bảo nguồn cung sạch dồi dào cho thị trường trẻ và năng động của Việt Nam & Khu vực. Lộ trình xây dựng các phân khúc thị phần, sản phẩm cốt lõi và mạng lưới phân phối đa dạng cùng với đội ngũ R&D là những chuyên gia đầu ngành, sẵn sàng đồng hành cùng sự phát triển của Khách hàng. Việc thâm nhập thành công vào những thị trường Đường củ cải khó tính hàng đầu như Châu Âu, châu Mỹ,... cũng ghi nhận dấu ấn của TTC Biên Hòa với thị trường quốc tế về một thương hiệu Đường Việt Nam chất lượng. Bên cạnh đó, chúng tôi đã từng bước thiết lập mạng lưới phân phối rộng khắp các miền đất nước với cam kết "Đường sạch đến mọi nhà" xuyên suốt hành trình 50 năm của mình. Đây cũng là thông điệp mạnh mẽ nhất mà TTC Biên Hòa đã lựa chọn để tuyên chiến trực tiếp với Đường lậu, Đường kém chất lượng. Hiện tại sản phẩm mang thương hiệu TTC Biên Hòa đã có mặt tại hơn 70.300 cửa hàng bán lẻ, 5.200 siêu thị, cửa hàng tiện lợi, hơn 3.500 điểm bán và 4 đối tác tên tuổi trên sàn Thương mại điện tử Việt Nam.

72+ DÒNG SẢN PHẨM

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU **24** QUỐC GIA

XUẤT KHẨU **200.000** TẤN ĐƯỜNG LỎNG

Rê chuột xem thêm

Trong NĐ vừa qua, Công ty cũng đã tiếp tục tăng cường tìm kiếm, hợp tác với các Đối tác chiến lược từ các định chế tài chính lớn nhằm hỗ trợ tái cấu trúc vốn, chuyển dịch cơ cấu vốn của TTC Biên Hòa theo hướng bền vững. Trong tháng 6/2020, Nhà đầu tư chiến lược đến từ Hàn Quốc là Cape Yeollim Core Trend Global Fund 1 (Coretrend) đã chính thức giải ngân 172 tỷ đồng cho TTC Biên Hòa thông qua việc đầu tư vào Trái phiếu chuyển đổi không cần tài sản đảm bảo. Đây là một thương vụ mang ý nghĩa lớn khi được thực hiện trong bối cảnh các NĐT nước ngoài đều đang có xu hướng rút vốn về nước hoặc ngừng đầu tư mới để tối thiểu hóa rủi ro từ dịch Covid-19. Không những vậy, đây còn là khoản đầu tư không cần bất cứ tài sản đảm bảo nào, điều này thể hiện niềm tin cũng như sự đánh giá rất cao của NĐT vào triển vọng của Ngành Đường Việt Nam cũng như định hướng phát triển dài hạn của TTC Biên Hòa. Thương vụ này được kỳ vọng sẽ tiếp tục nối dài cho chuỗi những thương vụ huy động vốn từ các NĐT Hàn Quốc trong thời gian tới của Công ty. Trước đó, tháng 9/2019, Công ty cũng huy động thành công gần 650 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu chuyển đổi cho NĐT chiến lược DEG - Quỹ Đầu tư của Chính phủ Đức.

TTC Biên Hòa đã hoàn thành chiến lược phát triển trung hạn 3 năm trong NĐ 2019-2020 và bước vào giai đoạn triển khai kế hoạch 5 năm 2021-2025 từ NĐ 2020-2021, đây sẽ là năm tiền đề để TTC Biên Hòa đẩy mạnh lộ trình số hóa chuyển đổi Công ty với mục tiêu trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh tại Việt Nam và Khu vực, tiếp tục hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Với sự chủ động, linh hoạt và nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV và Ban Điều Hành trong suốt thời gian qua, chúng tôi tin rằng con đường 5 năm chinh phục thị trường Khu vực đang đến gần và bước đầu gặt hái thành công. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi đến Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng, Người nông dân và các Đối tác lời cảm ơn sâu sắc đã luôn đồng hành cùng Công ty trong thời gian vừa qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ trong thời gian tới để TTC Biên Hòa và ngành nông nghiệp Việt Nam tự tin sánh bước hội nhập cùng thế giới.

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020



~ 64.000 HA VÙNG NGUYÊN LIỆU TẠI 3 NƯỚC VIỆT NAM, LÀO, CAMPUCHIA

DOANH THU THUẦN
Tăng 19% so với cùng kỳ

12.889 TỶ ĐỒNG

46% THỊ PHẦN DẪN ĐẦU NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM, Tăng 10% so với cùng kỳ

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
Tăng 41% so với cùng kỳ

1,1 TRIỆU TẤN ĐƯỜNG

24 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

63 DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG

9 DÒNG SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SÂU ĐƯỜNG

6 DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG ORGANIC ĐẠT CHUẨN EU VÀ USDA (HOA KỲ)

TOP 50 THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU DO FORBES VIỆT NAM BÌNH CHỌN

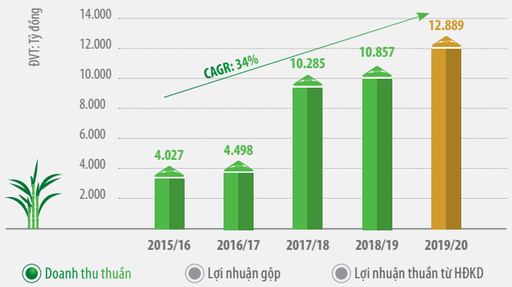
VN30 CỔ PHIẾU MÍA ĐƯỜNG DUY NHẤT THUỘC RỔ CHỈ SỐ

Rê chuột

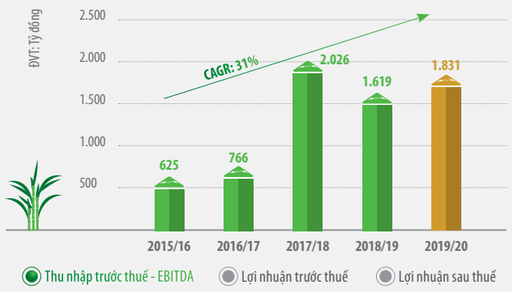
ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH NĐ 2015-2016 ĐẾN NĐ 2019-2020

CHỈ SỐ VỀ LỢI NHUẬN

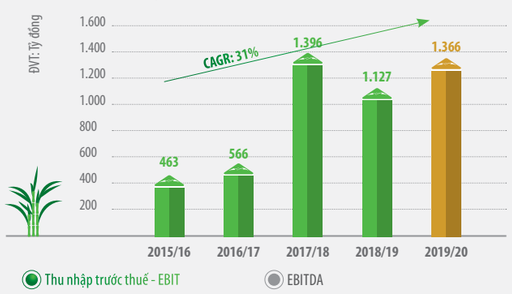
DOANH THU THUẦN



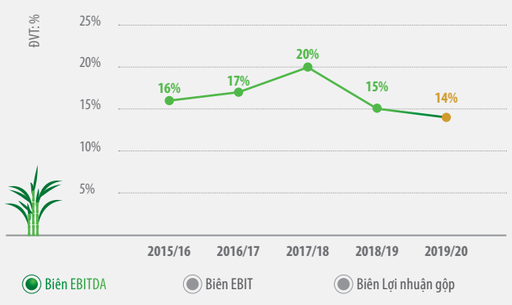
THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, TRẢ LÃI VÀ KHẤU HAO - EBITDA



THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, TRẢ LÃI - EBIT

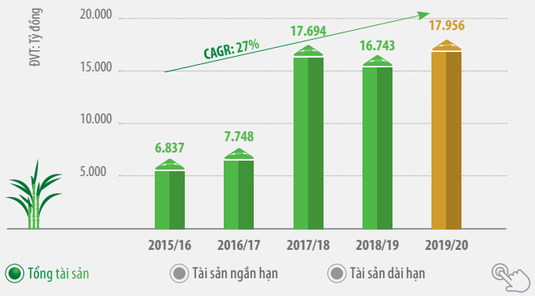


BIÊN EBITDA



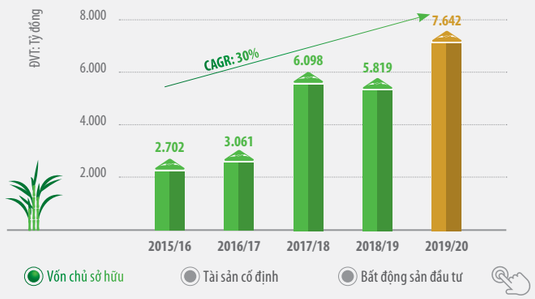
CHỈ SỐ VỀ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

TỔNG TÀI SẢN



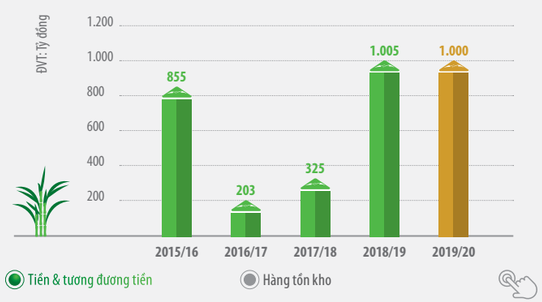
Nhấp chuột để xem các chỉ số khác

VỐN CHỦ SỞ HỮU



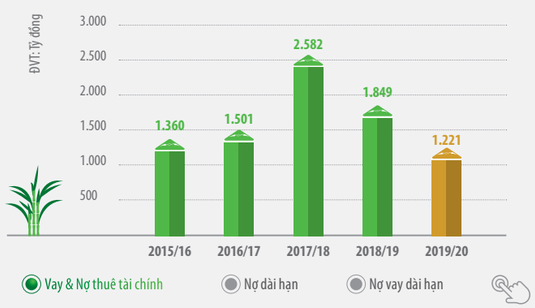
Nhấp chuột để xem các chỉ số khác

TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN



Nhấp chuột để xem các chỉ số khác

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN



Nhấp chuột để xem các chỉ số khác

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán NĐ 2015-2016 đến 2019-2020

TÓM TẮT TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2015-2016 ĐẾN 2019-2020

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	ĐVT	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Chỉ số Thanh khoản						
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,5	1,4	1,1	1,1	1,1
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,0	0,8	0,7	0,8	0,9
Chỉ số Cấu trúc vốn						
Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,56	0,58	0,55	0,46
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,44	1,42	1,69	1,57	1,07
Chỉ số Hoạt động						
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	0,79	0,62	0,81	0,63	0,74
Ngày bình quân vòng quay HTK	Ngày	111	152	121	123	85
Chỉ số Khả năng sinh lời						
Biên EBITDA	%	16	17	20	15	14
Biên EBIT	%	11	13	14	10	11
Biên Lợi nhuận gộp	%	15	13	13	8	11

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ĐVT: Tỷ đồng	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tăng/Giảm cùng kỳ	CAGR 2015-2016 đến 2019-2020
Tài sản ngắn hạn	**4.216**	**4.415**	**9.813**	**9.794**	**10.031**	**2%**	**24%**
Tiền và tài sản tương đương tiền	856	203	325	1.005	1.000	0%	4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46	112	614	768	899	17%	110%
Khoản phải thu ngắn hạn	1.931	2.068	4.715	5.036	5.447	8%	30%
Hàng tồn kho	1.333	1.958	3.972	2.781	2.529	-9%	17%
Tài sản ngắn hạn khác	50	74	187	204	156	-24%	33%
Tài sản dài hạn	**2.620**	**3.333**	**7.881**	**6.949**	**7.925**	**14%**	**32%**
Khoản phải thu dài hạn	194	247	544	146	102	-30%	-15%
Tài sản cố định	1.555	1.442	4.698	4.352	4.180	-4%	28%
Bất động sản đầu tư	-	131	181	157	592	277%	0%
Tài sản dài hạn dở dang	125	79	134	679	341	-50%	29%
Đầu tư tài chính dài hạn	686	1.373	637	125	1.246	897%	16%
Tài sản dài hạn khác	60	61	1.687	1.490	1.464	-2%	122%
Tổng tài sản	**6.836**	**7.748**	**17.694**	**16.743**	**17.956**	**7%**	**27%**
Nợ phải trả	**4.134**	**4.687**	**11.596**	**10.924**	**10.314**	**-6%**	**26%**
Nợ ngắn hạn	2.775	3.164	8.902	8.966	8.808	-2%	33%
Nợ vay ngắn hạn	2.520	2.850	7.703	7.284	6.990	-4%	29%
Nợ dài hạn	1.359	1.523	2.694	1.958	1.506	-23%	3%
Nợ vay dài hạn	1.359	1.501	2.582	1.849	1.221	-34%	-3%
Vốn chủ sở hữu	**2.702**	**3.061**	**6.098**	**5.819**	**7.642**	**31%**	**30%**
Tổng nguồn vốn	**6.836**	**7.748**	**17.694**	**16.743**	**17.956**	**7%**	**27%**

KẾT QUẢ KINH DOANH ĐVT: Tỷ đồng	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tăng/Giảm cùng kỳ	CAGR 2015-2016 đến 2019-2020
Doanh thu thuần	**4.027**	**4.498**	**10.285**	**10.857**	**12.889**	**19%**	**34%**
Lợi nhuận gộp	605	556	1.326	872	1.455	67%	25%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	304	301	539	319	522	64%	14%
Lợi nhuận trước thuế	310	310	682	422	512	21%	13%
Lợi nhuận sau thuế	**294**	**287**	**545**	**259**	**363**	**40%**	**5%**
EBIT	463	566	1.396	1.127	1.366	21%	31%
EBITDA	625	766	2.026	1.619	1.831	13%	31%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán NĐ 2015-2016 đến 2019-2020

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NIÊN ĐỘ 2019-2020

THÁNG 7 2019

KHAI TRƯƠNG TTC SUGAR SHOP



Đây là mô hình cửa hàng quà lưu niệm chủ đề "Lưu niệm ngọt ngào", mô hình đã chính thức đi vào hoạt động cửa hàng đầu tiên tại Khu du lịch TTC World - Thung Lũng Tình Yêu, Thành phố Đà Lạt. Đây là sự kết hợp giữa các sản phẩm thủ công mỹ nghệ cùng niềm đam mê về Đường, cửa hàng trưng bày và bán những món quà lưu niệm liên quan tới Đường do TTC Biên Hòa sản xuất.

*Cửa hàng **TTC Sugar Shop** tại Khu du lịch TTC World - Thung Lũng Tình Yêu*

THÁNG 8 2019

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĐ 2018-2019



TTC Biên Hòa tổ chức hội nghị nhằm triển khai nhiệm vụ và kế hoạch NĐ 2019-2020. Hội nghị đã đánh giá kết quả hoạt động niên độ vừa qua, nhìn nhận những thành tựu đạt được cũng như các tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở đó, Ban lãnh đạo đưa ra chiến lược, kế hoạch hành động cụ thể cho niên độ tiếp theo, nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Hội nghị tổng kết hoạt động Niên độ 2018-2019

THÁNG 9 2019

KÝ KẾT HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA TTC BIÊN HÒA VÀ DEG



Ngày 26/9/2019 lễ ký kết hợp tác chiến lược giữa TTC Biên Hòa và Quỹ DEG - Quỹ Đầu tư do Chính phủ Đức sở hữu đã diễn ra. DEG công bố đầu tư gần 650 tỷ đồng để mua 21,6 triệu cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và chính thức trở thành một trong những cổ đông chiến lược của TTC Biên Hòa.

Lễ ký kết hợp tác chiến lược giữa TTC Biên Hòa - DEG

THAM GIA HỘI CHỢ TRIỂN LÃM NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ LẦN THỨ 19 TẠI TÂY NINH VÀ HÀ NỘI



Với cam kết mang "Đường sạch đến mọi nhà", xuyên suốt hành trình 50 năm của mình TTC Biên Hòa luôn nỗ lực đem đến những sản phẩm có chất lượng cao, giá cả phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của Khách hàng. Trong hội trợ triểm lãm nông nghiệp quốc tế lần thứ 19, TTC Biên Hòa đã đem đến những sản phẩm sạch tiêu biểu để giới thiệu tới Người tiêu dùng.

Hội chợ triển lãm nông nghiệp quốc tế lần thứ 19 tại Tây Ninh và Hà Nội

THÁNG 10 2019

BAN LÃNH ĐẠO TTC BIÊN HÒA LÀM VIỆC VỚI LÃNH ĐẠO TỈNH ATTAPEU, LÀO





Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa tại ruộng mía Tỉnh Attapeu, Lào

Những ngày đầu tháng 10/2019 vừa qua, Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa có chuyến đến thăm và làm việc với Ban lãnh đạo tỉnh Attapeu của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Hai bên đã có những trao đổi và cam kết đẩy mạnh hơn nữa các kế hoạch hợp tác chiến lược, Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa đã đưa ra những định hướng và sự kì vọng đối với sự phát triển bền vững của TTC Attapeu trong những năm tiếp theo, đặc biệt là niềm tin về sự thành công của sản phẩm Đường Orgranic, góp phần không nhỏ cho sự phát triển về kinh tế xã hội của tỉnh Attapeu, Lào.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo đã đến thăm, chia sẻ và động viên CBNV TTC Attapeu trước khi bước vào mùa vụ thu hoạch và trồng mới. Buổi chia sẻ là cơ hội để toàn bộ cùng nhau học hỏi và rút kinh nghiệm nhằm hoàn thành tốt mùa vụ NĐ 2019-2020.

THÁNG 11 2019

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT 2019 - NHÓM VỐN HÓA LỚN



Trong những NĐ qua, TTC Biên Hòa luôn nằm trong top 10 doanh nghiệp có BCTN tốt nhất của nhóm Vốn hóa lớn, điều đặc biệt NĐ 2018-2019 TTC Biên Hòa xếp hạng 2 trong top 10, điều đó thể hiện nội dung BCTN của Công ty ngày một được hoàn thiện, ngoài việc đáp ứng đầy đủ các quy định còn luôn hướng đến các thông lệ tốt nhất trên thị trường.

Lãnh đạo TTC Biên Hòa nhận giải Top 10 BCTN Niên độ 2018-2019

(MOU) KÝ KẾT BIÊN BẢN GHI NHỚ VỚI ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ CORETREND HÀN QUỐC



Tháng 11 vừa qua, trong khuôn khổ chuyến thăm Hàn Quốc cùng Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT TTC Biên Hòa đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) với đại diện Coretrend dưới sự chứng kiến của Thủ tướng.

Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT TTC Biên Hòa tại buổi ký kết MoU, Hàn Quốc

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NIÊN ĐỘ 2019-2020 (tiếp theo)

THÁNG 12/2019

SỰ KIỆN 50 NĂM ĐƯỜNG BIÊN HÒA *Ngọt vị yêu thương*



Lễ kỷ niệm 50 năm Đường Biên Hòa

Lễ kỷ niệm 50 năm Đường Biên Hòa đã diễn ra vào ngày 15/12/2019 với chuỗi các hoạt động nhằm gửi lời tri ân tới Khách hàng, Đối tác chiến lược và toàn bộ đội ngũ CBNV đã luôn đồng hành cùng TTC Biên Hòa trong suốt thời gian qua. Với vị thế đầu ngành Mía Đường, đây cũng là thời khắc quan trọng để Ban lãnh đạo Công ty chia sẻ những thông điệp, tầm nhìn chiến lược tới các Đối tác cũng như CBNV ngay trước thềm Hiệp định Atiga chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2020.

NHẬN GIẢI "DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2019"



Lãnh đạo TTC Biên Hòa nhận giải "Doanh nghiệp bền vững 2019"

Vào ngày 26/11/2019, TTC Biên Hòa vinh dự nhận giải thưởng Doanh nghiệp bền vững 2019 do Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) trao tặng. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Công ty nhận được giải thưởng này, đây được xem như một sự công nhận thành quả từ những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc xây dựng chuỗi sản xuất bền vững của Công ty.

THÁNG 1/2020

TTC BIÊN HÒA VÀ QUỸ ĐẦU TƯ CORETREND (HÀN QUỐC) XÚC TIẾN KẾ HOẠCH HỢP TÁC



Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa gặp gỡ quỹ đầu tư Coretrend

Sau khi ký biên bản MoU tháng 11/2019, đại diện quỹ đầu tư Coretrend đã có chuyến thăm và trao đổi quan trọng với Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa. Qua những chuyến tham quan, khảo sát thực địa tại các nông trường và nhà máy, cuộc gặp lần này là dịp để quỹ đầu tư Hàn Quốc có cái nhìn sâu hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển của doanh nghiệp Mía Đường lớn nhất Việt Nam.

THÁNG 3/2020

TTC BIÊN HÒA BẮT TAY "ÔNG LỚN" DOLE ASIA HOLDING CHO DỰ ÁN MỚI



Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa và Dole Asia Holding tại buổi ký kết hợp đồng hợp tác

Sau nhiều tháng khảo sát, thử nghiệm và nghiên cứu kỹ lưỡng, TTC Biên Hòa và Dole Asia Holding Pte.Ltd., đã ký kết hợp đồng hợp tác mua bán bao tiêu và chuyển giao kỹ thuật cho dự án trồng chuối Nam Mỹ trên quy mô 156 ha tại nông trường Thành Long thuộc Công ty TNHH Biên Hòa - Đồng Nai vào ngày 17/3/2020.

THÁNG 4/2020

TTC GIA LAI KẾT THÚC VỤ ÉP THÀNH CÔNG



Nhà máy TTCS Gia Lai

Vụ ép NĐ 2019-2020 của TTCS Gia Lai đã ghi nhận kết quả thắng lợi khi sản lượng mía ép đạt hơn 515 nghìn tấn mía thô, đạt 101% kế hoạch đề ra. Đặc biệt, năng suất mía năm nay tại TTCS Gia Lai ghi nhận bình quân đạt 61 tấn/ha, cao hơn so với những năm trước khoảng 8 tấn/ha, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

TTC BIÊN HÒA TRỞ THÀNH NHÀ PHÂN PHỐI DUY NHẤT VÀ CHÍNH THỨC MÁY NÔNG NGHIỆP JOHN DEERE TẠI VIỆT NAM



Xe máy nông nghiệp của thương hiệu John Deere tại nông trường TTC Biên Hòa

Sau nhiều năm là đối tác chiến lược, TTC Biên Hòa hiện đang là nhà phân phối duy nhất tại Việt Nam các thiết bị máy kéo, máy nông nghiệp của John Deere, thương hiệu cung cấp máy móc và thiết bị nông nghiệp hàng đầu đến từ Mỹ với chất lượng được kiểm chứng gần 200 năm qua, các loại máy kéo, máy thu hoạch mang thương hiệu John Deere luôn là sự đảm bảo cho một mùa thu hoạch bội thu.

THÁNG 6/2020

TTC BIÊN HÒA ĐẠT GIẢI HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT TTC Biên Hòa tại buổi trao giải "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2020"

Ngày 12/6/2020, TTC Biên Hòa và Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã vinh dự nhận giải "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2020" do Người tiêu dùng bình chọn.

Đây là một trong những chứng nhận danh giá và có ý nghĩa đặc biệt, công nhận thành quả từ những nỗ lực không ngừng nghỉ của TTC Biên Hòa và TTC Biên Hòa - Đồng Nai trong việc nghiên cứu, sản xuất và đưa ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, uy tín, an toàn tuyệt đối cho Người tiêu dùng.

TỔ CHỨC CHUỖI 30 HỘI THẢO VỚI HƠN 1.000 NGƯỜI NÔNG DÂN THAM GIA ĐỒNG HÀNH



Hội thảo hướng dẫn Nông dân tại Tây Ninh

Tháng 6/2020, chiến dịch "Đồng hành cùng TTC Sugar Nâng tầm mía Việt" đã được phát động và triển khai với rất nhiều hoạt động đa dạng, diễn ra liên tục tại 4 vùng trồng mía lớn: Tây Ninh, Gia Lai, Ninh Hòa và Phan Rang.

Chiến dịch đã thu hút hơn 1.000 người nông dân tham gia 30 hội thảo như: Hội thảo cày ngầm bón phân và tưới nhỏ giọt; Các mô hình khuyến nông trên đồng ruộng; Hội thảo hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật trồng - ươm mía một mắt mầm và ứng dụng gel giữ ẩm trong trồng, chăm sóc mía gốc; Hội thảo hướng dẫn quy trình trồng mía hố,…

Với những thành quả bước đầu mang lại, chiến dịch được tiếp tục triển khai đến hết tháng 9/2020.

CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÂY MÍA

Ngành Mía Đường Việt Nam những năm gần đây trải qua nhiều giai đoạn khó khăn do chu kỳ ngành, có những lúc giá mía, giá Đường giảm mạnh làm người nông dân có khuynh hướng chuyển đổi sang cây trồng khác. Sớm nhận thấy cách chế biến Mía Đường truyền thống như trước đây không còn hiệu quả cao trong khi ngành Đường Việt Nam đứng trước áp lực hội nhập Atiga và cạnh tranh trực tiếp với các nước trong khu vực và quốc tế, từ nhiều năm nay TTC Biên Hòa đã liên tục đổi mới sản phẩm, tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong việc tinh chế mía, tối đa hóa chuỗi giá trị cây mía để tạo ra sản phẩm chất lượng cao với chi phí thấp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, cũng như hỗ trợ nông dân có thu nhập ổn định và tiếp tục đồng hành cùng Công ty.

Mía là cây đa dụng, ngoài sản phẩm chính là Đường, cây mía còn là nguyên liệu trực tiếp hoặc gián tiếp của nhiều ngành công nghiệp như rượu, giấy, ván ép, dược phẩm, điện từ bã mía; thức ăn chăn nuôi, phân bón từ lá, ngọn mía, bùn lọc và tro lò; mật rỉ được dùng làm nguyên liệu trong công nghiệp để sản xuất nhiên liệu sinh học, rượu, dung môi acetone, nấm men, axit citric, lactic và glycerin, … Các sản phẩm phụ của Mía Đường nếu được khai thác triệt để thì giá trị thu được có thể gấp 3-4 lần so với chính phẩm là Đường. Là doanh nghiệp Mía Đường đầu ngành Việt Nam cả về thị phần và danh mục sản phẩm, TTC Biên Hòa đã tiến hành đầu tư nhiều dự án quan trọng để gia tăng tỷ trọng các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, đa dạng hóa Chuỗi giá trị sản phẩm từ cây mía để tối đa hóa lợi nhuận đem lại cũng như nâng cao biên lợi nhuận cho Công ty.

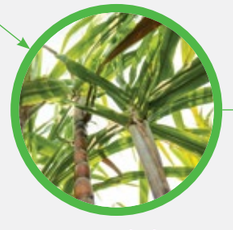
Chuỗi giá trị cây mía



- *Chuỗi giá trị hiện tại*
- *Chuỗi giá trị đang phát triển*
- *Chuỗi giá trị của tương lai*

THÂN MÍA


SÁP MÍA


NGỌN, LÁ MÍA


TTC SUGAR

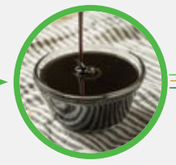

NƯỚC MÍA

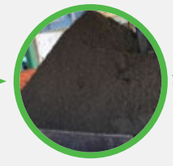

SÁP MÍA


ĐƯỜNG LỎNG


ĐƯỜNG


NƯỚC HƯƠNG MÍA


MẬT RỈ


BÃ BÙN, TRO


BÃ MÍA


ĐIỆN SINH KHỐI


NƯỚC MÀU


BIOGAS


CÁC SẢN PHẨM LÊN MEN


PHÂN HỮU CƠ VI SINH


SÁP

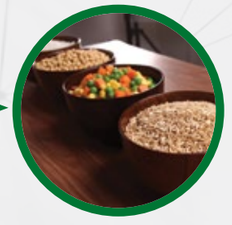

NẤM ĂN


THỨC ĂN GIA SÚC


BỘT NGỌT


MEN TORULA


CỒN, NHIÊN LIỆU SINH HỌC


THỨC ĂN DINH DƯỠNG


GIẤY - VÁN ÉP

Nhấp chuột để xem chi tiết

Nhấp chuột để xem chi tiết

CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÂY MÍA (tiếp theo)

CÁC SẢN PHẨM ĐANG ĐƯỢC TTC BIÊN HÒA NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY MÍA





1 ĐƯỜNG LỎNG NỘI ĐỊA



Thông tin: Phát triển các dòng sản phẩm Đường lỏng nội địa bên cạnh dòng xuất khẩu với nhiều chủng loại.

Tình hình thực hiện: Dự án đã được sản xuất và phân phối tới Khách hàng.

2 ĐƯỜNG BỘT



Thông tin: Dòng sản phẩm xay nhuyễn từ Đường hạt, đem lại sự tiện lợi cho Khách hàng khi giảm bớt các công đoạn sơ chế trung gian.

Tình hình thực hiện: Dự án đang được triển khai sản xuất và chào hàng đến Khách hàng.

3 NƯỚC MÍA ĐÓNG HỘP



Thông tin: Đa dạng hóa sản phẩm từ cây mía, bổ sung dòng sản phẩm nước giải khát thiên nhiên.

Tình hình thực hiện: Dự án đang được triển khai, dự kiến sản xuất tháng 3/2021.

4 POLICOSANOL



Thông tin: Chiết suất policosanol từ sáp cây mía với giá trị dược phẩm cao, có tác dụng làm giảm nồng độ cholesterol LDL, đồng thời làm tăng cholesterol HDL, ngăn ngừa xơ vữa động mạch.

Tình hình thực hiện: Dự án đang được triển khai, phối hợp với đối tác nước ngoài và các viện khoa học ở Việt Nam để tiến hành tinh chế sản phẩm đạt yêu cầu của ngành dược phẩm.

5 ĐƯỜNG LỎNG HƯƠNG



Thông tin: Phát triển các dòng Đường lỏng hương phục vụ kênh tiêu dùng truyền thống và Horeca.

Tình hình thực hiện: Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

6 PHÂN VI SINH



Thông tin: Phát triển các dòng phân vi sinh chất lượng cao và phân vi sinh Organic.

Tình hình thực hiện: Dự án đang trong giai đoạn phối hợp nghiên cứu với các đối tác.

7 CÁC DÒNG ĐƯỜNG ĂN KIÊNG, ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG THẤP



Thông tin: Phát triển các dòng Đường ăn kiêng, Đường năng lượng thấp, tăng cường sự đa dạng hóa sản phẩm của TTC Biên Hòa.

Tình hình thực hiện: Dự án đang trong giai đoạn phối hợp nghiên cứu với các đối tác.

CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA CÂY MÍA (tiếp theo)

MỘT SỐ CẢI TIẾN VỀ SẢN PHẨM NHẰM ĐÁP ỨNG NHU CẦU CHUYÊN BIỆT CỦA KHÁCH HÀNG TRONG NĐ 2019-2020

Với mục tiêu từng bước chuyển đổi các kênh bán hàng từ hướng truyền thống sang hướng dịch vụ, sẵn sàng cung cấp các giải pháp và đồng hành cùng với Khách hàng. Trong NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa đã đẩy mạnh mảng R&D, tiếp tục nghiên cứu sản xuất ra nhiều dòng sản phẩm mới, các sản phẩm Đường công nghệ cao cũng như các quy cách đóng gói bao bì mới tiện lợi hơn nhằm đáp ứng chính xác nhu cầu chuyên biệt của Khách hàng. Việc cung cấp các dòng sản phẩm này đã phần nào hỗ trợ Khách hàng đơn giản hóa nhiều công đoạn sơ chế trung gian, tiết giảm các chi phí nhân công, lưu kho, chi phí sản xuất,…





ĐƯỜNG LỎNG

Đường lỏng tiêu dùng chai 5 lít

Thêm quy cách bao bì đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng.



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN

Đường trắng Kim cương đỏ bao 50kg và 12kg

Dòng sản phẩm với kích cỡ hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng.



ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP

Đường sạch Cô Ba bao 1kg

Dòng sản phẩm chất lượng với giá bình dân thay thế cho các loại Đường lậu, Đường không nhãn mác.



ĐƯỜNG THÔ NGUYÊN LIỆU

Đường nâu vàng bao 50kg

Dòng sản phẩm Đường thô phù hợp cho các doanh nghiệp nuôi ong, chế biến.



ĐƯỜNG ORGANIC

Bao bì giấy Organic 400g

Dòng sản phẩm túi giấy cao cấp, hương vị tự nhiên, thân thiện môi trường.



SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG

Nước màu Bếp Xưa

Dòng sản phẩm từ mật mía tự nhiên, phù hợp trong chế biến món ăn.



ĐƯỜNG LỎNG XUẤT KHẨU

Đường lỏng xuất khẩu 24 tấn

Dòng sản phẩm với quy cách đóng gói tiết giảm chi phí sản xuất; Tiện lợi khi sử dụng; Giảm phát thải bao bì nhựa.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA



63 DÒNG SẢN PHẨM ĐƯỜNG

- **6** Dòng Đường Organic
- **6** Dòng Đường Phèn
- **8** Dòng Đường Vàng
- **4** Dòng Thực phẩm chức năng
- **3** Dòng Đường Lỏng
- **19** Dòng Đường RE
- **17** Dòng Đường RS

9 DÒNG SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG - SAU ĐƯỜNG

2 DÒNG SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG

- Nước uống Miaqua
- Bã Mía

7 DÒNG SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG

- Điện thương phẩm
- Mật rỉ
- Nước màu
- 4 dòng Phân bón vi sinh

Nhấp chuột để xem chi tiết

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG ORGANIC TTC ATTAPEU/TTC BIÊN HÒA/TSU



Quy cách đóng gói:
- Bao 1 tấn
- Bao 25kg
- Túi nhỏ 500g
- Túi giấy 400g

Dạng sản phẩm:
- Đường vàng
- Đường nâu

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm Đường hữu cơ đáp ứng tiêu chuẩn USDA và Châu Âu;
- Dòng sản phẩm sạch, quy trình sản xuất từ trồng mía đến sản xuất và kinh doanh đáp ứng theo quy trình hữu cơ nghiêm ngặt của quốc tế.

ĐƯỜNG PHÈN

ĐƯỜNG PHÈN NGUYÊN CHẤT BIÊN HÒA PRO/TSU DIAMOND



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 12kg
- Túi nhỏ 500g, Hũ 400g

Dạng sản phẩm:
- Đường trắng
- Đường vàng

Ưu điểm sản phẩm:
- Đường kích cỡ hạt to theo thị hiếu người tiêu dùng;
- Vị ngọt thanh mát, sử dụng chế biến các sản phẩm: Nước yến, Nước thanh nhiệt, Hầm thuốc bắc, Nấu chè,...

ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN BIÊN HÒA PRO



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 500g

Dạng sản phẩm:
- Đường trắng
- Đường vàng

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm thủ công, Đường kích cỡ hạt to theo thị hiếu người tiêu dùng;
- Vị ngọt thanh mát, sử dụng chế biến các sản phẩm: Nước yến, Nước thanh nhiệt, Hầm thuốc bắc, Nấu chè,...

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG VÀNG

ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN BIÊN HÒA GOLD/MIMOSA/TTC SUGAR/CÔ BA



Quy cách đóng gói:
- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao giấy 25kg
- Túi nhỏ 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Dòng sản phẩm truyền thống, giữ hương vị tự nhiên của mía;
- Sản phẩm chất lượng cao, quá trình kiểm soát sản xuất nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn FFSC 22000.

ĐƯỜNG ĐEN NỮ HOÀNG



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Không sử dụng hương liệu, màu sắc đẹp;
- Giữ trọn vẹn hương vị và dinh dưỡng của Mật mía.

ĐƯỜNG NÂU NGUYÊN LIỆU



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:
- Dòng sản phẩm Đường thô phù hợp cho các doanh nghiệp nuôi ong, chế biến.

THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

ĐƯỜNG LÀM BÁNH BIÊN HÒA PRO



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Cỡ hạt mịn, không vón cục;
- Phù hợp làm bánh, kem.

ĐƯỜNG TINH LUYỆN VITAMIN A BIÊN HÒA VALUE



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Thực phẩm chức năng bổ sung vitamin A.

ĐƯỜNG VÀNG KHOÁNG CHẤT BIÊN HÒA PURE



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 1kg (Bao 20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Thực phẩm bổ sung các nguyên tố vi lượng: Kali, Canxi, Magie, Sắt;
- Bổ sung các nguyên tố vi lượng cho khẩu phần ăn hàng ngày.

ĐƯỜNG ĂN KIÊNG BIÊN HÒA LIGHT



Quy cách đóng gói:
- Túi nhỏ 5g (hộp 250g)

Ưu điểm sản phẩm:
- Chất tạo ngọt dành cho người ăn kiêng;
- Thành phần tốt cho sức khỏe, hạn chế tăng đường huyết.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG LỎNG

ĐƯỜNG LỎNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA SYRUP



Quy cách đóng gói:
- Chai 250ml
- Chai 500ml
- Chai 5 lít

Ưu điểm sản phẩm:
- Dòng sản phẩm tiện lợi cho người tiêu dùng trong nấu nướng, chế biến đồ uống;
- Vị ngọt tự nhiên.

ĐƯỜNG LỎNG XUẤT KHẨU



Quy cách đóng gói:
- Flexibag 18m^3 ~ 24 tấn

Ưu điểm sản phẩm:
- Hàm lượng Đường ổn định, dễ pha chế và sử dụng;
- Tiện lợi và tiết giảm các chi phí nhân công, lưu kho, chi phí sản xuất, ... cho Khách hàng doanh nghiệp;
- Đáp ứng các yêu cầu tiên tiến của sản xuất xanh và tự động hóa.

ĐƯỜNG LỎNG NỘI ĐỊA MIMOSA



Quy cách đóng gói:
- Flexibag 18m^3 ~ 24 tấn
- Flexibag 24m^3 ~ 32 tấn
- IBC tank 1m^3 ~ 1.3 tấn

Ưu điểm sản phẩm:
- Hàm lượng Đường ổn định, dễ pha chế và sử dụng;
- Nhiều độ màu: 100 IU, 70 IU, 45 IU và quy cách đóng gói, đáp ứng đa dạng hóa nhu cầu của Khách hàng;
- Tiện lợi và tiết giảm các chi phí nhân công, lưu kho, chi phí sản xuất, . . . cho Khách hàng doanh nghiệp;
- Đáp ứng các yêu cầu tiên tiến của sản xuất xanh và tự động hóa;
- Có các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn sử dụng từ TTC Biên Hòa.

ĐƯỜNG RE

ĐƯỜNG TINH LUYỆN THƯỢNG HẠNG BIÊN HÒA PURE/MIMOSA/ TTC SUGAR



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Dòng sản phẩm cao cấp nhất của Đường tinh luyện, độ màu thấp, chất lượng cao;
- Đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt của Dược phẩm, Nước giải khát theo tiêu chuẩn quốc tế.

ĐƯỜNG TINH LUYỆN ĐẶC BIỆT BIÊN HÒA PURE/MIMOSA/STICKSU/BIÊN HÒA JOY



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Que 6g/8g (Túi 50que)

Ưu điểm sản phẩm:
- Dòng sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt về nguyên liệu Đường của các doanh nghiệp nước giải khát quốc tế;
- Sản phẩm tiện lợi theo nhu cầu sử dụng của Khách hàng.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG RE

ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP BIÊN HÒA PURE/MIMOSA



Quy cách đóng gói:
- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Bao 12kg
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)
- Hũ 800g

Ưu điểm sản phẩm:
- Chất lượng RE cao cấp, phù hợp các nhóm Khách hàng yêu cầu cao về chất lượng, độ màu ở mức trung bình;
- Đa dạng quy cách đóng gói.

ĐƯỜNG TINH LUYỆN XUẤT KHẨU BIÊN HÒA PURE



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:
- Tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu quốc tế;
- Phù hợp nhiều lĩnh vực sản xuất.

ĐƯỜNG TINH LUYỆN TIÊU CHUẨN BIÊN HÒA PURE/MIMOSA



Quy cách đóng gói:
- Bao 1 tấn
- Bao 50kg
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Chất lượng Đường tinh luyện RE tiêu chuẩn;
- Giá thành cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của các Khách hàng cần tiêu chuẩn kiểm soát cao, không yêu cầu về độ màu.

ĐƯỜNG TINH LUYỆN HẠT NHUYỄN BIÊN HÒA PURE/MIMOSA



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg

Ưu điểm sản phẩm:
- Chất lượng Đường tinh luyện RE tiêu chuẩn;
- Giá thành cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng cần tiêu chuẩn kiểm soát cao, không yêu cầu về độ màu.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG RS

ĐƯỜNG TRẮNG THƯỢNG HẠNG BIÊN HÒA DAILY/MIMOSA



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:
- Đáp ứng nhu cầu Khách hàng về chất lượng (gần tương đương RE) và độ màu phù hợp;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN
TTC NINH HÒA/TTC PHAN RANG/TTC GIA LAI/SEC/ BIÊN HÒA SAVING/BIÊN HÒA SUGAR



ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP BIÊN HÒA DAILY/MIMOSA/TSU



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 25kg
- Bao 12kg
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 12kg
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Có nhiều kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

A. SẢN PHẨM ĐƯỜNG

ĐƯỜNG RS

ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG TTC PHAN RANG/TTC GIA LAI/BIÊN HÒA SAVING



Quy cách đóng gói:
- Bao 50kg
- Bao 12kg

Ưu điểm sản phẩm:
- Sản phẩm RS với yêu cầu chất lượng cao;
- Kích cỡ hạt thường và hạt to đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng;
- Giá bán cạnh tranh, thương hiệu uy tín lâu năm.

ĐƯỜNG TRẮNG XUẤT KHẨU BIÊN HÒA DOMIN



Quy cách đóng gói:
- Túi 0.5kg/1kg (Bao 40 túi/20 túi)

Ưu điểm sản phẩm:
- Tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu quốc tế;
- Phù hợp Khách hàng quan tâm yêu cầu xuất xứ, thương hiệu uy tín.

B. SẢN PHẨM CẠNH ĐƯỜNG

NƯỚC UỐNG HƯƠNG MÍA MIAQUA



Quy cách đóng gói:
- Chai 500ml (24 chai/thùng)
- Chai 350ml (24 chai/thùng)

Ưu điểm sản phẩm:
- Quy trình sản xuất hiện đại, khép kín;
- Không chất bảo quản, hoàn toàn tự nhiên, tinh khiết;
- Giữ được mùi hương của cây mía, được trích xuất hoàn toàn tự nhiên không thêm bất kỳ loại phụ gia nào.

BÃ MÍA



Thông tin sản phẩm:
- Nguồn phụ phẩm thu được sau khi ép lấy nước mía;
- Là nguồn chất đốt cung cấp nhiệt cho các lò hơi nhà máy sản xuất mía Đường;
- Nguồn nguyên liệu sản xuất nấm, bột giấy, ván ép, thức ăn gia súc,...;
- Nguồn nguyên liệu để sản xuất các chế phẩm than hoạt tính, phân vi sinh,...

Mục đích sử dụng:
- Nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm Cạnh Đường và Sau Đường của Công ty.

DANH MỤC ĐA DẠNG SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

C. SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG

ĐIỆN THƯƠNG PHẨM



Thông tin sản phẩm:

- Nguồn điện được phát ra từ turbin lò hơi sau quá trình đốt bã mía;
- Nguồn điện tạo ra một phần được sử dụng cho sản xuất và các hoạt động của công ty, phần còn lại được hòa vào lưới điện quốc gia;
- Là nguồn năng lượng tái tạo từ nhiên liệu sinh khối, góp phần hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch và bảo vệ môi trường;
- Góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện vào mùa khô của Việt Nam khi nguồn năng lượng thủy điện bị thiếu hụt.

Mục đích sử dụng:

- Tiêu thụ nội bộ;
- Bán lên lưới điện quốc gia.

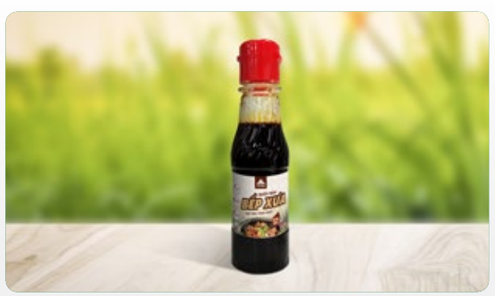
MẬT RỈ



Thông tin sản phẩm:

- Nguồn phụ phẩm thu được của quá trình sản xuất Đường;
- Thành phần chính là Đường sacharose, gluco, fructose, và các protein, khoáng chất;
- Là nguồn dinh dưỡng để thực hiện các quá trình lên men trong sản xuất cồn, bột ngọt, thức ăn gia súc, nấm men dinh dưỡng,...;
- TTC Biên Hòa đã nghiên cứu và triển khai nhiều dự án để nâng cao giá trị của mật rỉ như sử dụng cho công nghiệp chế biến, làm bánh, nấu ăn,...

NƯỚC MÀU BẾP XƯA



Quy cách đóng gói:

- Chai 210g (48 chai/thùng)

Ưu điểm sản phẩm:

- Mật mía tự nhiên được sản xuất chế biến đảm bảo yêu cầu vệ sinh ATTP;
- Hương vị đặc trưng của mật mía tự nhiên, hoàn toàn không bổ sung các thành phần tạo màu độc hại;
- Sử dụng để tẩm ướp thực phẩm tạo màu sắc đậm đà cho các món ăn.

C. SẢN PHẨM SAU ĐƯỜNG

PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH

Với tiêu chí "Vì cộng đồng phát triển địa phương" TTC Biên Hòa đã xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh với công suất 34.000 tấn vào năm 2018 và dự kiến mở rộng công suất lên 70.000 tấn trong 3 năm tới để đáp ứng nhu cầu phân bón sạch cho người nông dân. Điều này giúp thay đổi dần thói quen canh tác của nông dân Việt Nam, góp phần giảm thiểu tác hại của phân hóa học và thuốc trừ sâu lên chính người sản xuất và người tiêu dùng, tăng năng suất và chất lượng cho nông sản Việt nhờ đó giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho bà con nông dân.

Phân hữu cơ vi sinh của TTC Biên Hòa được sản xuất từ chế phẩm trong quá trình sản xuất Đường như tro lò, bã bùn luyện, bã bùn thô. Phù hợp các loại cây:

- Cây công nghiệp: Mía, cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, lạc, đậu tương,...
- Cây lương thực: Lúa, bắp, mì,...
- Cây rau màu: Rau ăn lá, cà chua, bắp cải, su hào,...
- Các loại cây ăn trái.

PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH MIXA



Ưu điểm sản phẩm:

- Tăng cường chất hữu cơ, cải tạo đất, tăng độ phì nhiêu cho đất;
- Tăng năng suất và chất lượng cây trồng, đặc biệt giúp tăng chữ đường cho cây mía, tăng hàm lượng bột cho cây mì,...;
- Giúp cây trồng hấp thu chất dinh dưỡng và phát triển tốt hơn, tăng khả năng kháng bệnh.

PHÂN BÓN HỮU CƠ BELA



Ưu điểm sản phẩm:

- Tăng cường chất hữu cơ, cải tạo đất, tăng độ phì nhiêu cho đất;
- Bổ sung hệ vi sinh vật hữu ích, giúp cây trồng phát triển tốt, tăng khả năng kháng bệnh, cho năng suất cao, ổn định.

PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH FITOHOOCMON 30



Ưu điểm sản phẩm:

- Tăng cường chất hữu cơ, cải tạo đất, tăng độ phì nhiêu cho đất;
- Bổ sung hệ vi sinh vật hữu ích, giúp cây trồng phát triển tốt, tăng khả năng kháng các loại bệnh cho cây như đạo ôn, khô vằn,...;
- Ổn định và gia tăng năng suất cây trồng;
- Tạo kháng sinh và các chất sinh trưởng cho cây.

PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH FITOHOOCMON 42



Ưu điểm sản phẩm:

- Tăng cường chất hữu cơ, cải tạo đất, tăng độ phì nhiêu cho đất;
- Bổ sung hệ vi sinh vật hữu ích, giúp cây trồng phát triển tốt, tăng khả năng kháng bệnh, cho năng suất cao, ổn định;
- Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho quá trình sinh trưởng và phát triển của cây, giúp tăng khả năng phát triển chồi cành lá, tăng tỉ lệ đậu trái, chắc hạt;
- Tăng khả năng chống sâu bệnh hạn hán trong điều kiện thời tiết bất lợi.

KÊNH PHÂN PHỐI CHÍNH

DOANH NGHIỆP B2B

821+

KHÁCH HÀNG
Tăng **13%** so với cùng kỳ

MNC - CÔNG NGHIỆP LỚN

60% THỊ PHẦN
21 KHÁCH HÀNG

SME - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

20% THỊ PHẦN
800+ KHÁCH HÀNG

Nước giải khát:

Thực phẩm:

Bánh kẹo:

Sữa kem:

Dược phẩm:

THƯƠNG MẠI

195

KHÁCH HÀNG
Tăng hơn **170%** so với cùng kỳ

4 ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CẤP 1

CTCP Thương Mại Thành Thành Công;

Công ty TNHH MTV Thương mại XNK Đức Thuận;

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ An Xuân Phát;

Đại lý Phan Đăng Khoa.

GẦN 191 ĐẠI LÝ CẤP 2,3,4 TRÊN TOÀN QUỐC



TIÊU DÙNG B2C

190

ĐỐI TÁC (~ **79.000** ĐIỂM BÁN)
Tăng gần **18%** so với cùng kỳ

KÊNH TRUYỀN THỐNG

10% THỊ PHẦN
125 Đối tác (Nhà phân phối và Đại lý)
& **70.300 Điểm bán** (Cửa hàng bán lẻ).

KÊNH HIỆN ĐẠI

70% THỊ PHẦN
61 Đối tác & 5.200 Điểm bán
(Siêu thị và Cửa hàng tiện lợi).

KA - KHÁCH HÀNG TRỌNG YẾU

4% THỊ PHẦN
3.500 Điểm bán.

KÊNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

4 Đối tác
(Khai trương 4 gian hàng
trên sàn TMĐT Sendo, Tiki, Lazada và VNPay).



XUẤT KHẨU

24

QUỐC GIA
Tăng hơn **14%** so với cùng kỳ

1 QUỐC GIA

BẮC MỸ

Mỹ.

12 QUỐC GIA

CHÂU ÂU

Bỉ, Bulgaria, Cộng hòa Czech, Malta, Pháp, Ý, Hà Lan, Đức, Ireland, Romania, Croatia, Tây Ban Nha.

6 QUỐC GIA

CHÂU Á

Campuchia, Hàn Quốc, Indonesia, Philippines, Singapore, Trung Quốc.

5 QUỐC GIA

CÁC HÒN ĐẢO THÁI BÌNH DƯƠNG

Nauru, Papua New Guinea, Samoa, Solomon, Tahiti.



HỒ SƠ DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**
Tên tiếng Anh	: **THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt	: **TTC-BH**
Giấy CNĐKDN	: Số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và được sửa đổi lần thứ 9 ngày 28/10/2019
Người đại diện theo pháp luật	: Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chức danh: Chủ tịch HĐQT
Mã số thuế	: 3900244389
Địa chỉ	: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Điện thoại	: (0276) 3753 250
Website	: http://www.ttcsugar.com.vn



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ



MÃ CHỨNG KHOÁN

SBT

SÀN NIÊM YẾT

HSX

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

586.740.552 CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH

608.351.885 CỔ PHIẾU

VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)

6.083.518.850.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU (ĐỒNG)

7.642.301.360.410

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

Xem thêm

1. Mã Ngành theo VSIC 1072 (chính)
   Sản xuất Đường
   Chi tiết: Sản xuất Đường
2. Mã Ngành theo VSIC 0114
   Trồng cây mía
3. Mã Ngành theo VSIC 1079
   Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
   Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có sử dụng Đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất Đường
4. Mã Ngành theo VSIC 3511
   Sản xuất điện
5. Mã Ngành theo VSIC 1104
   Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
6. Mã Ngành theo VSIC 4653
   Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
7. Mã Ngành theo VSIC 0121
   Trồng cây ăn quả
8. Mã Ngành theo VSIC 7490
   Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
   Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía Đường

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TTC BIÊN HÒA

CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
tiền thân là Công ty Liên doanh giữa Tập đoàn Group Bourbon,
Liên hiệp Mía Đường II và Liên hiệp Mía Đường Tây Ninh.









1995
- Thành lập: 15/7/1995
- Vốn đầu tư: 95 triệu USD
- Vốn pháp định: 28,5 triệu USD
- Nhà máy sản xuất Đường có dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiến tiến nhất: Sản phẩm chính là Đường tinh luyện RE theo tiêu chuẩn Châu Âu
- Công suất ép mía: 8.000 tấn mía/ngày

1998
- Vốn đầu tư: 111 triệu USD
- Vốn pháp định: 39,5 triệu USD

1999
- Liên hiệp Mía Đường II chuyển nhượng toàn bộ phần góp Vốn pháp định cho Group Bourbon

2000
- Liên hiệp Mía Đường Tây Ninh chuyển nhượng phần vốn góp cho Group Bourbon.
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

2007
- Chuyển đổi thành CTCP
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2008
- Niêm yết 44.824.172 cổ phiếu SBT trên HOSE
- Chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2009
- Động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa - Khu Công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2010
- Group Bourbon thoái vốn, chuyển nhượng cho đối tác Việt Nam
- CTCP Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn: 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành.
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2012
- Nâng công suất ép mía: 9.800 tấn mía/ngày.
- Hoàn thành Dự án Affinage - Xưởng hòa tan Đường thô
- VĐL: 1.419 tỷ đồng

2013
- Phát hành 6.574.200 cổ phiếu ESOP- Đổi tên thành CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
- VĐL: 1.485 tỷ đồng

2015
- Sáp nhập CTCP Nhiệt điện Gia Lai
- Doanh nghiệp Mía Đường lớn nhất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
- VĐL: 1.856 tỷ đồng

2016
- Lần đầu góp mặt trong Rổ Chỉ số VN30
- Gói Trái phiếu 1.000 tỷ đồng: Ổn định dòng tiền, tái cấu trúc hệ thống tài chính, tăng hiệu quả sử dụng vốn
- Phát hành hơn 9,1 triệu cổ phiếu ESOP
- VĐL: 1.947 tỷ đồng

2017
- Góp vốn vào Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu
- Hoàn tất thương vụ sáp nhập CTCP Đường Biên Hòa
- Đổi tên thành CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Hoàn thiện mô hình Tổng Công ty, quản lý tập trung tất cả các Đơn vị kinh doanh ngành Đường TTC
- VĐL: 2.532 tỷ đồng

2018
- Cải tiến QTCT: Theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường
- Doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên xuất Đường đi Mỹ: Ngoài Trung Quốc, Sri Lanka, Myanmar, Singapore, Kenya
- Hoàn tất mua: 61.600.900 cổ phiếu quỹ
- Nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 100%
- HOSE: Top 20 Chỉ số Phát triển bền vững - VN Sustainability Index (VNSI)
- VĐL: 5.570 tỷ đồng

2019
- Hợp tác với Công ty ED&F Man: Xuất khẩu Đường sang Châu Âu
- Hợp tác chiến lược với DEG: NĐT chiến lược đến từ Châu Âu
- Ký hợp đồng với BIDV: Phát triển VNL tại Campuchia
- Hợp tác chiến lược với OCB: Hỗ trợ nông dân vay vốn
- VĐL: 5.867 tỷ đồng

2020

VÙNG NGUYÊN LIỆU (3 NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG)
~64.000 HA

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU **24** QUỐC GIA

72+ DÒNG SẢN PHẨM ĐÃ ĐƯỢC TUNG RA THỊ TRƯỜNG

VN30 TIẾP TỤC LÀ DOANH NGHIỆP MÍA ĐƯỜNG DUY NHẤT

9 QUỸ ETFS VÀ CÁC RỔ CHỈ SỐ
17.900.000 CỔ PHIẾU

PHÁT HÀNH **21.611.333**
CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI CỔ TỨC CÓ QUYỀN CHUYỂN ĐỔI CHO DEG - QUỸ ĐẦU TƯ CỦA CHÍNH PHỦ ĐỨC

HOÀN TẤT BÁN
61.600.900 CỔ PHIẾU QUỸ

PHÁT HÀNH
172 TRÁI PHIẾU
CHUYỂN ĐỔI TÍN CHẤP TƯƠNG ĐƯƠNG **172** TỶ ĐỒNG
CHO CORETREND - NĐT CHIẾN LƯỢC HÀN QUỐC

VỐN ĐIỀU LỆ: **6.084** TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN: **17.956** TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN: **12.889** TỶ ĐỒNG

HỆ THỐNG VÀ MẠNG LƯỚI CỦA TTC BIÊN HÒA



TỔNG DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU TẠI 3 QUỐC GIA

63.827 HA

Rê chuột để xem chi tiết



HỆ THỐNG VÙNG NGUYÊN LIỆU XUYÊN BIÊN GIỚI

TỚI NGÀY 30/6/2020

STT	Quốc gia	Khu vực Nhà máy	Tỉnh thành	VNL Đầu tư (Ha)	VNL Nông trường (Ha)	Tổng cộng (Ha)
1	Việt Nam	TTCS	Tây Ninh	8.500	6.500	15.000
2		TTCS Gia Lai	Gia Lai	9.000	350	9.350
3		Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	9.485	515	10.000
4		Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	1.800	-	1.800
5	Lào	TTC - Attapeu	Attapeu	1.150	10.527	11.677
6	Campuchia*	-	-	-	16.000	16.000
	Tổng cộng		**6 địa điểm**	**29.935**	**33.892**	**63.827**

** VNL mà TTC Biên Hòa có quyền quản lý và khai thác*

MẠNG LƯỚI NHÀ MÁY

STT	Nhà máy	Vị trí	Khả năng luyện	Công suất sản xuất (Tấn Đường/ngày)	Sản phẩm chính	Thời gian luyện	Cạnh Đường - Sau Đường
1	TTCS	Tây Ninh	Đường thô và mía	1.000	Đường Tinh luyện	Thời vụ	Đồng phát điện, Mật rỉ, Bã bùn, Bã mía
2	Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa		600	Đường Tinh luyện, Đường Lỏng	300 ngày	
3	Biên Hòa - Trị An	Đồng Nai		250	Đường Tinh luyện	Thời vụ	Mật rỉ, Bã bùn
4	Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	Đường thô	400	Đường Tinh luyện	Quanh năm	Mật rỉ, Bã bùn
5	TTC - Attapeu	Lào	Mía	750	Đường Organic, Đường Vàng	Theo vụ	Đồng phát điện, Mật rỉ, Bã bùn
6	TTCS Gia Lai	Gia Lai	-	600	Đường Trắng, Đường Thô		Đồng phát điện, Mật rỉ, Bã bùn
7	Biên Hòa - Tây Ninh	Tây Ninh	Mía	400	Đường Thô		Mật rỉ, Bã bùn
8	Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	Mía	150	Đường Trắng, Đường Vàng, Đường Thô		Mật rỉ, Bã bùn, Bã mía
9	Nước Trong - Tây Ninh	Tây Ninh	Mía	100	Đường Trắng		Mật rỉ, Bã bùn



9

NHÀ MÁY

Rê chuột để xem chi tiết



TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT

4.250

TẤN ĐƯỜNG/NGÀY



TỔNG CÔNG SUẤT ÉP

37.500

TẤN MÍA/NGÀY



HỆ THỐNG VÀ MẠNG LƯỚI CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)

KHO THÀNH PHẨM

43 KHO, VỚI SỨC CHỨA:

281.705 TẤN

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

4 KHO, VỚI SỨC CHỨA:

64.500 TẤN

Rê chuột để xem chi tiết



KHO THÀNH PHẨM

11 địa điểm **Số lượng: 43 kho** **Diện tích: 121.425 m²** **Sức chứa: 281.705 tấn**	**Đồng Nai** Số lượng kho: 16 Diện tích: 44.598 m² Sức chứa: 77.580 tấn	**Tây Ninh** Số lượng kho: 10 Diện tích: 32.286 m² Sức chứa: 95.800 tấn	**Gia Lai** Số lượng kho: 3 Diện tích: 12.380 m² Sức chứa: 38.000 tấn
Ninh Hòa Số lượng kho: 3 Diện tích: 12.300 m² Sức chứa: 23.000 tấn	**Lào** Số lượng kho: 3 Diện tích: 8.460 m² Sức chứa: 19.000 tấn	**Bình Dương** Số lượng kho: 1 Diện tích: 6.731 m² Sức chứa: 19.000 tấn	**Thành phố Hồ Chí Minh** Số lượng kho: 2 Diện tích: 370 m² Sức chứa: 225 tấn
Phan Rang Số lượng kho: 1 Diện tích: 1.600 m² Sức chứa: 4.000 tấn	**Hà Nội** Số lượng kho: 1 Diện tích: 100 m² Sức chứa: 50 tấn	**Cần Thơ** Số lượng kho: 2 Diện tích: 2.500 m² Sức chứa: 5.000 tấn	**Đà Nẵng** Số lượng kho: 1 Diện tích: 100 m² Sức chứa: 50 tấn

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

3 địa điểm **Số lượng: 4 kho** **Diện tích: 10.910 m²** **Sức chứa: 64.500 tấn**	**Tây Ninh** Số lượng kho: 2 Diện tích: 4.410 m² Sức chứa: 25.500 tấn	**Đồng Nai** Số lượng kho: 1 Diện tích: 4.500 m² Sức chứa: 27.000 tấn	**Ninh Hòa** Số lượng kho: 1 Diện tích: 2.000 m² Sức chứa: 12.000 tấn



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÍA ĐƯỜNG

Trụ sở chính
Số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
02763 712 975

Chi nhánh Ninh Hòa
Km 16, Thôn Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
0683 850 485

Chi nhánh Gia Lai
444 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai
0899 520 617

Chi nhánh Phan Rang
Quốc lộ 27A, Thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
0683 850 485

TRUNG TÂM 3S SALES - SERVICE - SPARE PART

(BÁN HÀNG - BẢO HÀNH, SỬA CHỮA - PHỤ TÙNG CHÍNH HIỆU)



Trung tâm 3S - Gia Lai
442A Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
0901 937 555

Trung tâm 3S - Ninh Hòa
Ấp Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
0866 194 198

Trung tâm 3S - Tây Ninh
561A Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, TP Tây Ninh
0866 194 198

Trung tâm 3S - An Giang
361/16 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
02966 263 232

Trung tâm 3S - Nghệ An
Số 312, Khối Tân Phú, P.Hòa Hiếu, TX Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An
0938 789 981

HỆ THỐNG VÀ MẠNG LƯỚI CỦA TTC BIÊN HÒA (tiếp theo)



ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM MÁY MÓC CƠ GIỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA THƯƠNG HIỆU JOHN DEERE

Đại lý Khu vực An Giang

Số 57 Quốc lộ 91, Thị Trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
0913 979 080

Đại lý Khu vực Sóc Trăng

Số 49 Đường Quốc Lộ 1, Khóm 2, Phường 7, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
02993 612 476

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM



Khu Du lịch Tà Cú

TP Phan Thiết 0947 311 123



Khu Du lịch Thung lũng Tình Yêu

TP Đà Lạt 0816 025 593

CHI NHÁNH

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - Chi nhánh Cần Thơ

177B Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 644 499

Chi nhánh Công tyCổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - Nhà máy TTCS

Tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
02763 753 250

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - Chi nhánh Đà Nẵng

169 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
02363 726 568

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - Chi nhánh Long An

Khu K3, Khu công nghiệp Tân Kim mở rộng, ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
02763 753 250



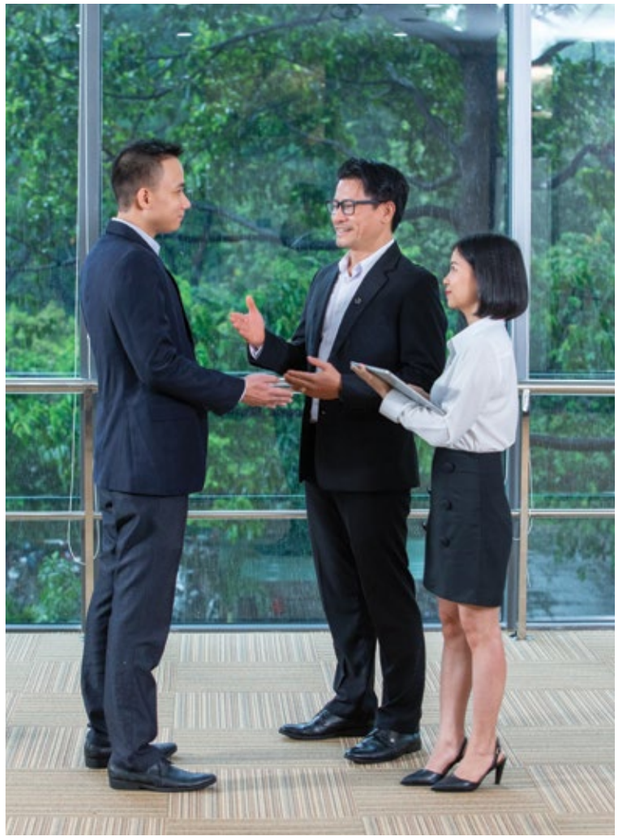
TỪ CHUẨN MỰC QUỐC GIA HƯỚNG ĐẾN THÔNG LỆ QUỐC TẾ

Rê chuột

QUẢN TRỊ CÔNG TY

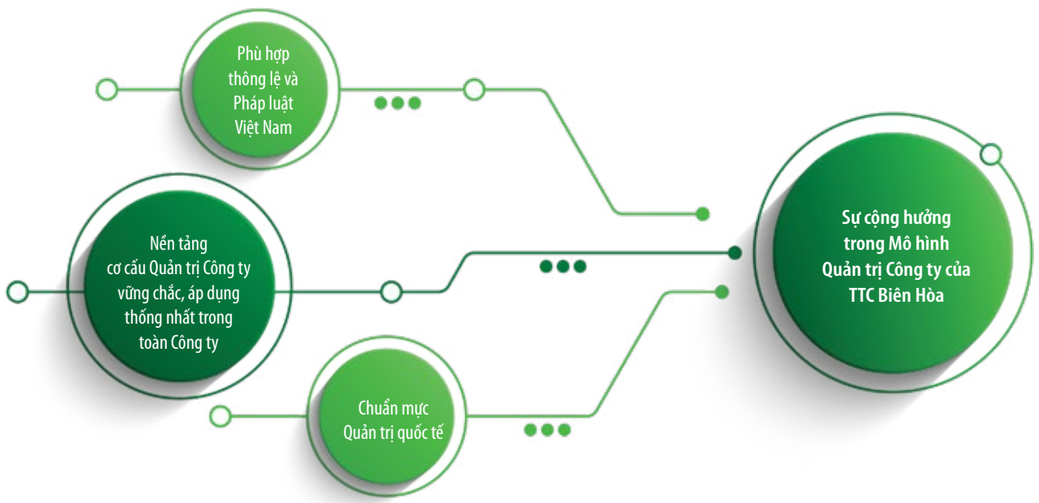
56 Quy chế Quản trị Công ty theo Thông lệ quốc tế
60 Bộ quy tắc ứng xử
62 Giới thiệu Hội đồng quản trị
64 Báo cáo của Hội đồng quản trị
72 Chiến lược phù hợp, động lực vươn tầm quốc tế
78 Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập
82 Báo cáo Tiểu ban Kiểm toán
90 Báo cáo các Tiểu ban khác trực thuộc HĐQT
94 Quản trị rủi ro
100 Tuân thủ pháp luật
106 Hoạt động thị trường vốn
112 Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
118 Tổng quan ngành Đường
124 Tình hình thực hiện Thẻ điểm Asean Scorecard và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ



Trên con đường bước vào sân chơi hội nhập quốc tế, bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, hoạt động Quản trị Công ty tại TTC Biên Hòa luôn được HĐQT không ngừng cải thiện thông qua việc tích hợp và áp dụng linh hoạt các chuẩn mực quốc tế, các thông lệ tốt nhất trên thị trường vào toàn hệ thống sao cho phù hợp với bối cảnh hoạt động tại Việt Nam cũng như lĩnh vực kinh doanh Mía Đường trong giai đoạn nhiều khó khăn vừa qua.

HĐQT quy định rõ việc phân chia trách nhiệm và quyền lợi đi kèm giữa các thành viên HĐQT cũng như với Ban TGĐ nhằm đảm bảo sự tham gia hiệu quả của HĐQT đối với việc định hướng chiến lược và giám sát công tác quản lý cũng như trách nhiệm giải trình của HĐQT đối với Công ty và Cổ đông. Mục tiêu cuối cùng là tạo ra những cơ hội để Công ty tiếp cận và tối ưu hóa được thị trường vốn đặc biệt là phát triển mạnh nguồn vốn quốc tế.



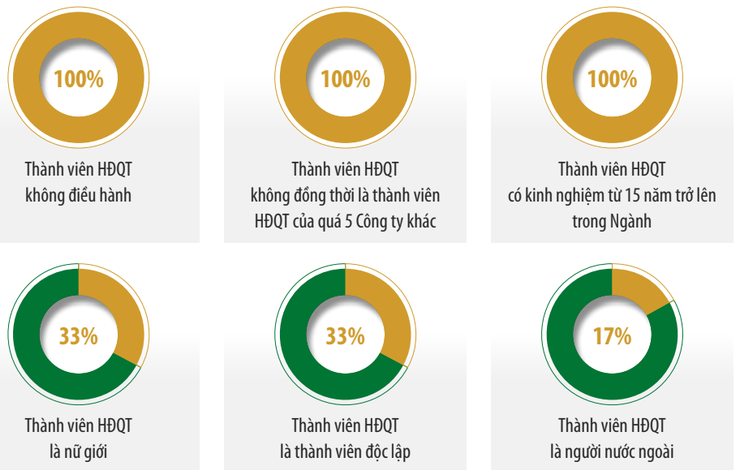
Các Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty mà TTC Biên Hòa đang tham chiếu để áp dụng

Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2015)	Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (2017)	Thông tư 75/2017/TT-BTC (2017)	Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (2017-2018)	Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam (2019)
Đảm bảo cơ sở cho khuôn khổ Quản trị Công ty hiệu quả	Đảm bảo cơ cấu Quản trị hợp lý	Điều lệ mẫu	Quyền của Cổ đông	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị
Quyền của Cổ đông, đối xử công bằng với Cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị	Mẫu quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	Đối xử bình đẳng với Cổ đông	Môi trường kiểm soát
Các Nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác	Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và các Bên liên quan		Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan	Công bố thông tin và minh bạch
Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong Quản trị Công ty	Đảm bảo đối xử công bằng giữa những Cổ đông		Công bố thông tin và minh bạch	Quyền của Cổ đông
Công bố thông tin và tính minh bạch	Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty		Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị	Quan hệ với các Bên liên quan
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị				

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

Với định hướng xây dựng HĐQT "cân bằng" và phù hợp với Nguyên tắc "Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp" theo Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất, TTC Biên Hòa luôn nỗ lực để đạt được sự đa dạng về giới tính, tuổi tác, chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm và phẩm chất Lãnh đạo. Trong quyết sách từng chủ trương của Công ty, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết, mỗi thành viên HĐQT có 1 phiếu biểu quyết trừ các vấn đề mà thành viên đó có lợi ích liên quan. Trên cơ sở đó, hoạt động của HĐQT trở nên sâu sát, chi tiết hơn nhưng vẫn đảm bảo góc nhìn toàn diện.

SỰ ĐA DẠNG TRONG CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA TTC BIÊN HÒA



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ (tiếp theo)

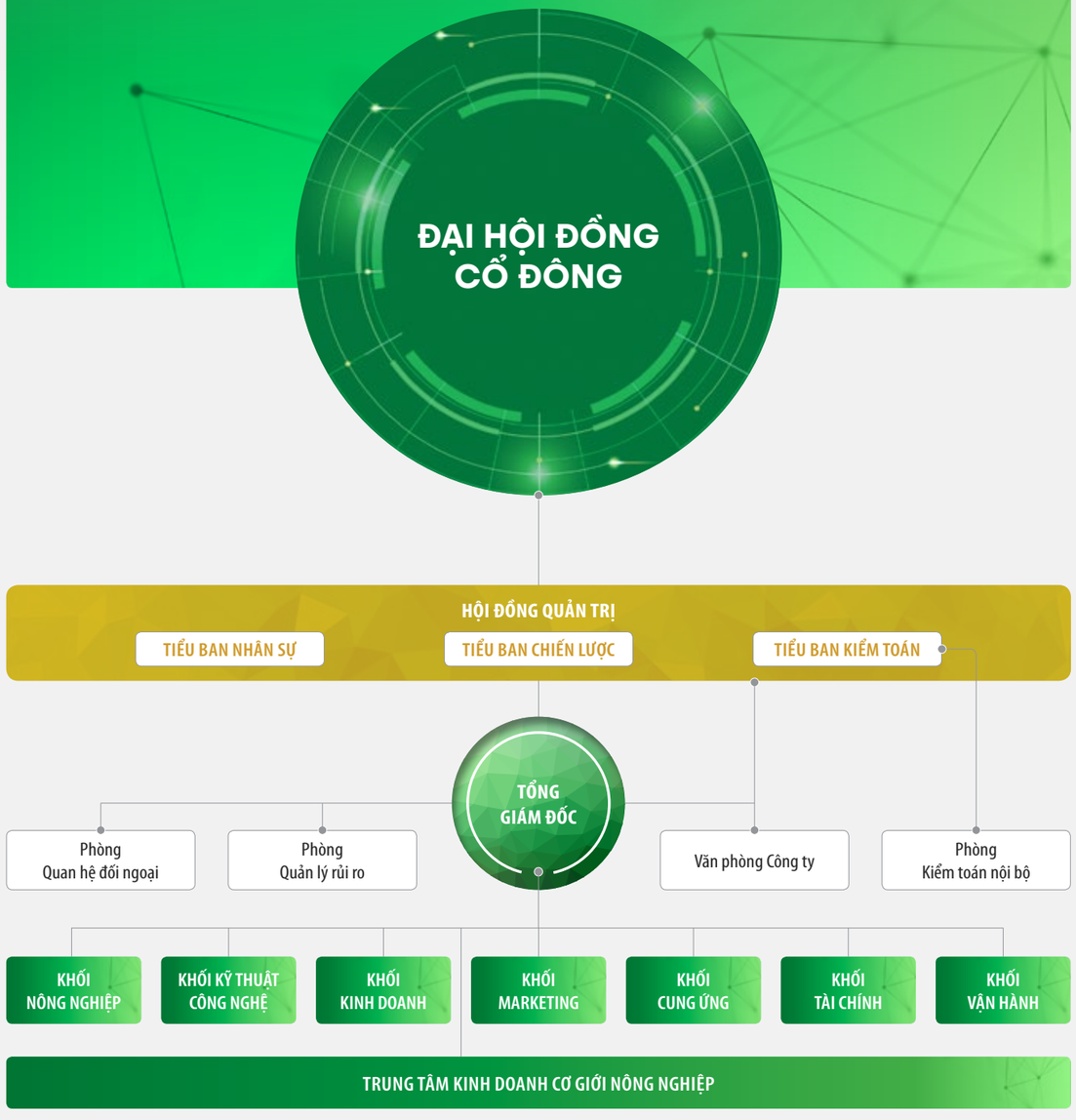
Trong 17 Tiêu chí Phát triển bền vững của Liên hợp quốc, 17 Mục tiêu Phát triển bền vững quốc gia đến năm 2030 đều nhấn mạnh mục tiêu Bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bé gái. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng một HĐQT đa dạng về cơ cấu giới tính với sự hiện diện của các nhà lãnh đạo nữ có thể thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và sự bền vững của doanh nghiệp. Với 33% tỷ lệ nữ giới trong HĐQT, trong đó cả Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT đều là nữ, điều này cho thấy TTC Biên Hòa đang từng bước đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, thậm chí vượt trội so với mức trung bình toàn cầu là 15% và Việt Nam là 18% là nữ, theo nghiên cứu của Deloitte.



Với tầm nhìn xây dựng doanh nghiệp Phát triển bền vững, định hướng chiến lược trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và xa hơn nữa là Khu vực Đông Dương, mọi hoạt động của TTC Biên Hòa đều được HĐQT hướng tới tăng trưởng kinh tế dài hạn đồng hành cùng phát triển Cộng đồng Xã hội, góp phần hoàn thành mục tiêu chung “Doanh nghiệp là trung tâm của mục tiêu Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia".

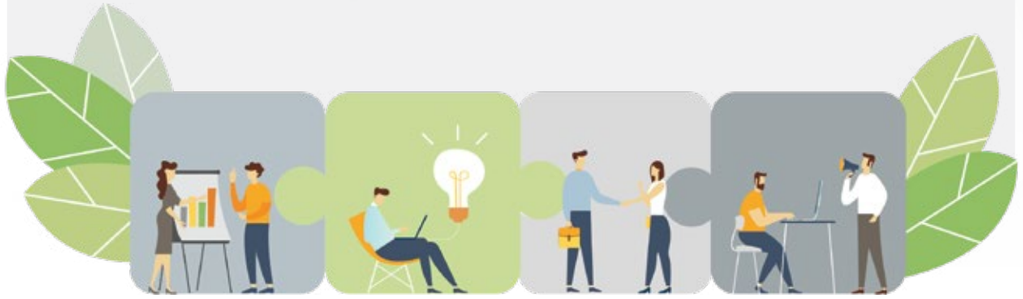
NĐ 2019-2020 đã đánh dấu những nỗ lực của TTC Biên Hòa trong việc tích cực hoàn thiện năng lực Quản trị, hoàn thành các cam kết liên quan đến Môi trường - Xã hội nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của các NĐT chiến lược đến từ các nền kinh tế phát triển đã rót vốn vào Công ty.

Sơ đồ tổ chức theo mô hình QTCT hiện đại mà TTC Biên Hòa đang áp dụng



Nguồn: TTC Biên Hòa

BỘ QUY CHẾ ỨNG XỬ



Văn hóa doanh nghiệp là một trong những giá trị cốt lõi có ảnh hưởng quyết định tới năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp đặc biệt trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay. Thời đại kỹ thuật số buộc doanh nghiệp phải tăng cường sự tiếp cận, thấu hiểu và cung cấp thông tin cho Khách hàng cũng như các Bên liên quan khác một cách chuyên nghiệp hơn. Chính vì vậy, văn hóa doanh nghiệp được TTC Biên Hòa hết sức quan tâm, chú trọng phát triển và được coi như kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững và ổn định.

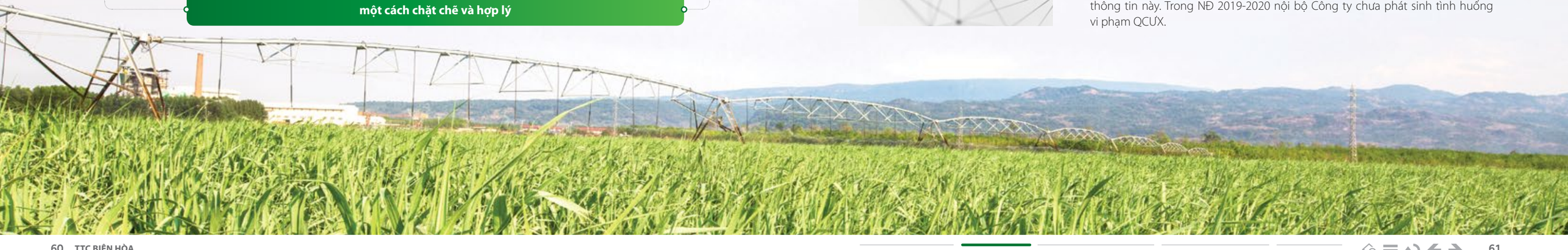
Đầu NĐ 2018-2019, với sự tham vấn của Tổ chức Tài chính quốc tế IFC - Thành viên của Ngân hàng thế giới, HĐQT TTC Biên Hòa đã chính thức ban hành Bộ Quy chế ứng xử và triển khai áp dụng cho toàn thể CBNV Công ty dưới sự kiểm soát thực hiện và tuân thủ của phòng Nhân sự và Kiểm toán nội bộ. Sau 2 NĐ thực hiện, TTC Biên Hòa nhận định Bộ QCƯX chính là công cụ hữu hiệu để xây dựng văn hóa riêng cho Công ty, cũng như giúp Công ty xây dựng một hệ thống gắn kết Công ty với:

Trên thực tế, Bộ quy chế đã giúp tạo ra những thông lệ thực hành tốt trong Công ty, trở thành đòn bẩy rút ngắn khoảng cách năng lực quản trị đối với các công ty lớn trong khu vực. Bộ quy chế được thiết kế và vận hành để phù hợp với hiện trạng hoạt động đặc thù của Công ty, tuân thủ theo pháp luật hiện hành cũng như các chuẩn mực đạo đức, văn hóa của Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

TTC SUGAR

1. Cổ đông/ Nhà đầu tư
2. Nông dân/ Nhà cung cấp
3. Khách hàng
4. Cán bộ nhân viên
5. Cơ quan Nhà nước/ Cộng đồng Xã hội

một cách chặt chẽ và hợp lý



Thông điệp từ Ban Lãnh đạo

Văn hóa doanh nghiệp đã được thể hiện trong từng quy tắc ứng xử, là cơ sở để xây dựng thương hiệu cá nhân cũng như thương hiệu Công ty. Từ đó xây dựng niềm tin với Khách hàng, Đối tác, Cổ đông, Nhà đầu tư và hơn ai hết là tập thể những người gắn bó với TTC Biên Hòa. Ban Điều hành khuyến khích CBNV liên tục phát triển, nâng cao giá trị bản thân thông qua hiệu quả công việc đồng thời nỗ lực gìn giữ sự chuẩn mực trong từng hành vi ứng xử. Tiếp tục đóng góp ý kiến thông qua các kênh tiếp nhận thông tin để Công ty ngày càng hoàn thiện và phát triển theo đúng tinh thần của Tầm nhìn và Sứ mệnh.

Nhận xét của Phòng Nhân sự

Bộ QCƯX chính là nền tảng tinh thần của toàn Công ty, hướng mọi người tương tác, làm việc và học hỏi lẫn nhau dựa trên các chuẩn mực đạo đức. Đó là công cụ giúp TTC Biên Hòa quản lý nhân sự, định hướng lối hành xử và phong cách làm việc chuyên nghiệp, từ đó hình thành văn hóa riêng của Công ty. Hiện tại, môi trường làm việc ở TTC Biên Hòa đang ngày càng năng động, và trẻ hóa độ tuổi, các cấp quản lý của Công ty là những người trẻ tuổi, tài năng, mang tư tưởng hiện đại, đặt hiệu quả công việc lên trên hết, và đặc biệt ở TTC Biên Hòa tất cả các thành viên đều được đối xử công bằng, ý kiến các nhân viên luôn được Ban Lãnh đạo lắng nghe và đưa ra biện pháp giải quyết hợp lý.

Đánh giá của Kiểm toán nội bộ

Bộ QCƯX đã được truyền đạt một cách rõ ràng và đầy đủ đến toàn Công ty. Ngoài việc phổ biến, áp dụng trong nội bộ Công ty, Bộ QCƯX cũng được truyền tải tới các Đối tác kinh doanh, các Nhà cung cấp, Khách hàng, Nông dân và các bên liên quan khác của TTC Biên Hòa nhằm đảm bảo rằng bất kỳ giao dịch liên quan nào cũng đều tuân thủ theo các quy tắc, giá trị văn hóa mà Công ty đang hướng đến.

Trong NĐ 2019-2020, Công ty đã ban hành Quy chế giải quyết góp ý/khiếu nại/tố cáo dựa trên các quy tắc của Bộ QCƯX, Ban Lãnh đạo mong muốn quyền lợi và nghĩa vụ các Bên liên quan được đảm bảo tuyệt đối.

- Quy chế giải quyết góp ý/khiếu nại/tố cáo được dán trên Bảng thông tin của Công ty và Bảng tin địa phương nơi có văn phòng đại diện, nhà máy, nông trường, vùng nguyên liệu... của Công ty đang hoạt động. Kèm theo là hộp thư góp ý được đặt ngoài cổng các nhà máy, kho bãi của TTC Biên Hòa tạo điều kiện cho CBNV và các Bên liên quan bên ngoài có thể thuận tiện gởi thư góp ý/khiếu nại/tố cáo.
- Ngoài ra Công ty lập thêm nhiều kênh tiếp nhận thông tin như "Đường dây nóng", "Hộp thư góp ý" điện tử…Và Trưởng phòng KTNB là người trực tiếp tiếp nhận các thông tin này. Trong NĐ 2019-2020 nội bộ Công ty chưa phát sinh tình huống vi phạm QCƯX.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà **HUỲNH BÍCH NGỌC**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1962
Thời điểm được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT: Tháng 10/2019
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
67.551.864 cổ phần, chiếm 11,10%
Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa
- Chủ tịch HĐQT CTCP Toàn Hải Vân

Quá trình công tác

- **2019 - Nay:** Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2012 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- **2018 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa
- **2015 - Nay:** Chủ tịch HĐQT CTCP Toàn Hải Vân
- **2010 - 2012:** Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Biên Hòa tiền thân là CTCP Bourbon Tây Ninh
- **2007 - 2019:** Phó Chủ tịch Thường trực CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
- **1981 - 2012:** Chủ tịch HĐQT CTCP SX -TM Thành Thành Công

Thành tựu nổi bật

Với hơn 40 năm gắn bó với ngành Mía Đường, Bà Huỳnh Bích Ngọc là một trong những người có công lớn đưa TTC Biên Hòa trở thành Công ty Đường số một Việt Nam và có vị thế nhất định trên thị trường quốc tế. Khởi đầu từ cơ sở sản xuất, kinh doanh Cồn và Nông sản từ những năm đầu thập niên 80, Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại TTC Biên Hòa từ 1981 đến 2012. Tháng 10/2019 Bà Ngọc quyết định trở lại dẫn dắt TTC Biên Hòa với vai trò là Chủ tịch HĐQT, trở thành cánh chim đầu đàn nâng đỡ Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của chu kỳ ngành Đường và cột mốc thử thách Atiga khi Hiệp định chính thức áp dụng với ngành Mía Đường Việt Nam từ 1/1/2020.

Một số thành tựu nổi bật của Bà trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Chỉ đạo triển khai các chương trình khuyến nông để bà con nông dân gắn bó, phát triển và tiến tới làm giàu cùng cây mía theo phương châm "Đồng hành cùng bà con nông dân trồng mía";
- Định hướng Công ty phát triển trên cơ sở nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng lực cho nhà máy, tối thiểu hóa chi phí sản xuất, tạo ra nhiều các sản phẩm sạch và chất lượng;
- Không chỉ trong ngành Mía Đường, trên vai trò Phó chủ tịch kiêm TGĐ CTCP Đầu tư Thành Thành Công, Bà còn có kinh nghiệm sâu rộng trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, bất động sản, du lịch, giáo dục,... từ đó hỗ trợ SBT đa dạng hóa danh mục đầu tư một cách hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận thu về.

Bà là đại diện hình ảnh nữ doanh nhân thành đạt, truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ lãnh đạo nữ. Tháng 9/2019, Bà vinh dự được trường Đại học Kyungnam, Hàn Quốc trao tặng danh hiệu "Tiến sỹ danh dự", đây là danh hiệu danh giá nhất dành riêng cho những doanh nhân có nhiều cống hiến trong sự nghiệp kinh doanh và hoạt động vì cộng đồng.



Ông **PHẠM HỒNG DƯƠNG**
Phó Chủ Tịch HĐQT thường trực

Năm sinh: 1974
Thời điểm được bổ nhiệm Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT: Tháng 10/2019
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
3.740.597 cổ phần, chiếm 0,61%
Trình độ chuyên môn:
- Nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp - Đại học Kasetsart, Thái Lan
- Thạc sĩ Quản trị sản xuất - Đại học Khoa học Ứng dụng Ludwigshafen, Đức
- Kỹ sư Hóa - Đại học Bách khoa Tp.HCM

Các vị trí trong Ngành:
- Thành viên Hiệp hội Công nghệ Mía Đường Quốc tế (ISSCT)
- Thành viên Liên minh Đường ASEAN (ASA)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con): Không

Quá trình công tác

- **2019 - Nay:** Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2017 - 2019:** Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2015 - 2017:** Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công -Tây Ninh
- **2014 - 2015:** TV HĐQT CTCP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai
- **2013 - 2015:** TV HĐQT CTCP SX-TM Bao bì Thành Thành Công
- **2012 - 2015:** TV HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- **2011 - 2012:** Phó TGĐ Kỹ thuật CTCP Bourbon Tây Ninh
- **2009 - 2011:** Giám đốc Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh

Thành tựu nổi bật

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Mía Đường, Ông Dương đã có những đóng góp lớn cho sự thành công của TTC Biên Hòa bởi những định hướng, chiến lược kịp thời và phù hợp. Ông được đánh giá là một trong những chuyên gia đầu ngành tại Việt Nam.

Trong suốt thời gian công tác của mình, Ông giữ nhiều vị trí quan trọng tại các Đơn vị ngành Đường thuộc TTC Biên Hòa trước khi trở thành Phó Chủ tịch Công ty. Xuất phát điểm là Kỹ sư Hóa, ông là người am hiểu về kỹ thuật và từng công tác 4 năm ở CTCP Bourbon Tây Ninh với vai trò Phó TGĐ Kỹ thuật từ năm 2011-2012 và Giám đốc Nhà máy từ năm 2009-2011.

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Dẫn dắt thành công nhiều dự án nâng công suất và cải tiến công nghệ tinh luyện Đường, điển hình là dự án cải tạo lò hơi 60 tấn tại Công ty TNHH Đường Biên Hòa - Ninh Hòa;
- Chỉ đạo triển khai phát triển dự án điện mặt trời áp mái và năng lượng tái tạo kết hợp với mô hình sản xuất Đường và những sản phẩm Cạnh Đường, Sau Đường tại tất cả các Nhà máy, Nông trường của TTC Biên Hòa với công suất 10MW trong NĐ 2019-2020 đồng thời tiếp tục phát triển dự án điện mặt trời áp mái với mục tiêu công suất lên 22MW trong NĐ 2020-2021;
- Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn cho TTC Biên Hòa với 4 khía cạnh trọng yếu: (1) Tăng thị phần; (2) Giảm giá thành; (3) Phát triển các sản phẩm Cạnh Đường và Sau Đường; (4) Đầu tư sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.



Bà **ĐẶNG HUỲNH ỨC MY**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1981
Thời điểm được bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT: Tháng 10/2019
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
98.394.826 cổ phần, chiếm 16,17%
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Preston, New Zealand
- Chứng nhận CEO Chuyên nghiệp - PACE
- Chứng nhận từ chương trình đào tạo chuyên biệt về Quản trị doanh nghiệp - OPM Harvard Business School

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex)

Quá trình công tác

- **2019 - Nay:** Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2017 - 2019:** Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2015 - 2017:** Thành viên HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2012 - 2015:** Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2009 - 2012:** TGĐ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- **2007 - 2009:** Phó TGĐ Thường trực CTCP SX - TM Thành Thành Công
- **2006 - 2007:** Phó Giám đốc điều hành CTCP SX - TM Thành Thành Công

Thành tựu nổi bật

Với mục tiêu đưa TTC Biên Hòa sớm trở thành một trong những Doanh nghiệp đầu tàu trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp thông minh tại Việt Nam, Bà My đã sớm chỉ đạo thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động, cải tiến quy trình và số hóa chuỗi hoạt động thông qua phần mềm ERP với hệ thống báo cáo phân tích thông minh và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình quản trị rủi ro.

Thành lập Công ty Global Mind Commodities Pte Ltd ("GMC") - Công ty con của TTC Biên Hòa và trực tiếp điều hành tại Singapore. Xây dựng các kênh chiến lược quan trọng và điều hành hoạt động thương mại của GMC hỗ trợ TTC Biên Hòa chủ động hơn trong việc nắm bắt tình hình thị trường Đường toàn cầu.

Một số thành tựu nổi bật của Bà trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Đưa thương hiệu TTC Biên Hòa chinh phục thị trường Việt Nam và quốc tế với tổng sản lượng Đường tiêu thụ lần đầu tiên đạt hơn 1 triệu tấn trong NĐ 2019-2020;
- Định hướng phát triển thị trường vốn của TTC Biên Hòa, đại diện Công ty gọi vốn và đạt được thỏa thuận với Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài DEG khi đồng ý đầu tư gần 650 tỷ đồng;
- Triển khai phát hành thành công gói trái phiếu tín chấp với Quỹ đầu tư Coretrend, Hàn Quốc tổng giá trị 172 tỷ đồng.



Ông **HOÀNG MẠNH TIẾN**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Năm sinh: 1962
Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT độc lập: Tháng 7/2019
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
1.000.000 cổ phần, chiếm 0,16%
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Luật - Đại học Tổng hợp TP.HCM

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Thành viên HĐQT độc lập CTCP Du Lịch Thành Thành Công
- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Du Lịch Thanh Bình

Quá trình công tác

- **2019 - Nay:** Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Tiểu ban Kiểm toán CTCP Thành Thành Công Biên Hòa
- **2015 - Nay:** Thành viên HĐQT độc lập CTCP Du Lịch Thành Thành Công
- **2015 - Nay:** Trưởng Ban kiểm soát CTCP Du Lịch Núi Tà Cú và CTCP Du Lịch Thanh Bình
- **2013 - 2014:** Trưởng phòng Kiểm toán Ngân hàng TMCP Quốc Dân
- **2012 - 2013:** Phó TGĐ CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) phụ trách mảng Giám sát và Hỗ trợ
- **2012 - 2013:** Thành viên HĐQT Công ty Chứng khoán Đại chúng Lanexang CHDCND Lào
- **1996 - 2012:** Đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Sacombank như Trưởng phòng KSNB, Chánh văn phòng HĐQT kiêm Giám đốc điều hành,...

Thành tựu nổi bật

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm soát nội bộ và giám sát khi từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Sacombank, Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín như Phó TGĐ phụ trách mảng Giám sát và Hỗ trợ, Giám đốc Giám sát, Trưởng phòng KSNB,...

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Rà soát và cải thiện hệ thống KTNB bao gồm kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và kiểm toán BCTC ở TTC Biên Hòa trong NĐ 2019-2020;
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện xét soát các vấn đề trọng yếu, tham mưu cho HĐQT về chiến lược quản trị rủi ro hỗ trợ Công ty kiểm soát rủi ro đặc biệt trong các hoạt động đầu tư trong và ngoài nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



Ông **HENRY CHUNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Năm sinh: 1974
Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT độc lập: Tháng 10/2016
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
397.632 cổ phần, chiếm 0,11%
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế
- Cử nhân Tài chính

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con): Không

Quá trình công tác

- **2017 - Nay:** Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2016 - 2017:** Thành viên HĐQT - CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2015 - 2017:** Thành viên HĐQT - CTCP Đường Biên Hòa

Thành tựu nổi bật

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Mía Đường, Ông đã hoàn thành tốt việc hỗ trợ, kiến nghị HĐQT trong việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến xung đột lợi ích và giao dịch các Bên liên quan trong NĐ 2019-2020. Đảm bảo tính trung thực của BCTC và kiến nghị về hoạt động quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát triển tại nước ngoài của Công ty dựa trên kinh nghiệm làm việc ở các tổ chức quốc tế tại Hoa Kỳ.

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Thực hiện theo dõi và đảm bảo tính hiệu quả, trách nhiệm giải trình của Ban TGĐ thông qua giám sát các hoạt động điều hành một cách độc lập;
- Tham mưu về chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao hướng đến các tiêu chuẩn phát triển bền vững với tư cách là thành viên Tiểu ban Nhân sự.



Ông **VÕ TÒNG XUÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1940
Thời điểm được bổ nhiệm Thành viên HĐQT: Tháng 10/2019
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
0 cổ phần, chiếm 0,00%
Trình độ chuyên môn:
- Tiến sỹ Nông học

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Nam Cần Thơ

Quá trình công tác

- **2019 - Nay:** Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2015 - 2016:** Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa
- **2015 - 2016:** Chủ tịch HĐQT tại CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công
- **2010 - 2015:** Cố vấn Nông nghiệp, Thành viên HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2010 - 2013:** Hiệu trưởng trường Đại học Tân Tạo
- **2000 - 2008:** Hiệu trưởng trường Đại học An Giang
- **1971 - 1999:** Trưởng bộ môn, Phó Trưởng khoa Nông nghiệp, Hiệu phó trường Đại học Cần Thơ

Thành tựu nổi bật

Là Tiến sỹ Nông học, Ông có nhiều đóng góp cho nền Nông nghiệp Việt Nam và có hơn 10 năm công tác trong ngành Mía Đường.

Là một nhà khoa học hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực Nông nghiệp, Ông đã đạt rất nhiều giải thưởng danh dự của Việt Nam như: Giáo sư Nông học (1980); Anh hùng lao động (1985); Huân chương Lao động hạng Nhất (1986); Nhà giáo Ưu tú (1990); Nhà giáo Nhân dân (1999)...

Được quốc tế công nhận và tuyên dương qua: Bằng tưởng lệ của Thủ tướng Canada về "Phụng sự và đóng góp vào khoa học thế giới" (1995); Huy chương "Ky mã Nông nghiệp" của Bộ Nông-Lâm-Thuỷ sản Pháp (1996); Giải thưởng Nikkei Châu Á về Tăng trưởng vùng (2002); Giải thưởng Derek Tribe về khoa học kỹ thuật Australia (2005); Bằng khen của Bộ Ngoại Giao Nhật Bản (2019)...

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:

- Tham mưu cho HĐQT về các giải pháp trong nông nghiệp nhằm tăng năng suất và chữ Đường cho cây mía, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng lợi nhuận.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong NĐ 2019-2020, HĐQT của TTC Biên Hòa đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt và chỉ đạo Công ty vượt qua các khó khăn thử thách của ngành Đường như thời điểm chính thức áp dụng Hiệp định thương mại ASEAN - Atiga, giai đoạn đối phó với đại dịch Covid-19 nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các Quy chế đã quy định để vận hành hệ thống Quản trị gồm Điều lệ, Quy chế QTCT, Quy chế hoạt động HĐQT và các Tiểu ban cũng như tuân thủ tuyệt đối Bộ Quy chế ứng xử để hoàn thành tốt nhất trong khả năng những Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ. HĐQT đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực để giữ vững thương hiệu TTC Biên Hòa, điều hành Công ty hướng tới mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững, vươn tầm quốc tế cũng như đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong chiến lược 5 năm giai đoạn NĐ 2021-2025.



	Bà HUỲNH BÍCH NGỌC *Chủ tịch Hội đồng Quản trị*	**Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG** *Phó Chủ tịch thường trực HĐQT*	**Bà ĐẶNG HUỲNH ỨC MY** *Phó Chủ tịch HĐQT*	**Ông HOÀNG MẠNH TIẾN** *Thành viên HĐQT độc lập*	**Ông HENRY CHUNG** *Thành viên HĐQT độc lập*	**Ông VÕ TÒNG XUÂN** *Thành viên HĐQT*	**Bà ĐINH THỊ NGỌC THẢO** *Thư ký Công ty*
Thời gian làm việc trong Niên độ	1/7/2019-30/6/2020	1/7/2019-30/6/2020	1/7/2019-30/6/2020	1/7/2019-30/6/2020	1/7/2019-30/6/2020	14/10/2019-30/6/2020	1/7/2019-30/6/2020
Cổ phần 30/6/2020 (Số lượng cp, Tỷ lệ %)	67.551.864 11,10%	3.740.597 0,61%	98.394.826 16,17%	1.000.000 0,16%	397.632 0,07%	0,00%	0,00%
Trách nhiệm	• Người đại diện Pháp luật • Người phát ngôn thứ nhất • Trưởng Tiểu ban Chiến lược	• Người phát ngôn thứ hai • Phó Tiểu ban Chiến lược • Tham mưu HĐQT về chiến lược Kinh doanh và Phát triển thị phần	• Trưởng Tiểu ban Nhân sự • Thành viên Tiểu ban Chiến lược • Tham mưu HĐQT về chiến lược Tài chính và Công nghệ thông tin	• Trưởng Tiểu ban Kiểm toán • Phụ trách Quản trị rủi ro	• Thành viên Tiểu ban Kiểm toán • Thành viên Tiểu ban Nhân sự • Tham mưu QTCT	• Thành viên Tiểu ban Chiến lược • Tham mưu chiến lược phát triển nông nghiệp	• Phụ trách kết nối hoạt động QTCT
Những công việc đã thực hiện trong Niên độ	• Cung cấp thông tin chính thống ra công chúng • Xây dựng chiến lược phát triển trung dài hạn • Chủ trì hoạt động M&A, NĐ 2019-2020 đã huy động được hơn 820 tỷ đồng từ các nhà đầu tư khối ngoại • Chủ trì việc thay đổi mô hình quản trị theo khu vực để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tận dụng sự cộng hưởng của các nguồn lực tổ chức	• Đồng hành xây dựng và tham mưu chiến lược phát triển của Công ty và các Công ty con • Phụ trách giám sát chung chiến lược giai đoạn 2018-2021 • Trưởng ban Phát triển đầu tư dự án kinh doanh sản phẩm Sau Đường, trực tiếp tham gia chỉ đạo chuyên môn cho dự án Đường lỏng xuất khẩu • Trưởng ban Xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 từ 10/3/2020, cùng Ban đưa ra những hướng dẫn kịp thời cho Công ty, Nhà máy và Nông trường trực thuộc hoạt động nhịp nhàng và không bị gián đoạn bởi dịch bệnh Covid-19	• Đồng hành xây dựng và tham mưu chiến lược phát triển của Công ty và các Công ty con • Xây dựng, cải tiến, giám sát việc thực hiện mô hình QTCT theo chuẩn mực và thông lệ tốt trên thế giới • Quan hệ Cổ đông và Nhà đầu tư, chiến lược thị trường vốn quốc tế • Quản trị vốn góp và hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết • Tham mưu xây dựng dự án tư vấn chuyển đổi và triển khai hệ thống Oracle Cloud ERP	• Giám sát và đưa ra ý kiến độc lập về hoạt động quản trị của HĐQT • Quản trị, kiểm soát các hoạt động tài chính của Công ty • Tổ chức, giám sát hoạt động của TBKT • Quản trị tiến độ các dự án, giám sát việc tổ chức hoạt động của các Ban Quản lý dự án • Giám sát QLRR toàn Công ty	• Giám sát hoạt động Quản trị của HĐQT • Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển, đào tạo Nhân sự kế thừa, Nhân sự cấp cao • Xây dựng tổ chức bộ máy Nhân sự, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, chính sách đối với các cấp Quản lý	• Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển vùng nguyên liệu, kỹ thuật canh tác nông nghiệp • Tham mưu HĐQT về chiến lược phát triển Mía Đường hữu cơ tại Lào và xây dựng tiến độ triển khai	• Xây dựng kế hoạch công việc trong năm của HĐQT • Cải thiện quy trình và hoạt động Công ty, duy trì thông tin liên lạc giữa các bộ phận quản trị • Là đầu mối liên lạc với các bên liên quan và tham gia giải quyết các vấn đề về Quản trị Công ty
Thù lao tháng	70 Triệu đồng	110 Triệu đồng	120 Triệu đồng	70 Triệu đồng	70 Triệu đồng	70 Triệu đồng	20 Triệu đồng

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong NĐ 2019-2020, Công ty thực hiện 3 lần Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 7 và tháng 9/2019 thông qua 3 Nghị quyết và 1 lần ĐHĐCĐ thường niên tháng 10/2019 thông qua 12 Nghị quyết. Với tổng cộng 15 Nghị quyết, 23 vấn đề chính được thông qua, Công ty đã và đang tiến hành thực hiện với mục tiêu hoàn thành 100% các Nghị quyết theo đúng cam kết với Cổ đông, Nhà đầu tư.

STT	Nghị quyết	Nội dung thông qua	Thực hiện
I	**Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đợt 1 - Tháng 7/2019**		
1	Nghị quyết được thông qua bằng hình thức LYKCĐ bằng văn bản	› Đơn từ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT của Ông See Beow Tean › Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của Ông Lê Ngọc Thông › Bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT để thay thế cho Thành viên HĐQT đã từ nhiệm › Bầu bổ sung Thành viên HĐQT để thay thế cho Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	Hoàn thành
II	**Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đợt 2 - Tháng 7/2019**		
1	Nghị quyết được thông qua bằng hình thức LYKCĐ bằng văn bản	› Danh sách để cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 › Kết quả bầu cử thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT	Hoàn thành
III	**Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đợt 3 - Tháng 9/2019**		
1	Nghị quyết được thông qua bằng hình thức LYKCĐ bằng văn bản	› Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty › Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty › Công ty thực hiện mua lại Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi › Phát hành trái phiếu chuyển đổi › Thông qua đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của Bà Nguyễn Thuỳ Vân	Hoàn thành
IV	**Đại hội đồng Cổ đông Niên độ 2018-2019 - Tháng 10/2019**		
1	BCTC NĐ 2018-2019 đã được kiểm toán	› BCTC riêng NĐ 2018-2019 › BCTC hợp nhất NĐ 2018-2019	
2	Báo cáo hoạt động NĐ 2018-2019 và kế hoạch NĐ 2019-2020 của HĐQT	› Hoàn thành các mục tiêu chủ chốt NĐ 2018-2019 › Triển khai các hoạt động cho NĐ 2019-2020	
3	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh NĐ 2018-2019 của Ban điều hành	› Sản lượng tiêu thụ Đường: 749 ngàn tấn › Doanh thu thuần: 10.857 tỷ đồng › LNTT: 422 tỷ đồng	
4	Báo cáo hoạt động NĐ 2018-2019 và Kế hoạch hoạt động NĐ 2019-2020 của Tiểu ban Kiểm toán	› TBKT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm được quy định của Điều lệ Công ty › Tiếp tục tổ chức công tác kiểm toán nội bộ hiệu quả và đảm bảo tính trung thực hợp lý của các báo cáo	Hoàn thành
5	Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập BCTC NĐ 2019-2020	› Trong số các Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính và Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận	
6	Chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch có liên quan của Công ty	› Ký kết các hợp đồng, giao dịch › Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh	
7	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT	› Số lượng thành viên cần bầu bổ sung: 1 thành viên › Nhiệm kỳ: 5 năm	
8	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT thay thế	› Thành viên HĐQT Võ Tòng Xuân	
9	Thù lao của HĐQT NĐ 2019-2020	› 6 tỷ đồng	
10	Phương án phân phối Lợi nhuận NĐ 2018-2019	› Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST › Kinh phí hoạt động HĐQT 2018-2019: 10 tỷ đồng › Cổ tức NĐ 2018-2019 tiền mặt: 5%	Đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền 5% cho NĐ 2018-2019 vào ngày 7/10/2020
11	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Phân phối lợi nhuận NĐ 2019-2020	› Tổng Doanh thu hợp nhất: 10.903 tỷ đồng › LNTT: 430 tỷ đồng	› Doanh thu thuần hợp nhất: 12.889 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch › LNTT: 512 tỷ đồng, vượt 19% kế hoạch
		› Quỹ Đầu tư phát triển: 5% LNST › Quỹ Công tác xã hội: 2% LNST › Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 5% LNST › Kinh phí hoạt động HĐQT NĐ 2019-2020: 10 tỷ đồng › Cổ tức NĐ 2019-2020: 4%-6%	Đang thực hiện
12	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty	› Vốn dự kiến tăng: 304 tỷ đồng, tương đương 5% vốn điều lệ › Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần › Thời gian dự kiến: trong NĐ 2019-2020	Đang thực hiện

Nhằm thực hiện chỉ đạo và triển khai các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua cũng như đưa ra những chiến lược hỗ trợ Ban điều hành kịp thời ứng phó với những biến động của thị trường vĩ mô và Ngành, trong NĐ 2019-2020, thông qua các cuộc họp định kỳ và bất thường bằng nhiều hình thức cả trực tiếp và trực tuyến, HĐQT và các Tiểu ban đã tiến hành 97 cuộc họp, trong đó HĐQT có 88 cuộc họp, chiếm 91%, Tiểu ban Kiểm toán 4 cuộc họp, chiếm 4%, Tiểu ban Chiến lược 3 cuộc họp, chiếm 3% và Tiểu ban Nhân sự 2 cuộc họp, chiếm 2%. Đối với các cuộc họp HĐQT, có 5/6 Thành viên tham dự 100%, 1/6 Thành viên còn lại tham dự 62% do mới được bổ nhiệm từ giữa niên độ.

Chi tiết tình hình tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các Tiểu ban

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp					Khóa đào tạo tham gia
			Hội đồng Quản trị	Tiểu ban Kiểm toán	Tiểu ban Chiến lược	Tiểu ban Nhân sự	Lý do vắng mặt	
1	Bà Huỳnh Bích Ngọc	› Chủ tịch HĐQT › Trưởng Tiểu ban Chiến lược	88/88	Không thuộc	3/3	Không thuộc	Đầy đủ	1. Chương trình Lãnh đạo tỉnh thức (*) 2. Quản lý các thay đổi chiến lược (**) 3. Tổng quan về ERP và chuyển đổi số (***)
2	Ông Phạm Hồng Dương	› Phó Chủ tịch thường trực HĐQT › Phó Tiểu ban Chiến lược	88/88	Không thuộc	3/3	Không thuộc	Đầy đủ	
3	Bà Đặng Huỳnh Ức My	› Phó Chủ tịch HĐQT › Trưởng Tiểu ban Nhân sự	88/88	Không thuộc	3/3	2/2	Đầy đủ	
4	Ông Hoàng Mạnh Tiến	› Thành viên HĐQT độc lập › Trưởng Tiểu ban Kiểm toán	88/88	4/4	Không thuộc	Không thuộc	Đầy đủ	1. Quản lý các thay đổi chiến lược (**) 2. Tổng quan về ERP và chuyển đổi số (***)
5	Ông Henry Chung	› Thành viên HĐQT độc lập › Thành viên TBKT › Thành viên Tiểu ban Nhân sự	88/88	4/4	Không thuộc	2/2	Đầy đủ	Cư trú ở nước ngoài
6	Ông Võ Tòng Xuân	› Thành viên HĐQT › Thành viên Tiểu ban Chiến lược	64/88	Không thuộc	3/3	Không thuộc	Bổ nhiệm từ 10/2019	Tổng quan về ERP và chuyển đổi số (***)

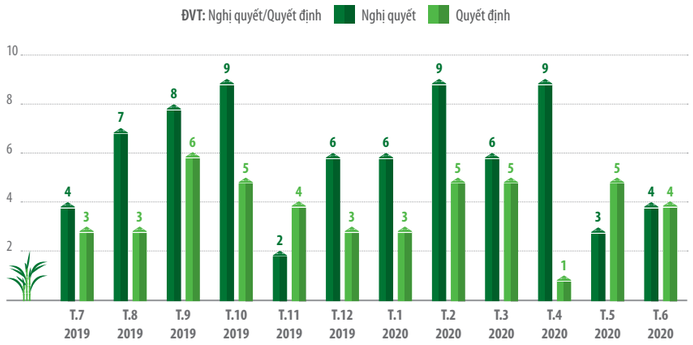
(*): Pace - Từ 23 đến 24/10/2019 - Phát triển ba phẩm chất cốt lõi của tâm trí là Tỉnh thức, Vượt lên bản thân và Lòng trắc ẩn
(**): Crestcom Leader Vietnam - 30/5/2020 - Công cụ quản lý sự thay đổi các chiến lược, đối diện với các mối đe dọa hoặc cơ hội thị trường mới
(***): Đào tạo nội bộ - 30/6/2020 - Lợi ích của sự chuyển đổi, SBT chuyển mình

Nguồn: TTC Biên Hòa

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

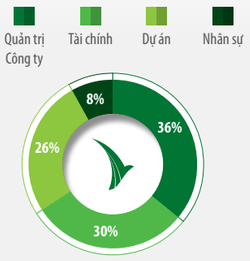
Các cuộc họp HĐQT đã thông qua việc ban hành 73 Nghị quyết và 47 Quyết định trong đó 43 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến Quản trị Công ty, 36 Nghị quyết/Quyết định về Tài chính, 31 Nghị quyết/Quyết định về Dự án và 10 Nghị quyết/Quyết định về Nhân sự. Mọi quyết định của HĐQT đều được cân nhắc một cách cẩn trọng, tuân thủ Pháp luật hiện hành, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng Thành viên đã được quy định trong Quy chế hoạt động cũng như tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, Nhà đầu tư và các bên liên quan.

Số lượng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong NĐ 2019-2020



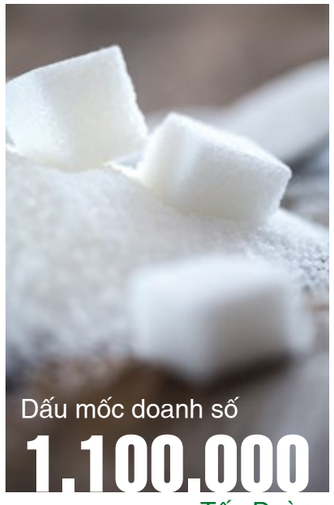
Nguồn: TTC Biên Hòa

Cơ cấu Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong NĐ 2019-2020 theo nội dung



Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tấn Đường trong NĐ 2019-2020 cho thấy chiến lược 2018-2021 của Ban lãnh đạo đang đi đúng hướng ngay trong bối cảnh diễn ra dịch bệnh chung của toàn thế giới.

Niên độ 2019-2020 là một năm của sự thay đổi, biến động từ những khó khăn thách thức được Công ty chuẩn bị từ trước như Hiệp định thương mại Atiga đến những yếu tố bất ngờ ngoài dự báo như đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với sự nhanh nhạy và quyết đoán của các thành viên, HĐQT đã nhanh chóng triển khai nhiều Nghị quyết và Quyết định kịp thời giúp Ban điều hành hoàn thành xuất sắc mục tiêu đặt ra từ đầu năm và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành chiến lược giai đoạn 2018-2021.

Đứng trước ngưỡng cửa hội nhập quốc tế, HĐQT đã đưa ra những quyết sách nhằm tái cấu trúc mô hình tổ chức vận hành và các phương án sắp xếp nhân sự vận hành theo sơ đồ tổ chức đề án của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa tính chuyên môn cho CBNV. Hai Phó Chủ tịch HĐQT được giao nhiệm vụ làm Trưởng ban phụ trách 2 Ban tái cấu trúc theo hướng Đẩy mạnh thị phần, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng mô hình quản trị vùng cho Công ty trong nửa cuối NĐ 2019-2020, qua đó giúp sản lượng kinh doanh tăng trưởng vượt trội.

Đây là kết quả của sự chuẩn bị dài hơi và tầm nhìn xa của HĐQT cũng như kiên trì với những đường hướng đã đặt ra. Với tâm thế nhận diện rủi ro để sẵn sàng đối mặt và có sự chuẩn bị tốt nhất trong mọi tình huống, HĐQT đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu xây dựng chính sách Quản trị rủi ro theo đúng thông lệ quốc tế xuyên suốt tất cả hoạt động của Công ty với sự tư vấn của E&Y, dự kiến chương trình này sẽ chính thức được áp dụng vào NĐ 2020-2021.

Trong NĐ 2019-2020, với sự tham gia của các thành viên HĐQT mới sở hữu kinh nghiệm và kiến thức ngành lâu năm đã đóng vai trò khích lệ lớn cho không chỉ nội bộ Công ty mà còn thể hiện với các Cổ đông, Nhà đầu tư và các Đối tác về việc nghiêm túc theo đuổi mục tiêu hội nhập bền vững và vươn tầm khu vực của TTC Biên Hòa. Các thành viên HĐQT đều có tinh thần chia sẻ thông tin và chủ động đưa ra những đánh giá phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng và trách nhiệm cao nhất.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Trong NĐ 2019-2020, Tiểu ban Kiểm toán đã phát huy vai trò giám sát và kiểm soát hoạt động của Công ty một cách độc lập và minh bạch, thực hiện tốt các công việc như thực hiện kiểm tra tính tuân thủ Pháp luật và các quy định nội bộ của toàn hệ thống từ đó đưa ra nhận định hợp lý về các rủi ro có thể phát sinh trong niên độ và các năm sau, đồng thời, luôn đưa ra những cảnh báo kịp thời tới HĐQT.

Đáng chú ý, trong năm qua, TBKT đã đồng hành cùng HĐQT tham gia dự án Quản trị rủi ro ERM và được giao nhiệm vụ phối hợp cùng Đơn vị tư vấn E&Y soạn thảo và thẩm định những rủi ro trọng yếu cũng như ma trận phân quyền phù hợp với các định chế luật định của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế. Dự kiến chương trình ERM sẽ chính thức triển khai vào những tháng đầu của NĐ 2020-2021 và đây cũng là kim chỉ nam cho hoạt động kiểm toán khi hoàn thiện khâu tiến kiểm cũng như nâng cao hiệu quả toàn bộ các vòng kiểm soát của doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Trong NĐ 2019-2020, Tiểu ban Chiến lược đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong việc tham mưu HĐQT thành lập Mô hình quản lý theo vùng nhằm tinh gọn công tác quản lý, tối ưu hóa nguồn nhân lực trong hoạt động nông nghiệp và sản xuất với sự tham gia của 2 thành viên mới kỳ cựu trong ngành Mía Đường là Bà Huỳnh Bích Ngọc và Ông Võ Tòng Xuân. Sự tham gia đúng lúc của hai thành viên đầy kinh nghiệm đã có những tác động mạnh mẽ đến các quyết định chiến lược trong mọi mặt hoạt động của TTC Biên Hòa từ nông nghiệp đến sản xuất, bán hàng,…

Tiểu ban Chiến lược đã thể hiện vai trò giám sát và có những quyết sách kịp thời cho những chuyển đổi của SBT với hai yếu tố thời cuộc lớn là hội nhập Atiga và dịch bệnh toàn cầu Covid-19 khi một thành viên của Tiểu ban trực tiếp theo dõi và chỉ đạo xử lý khủng hoảng trong suốt mùa dịch nhằm đảm bảo mọi mặt hoạt động của Công ty luôn đúng với định hướng mục tiêu dài hạn.

Niên độ vừa qua, TTC Biên Hòa tiếp tục duy trì hoạt động của 2 ban gồm Ban phát triển đầu tư dự án kinh doanh ngoài Đường và Ban phụ trách Phát triển bền vững Môi trường - Xã hội. Trong đó Ban phát triển đầu tư dự án kinh doanh ngoài Đường đã khởi động thành công dự án cùng Dole Asia Holding trồng thử nghiệm chuối ở nông trường Thành Long cũng như tiếp tục ghi nhận thử nghiệm và tính toán cho sự phát triển rộng hơn về thương mại trong niên độ sắp tới. Dự án này dự kiến sẽ là một ngành nghề mới trong chiến lược giai đoạn 5 năm 2021-2025 tiếp theo của SBT.

Ban phụ trách phát triển bền vững Môi trường - Xã hội tiếp tục theo sát các kế hoạch hành động về môi trường xã hội như hướng dẫn của DEG - đối tác chiến lược đến từ Đức, trong đó tập trung xây dựng các mối quan hệ và tương tác hỗ trợ với các cộng đồng địa phương nhằm bảo tồn văn hóa bản địa và hoàn thiện hệ thống bảo vệ môi trường thông qua mô hình trồng mía hữu cơ của TTC Attapeu với đà tăng trưởng diện tích vùng nguyên liệu hơn 150% từ NĐ 2018-2019 đến NĐ 2019-2020.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN NHÂN SỰ

Tiểu ban Nhân sự với Trưởng ban là Bà Đặng Huỳnh Ức My - Phó Chủ tịch HĐQT trong năm qua đã hoàn thiện tốt công tác tinh gọn bộ máy sau M&A, hoàn thành kế hoạch nhân sự thuộc chương trình Tái cấu trúc. Đồng thời Tiểu ban đã thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT liên quan tới những quyết định bố trí các vị trí cán bộ quản lý cấp cao phục vụ cho định hướng phát triển hậu Atiga, quản trị bộ máy theo khu vực nhằm hướng đến giao quyền và cơ chế linh động cho hoạt động của các đơn vị thành viên, tận dụng sức mạnh hợp lực của yếu tố khu vực đặc biệt là các lao động kỹ thuật cao, có sự am hiểu văn hóa và tập quán địa phương.

Cũng trong năm, Tiểu ban đã triển khai đánh giá sức khỏe doanh nghiệp trên phương diện đánh giá về sự hài lòng của nhân sự thuộc tất cả các lĩnh vực và vị trí đối với mọi mặt tổ chức hoạt động của TTC Biên Hòa. Kết quả này được sử dụng cho việc điều chỉnh phương thức quản trị, quản lý theo mô hình của ban Tái cấu trúc vào 6 tháng cuối NĐ 2019-2020 và cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ khi bộ máy sản xuất và hỗ trợ bắt kịp với sự chuyển đổi nguồn nguyên liệu mới cũng như cách bán hàng nhanh sau hội nhập, doanh số và doanh thu niên độ vừa qua đã chứng minh cho sự hiệu quả quả và đúng hướng của quá trình chuyển đổi linh động này.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong niên độ vừa qua, trước những biến động không ngừng của ngành Đường Việt Nam và thế giới, Ban TGĐ của TTC Biên Hòa dưới sự chỉ đạo của HĐQT đã linh động và thích nghi trong công tác điều hành và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được giao.



Trên thực tế, để theo sát và triển khai hiệu quả các chiến lược đã đề ra, Ban điều hành đã chủ động thành lập các Ban quản lý dự án riêng biệt, cụ thể như: Ban nghiên cứu dự án sản xuất Đường Organic và phát triển vùng nguyên liệu mía công nghệ cao tại Nhà máy Biên Hòa - Tây Ninh, Nhà máy Nước Trong; Ban nghiên cứu xây dựng phương án tái vận hành hoạt động luyện Đường RE tại Nhà máy Biên Hòa - Trị An; Ban dự án quản lý và khai thác đất nông trường vùng Đông Nam Bộ,... Mỗi ban dự án đều hoạt động thường xuyên, liên tục cập nhập thông tin, tiến độ và đánh giá kết quả để Ban điều hành có những quyết sách phù hợp, kịp thời nhằm tạo ra hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

Tin tưởng vào mục tiêu chiến lược chung của toàn Công ty, Ban điều hành đã có những giải pháp thông minh về việc chuyển đổi dòng sản phẩm trọng tâm như tăng cường phát triển sản phẩm Đường lỏng để phục vụ các phân khúc khách hàng cả quốc tế và nội địa, tận dụng lợi thế hệ thống phân phối và thương hiệu để cạnh tranh với các loại Đường lỏng nhập khẩu khác.

Một số mục tiêu và thành quả đạt được của Ban điều hành trong NĐ 2019-2020

1. Thực thi chiến lược chung: Tăng Doanh thu và thị phần, giảm Chi phí, tái cơ cấu Tài chính

- Doanh thu thuần và LNTT hợp nhất NĐ 2019-2020 đạt **12.889** tỷ đồng và **512** tỷ đồng, tăng lần lượt 19% và 21% so với cùng kỳ, vượt 18% và 19% kế hoạch năm
- Tăng thị phần từ 42% lên **46%**
- Lợi nhuận gộp đạt **1.455** tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ, biên Lợi nhuận gộp đạt 11%, tăng 41% so với cùng kỳ
- Sản lượng Đường tiêu thụ: **1,1** triệu tấn, tăng 41%
- Tỷ lệ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Doanh thu thuần được kiểm soát tốt, giảm lần lượt **6%** và **28%** so với cùng kỳ
- Triển khai hệ thống Oracle Cloud ERP với mục tiêu tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính
- Thực hiện phương án phát hành Trái phiếu, kế hoạch sử dụng vốn từ việc phát hành Cổ phiếu ưu đãi.

2. Đẩy mạnh R&D các dòng sản phẩm mới, tối đa hóa chuỗi giá trị cây mía để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng

- Các sản phẩm giúp đơn giản hóa nhiều công đoạn sơ chế trung gian cho người tiêu dùng
- Các sản phẩm đặc trưng cho tiêu chí "Xanh-Sạch-Tốt cho sức khỏe": Đường Organic, Đường ăn kiêng, Đường bổ sung Vitamin và khoáng chất…
- Các sản phẩm có chất lượng và giá thành cạnh tranh, hướng người tiêu dùng sang sử dụng sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, góp phần giảm vấn nạn Đường lậu, Đường túi không nhãn mác
- **7** sản phẩm mới ra mắt trong NĐ 2019-2020
- **7** sản phẩm đang lập kế hoạch và nghiên cứu thử nghiệm.

3. Triển khai các dự án đầu tư trọng tâm và cải tiến công nghệ nhằm gia tăng Doanh thu, Lợi nhuận và tối ưu hóa chi phí sản xuất

- Dự án sản xuất Đường lỏng với sản lượng sản xuất trong NĐ 2019-2020 khoảng **170.000 tấn**
- Dự án Điện mặt trời áp mái với tổng công suất lắp đặt là 13 MWp trong NĐ 2020-2021, nâng tổng công suất lắp đặt điện mặt trời của toàn TTC Biên Hòa lên **22 MWp**
- Đầu tư các giải pháp cải tạo Lò hơi, Dao băm, Tách cát khô, Dây chuyền sản xuất Đường Organic, Đóng bao bigbag,...

4. Tạo hành lang pháp lý cho công tác điều hành hoạt động được thông suốt, minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy chế, quy định Công ty

- Hoàn thiện công tác phân công, phân nhiệm và hệ thống văn bản lập quy
- Triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch nhân sự kế thừa cho cấp Quản lý
- Khuyến khích và phát triển các hình thức đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBNV
- Xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần CBNV.

Cơ cấu thu nhập, thời gian đảm nhiệm chức vụ, các khóa học tham gia của Ban TGĐ và Cán bộ Quản lý Tài chính

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập		Bắt đầu đảm nhiệm	Các khóa học
			Lương	Thưởng		
A	**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**					
1	Nguyễn Thanh Ngữ	TGĐ	66%	34%	11/2014	
2	Đoàn Vũ Uyên Duyên	Phó TGĐ thường trực	64%	36%	2/2020	1. Chương trình Lãnh đạo tỉnh thức (*) 2. Quản lý các thay đổi chiến lược (**) 3. Tổng quan về ERP và chuyển đổi số (***)
3	Dương Thị Tô Châu	Phó TGĐ	62%	38%	10/2014	
4	Lê Quang Hải	Phó TGĐ	63%	37%	12/2017	
B	**CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VỀ TÀI CHÍNH**					
1	Nguyễn Thị Phương Thảo	GĐ Tài chính	63%	37%	2/2020	1. Chương trình Lãnh đạo tỉnh thức (*) 2. Hội thảo Báo cáo tài chính - Những con số biết nói (****) 3. Tổng quan về ERP và chuyển đổi số (***)
2	Lê Phát Tín	Kế toán trưởng	66%	34%	1/2015	

(*): Pace - Từ 23 đến 24/10/2019 - Phát triển ba phẩm chất cốt lõi của tâm trí là Tỉnh thức, Vượt lên bản thân và Lòng trắc ẩn
(**): Crestcom Leader Vietnam - 30/5/2020 - Công cụ quản lý sự thay đổi các chiến lược, đối diện với các mối đe dọa hoặc cơ hội thị trường mới
(***): Đào tạo nội bộ - 30/6/2020 - Lợi ích của sự chuyển đổi, SBT chuyển mình
(****): Deloitte - 12/5/2020 - Chỉ số tài chính - Vẻ đẹp tiềm ẩn sau những báo cáo khô khan

CHIẾN LƯỢC PHÙ HỢP
ĐỘNG LỰC VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

Niên độ 2019-2020 là một NĐ đặc biệt của TTC Biên Hòa khi lần lượt trải qua các sự kiện có sức ảnh hưởng lớn như:

(1) Chu kỳ khó khăn của ngành Đường thế giới;

(2) Thời điểm Việt Nam chính thức hội nhập Atiga; và

(3) Đại dịch Covid-19.

Mỗi sự kiện đều có những khó khăn thử thách mang tính đặc thù riêng nhưng cùng với chiến lược phát triển đúng đắn, hợp lý trong suốt giai đoạn 2018-2021 của Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CBNV, SBT đã vững vàng bước qua từng thử thách một, với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng vượt kế hoạch đã đề ra và vẫn đang hướng đến các cột mốc cao hơn trong tương lai.

Từ NĐ 2020-2021, định hướng phát triển của TTC Biên Hòa là trở thành Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững

hàng đầu
ĐÔNG DƯƠNG

để đáp ứng tối đa nhu cầu đa dạng và ngày càng nâng cao của các nhóm Khách hàng từ cá nhân đến doanh nghiệp. Đây là một hành trình dài cần sự phát triển đồng bộ của tất cả các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty.





1.
Ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, phát triển diện tích vùng nguyên liệu Organic



2.
Nâng cấp các sản phẩm Đường, cung cấp giải pháp năng lượng từ cây Mía



3.
Chuyển mình trở thành Nhà Thương mại và Xuất nhập khẩu quốc tế



4.
Xây dựng quy trình quản lý chuyên sâu chuỗi cung ứng phù hợp với mô hình kinh doanh mới



5.
Tái cấu trúc hệ thống phân phối tiêu dùng theo hướng khai thác sức mạnh hợp lực



6.
Đẩy mạnh lộ trình số hóa chuyển đổi doanh nghiệp

Nhấp chuột vào từ Mục 1., 2.,.. để xem thêm chi tiết

CHIẾN LƯỢC PHÙ HỢP
ĐỘNG LỰC VƯƠN TẦM QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, PHÁT TRIỂN DIỆN TÍCH VÙNG NGUYÊN LIỆU ORGANIC



Những năm gần đây, TTC Biên Hòa đã bắt đầu phát triển các vùng nguyên liệu theo hướng chuyển đổi mô tuýp canh tác công nghiệp sang canh tác hữu cơ, thiết lập hệ thống quản lý sản xuất đồng bộ nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe hệ sinh thái nông nghiệp, bao gồm cả sự đa dạng sinh học, các chu trình và năng suất sinh học.

Sản phẩm hữu cơ đã và đang trở thành xu hướng tiêu dùng trên toàn thế giới, không chỉ có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng mà còn thân thiện với môi trường, tạo nên sự bền vững trong sản xuất nông nghiệp. Tại Việt Nam, xu hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đang được các doanh nghiệp và người tiêu dùng quan tâm trong bối cảnh yêu cầu về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường ngày càng gia tăng.

Tại TTC Biên Hòa, khối Nông nghiệp đã hợp nhất hoạt động Trung tâm kinh doanh cơ giới và CTCP Phát triển Nông nghiệp TTC thành đơn vị chuyên kinh doanh các giải pháp nông nghiệp chuyên sâu. Từ đây các giải pháp được thực nghiệm trên các nông trường có diện tích lớn để kiểm chứng hiệu quả của các phương pháp và tạo thành các cánh đồng mẫu giúp phát triển, lan tỏa các phương pháp nuôi trồng và chăm sóc thân thiện với thiên nhiên cho bà con nông dân ở khu vực liền kề. Mỗi cán bộ nông nghiệp của Công ty đều tập trung sâu cho chuyên môn và hoạt động khuyến nông, đồng thời, phối hợp cùng địa phương triển khai nhiều chương trình chuyển giao kỹ thuật cơ giới hóa hiện đại và các chế phẩm sinh học, vi sinh an toàn đến với bà con nông dân. Mục tiêu NĐ 2020-2021 năng suất mía được cải thiện từ bình quân 55-60 tấn/ha trong NĐ 2019-2020 lên 65-70 tấn/ha, đặc biệt khu vực miền Trung Tây Nguyên sẽ sớm khôi phục được được năng suất mía nhờ những giải pháp chống hạn mà Công ty đang áp dụng như cày sâu, trồng xen canh cây họ đậu, dùng lá mía trải trên đất để giảm bớt tỉ lệ nước bốc hơi v.v..

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu hữu cơ tại Lào và Campuchia với mục tiêu của Công ty là hướng đến top 5 nhà sản xuất Đường hữu cơ hàng đầu thế giới và lấy điển hình thành công của TTC Attapeu để áp dụng cho các diện tích mới. Thực tế việc cơ cấu lại nguồn lực nông nghiệp chuyên sâu cho Nhà máy TTC Attapeu tại Lào đã có được thành quả đáng khích lệ khi diện tích mía hữu cơ tại đây đã tăng gấp đôi sau 12 tháng tập trung canh tác, chăm sóc. Dự kiến tổng sản lượng Đường Organic từ diện tích trồng này trong NĐ 2020-2021 có thể lên đến ~42,000 tấn, tăng hơn 3 lần so với NĐ 2019-2020. Dự tính từ NĐ 2024-2025 trở đi, hơn 10.000 ha diện tích thu hoạch của TTC Attapeu hoàn toàn là mía hữu cơ với tổng sản lượng ~800.000 tấn mía hữu cơ và hơn 100.000 tấn Đường Organic, tăng hơn 766% sản lượng Đường Organic so với NĐ 2019-2020.

2. NÂNG CẤP CÁC SẢN PHẨM ĐƯỜNG, CUNG CẤP GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG TỪ CÂY MÍA



Bắt đầu từ vùng nguyên liệu sạch cùng kinh nghiệm hơn 50 năm trong sản xuất chế biến, TTC Biên Hòa hướng đến cung cấp các giải pháp năng lượng cho Khách hàng. Đây cũng chính là năng lực cạnh tranh của thương hiệu TTC Biên Hòa trong bối cảnh hội nhập quốc tế để bắt kịp nhu cầu ngày càng đa dạng và chất lượng từ các đối tác với nền tảng là R&D bài bản và chuyên sâu.

- **Các hoạt động R&D từ NĐ 2020-2021 sẽ tập trung vào các sản phẩm là giải pháp năng lượng** thay vì tập trung nghiên cứu vào quy trình sản xuất và công nghệ như trước đây. Các giải pháp sẽ bao trùm toàn bộ chuỗi cung ứng nhằm đem đến cho Khách hàng, Đối tác sự tiện lợi và tính kinh tế cao cho hoạt động sản xuất chế biến thực phẩm và đồ uống. Đó sẽ là các dòng sản phẩm giúp đơn giản hóa các công đoạn sơ chế trung gian như Đường lỏng cho ngành nước giải khát, Đường premix, Đường bột, Đường phèn cho ngành công nghiệp bánh kẹo, kem sữa. Trong đó, nhóm sản phẩm Đường bột sẽ được tập trung đẩy mạnh R&D để kịp ra mắt sản phẩm và bắt đầu nhận được phản hồi từ Khách hàng trong năm nay.
- **Đẩy mạnh việc nội địa hóa dòng sản phẩm Đường lỏng** với mục tiêu hơn 60,000 tấn Đường lỏng sẽ được sản xuất và phục vụ nhóm Khách hàng B2B nội địa trong NĐ 2020-2021.
- **Các sản phẩm sau Đường, cạnh Đường tiếp tục được triển khai R&D** trong NĐ này, một trong số đó sẽ là sản phẩm Nước mía đóng lon/hộp phối hợp gia công cùng Betrimex ngay trong quý 2 và dự kiến sẽ đưa vào khai thác thương mại trong quý 4 của NĐ 2020-2021.

CHIẾN LƯỢC PHÙ HỢP
ĐỘNG LỰC VƯƠN TẦM QUỐC TẾ (tiếp theo)

3. CHUYỂN MÌNH TRỞ THÀNH NHÀ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ



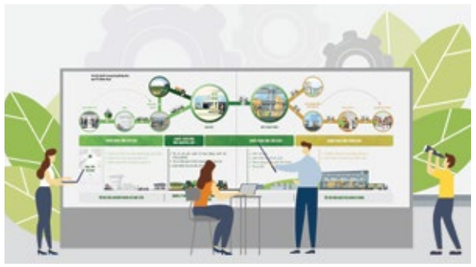
Nhằm đảm bảo tỷ suất đầu tư hiệu quả và tối đa hóa lợi ích mang lại cho Cổ đông cũng như Công ty, ngoài mảng kinh doanh chính là Mía Đường, TTC Biên Hòa đã thực hiện tái cơ cấu danh mục, qua đó đầu tư vào các Công ty, đơn vị, ngành nghề tiềm năng và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Hiện tại, Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd (GMC) sau khi trở thành công ty con của SBT từ quý 3 NĐ 2019-2020 đang là đơn vị thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu cho Công ty với mục tiêu trở thành một "Trading house" - Nhà thương mại hàng hóa quốc tế.

Định hướng GMC sẽ đạt được 3 mục tiêu chính:

- Là đại diện của TTC Biên Hòa để phát triển kênh xuất khẩu với thị trường trọng tâm cho NĐ 2020-2021 là Trung Quốc, qua đó mở rộng cơ cấu sản phẩm xuất khẩu sang thị trường triệu dân này với các sản phẩm thuộc phân khúc tiêu dùng, bán lẻ đẩy tiềm năng bên cạnh dòng Đường lỏng đã khai thác tốt trong NĐ vừa qua;
- Khai thác thị trường nội địa hướng đến nhóm Khách hàng có nhu cầu nhập khẩu số lượng lớn với thế mạnh sân nhà về kho bãi, hậu mãi, chăm sóc tư vấn kỹ thuật sản xuất…
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới cho dòng sản phẩm Organic thương hiệu TTC Biên Hòa, khai thác thế mạnh từ TTC Attapeu với các ưu đãi về thuế quan. Thổ nhưỡng vùng nguyên liệu và công suất dây chuyền của nhà máy TTC Attapeu tự tin sẽ là nơi cung cấp chính sản lượng Đường Organic của Công ty.

4. XÂY DỰNG QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHUYÊN SÂU CHUỖI CUNG ỨNG PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI



Chuỗi cung ứng có vai trò rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp hiện nay. Quản lý chuỗi cung ứng tốt sẽ giúp doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh, có chỗ đứng trên thị trường, mở rộng chiến lược và gia tăng khả năng vươn xa của doanh nghiệp. Quản lý chuỗi cung ứng gắn liền với hầu như tất cả các hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, từ hoạch định, quản lý quá trình tìm nguồn hàng hay thu mua, sản xuất thành phẩm từ nguyên liệu thô, quản lý hậu cần… tới việc phối hợp với các đối tác, nhà cung ứng, các kênh trung gian, nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng.

Quản lý chuỗi cung ứng cũng là mục tiêu chiến lược của TTC Biên Hòa trong NĐ 2020-2021 để phát triển song hành với mô hình kinh doanh mới mà Công ty đang hướng đến. Công ty đã lựa chọn TTC Biên Hòa - Đồng Nai là đơn vị triển khai các giải pháp thí điểm về kho bãi trong NĐ này cũng như áp dụng chương trình 3PL (Logistics thuê ngoài, dịch vụ logistics được bên thứ ba cung cấp) với một đơn vị cung cấp dịch vụ logistic có kinh nghiệm đồng bộ từ xuất nhập khẩu đến phân phối tiêu dùng, giải pháp này được kỳ vọng sẽ tiết giảm chi phí mất mát trong công tác kho vận ít nhất 5%.

Song song với việc triển khai 3PL, TTC Biên Hòa sẽ nghiên cứu, khảo sát và đánh giá chuẩn bị cho việc áp dụng mô hình 4PL (Chuỗi logistics, dịch vụ logistics được cung cấp đầy đủ) khi thị phần của Công ty bắt đầu mở rộng ra các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2021-2025.

5. TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TIÊU DÙNG THEO HƯỚNG KHAI THÁC SỨC MẠNH HỢP LỰC



Tiếp tục tìm kiếm các Đối tác chiến lược phù hợp với triết lý và đặc thù sản phẩm của TTC Biên Hòa để cộng hưởng sức mạnh phân phối cũng như tối ưu hóa chi phí bán hàng cho đôi bên, đặc biệt ở kênh bán hàng truyền thống (GT) vẫn còn nhiều dư địa để khai thác về lượng. Đồng thời cũng hợp tác với các Đối tác trong việc phát triển các dòng sản phẩm Cạnh Đường tạo thành các gói sản phẩm gian bếp hoặc sử dụng cho gia đình như Nước cốt dừa, Nước uống tinh khiết từ nước cất mía,...

6. ĐẨY MẠNH LỘ TRÌNH SỐ HÓA CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP



Với mục tiêu trở thành một trong những Doanh nghiệp đầu tàu trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp thông minh tại Việt Nam, trong NĐ 2020-2021, TTC Biên Hòa sẽ nhanh chóng thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động, cải tiến quy trình và số hóa chuỗi hoạt động thông qua phần mềm ERP với hệ thống báo cáo phân tích thông minh và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình quản trị rủi ro.

Tính tới thời điểm hiện tại, Công ty đã và đang thực hiện thiết lập quy trình quản trị rủi ro được chuẩn hóa theo thông lệ tốt của ngành với cấu trúc quản trị phù hợp với chiến lược, tổ chức bộ máy nhân sự năng lực và thiết kế hệ thống kiểm soát rủi ro hỗ trợ cải thiện hiệu suất. Cùng với đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc hợp tác, đồng hành cùng với các đơn vị tư vấn hàng đầu nhằm hỗ trợ cho việc chuyển đổi, cụ thể, tháng 8/2020 vừa qua, TTC Biên Hòa và Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG (KPMG) đã ký kết hợp tác trong dự án tư vấn chuyển đổi và triển khai hệ thống Oracle Fusion Cloud với mục tiêu tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tạo tiền đề giúp TTC Biên Hòa trở thành Công ty nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và Khu vực. Oracle Cloud ERP sẽ được tích hợp với các hệ thống hiện tại của TTC Biên Hòa để tạo thành một hệ thống chuỗi cung ứng kinh doanh tích hợp toàn diện. Dự án chuyển đổi số này sẽ được áp dụng đồng bộ cho toàn bộ 20 đơn vị của TTC Biên Hòa tại 4 nước Việt Nam, Singapore, Lào và Campuchia, đồng thời, thực hiện xuyên suốt từ hoạt động thương mại quốc tế, đến nông nghiệp, sản xuất, vận chuyển, lưu trữ và đến từng đối tượng Khách hàng cụ thể.

BÁO CÁO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Bên cạnh những nỗ lực gia tăng quy mô doanh nghiệp, thúc đẩy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã không ngừng hoàn thiện hệ thống Quản trị, hướng đến các chuẩn mực Quản trị tốt nhất theo thông lệ quốc tế nhằm tăng cường tính minh bạch và sự liêm chính đối với Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan.



Ông Hoàng Mạnh Tiến

TV HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: Tháng 7/2019

Trưởng Tiểu ban Kiểm toán
Bổ nhiệm: Tháng 10/2019



Ông Henry Chung

TV HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: Tháng 10/2016

Thành viên Tiểu ban Kiểm toán
Bổ nhiệm: Tháng 5/2018

Phó Ban thường trực Tiểu ban Nhân sự
Bổ nhiệm: Tháng 5/2018

Trong NĐ 2019-2020, số lượng Thành viên HĐQT độc lập là 2/6, chiếm hơn 33% số lượng thành viên, đáp ứng khuyến nghị của Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam vừa được ban hành vào tháng 8/2019. Với việc bổ nhiệm ông Hoàng Mạnh Tiến trở thành Thành viên độc lập thứ 2 của HĐQT kể từ tháng 7/2019, TTC Biên Hòa còn đáp ứng thêm các tiêu chuẩn đa dạng về kinh nghiệm, chuyên môn trong hệ thống Quản trị, đảm bảo không có một hoặc một nhóm Thành viên HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định của bộ máy Quản trị.

Bên cạnh đó, ông Hoàng Mạnh Tiến - Thành viên độc lập HĐQT còn kiêm nhiệm chức danh Trưởng Tiểu ban Kiểm toán, tiếp tục đưa Công ty hướng tới những khuyến nghị theo thông lệ, chuẩn mực của quốc tế cho hoạt động Quản trị, Giám sát, Kiểm soát, Kiểm toán minh bạch và hiệu quả. Các Thành viên HĐQT độc lập tại TTC Biên Hòa đều có trên 15 năm kinh nghiệm trong các công tác Quản trị và Điều hành hoạt động tài chính, ngân hàng bán lẻ, kế toán kiểm toán và đã tham gia HĐQT của Công ty trên 1 năm. Hai Thành viên độc lập đủ điều kiện chuyên môn, kinh nghiệm để tham gia hiệu quả vào các thảo luận của HĐQT, thực hiện vai trò trách nhiệm ở mức cao nhất có thể cũng như có những đóng góp thiết thực cho việc lãnh đạo và hỗ trợ Tiểu ban Kiểm toán.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Trong niên độ, các Thành viên độc lập phản ánh được sự độc lập nhất định, tạo ra tính khách quan trong quá trình ra quyết định và các hoạt động giám sát, xây dựng thêm sự tin tưởng đối với Cổ đông hiện hữu và thu hút thêm nhiều NĐT mới đặc biệt là NĐT nước ngoài.

Mặt khác, Thành viên độc lập còn bảo đảm việc ra quyết định của HĐQT về các vấn đề một cách khách quan, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích, đảm nhận vai trò của người giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban điều hành, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của Cổ đông, đặc biệt là các Cổ đông nhỏ. Gắn liền với vai trò, trách nhiệm chi tiết được phân công trong Điều lệ hoạt động của HĐQT, 2 Thành viên độc lập đã có những hoạt động điển hình trong công tác Quản trị, Giám sát, Kiểm soát và Kiểm toán như sau:

- Hỗ trợ HĐQT thực hiện công tác Quản trị công ty hiệu quả và minh bạch bằng cách cải thiện các vấn đề liên quan đến những mục tiêu QTCT: Giám sát rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản Quản trị nội bộ phù hợp với mô hình Công ty, triển khai hoàn thiện Quản trị công ty theo Bộ nguyên tắc Quản trị mới nhất bao gồm Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT nhằm đảm bảo chính sách Quản trị công ty được thực hiện cả về chức năng, hình thức và Bộ Quy tắc ứng xử;

- Định hướng, giám sát công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban TGĐ và Kiểm toán nội bộ (KTNB) trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT: Giám sát hoạt động thực hiện dự án nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả nguồn lực phân bổ;

- Giám sát công tác Công bố thông tin (CBTT): Giám sát cải thiện CBTT trên trang Web của Công ty, các ấn phẩm, các kênh truyền thông cho Cổ đông, Nhà đầu tư theo đúng quy định của Pháp luật, bao gồm các thông tin tài chính và phi tài chính;

- Đưa ra ý kiến về xung đột lợi ích và giao dịch với các Bên liên quan, góp phần bảo vệ lợi ích của Cổ đông không kiểm soát, tham vấn ý kiến hoàn thiện quy định giao dịch Bên liên quan - Chính sách giao dịch Bên liên quan để hiệu chỉnh, ban hành vào tháng 9/2019;

- Giám sát và kiểm soát BCTC: Giám sát việc lập BCTC phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và các quy định Việt Nam hiện hành đi kèm với việc CBTT minh bạch và kịp thời;

- Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập: Đảm bảo phù hợp yêu cầu về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian và chất lượng, độc lập, không xung đột lợi ích.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Hội đồng Quản trị với vai trò định hướng chiến lược đã hoạt động tích cực, chủ động và linh hoạt để đảm bảo Công ty phát triển theo đúng mục tiêu đề ra, trong bối cảnh ngành Đường Việt Nam hội nhập ATIGA và ít nhiều có sự thay đổi về chính sách:

88
CUỘC HỌP ĐƯỢC TỔ CHỨC

73
NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC BAN HÀNH

47
QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC BAN HÀNH

- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
  - Tổ chức 88 cuộc họp, ban hành 73 Nghị quyết và 47 Quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh theo chiến lược phát triển của Công ty.
  - Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Hội đồng Quản trị Công ty làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác Quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và hướng đến các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế;
- Các thành viên HĐQT thực hiện và giám sát triển khai các quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty trong phạm vi trách nhiệm được phân công;
- Giám sát các mảng hoạt động của Công ty, hoạt động điều hành của Ban TGĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách niên độ, phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để TGĐ triển khai thực hiện.

Ban TGĐ đã nỗ lực trong công tác điều hành, trong việc triển khai các định hướng, kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh và tài chính NĐ 2019-2020:

DOANH THU THUẦN
12.889
TỶ ĐỒNG
VƯỢT **18%** KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
512
TỶ ĐỒNG
VƯỢT **19%** KẾ HOẠCH

- Vượt kế hoạch về Doanh thu và Lợi nhuận theo số liệu BCTC của NĐ 2019-2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam):
  - Doanh thu thuần đạt 12.889 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 512 tỷ đồng, vượt 19% kế hoạch
- Hoàn thành các mục tiêu về Nông nghiệp, Sản xuất, Kinh doanh do HĐQT giao;
- Vận hành ổn định, từng bước tiết giảm chi phí nhân sự, chi phí kho vận, giảm số ngày hàng tồn kho, kiểm soát chi phí sửa chữa lớn và bảo trì, … góp phần đem lại hiệu quả cho Công ty;
- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ, tối ưu hóa sản xuất nhằm gia tăng hiệu suất thu hồi, giảm tiêu hao hóa chất và tỷ lệ sản phẩm không phù hợp;
- Với sự tư vấn của EY Việt Nam, Ban TGĐ đã từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro của cấp quản lý và hoàn thiện chính sách, quy trình Quản trị rủi ro doanh nghiệp, nâng cao năng lực liên tục cho bộ phận Quản trị rủi ro.



Hệ thống tưới tại vùng nguyên liệu Tây Ninh

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2020-2021

Các doanh nghiệp Mía Đường Việt Nam nói chung và TTC Biên Hòa nói riêng giai đoạn sau gia nhập ATIGA đối mặt với rất nhiều thử thách nhưng cũng là cơ hội nếu doanh nghiệp biết cách nắm bắt. Các Thành viên độc lập HĐQT qua đó cũng xây dựng kế hoạch cho các mục tiêu trọng yếu trong hoạt động cho NĐ 2020-2021 cùng với việc xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025 nhằm khẳng định vai trò giám sát và kiểm soát của mình, để tiếp tục xây dựng lộ trình và cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể nhằm đảm bảo sự phát triển, tăng trưởng của Công ty mang tính bền vững, đảm bảo lợi ích của các Cổ đông và Nhà đầu tư:

1. Tiếp tục song hành cùng HĐQT và Ban TGĐ để có thể đưa ra những quyết định kịp thời, công bằng, không gây xung đột về lợi ích giữa các Bên liên quan, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm Cổ đông;
2. Tiếp tục đưa ra những định hướng, giải pháp hữu hiệu cho hoạt động KTNB nhằm đảm bảo hoạt động KTNB phát huy tốt vai trò là tuyến phòng thủ thứ 3 của doanh nghiệp, giảm thiểu đến mức thấp nhất các rủi ro, thực hiện Quản trị rủi ro là điều kiện tiên quyết trong mọi hoạt động;
3. Hỗ trợ Ban TGĐ hoàn thiện về hoạt động Quản trị rủi ro.



BÁO CÁO
TIỂU BAN KIỂM TOÁN

CÁC THÀNH VIÊN TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Từ NĐ 2017-2018, thực hiện kế hoạch cải thiện mô hình QTCT theo thông lệ quốc tế, TTC Biên Hòa đã thành lập TBKT thuộc HĐQT, sau 2 NĐ hoạt động TBKT đã phát huy hết vai trò giám sát, kiểm soát hoạt động Công ty một cách độc lập và minh bạch từ đó đưa ra nhận định về các rủi ro có thể phát sinh trong NĐ 2019-2020 và tương lai, luôn luôn cảnh báo một cách kịp thời cho HĐQT.

TBKT NĐ 2019-2020 gồm 2 thành viên có đầy đủ năng lực và chuyên môn trong hoạt động QTCT. Trưởng TBKT là người có bề dày kinh nghiệm trong công tác kiểm toán và QTRR. Thành viên còn lại là chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế và tài chính, có kinh nghiệm làm việc nhiều năm ở môi trường Quốc tế:



1. Ông HOÀNG MẠNH TIẾN

TV độc lập HĐQT
Trưởng Tiểu ban Kiểm toán

Thời điểm bổ nhiệm: 10/2019
Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu trên VĐL: 0,16%

Quyền và Nhiệm vụ

- Lập chương trình hành động của TBKT;
- Chỉ đạo các Thành viên TBKT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của TBKT;
- Chỉ đạo Phòng KTNB triển khai thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ;
- Đề nghị họp HĐQT bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Ông HENRY CHUNG

TV độc lập HĐQT không điều hành
Thành viên Tiểu ban Kiểm toán

Thời điểm bổ nhiệm: 5/2018
Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu trên VĐL: 0%

Quyền và Nhiệm vụ

- Thực hiện nhiệm vụ do Trưởng TBKT phân công;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ, HĐQT về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

TÍNH ĐỘC LẬP CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

- TBKT thực hiện nhiệm vụ dựa trên kiến thức và năng lực chuyên môn, hoàn toàn khách quan và không chịu tác động của bất kỳ mối quan hệ cá nhân hay chuyên môn nào;
- Các thành viên TBKT không có bất kỳ xung đột lợi ích cụ thể nào trong khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ mà có thể ảnh hưởng đến tính độc lập khách quan;
- TBKT có đầy đủ thẩm quyền để xem xét bất kỳ vấn đề nào trong mọi hoạt động của TTC Biên Hòa (và các Đơn vị thành viên); được tiếp cận đầy đủ thông tin, tài liệu và được quyền yêu cầu Ban Điều hành hợp tác chặt chẽ và có thẩm quyền mời bất kỳ thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban Điều hành nào tham dự các cuộc họp của TBKT;
- TBKT có đầy đủ các nguồn lực và thẩm quyền để thực hiện chức năng của TBKT nhằm đảm bảo các thiết chế KSNB phù hợp được duy trì để TTC Biên Hòa tuân thủ các quy định của luật pháp và các quy định nội bộ liên quan.



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Các hoạt động của TBKT trong NĐ đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát đối với công tác QLRR, lập BCTC, kiểm soát độc lập, QTCT một cách đầy đủ và hiệu quả.

Với sự tham gia giám sát, kiểm soát độc lập của TBKT, các hoạt động của TTC Biên Hòa được gia tăng hiệu quả kinh doanh, giảm thiểu rủi ro gian lận, nâng cao tính tuân thủ, thể hiện tính trung thực trong chính sách bảo vệ quyền lợi các Bên liên quan, trong đó có Cổ đông và Nhà đầu tư.

Niên độ 2019-2020 đã có sự điều chỉnh trong phương pháp làm việc, theo đó TBKT thực hiện vai trò giám sát cả trước, trong và sau mỗi kỳ báo cáo Quý, kỳ giám sát Quý. Đây là một quá trình giám sát liên tục, chú trọng vào việc cải thiện hệ thống KSNB, phòng ngừa rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi giám sát.

Kết quả hoạt động giám sát của Tiểu ban kiểm toán NĐ 2019-2020 dựa theo thông lệ tiên tiến

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY, HĐQT VÀ BAN TGĐ

Thực hiện

- Giám sát các hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát hoạt động của Ban TGĐ triển khai kế hoạch, hành động theo Nghị quyết HĐQT;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT;
- Giám sát tính tuân thủ hoạt động Công ty theo đúng Điều lệ, Pháp luật hiện hành, quy định nội bộ;
- Tham mưu, tư vấn, giám sát cải thiện hoạt động QTCT theo thông lệ quốc tế như Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất Việt Nam, Thẻ điểm QTCT khu vực Asean - ASEAN SCORECARD, Quy tắc QTCT theo OECD;
- Văn bản hóa tất cả các dịch vụ sử dụng giữa Công ty, Công ty thành viên với Tập đoàn TTC, minh bạch trong quan hệ với Nhà đầu tư.

Kết quả đạt được

- Nắm bắt thông tin kịp thời cũng như có ý kiến, trao đổi đối các vấn đề nổi bật, rủi ro tại Công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đúng và đầy đủ;
- Hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ;
- Tăng cường cam kết thực hiện chuẩn mực QTCT thông qua Cam kết của HĐQT, Bộ Quy chế ứng xử, Bộ Quy tắc QTCT;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động HĐQT thông qua việc gia tăng số lượng Thành viên độc lập HĐQT, minh định và nhấn mạnh nghĩa vụ từng Thành viên theo phân công trách nhiệm;
- Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của Ban điều hành.

BÁO CÁO TIỂU BAN KIỂM TOÁN (tiếp theo)

THẨM ĐỊNH BCTC VÀ GIÁM SÁT CBTT

Thực hiện

- Thẩm định BCTC Bán niên và Toàn niên độ;
- Soát xét BCTC Quý, Bán niên;
- Công tác CBTT: đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư 155/2015/TT–BTC Hướng dẫn CBTT trên TTCK và Quy chế CBTT tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Kết quả đạt được

- Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT đến các Cổ đông, NĐT, Khách hàng, Đối tác;
- BCTC trung trực, hợp lý trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, chính sách kế toán áp dụng nhất quán, thuyết minh đầy đủ các thông tin trọng yếu trên BCTC;
- Các BCTC Quý đã được Tiểu ban Kiểm toán soát xét, nâng cao độ tin cậy của báo cáo trước khi công bố;
- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại ...);
- Một số ý kiến của Kiểm toán độc lập nhằm nâng cao KSNB đã được Tiểu ban xem xét, đánh giá và nhận thấy không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và công bố BCTC, đồng thời thống nhất biện pháp cải thiện với Ban điều hành (và các Bên liên quan - nếu có);
- Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch các Bên liên quan;
- Không có vi phạm về CBTT.

GIÁM SÁT, DUY TRÌ VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO

Thực hiện

- Rà soát văn bản lập quy hiện hành của Công ty;
- Giám sát hoạt động KTNB;
- Đánh giá tính tuân thủ, hiệu quả trong công tác thực thi hệ thống KSNB;
- Tham mưu, đề xuất cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo hoạt động, vận hành ổn định, hiệu quả, phòng tránh rủi ro;
- Hỗ trợ Dự án xây dựng Hệ thống QTRR doanh nghiệp (ERM).

Kết quả đạt được

- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi bộ phận chuyên trách. Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ các quy trình hiện hành được thực hiện có xu hướng tích cực hơn so với niên độ trước;
- Tuân thủ, tăng cường các kiểm soát để kịp thời nhận diện và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, phân định trách nhiệm rõ ràng nhằm hướng dẫn việc QTRR một cách phù hợp và toàn diện, xây dựng các thủ tục giúp cung cấp thông tin về cách xác định, phân tích, đánh giá, xử lý rủi ro và phòng tránh rủi ro;
- Đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của hệ thống KSNB, nâng cao hiệu quả hoạt động QTCT;
- Hiện nay, Công ty đang từng bước hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức thực hiện QTRR doanh nghiệp dựa trên nền tảng "3 Vòng bảo vệ" theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế với sự tư vấn của Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam và đảm bảo hình thành phòng QLRR (tuyến phòng vệ thứ hai) với đầy đủ nguồn lực;
- Cán bộ nhân viên Công ty từng bước nâng cao nhận thức và có trách nhiệm đối với vấn đề KSNB và QLRR, đặc biệt thông qua các cuộc kiểm tra đều có đánh giá về hệ thống KSNB ở hầu hết các quy trình nghiệp vụ và đánh giá tính tuân thủ đối với các đơn vị/bộ phận trực thuộc;
- Kết thúc dự án ERM: hoàn thành danh mục rủi ro chiến lược, trọng yếu; danh mục chi tiết các rủi ro liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ; sổ tay quản trị rủi ro.



GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thực hiện

- KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của TBKT
- Thông qua phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, xem xét Quy chế hoạt động và phương pháp KTNB
- Giám sát Chương trình An ninh mạng, thiết lập đầy đủ hệ thống bảo mật thông tin, cài đặt quyền truy cập hệ thống theo phân quyền và chức năng.

Kết quả đạt được

- Chức năng KTNB đã hoạt động hữu hiệu và tiệm cận với phương pháp KTNB theo những thực tiễn tốt nhất và chuẩn mực của quốc tế;
- Việc phối hợp giữa TGĐ và TBKT trong quản lý chức năng KTNB giúp KTNB phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong KSNB và QLRR cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh;
- Ưu tiên chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ, tư vấn các đơn vị trong QLRR và KSNB đã mang lại kết quả tích cực và tiếp tục được duy trì;
- Kế hoạch KTNB NĐ 2019-2020 đã được hoàn thành trong phạm vi nguồn lực và thời hạn dự kiến;
- Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán thực hiện tốt và có chiều hướng tích cực hơn năm trước;
- Các khuyến nghị của KTNB được các đơn vị liên quan tiếp thu và triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được KTNB theo dõi;
- TBKT đã tiến hành đánh giá toàn diện chức năng KTNB trong NĐ 2019-2020. Kết quả đánh giá cho thấy KTNB đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch kiểm toán được giao (mặc dù ít nhiều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19). Các đơn vị phát hiện và khuyến nghị của KTNB đã giúp các đơn vị, khối, phòng ban, nhà máy, nông trường...được kiểm tra không chỉ nâng cao ý thức trách nhiệm tuân thủ quy trình nghiệp vụ mà còn giúp cải tiến quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Kiến nghị KTNB giám sát và đánh giá Chương trình An ninh mạng của phòng QLHT, cần thiết lập đầy đủ hệ thống bảo mật thông tin mạng của Công ty. Cảnh báo người dùng thường xuyên thay đổi mật khẩu đăng nhập;
- Giám sát phòng QLHT cài đặt quyền truy cập hệ thống theo đúng phân quyền và chức năng. Và cài đặt phân quyền xem được các hiển thị dữ liệu khi phát sinh sai sót;
- Kiến nghị Phòng QLHT chỉ đồng ý chỉnh sửa dữ liệu trên hệ thống khi nhận được yêu cầu từ cấp thẩm quyền.

BÁO CÁO TIỂU BAN KIỂM TOÁN (tiếp theo)

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Thực hiện

- Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán với các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty kiểm toán độc lập về kết quả thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC và các ý kiến trong Thư tư vấn.

Kết quả đạt được

- Kiểm toán BCTC luôn đạt tính độc lập, khách quan;
- Nâng cao sự tín nhiệm của Cổ đông, NĐ; uy tín và hình ảnh Công ty;
- Minh bạch và tăng độ tin cậy của người sử dụng thông tin;
- Xem xét năng lực, trình độ chuyên môn của ứng viên kiểm toán độc lập và đảm bảo không ảnh hưởng đến tính độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán, tuyệt đối không có quan hệ hay lợi ích với Công ty và/hoặc các Công ty thành viên;
- Xem xét uy tín và kinh nghiệm của đơn vị kiểm toán có đáp ứng được quy mô và tính đa dạng của Công ty và các Công ty thành viên.

GIÁM SÁT GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thực hiện

- Thường xuyên rà soát (các) giao dịch các Bên liên quan;
- Đánh giá, rà soát trình bày và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các Bên liên quan.

Kết quả đạt được

- Các giao dịch luôn được thực hiện minh bạch trên cơ sở giá thị trường, tuân thủ theo quy định Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy định về giao dịch Bên liên quan;
- Công bằng trong các giao dịch, không đem lại bất kỳ sự thiên vị cho các Bên liên quan.

Nguồn: TTC Biên Hòa



Cán bộ nhân viên TTC Biên Hòa

CÁC CUỘC HỌP TIỂU BAN KIỂM TOÁN

TBKT đã tiến hành 4 lần họp chính thức được ghi nhận trong Biên bản họp NĐ 2019-2020. Đại dịch Covid 19 không làm ảnh hưởng đến hoạt động của TBKT, các Thành viên phần lớn chủ động trao đổi qua hệ thống viễn thông như thư điện tử, điện thoại hoặc các mạng xã hội để giải quyết nhanh các vấn đề phát sinh đột xuất.

NGÀY HỌP	NỘI DUNG
12/7/2019	• Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên NĐ 2018-2019 và Nghị quyết HĐQT Quý 4 NĐ 2018-2019; • Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh Quý 4 NĐ 2018-2019; • Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các Bên liên quan; • Thảo luận về công tác KTNB trong Quý 4 NĐ 2018-2019 và kế hoạch hành động trong NĐ 2019- 2020.
11/10/2019	• Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Nghị quyết HĐQT Quý 1 NĐ 2019-2020; • Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh Quý I NĐ 2019-2020; • Đánh giá và cho ý kiến về giao dịch các Bên liên quan; • Chuẩn bị tham gia các nội dung cho dự án xây dựng hệ thống QTRR doanh nghiệp (ERM) nhằm đáp ứng mục tiêu QTCT tiệm cận chuẩn mực và thông lệ quản trị tiên tiến; đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và nâng cao hiệu quả của hệ thống KSNB của Công ty; • Thảo luận về công tác KTNB trong Quý 1 NĐ 2019-2020 và kế hoạch làm việc trọng tâm Quý tiếp theo.
28/2/2020	• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh Quý 2 NĐ 2019-2020; • Đánh giá hoạt động kinh doanh tháng 1, tháng 2/2020 (2 tháng sau hội nhập ATIGA); • Tham gia ý kiến việc chuẩn bị thành lập Ban xử lý khủng hoảng (dịch bệnh Covid 19), hỗ trợ các đơn vị/bộ phận trong việc xây dựng các phương án xử lý dịch bệnh khi phát sinh; • Cho ý kiến xử lý tiếp theo đối với các Báo cáo, Biên bản kiểm toán đơn vị/bộ phận trực thuộc; • Xem xét tiến độ thực hiện dự án Quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM).
21/4/2020	• Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh Quý 3 NĐ 2019-2020; • Thảo luận kết quả thực hiện các công tác đột xuất từ chỉ đạo của HĐQT; • Thảo luận nội dung báo cáo giao ban của Phòng KTNB trong Quý 3 NĐ 2019-2020.

CÁC KHÓA HỌC HUẤN LUYỆN

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán được tham gia đào tạo, tự đào tạo:

1. **Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất** (do IFC phối hợp với UBCK tổ chức)
2. **Các khóa học về KTNB, QTRR** (do các đơn vị tư vấn tổ chức)
3. **Các khóa cập nhật kiến thức về thuế, chuẩn mực kế toán**

DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN TRONG 5 NĂM GẦN NHẤT

Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	Niên độ 2017-2018	Niên độ 2018-2019	Niên độ 2019-2020
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến Kiểm toán: Trung thực và hợp lý

KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2020-2021

Mục tiêu

- Thay mặt HĐQT tiếp tục giám sát tốt các hoạt động KTNB;
- Đảm bảo tính trung thực hợp lý của các báo cáo tài chính;
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp quản lý trực tiếp đối với các sai phạm của nhân viên/đơn vị mình quản lý;
- Tăng cường tính hiệu quả và độc lập trong hoạt động KTNB;
- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân sự, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc.

Giải pháp thực hiện

Hoạt động	Khu vực Nhà máy
Tổ chức, nhân sự	▸ Đảm bảo đủ nhân sự theo cơ cấu tổ chức KTNB phù hợp với định hướng quản lý theo vùng; ▸ Tăng cường đào tạo nội bộ, tự đào tạo (bên trong và bên ngoài) nhằm nâng cao kiến thức ngành và năng lực giám sát.
Đẩy mạnh hoạt động kiểm soát	▸ Xem xét, giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống KSNB; giám sát công tác ban hành, triển khai các quy định nội bộ; đánh giá tính tuân thủ và tính hiệu quả của các chốt kiểm soát trong các quy định, quy trình trong thực thi, tác nghiệp; ▸ Xem xét, đánh giá hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro (bao gồm cả rủi ro Môi trường và Xã hội, an ninh mạng, chiến lược, chính sách kiểm soát gian lận . . .); ▸ Tham mưu, tư vấn cho HĐQT về hệ thống KSNB, tăng cường tính hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích Công ty; ▸ Xây dựng từng bước bảng phân loại mức độ sai phạm do không tuân thủ, qua đó song song với yêu cầu chỉnh sửa, khuyến nghị hoàn thiện là đề xuất mức chế tài phù hợp kể cả cấp quản lý trực tiếp; ▸ Thông qua đánh giá của hoạt động QLRR, theo đó để (i) làm cơ sở xây dựng kế hoạch KTNB và chú trọng đến các đơn vị, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, hoặc có tính trọng yếu; (ii) tăng cường tần suất kiểm tra đối với đơn vị đó với đánh giá cụ thể và/hoặc đề xuất chế tài nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định và duy trì hiệu lực của hệ thống KSNB; (iii) hiệu chỉnh chương trình KTNB, theo hướng chú trọng phân tích và đánh giá rủi ro; đánh giá năng lực tổ chức và triển khai của các cấp quản lý trung gian; ▸ Kiên quyết đề xuất chế tài đối với các trường hợp không tuân thủ dẫn đến rủi ro và những trường hợp vi phạm lặp lại nhằm đảm bảo tính tuân thủ của hệ thống KSNB được thực hiện nghiêm túc và các kiến nghị được chỉnh sửa hoàn thiện, giảm thiểu rủi ro; ▸ Tăng cường tương tác với Phòng QLRR để kịp thời hỗ trợ các đơn vị trong công tác QTRR. Đẩy mạnh hơn nữa vai trò tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành cũng như các phòng/ban/bộ phận trong toàn ngành; ▸ Tăng cường các đợt kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề, tập trung vào các hoạt động, nghiệp vụ nhiều tiềm ẩn rủi ro như đầu tư nông nghiệp, sản xuất, quản lý công nợ, tồn kho, quản lý ngân quỹ, kho vận, môi trường,… Tăng cường kiểm tra theo chuyên đề sâu nhằm đảm bảo chất lượng của từng cuộc kiểm toán.
Soát xét Báo cáo tài chính và Công bố thông tin	▸ Giám sát việc lập và trình bày BCTC tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành; ▸ Thực hiện thẩm định các BCTC trước khi phát hành và CBTT; ▸ Giám sát CBTT theo đúng quy định; ▸ Duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập thường xuyên, giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC.
Quản trị doanh nghiệp	▸ Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty; ▸ Nỗ lực đáp ứng các nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất.
Giám sát giao dịch các Bên liên quan	▸ Giám sát và rà soát thường xuyên giao dịch các Bên liên quan, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định về giao dịch Bên liên quan; ▸ Phân tích, đánh giá giao dịch với các Bên liên quan để xem xét liệu các giao dịch có được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường và khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Cổ đông.
Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	▸ Tăng cường và duy trì mối quan hệ tích cực với Ban TGĐ thông qua các cuộc họp, trao đổi thường xuyên; ▸ Đảm bảo Ban TGĐ được cung cấp đầy đủ các thông tin từ TBKT đối với các quyết định quan trọng và/hoặc các vấn đề trọng yếu.

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN KHÁC TRỰC THUỘC HĐQT



Nhằm tăng cường hiệu quả và ra quyết định một cách nhanh chóng trên nguyên tắc trách nhiệm, cẩn trọng, TTC Biên Hòa đã sớm thành lập Tiểu ban Chiến lược và Tiểu ban Nhân sự bên cạnh Tiểu ban Kiểm toán. Hằng năm, HĐQT đều thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng tiểu ban bằng cách mỗi tiểu ban tự đánh giá, sau đó HĐQT sẽ họp chính thức để đánh giá chung hoạt động của từng tiểu ban và cả HĐQT trong năm. Việc đánh giá hoạt động của từng thành viên sẽ được HĐQT cân nhắc đánh giá một cách chính xác, trung thực, đầy đủ và khách quan.

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Giới thiệu Tiểu ban Chiến lược

Tiểu ban Chiến lược của TTC Biên Hòa gồm 4 thành viên, trong đó Trưởng ban là Chủ tịch HĐQT, Phó ban và 2 Thành viên đều là Thành viên HĐQT không điều hành.

STT	Họ và Tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ Tiểu ban Chiến lược	Thời điểm bổ nhiệm	Quyền và Nhiệm vụ
1	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Trưởng ban	11/2019	Chịu trách nhiệm chung cho chiến lược
2	Ông Phạm Hồng Dương	Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực	Phó ban	11/2019	Chịu trách nhiệm về cải tiến công nghệ sản xuất và phát triển sản phẩm mới
3	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên	11/2019	Chịu trách nhiệm về phát triển thương mại quốc tế và đầu tư khối ngoại
4	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên HĐQT	Thành viên	11/2019	Chịu trách nhiệm về xu hướng và cải thiện nông nghiệp

Chức năng nhiệm vụ

- Phê duyệt tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu dài hạn;
- Đưa ra các phương án quản trị hữu hiệu để Công ty đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn;
- Định hướng về PTBV;
- Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược;
- Phụ trách xây dựng chính sách giao dịch các bên liên quan;
- Phụ trách xây dựng hệ thống báo cáo quản trị, quản lý.

Hoạt động trong Niên độ 2019-2020 của Tiểu ban Chiến lược

- Niên độ 2019-2020, Tiểu ban Chiến lược đã hoàn thành chiến lược 3 năm giai đoạn 2018-2020 với những kết quả tốt khi sản lượng tiêu thụ đạt hơn 1 triệu tấn và mở rộng thị phần tại các thị trường mục tiêu
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các phương án M&A
- Đối với hoạt động huy động vốn, Công ty đã huy động thành công 650 tỷ từ Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài DEG đồng thời phát hành thành công gói trái phiếu không tài sản đảm bảo với Quỹ đầu tư Coretrend với tổng giá trị 172 tỷ đồng.

Các cuộc họp trong Niên độ 2019-2020

STT	Thời gian	Nội dung cuộc họp
1	19/9/2019	Phiên làm việc thảo luận về phương án M&A phục vụ cho thương mại quốc tế trong bối cảnh hội nhập vào năm 2020
2	13/11/2019	Phiên làm việc thảo luận về mô hình quản trị theo khu vực
3	11/2/2020	Phiên làm việc thảo luận về phương án kêu gọi vốn đầu tư khối ngoại qua công cụ trái phiếu chuyển đổi

Kế hoạch trong Niên độ 2020-2021

Cùng với HĐQT thực hiện chiến lược giai đoạn 5 năm tiếp theo 2021-2025. Trong đó tập trung các yếu tố tiên quyết gồm "Số hóa", "Nông nghiệp chiều sâu" và "Sản phẩm mới"

Thực hiện xây dựng quy trình Quản trị tài chính và Phân bổ nguồn vốn nhằm tăng cường sự ổn định tài chính và đóng góp vào tốc độ tăng trưởng của Công ty, bao gồm việc:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược vốn, lựa chọn các dự án đầu tư phù hợp (M&A);
- Xem xét kế hoạch đầu tư vào các công ty đối tác chiến lược và quản trị các danh mục đầu tư dựa trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản trị rủi ro;
- Chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo và đề xuất chiến lược kinh doanh của Công ty lên HĐQT.

BÁO CÁO CÁC TIỂU BAN KHÁC TRỰC THUỘC HĐQT (tiếp theo)

TIỂU BAN NHÂN SỰ

Giới thiệu Tiểu ban Nhân sự

Tiểu ban Nhân sự của TTC Biên Hòa gồm 2 thành viên, trong đó Trưởng ban là Phó Chủ tịch HĐQT và Thành viên là Thành viên HĐQT độc lập.

STT	Họ và Tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ Tiểu ban Nhân sự	Thời điểm bổ nhiệm	Quyền và Nhiệm vụ
1	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Phó Chủ tịch HĐQT	Trưởng ban	12/2019	Chịu trách nhiệm về chiến lược quản trị nguồn nhân lực
2	Ông Henry Chung	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên	12/2019	Chịu trách nhiệm về lương thưởng, chính sách đãi ngộ

Chức năng nhiệm vụ

- Đề xuất tiêu chí và quy trình đánh giá về phẩm chất, năng lực của Thành viên HĐQT, TGĐ và Cán bộ cấp cao;
- Xây dựng chương trình đào tạo cho Thành viên HĐQT, TGĐ và Cán bộ cấp cao;
- Tham mưu cơ cấu nhân sự của các đơn vị cho HĐQT và chuẩn bị nguồn nhân lực các vị trí Lãnh đạo cấp cao;
- Hỗ trợ thiết lập cơ cấu, chính sách lương thưởng để thu hút, duy trì và thúc đẩy hoạt động của các Thành viên trong bộ máy Quản trị và Điều hành đem lại hiệu quả cao.

Hoạt động trong Niên độ 2019-2020 của Tiểu ban Chiến lược

- Trong NĐ 2019-2020, Tiểu ban Nhân sự đã hoạt động rất tích cực với sự thành công trong việc đưa ra những tham mưu về cơ cấu nhân sự của HĐQT và Cán bộ chủ chốt một cách phù hợp, đúng với xu thế hội nhập cũng như chiến lược phát triển của Công ty.
- Xây dựng quy trình lựa chọn thành viên HĐQT và Cán bộ chủ chốt trên cơ sở công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ hàng năm, xem xét lại tính độc lập của các thành viên HĐQT độc lập.
- Xây dựng các chính sách trong việc xác định lương, thưởng, thù lao và kỷ luật cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành. Định kỳ hàng năm xem xét, đánh giá lại mức lương, thưởng, thù lao và kỷ luật của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và đề xuất HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua.

Các cuộc họp trong Niên độ 2019-2020

STT	Thời gian	Nội dung cuộc họp
1	22/1/2020	Phiên làm việc thảo luận về phương án nhân sự theo mô hình quản trị khu vực
2	16/3/2020	Phiên làm việc thảo luận về mô hình làm việc theo khái niệm Giao và quản lý dự án - Project Base Assignment

Kế hoạch trong Niên độ 2020-2021

Cùng với HĐQT thực hiện xây dựng chiến lược nhân sự cho giai đoạn 5 năm tiếp theo 2021-2025. Chiến lược nhân sự giai đoạn mới sẽ tập trung đáp ứng đủ các yếu tố tiên quyết gồm "Số hóa", "Nông nghiệp chiều sâu" và "Sản phẩm mới" với phương châm tạo điều kiện phát triển, khích lệ tinh thần làm chủ, hướng đến hiệu quả và duy trì vai trò tiên phong đối với ngành nghề.

Xây dựng chiến lược nhân sự cấp cao cho Công ty, triển khai kế hoạch nhân sự kế thừa sẵn sàng tiếp nhận chiến lược, định hướng phát triển của Công ty.

Xây dựng chiến lược sử dụng và đào tạo nhân sự phù hợp với cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty song song với thiết lập môi trường làm việc văn minh và chuyên nghiệp nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.



QUẢN TRỊ RỦI RO



Vùng nguyên liệu Tây Ninh

Định hướng chiến lược của TTC Biên Hòa là trở thành Công ty Nông nghiệp hàng đầu không chỉ tại Việt Nam mà còn vươn tầm khu vực và thế giới thông qua chuỗi giá trị sản phẩm đa dạng, vượt trội, cùng với kênh phân phối rộng khắp. Và để đạt được mục tiêu này TTC Biên Hòa hiểu rằng cần phải tập trung bắt đầu từ việc xây dựng giá trị nội tại cốt lõi bên trong, vì một nền tảng vững vàng sẽ là tiền đề cho sự tăng trưởng của Công ty. Hiện nay, các hoạt động QTRR đã được Công ty đặc biệt quan tâm, và coi là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững và ổn định.



CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

TTC Biên Hòa luôn nỗ lực hoàn thành cam kết mang lại giá trị đầu tư cho các cổ đông thông qua việc giữ vững tăng trưởng về lợi nhuận, vị thế dẫn đầu trong thị trường và luôn đạt được những kế hoạch doanh thu mà ĐHĐCĐ đề ra. Tuy nhiên, Công ty tuyệt đối không vì thế mà đánh đổi sự chính trực, giá trị cốt lõi và uy tín để mạo hiểm chấp nhận rủi ro về mặt sức khỏe và an toàn của Người tiêu dùng, rủi ro về chất lượng của sản phẩm hay là rủi ro về mặt pháp lý,...

Và để đạt được điều đó, TTC Biên Hòa luôn có những sự chuẩn bị, biện pháp ứng phó sẵn sàng và đánh giá các rủi ro một cách toàn diện.

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI TTC BIÊN HÒA



Nguồn: TTC Biên Hòa

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO 4 PHÂN LỚP



1 Lớp xác lập

Bao gồm:
Hội đồng quản trị

Vai trò - Trách nhiệm

- Phê duyệt cấu trúc và chính sách QLRR;
- Giám sát và xem xét tính hiệu quả của cấu trúc QLRR;
- Đưa ra các định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro, tuyên bố về khẩu vị rủi ro;
- Xây dựng thước đo rủi ro;
- Đồng thời cũng đưa ra các đánh giá về rủi ro và các hành động giảm thiểu rủi ro.

2 Lớp quản lý

Bao gồm:
Phòng Quản lý rủi ro
và đội ngũ Điều phối viên

Vai trò - Trách nhiệm

- Rà soát kết quả đánh giá của các Chủ sở hữu rủi ro;
- Tổ chức triển khai, điều phối các hoạt động QLRR;
- Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức QLRR;
- Xác lập tài liệu hướng dẫn các phương pháp, quy trình QLRR.

3 Lớp thực thi

Bao gồm:
Các Chủ sở hữu rủi ro

Vai trò - Trách nhiệm

- Thực hiện nhận diện, đánh giá và xếp hạng rủi ro trong lĩnh vực phụ trách;
- Đề xuất các kế hoạch hành động.

4 Lớp đảm bảo

Bao gồm:
Tiểu ban Kiểm toán và
Phòng Kiểm toán nội bộ

Vai trò - Trách nhiệm

- Giám sát và đánh giá việc vận hành hệ thống QLRR.

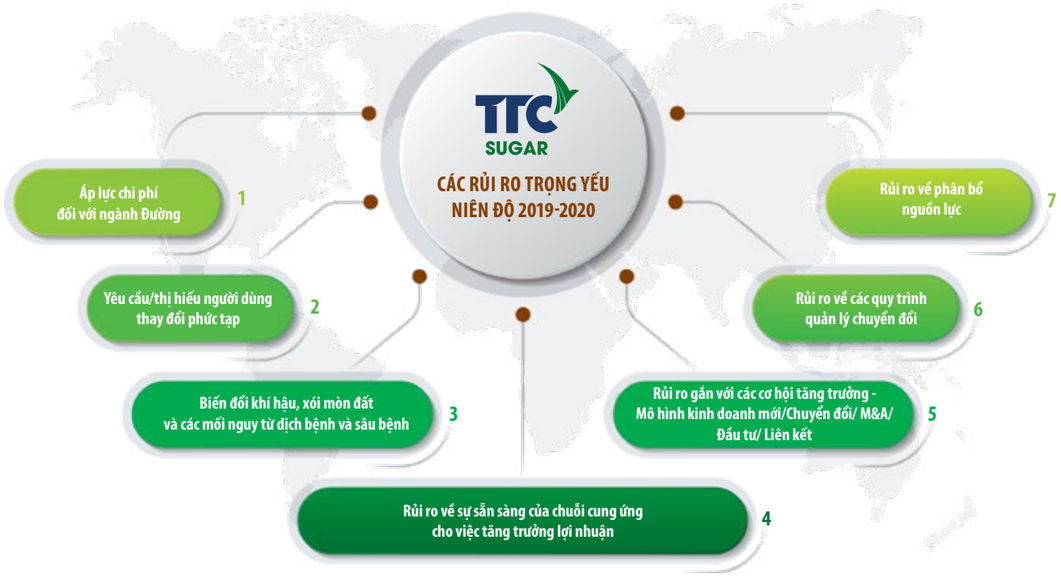
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NIÊN ĐỘ 2019-2020

Niên độ 2019-2020 TTC Biên Hòa bước vào giai đoạn xây dựng hệ thống QTRR dựa trên các kết quả tư vấn từ Công ty TNHH Ernst & Young. Các hoạt động chính đã thực hiện trong NĐ như sau:

1. Rà soát và thống nhất quan điểm QTRR (tuyên bố về khẩu vị rủi ro, thước đo rủi ro) và xác định danh mục rủi ro chiến lược tại Công ty;
2. Nâng cao năng lực QTRR của cấp quản lý thông qua các hoạt động tổ chức đào tạo thực hành bởi đơn vị tư vấn Công ty TNHH Ernst & Young;
3. Hoàn thiện chính sách và quy trình QLRR, các công cụ và kỹ thuật QLRR, chỉ số cảnh báo rủi ro (KRIs);
4. Nâng cao năng lực liên tục cho bộ phận QTRR, các điều phối viên QTRR tại các đơn vị.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU NIÊN ĐỘ 2019-2020

TTC Biên Hòa đang tổ chức triển khai danh mục rủi ro trên hầu hết tất cả các hoạt động của Công ty như: Chiến lược, Thực thi chiến lược, Nông nghiệp, Sản xuất, Kinh doanh, Nhân sự, Tài chính, Xử lý khủng hoảng… Các rủi ro được theo dõi thường xuyên, đánh giá định kỳ, trong đó một số rủi ro quan trọng được chú trọng quản lý trong NĐ 2019-2020 như sau:



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Các rủi ro trọng yếu đã và đang được xem xét Niên độ 2019-2020
Trích Bộ Danh mục rủi ro trọng yếu của TTC Biên Hòa

RỦI RO	DIỄN GIẢI RỦI RO	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
1. Áp lực chi phí đối với ngành Đường	Công ty chưa xác định và triển khai một cách hiệu quả các sáng kiến tối ưu hóa chi phí cho mảng Đường, trong bối cảnh áp lực cạnh tranh giá cả và chi phí tăng cao.	▸ Hoàn thiện mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, phù hợp với mục tiêu chiến lược đã đề ra; ▸ Phát triển và áp dụng các công nghệ mới vào trong quá trình trồng trọt - chế biến; ▸ Triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).
2. Yêu cầu/thị hiếu người dùng thay đổi phức tạp	Yêu cầu/ thị hiếu người dùng thay đổi phức tạp trên thị trường Việt Nam và thế giới.	▸ Xây dựng chiến lược và kế hoạch R&D và hoàn thiện năng lực về R&D; ▸ Áp dụng công nghệ để nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm và đảm bảo sự minh bạch của chuỗi cung ứng.
3. Biến đổi khí hậu, xói mòn đất và các mối nguy từ dịch bệnh và sâu bệnh	Biến đổi khí hậu, xói mòn đất và các mối nguy từ dịch bệnh và sâu bệnh (rủi ro không thể kiểm soát) ảnh hưởng đến việc sản xuất đường và gia tăng chi phí để kiểm soát các rủi ro này.	▸ Nghiên cứu, phát triển các kỹ thuật nông nghiệp, chế phẩm sinh học, giống mới để dự phòng các rủi ro và tìm giải pháp năng suất tối ưu.
4. Rủi ro về sự sẵn sàng của chuỗi cung ứng cho việc tăng trưởng lợi nhuận	Chuỗi cung ứng chưa sẵn sàng để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận ở mảng kinh doanh cốt lõi.	▸ Tái cấu trúc mô hình Chuỗi cung ứng - Mua hàng - Kho vận phục vụ cho chuyển đổi hoạt động kinh doanh; ▸ Hoàn thiện quy trình đầu cuối (end - to - end) và lập kế hoạch dự phóng; ▸ Triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).
5. Rủi ro gắn với các cơ hội tăng trưởng - Mô hình kinh doanh mới/ Chuyển đổi/ M&A/ Đầu tư/ Liên kết	Công ty chưa phân tích kỹ lưỡng để xác định và so sánh các cơ hội tăng trưởng từ các hoạt động đầu tư vào các mô hình kinh doanh mới, các chuyển đổi, M&A, đầu tư hoặc liên kết.	▸ Tái cấu trúc mô hình quản trị tài chính: • Xây dựng phương án quy hoạch thuế phù hợp với mục tiêu của mô hình kinh doanh và đảm bảo tối ưu lợi ích về thuế; • Hoàn chỉnh các quy trình quản lý tài chính.
6. Rủi ro về các quy trình quản lý chuyển đổi	Công ty chưa thực hiện các quy trình quản lý chuyển đổi phù hợp, ảnh hưởng đến việc đạt được giá trị mong muốn từ các sáng kiến chuyển đổi.	▸ Xác lập cấu trúc và tổ chức quản lý thay đổi: Tổ chức Ban quản lý chuyển đổi, xây dựng, đào tạo và thực hiện quản lý chuyển đổi tại từng cấp nhân sự.
7. Rủi ro về phân bổ nguồn lực	Công ty chưa tổ chức và quản lý các nguồn lực của mình một cách hiệu quả, ảnh hưởng đến khả năng đạt được các mục tiêu chiến lược và kinh doanh một cách hiệu quả nhất	▸ Hoàn chỉnh khung quản trị nhân sự, đặc biệt là chiến lược & kế hoạch nhân sự, hệ thống quản lý hiệu quả hoạt động; ▸ Triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP); ▸ Chuẩn hóa các quy trình đầu cuối (end - to - end) và hoàn thiện ma trận phân nhiệm phân quyền (RACI).

Nguồn: TTC Biên Hòa



Kho thành phẩm

Niên độ 2019-2020 vừa qua được đánh giá là một năm của những sự biến động không chỉ đối với TTC Biên Hòa khi ngành Đường đã phải trải qua những thăng trầm lớn từ tính chu kỳ, thách thức từ việc hội nhập ATIGA mà còn đối với cả nền kinh tế khi chúng ta đang chịu những tác động không nhỏ từ đại dịch Covid-19.

Trên thực tế, đại dịch Covid-19 đang gây ra một cuộc khủng hoảng toàn cầu chưa từng có tiền lệ, toàn bộ các quốc gia, các lĩnh vực đều lần lượt bị cuốn vào, với các biện pháp phong toả, cách ly liên quan đến hơn một nửa nhân loại tính cho đến nay. Chỉ trong một thời gian ngắn, dịch Covid-19 đã trở thành một cuộc sàng lọc đau thương với các doanh nghiệp trong hầu hết lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, nhờ vào công tác QTRR phù hợp, nhanh chóng, chủ động và đưa ra những kế hoạch ứng phó với dịch bệnh một cách kịp thời đã giúp Công ty vẫn đảm bảo được việc sản xuất kinh doanh được ổn định.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRỌNG TÂM NIÊN ĐỘ 2020-2021

- **Tiếp tục hoàn thiện cấu trúc tổ chức hệ thống QTRR doanh nghiệp phù hợp thông lệ, tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 và yêu cầu quản lý của TTC Biên Hòa;**
- **Giám sát triển khai kế hoạch hành động của các đơn vị liên quan tới rủi ro chiến lược trọng yếu đã được HĐQT quyết định dựa trên nội dung báo cáo phát hiện của Đơn vị tư vấn;**
- **Nhận diện và tổng hợp các rủi ro hoạt động từ các đơn vị để cập nhật Hồ sơ rủi ro doanh nghiệp, tổ chức giám sát việc triển khai các kế hoạch hành động đối với các rủi ro này;**
- **Tổ chức xây dựng và đào tạo các quy trình QLRR, quy trình xử lý khủng hoảng liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty;**
- **Tích hợp hoạt động QLRR vào các quy trình hoạt động trọng yếu như đầu tư dự án, phát triển sản phẩm mới, xử lý khủng hoảng.**

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT



TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

TTC Biên Hòa luôn xem việc Tuân thủ pháp luật là yếu tố then chốt trong việc duy trì tính minh bạch, sự công bằng trong mối quan hệ với Cổ đông/ Nhà đầu tư, Người lao động, Khách hàng và Cơ quan nhà nước, nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và hướng đến sự phát triển bền vững.

Niên độ 2019-2020 là một NĐ nhiều khó khăn và thử thách của ngành Mía Đường Việt Nam nói chung và TTC Biên Hòa nói riêng khi phải đối mặt với những thay đổi quy định pháp luật và dịch bệnh bùng phát bất ngờ. Cụ thể, ngày 13/11/2019, Bộ trưởng Bộ Công thương đã chính thức ban hành Thông tư số 23/2019/TT-BCT quy định việc không áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu Đường từ các nước ASEAN. Theo Thông tư này, từ ngày 1/1/2020 Việt Nam thực thi cam kết trong hiệp định ATIGA phải gỡ bỏ hàng rào hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng Đường, kèm theo đó là việc duy trì thuế suất và thuế nhập khẩu thấp là 5%, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Đường nhập khẩu có nguồn gốc từ các nước ASEAN (chủ yếu là Thái Lan) với giá thành thấp hơn giá Đường trong nước, khiến cho ngành Mía Đường Việt Nam đối mặt với nhiều thử thách cạnh tranh. Tiếp đó, ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Theo đó, Thủ tướng yêu cầu thực hiện cách ly toàn xã hội kể từ 0h ngày 1/4/2020 trên phạm vi toàn quốc, lệnh giãn cách xã hội ban hành, ảnh hưởng đến hầu hết các hoạt động kinh tế, thương mại quốc tế và nội địa, các doanh nghiệp Việt Nam vì thế chịu ảnh hưởng nghiêm trọng.

ĐỐI ĐẦU THỬ THÁCH, NẮM BẮT CƠ HỘI VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Trong bối cảnh khó khăn và thử thách buộc các doanh nghiệp phải chuyển mình để thích nghi và tồn tại, TTC Biên Hòa chọn cho mình hướng đi phát triển bền vững và thực thi pháp luật. Trong mọi hoạt động của Công ty, từ quan hệ đối ngoại hay đối nội, đến các kế hoạch để đạt được mục tiêu phát triển Công ty đều được thực hiện theo tinh thần tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

Nếu hiệp định ATIGA quy định Việt Nam phải gỡ bỏ hàng rào hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng Đường, duy trì thuế nhập khẩu thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đường nhập khẩu với giá thành thấp hơn giá Đường trong nước thì TTC Biên Hòa tự tin là Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững, mang lại nguồn năng lượng, dinh dưỡng nguồn gốc tự nhiên, không biến đổi gen với giá thành hợp lý và bình ổn.

Chính phủ ban hành lệnh giãn cách xã hội để phòng chống Covid-19, trước tình hình đó, TTC Biên Hòa quyết tâm không để các hoạt động của Công ty bị trì hoãn, ảnh hưởng đến mục tiêu chung, với vị thế là doanh nghiệp sản xuất Mía Đường đầu ngành Công ty đã sớm chủ động và đưa ra những kế hoạch ứng phó với dịch bệnh một cách kịp thời như: (1) Tăng cường quản trị Công ty thông qua việc tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí (chi phí quản lý, hành chính, hậu cần,…); (2) Đảm bảo hoạt động sản xuất vẫn được duy trì ổn định, duy trì công suất chạy tối ưu, các hoạt động của Nhà máy luôn được đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của Chính phủ trong thời gian giãn cách xã hội liên quan tới tài xế vận chuyển, giao nhận, nhập xuất kho,…

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TỪ NHÀ NƯỚC

Việc Chính phủ kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích mới… đã tạo ra thêm nhiều yếu tố thuận lợi giúp cho Công ty thêm động lực vượt qua khó khăn, thử thách trong những năm qua, và đặc biệt trong NĐ 2019-2020 khi ngành Đường trong nước nói chung và Công ty nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn đến từ việc mở cửa hội nhập ATIGA, vấn nạn Đường lậu, gian lận thương mại… đặc biệt là thách thức cạnh tranh từ Đường lỏng (HFCS) và Đường giá rẻ đến từ Thái Lan.

Trên cơ sở Luật Quản lý Ngoại thương có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ban hành ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương, Quyết định số 1715/QĐ-BCT do Bộ Công thương ban hành ngày 29/6/2020 về điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm Đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Theo đó, dựa trên kết quả điều tra và trong trường hợp cần thiết, Bộ Công thương có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời để ngăn chặn hành vi bán phá giá tiếp tục gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất Đường trong nước. Đây cũng là một chính sách hết sức thuận lợi cho TTC Biên Hòa trong chiến lược phát triển dòng sản phẩm Đường lỏng tại thị trường nội địa.



Ngày 8/6/2020, Quốc hội đã chính thức thông qua Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Theo EVFTA thì Liên minh châu Âu (EU) cam kết dành ưu đãi về dòng thuế nhập khẩu Đường trong hạn ngạch lên đến 100 ngàn tấn cho các sản phẩm Đường có xuất xứ từ Việt Nam. Chính sách ưu đãi này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất Đường của Việt Nam có cơ hội mở rộng hoạt động xuất khẩu sang thị trường EU và cũng là cơ hội cho Công ty đầu ngành như TTC Biên Hòa vì đây là thị trường ưa chuộng các sản phẩm Đường sạch, Đường hữu cơ phù hợp với các dòng sản phẩm chiến lược của Công ty.

CÁC THAY ĐỔI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Niên độ 2019-2020 là NĐ mà rất nhiều bộ luật, luật quan trọng được Nhà nước ban hành, điều chỉnh tác động trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Điểm sáng trong đó là việc Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp bị tác động do đại dịch Covid-19, mang lại một số điều kiện thuận lợi cho hoạt động của TTC Biên Hòa.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT (tiếp theo)

Một số quy định pháp luật tác động trực tiếp đến hoạt động của TTC Biên Hòa Niên độ 2019-2020

STT	Văn bản	Trích yếu nội dung	Ngày hiệu lực	Lĩnh vực điều chỉnh	Nội dung tác động trực tiếp tới TTC Biên Hòa
1.	**Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14, được Quốc hội khóa XIV thông ban ngày 17/6/2020**	Sửa đổi, bổ sung một số điểm mới so với Luật Xây dựng ban hành năm 2014	1/1/2021	Xây dựng	Rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng xuống còn 20 ngày đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình, bao gồm cả giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời.
2.	**Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019**	Sửa đổi, bổ sung một số điểm mới so với Luật Chứng khoán ban hành năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010)	1/1/2021	Chứng khoán, quản trị công ty niêm yết	Bổ sung các quy định, điều kiện và thủ tục phát hành cổ phiếu theo hướng minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc gọi vốn.
3.	**Bộ luật lao động số 45/2019/QH14, được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20/11/2019**	Sửa đổi, bổ sung một số điểm mới so với Bộ luật lao động ban hành năm 2012	1/1/2021	Lao động	Quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn về quan hệ lao động, hình thức, thời hạn hợp đồng lao động, chế độ lao động (thời giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi,. . .),... Theo đó, người sử dụng lao động phải chủ động rà soát và điều chỉnh lại chính sách quản lý và sử dụng lao động cho phù hợp với đặc thù ngành và quy định pháp luật.
4.	**Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020**	Sửa đổi, bổ sung một số điểm mới so với Luật doanh nghiệp ban hành năm 2014	1/1/2021	Doanh nghiệp	Bổ sung quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết. Đây được xem như là một công cụ để huy động vốn của CTCP nhưng không được xem là một loại cổ phần, đó là kênh pháp lý mới để huy động vốn từ Nhà đầu tư nước ngoài tại các Công ty có giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn của Nhà đầu tư nước ngoài.
5.	**Luật đầu tư số 61/2020/QH14, được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020**	Sửa đổi, bổ sung một số điểm mới so với Luật đầu tư ban hành năm 2014	1/1/2021	Đầu tư	Đơn giản hóa thủ tục đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian và giảm thiểu chi phí thực hiện dự án đầu tư.
6.	**Nghị định số 81/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 9/7/2020**	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ban hành ngày 4/12/2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp	1/9/2020	Phát hành trái phiếu	Sửa đổi điều kiện và hồ sơ phát hành trái phiếu, giảm thời gian CBTT trước đợt phát hành trái phiếu từ 10 ngày làm việc thành 03 ngày làm việc. Qua đó, tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn giúp doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi khi thực hiện huy động vốn theo hình thức phát hành trái phiếu.
7.	**Nghị quyết số 107/2020/QH14 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội**	Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp	1/1/2021	Thuế	Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp tiếp tục được kéo dài đến hết ngày 31/12/2025. Giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực về chi phí, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp như Công ty.
8.	**Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN hướng dẫn Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa**	Hướng dẫn chi tiết Nghị định số 43/2017/NĐ-CP thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa	1/1/2021	Nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm	Nghị định 43/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/06/2017 nhưng chưa có văn bản hướng dẫn. Việc Thông tư 05/2019/TT-BKHCN có hiệu lực sẽ giúp việc thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến nhãn hàng hóa được cụ thể và dễ dàng áp dụng hơn.
9.	**Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19	13/3/2020	Tín dụng	Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ khi Công ty xác định thuộc trường hợp do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 là kênh hỗ trợ hữu hiệu góp phần giúp công ty vượt qua các khó khăn mà Công ty đang phải đối mặt do dịch bệnh Covid-19 gây ra.
10.	**Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ**	Quy định về gia hạn nộp tiền thuế, nộp tiền thuê đất	8/4/2020	Thuế	Quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, qua đó góp phần tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ công ty vượt qua khó khăn trước tình hình dịch bệnh.
11.	**Quyết định 08/2020/QĐ-TTg ngày 5/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ**	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam	25/4/2020	Năng lượng	Biểu giá mua điện tại điểm giao nhận đối với dự án đồng phát nhiệt - điện (thuộc dự án nhiệt điện của Công ty) là 1.634 đồng/kWh tương đương 7,03 UScents/kWh (quy định cũ 1.220 đồng/kWh tương đương 5,8 UScents/kWh).

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

THỰC THI VÀ TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN PHÁP LUẬT TRONG NƯỚC

Với mục tiêu kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro, NĐ 2019-2020 đánh dấu sự chuyển biến tích cực rất lớn cả về hình thức lẫn nội dung trong công tác thực thi và tuân thủ pháp luật.

Thuật ngữ "Tuân thủ pháp luật" của Công ty được hiểu theo nghĩa rộng hơn ý nghĩa thông thường tuân thủ hệ thống các quy định pháp luật do Nhà nước ban hành, trong đó nó còn bao gồm tuân thủ cả các hệ thống quy định nội bộ của Công ty tại các văn bản lập quy do cấp thẩm quyền của Công ty ban hành. Nội dung Tuân thủ pháp luật của các đơn vị trong Công ty được đánh giá thông qua 03 tiêu chí: (1) Mức độ nắm bắt đầy đủ, kịp thời; (2) Vận dụng chính xác, hiệu quả; và (3) Không trái pháp luật.



Quản trị rủi ro pháp lý là một quá trình phức tạp và quá trình này cần phải được soát xét và cải tiến liên tục. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng công tác thường xuyên cập nhật, đánh giá tác động các thay đổi về pháp luật, định kỳ soát xét lại hệ thống văn bản lập quy nội bộ phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm hoạt động của Công ty vào từng thời điểm.

VỀ CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng thị trường quốc tế, việc nắm vững nội dung các Hiệp định thương mại tự do (FTA) là yêu cầu bắt buộc không những giúp TTC Biên Hòa sẵn sàng nắm bắt cơ hội và đưa ra các quyết sách phù hợp, kịp thời mà còn giúp Công ty có thể vận dụng tối đa các ưu đãi trong việc xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng của các nước thuộc Thành viên FTA.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT (tiếp theo)

Bên cạnh Hiệp định Thương mại tự do EVFTA, tính đến tháng 7/2020, Việt Nam đã tham gia rất nhiều Hiệp định Thương mại Tự do - FTA song phương và đa phương, cụ thể:

Quốc gia	Văn bản	Mô tả hàng hóa	Thuế suất		Lộ trình cắt giảm
			Trong hạn ngạch	Ngoài hạn ngạch	
NEW ZEALAND	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký ngày 9/3/2019	Đường đã pha thêm hương hiệu hoặc chất màu	0%	Không áp dụng hạn ngạch	Kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực với New Zealand
		Fructoza và xiro fructoza chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	0%		
	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA) ký ngày 27/2/2009, hiệu lực 1/1/2010	Đường mía	0%	Không áp dụng hạn ngạch	
		Đường đã pha thêm hương hiệu hoặc chất màu	0%		
		Loại khác	0%		
		Fructoza và xiro fructoza chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	0%		
HÀN QUỐC	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) ký ngày 5/5/2015, hiệu lực ngày 20/12/2015	Đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu	30%	Không áp dụng hạn ngạch	Hàng hóa duy trì mức thuế cơ sở đến trước 1/1/2016 và sẽ giảm không ít hơn 20% mức thuế MFN - Thuế Tối Huệ quốc được Hàn Quốc áp dụng từ 1/1/2015, được áp dụng theo VKFTA không muộn hơn 1/1/2016. Nếu mức thuế giảm theo mục này cao hơn mức thuế cơ sở thì sẽ áp dụng mức thuế cơ sở
		Loại khác	30%		
		Fructoza	8%		Sẽ được xoá bỏ thuế quan dần đều trong 3 năm kể từ thuế suất cơ sở, bắt đầu từ ngày Hiệp định có hiệu lực, và sẽ không chịu thuế hải quan từ ngày 1/1 của năm thứ 3
		Xiro Fructose	0%		
CANADA	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký ngày 9/3/2019	Loại khác	30,86USD/tấn	Không áp dụng hạn ngạch	Sẽ được xóa bỏ sau 6 năm, hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/1 năm thứ 6
		Loại khác	30,86USD/tấn		
		Fructoza và Xiro Fructoza khác chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	3,5%		Sẽ được xóa bỏ sau 11 năm, hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/1 năm thứ 11
TRUNG QUỐC	Hiệp định về Thương mại Hàng hóa ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) ký tháng 11/2004, hiệu lực tháng 7/2005	Đường	15%	1,95 triệu tấn/ năm	
			95%	>1,95 triệu tấn/ năm	22/5/2017 - 31/12/2017
			90%		2018
			85%		2019
		Đường mía thô	50%	Ngoài hạn ngạch	Từ ngày 22/5/2017 Bộ Thương mại Trung Quốc có thông báo sẽ cộng thêm thuế suất với mức 45%, 40%, 35% đối với Đường ngoài hạn ngạch nhằm bảo vệ Đường sản xuất trong nước. Sau ngày 22/5/2019, Trung Quốc đã gỡ bỏ thuế suất phòng vệ thương mại, đưa thuế suất về mức cam kết là 50% ngoài hạn ngạch.
		Đường khác có pha thêm hương liệu hoặc chất màu	15%	Trong hạn ngạch	

Quốc gia	Văn bản	Mô tả hàng hóa	Thuế suất		Lộ trình cắt giảm
			Trong hạn ngạch	Ngoài hạn ngạch	
NHẬT BẢN	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký ngày 9/3/2019	Đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu	0%	Trên 500 tấn: 106.20 yen/kg	▸ Được miễn thuế nếu nhập khẩu trong hạn ngạch (500 tấn) đối với năm đầu tiên; đối với năm thứ 2 và mỗi năm tiếp theo, hạn ngạch vẫn duy trì ở mức 500 tấn; và phải có giấy chứng nhận kiểm tra và phát triển sản phẩm theo đó chứng nhận hàng hóa đáp ứng các tiêu chí và quy định theo Pháp luật Nhật Bản. ▸ Nếu vượt quá hạn ngạch nêu trên, thuế nhập khẩu sẽ được xác định theo danh mục MFN tại thời điểm nhập khẩu
		Fructoza đã pha thêm hương liệu hoặc chất màu (trong đó chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển)	29,8% hoặc 23 yen/kg (tùy mức nào cao hơn)	Không áp dụng hạn ngạch	Sẽ xóa bỏ thuế quan trong giai đoạn 11 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực với Nhật Bản; và sẽ được miễn thuế kể từ ngày 1/4 năm thứ 11
		Fructoza đã pha thêm Đường (trong đó chứa hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển)	85,7% hoặc 60,90 yen/kg (tùy mức nào cao hơn)	Không áp dụng hạn ngạch	Kể từ ngày 1/1/2010
ÚC	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA) ký ngày 27/2/2009, hiệu lực 1/1/2010	Đường mía thô	0%	Không áp dụng hạn ngạch	Hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Úc
		Đường khác có pha thêm hương liệu hoặc chất màu			
		Fructoza, Xiro Fructoza có hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển			
	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ký ngày 9/3/2019	Đường mía thô	0%	Không áp dụng hạn ngạch	Hàng hóa sẽ được miễn thuế kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Úc
		Đường khác có pha thêm hương hiệu hoặc chất màu			
		Fructoza, Xiro Fructoza có hàm lượng fructoza trên 50% tính theo trọng lượng ở thể khô, trừ Đường nghịch chuyển	5%		Kể từ năm thứ nhất trở đi: 0%

Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TUÂN THỦ PHÁP LUẬT TRONG NIÊN ĐỘ 2020-2021

TTC Biên Hòa tự hào là một trong những doanh nghiệp tiên phong áp dụng "kỹ thuật số" vào hoạt động vận hành bộ máy Công ty. Tuy nhiên, song song với việc nắm bắt cơ hội và tận dụng sự phát triển tiên tiến của công nghệ số sẽ phát sinh những vấn đề mới và pháp lý chính là vấn đề quan trọng thiết yếu. Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa luôn định hướng phát triển Công ty theo hướng doanh nghiệp hiện đại hóa nhưng phải đi đôi với bền vững và thực thi pháp luật. Đặc biệt khi các chính sách về lao động, sở hữu trí tuệ và công nghệ thông tin…vốn là các lĩnh vực sẽ chịu nhiều tác động khi hội nhập quốc tế và số hóa doanh nghiệp. Đây cũng là mục tiêu mà rất nhiều doanh nghiệp đang hướng đến, riêng TTC Biên Hòa thì đây là mục tiêu trọng tâm của NĐ 2020-2021.

Ngoài ra, Công ty vẫn tiếp tục: (1) Tập trung tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật và các tiêu chuẩn Pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty; (2) Tập trung phân tích các điểm mới của luật và bộ luật có hiệu lực từ đầu năm 2021 cũng như các tác động trong thời gian sắp đến để phục vụ cho mục tiêu quản trị rủi ro và tận dụng các chính sách mới của Nhà nước có lợi nhất cho hoạt động của Công ty; và (3) Định hướng chiến lược về mặt pháp lý hỗ trợ cho hoạt động quản trị rủi ro (bao gồm cả rủi ro pháp lý) để đảm bảo đạt được các mục tiêu hoạt trung và dài hạn của Công ty.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TTC BIÊN HÒA



Nguồn: TTC Biên Hòa

Rê chuột trên từng cột số liệu

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM VÀ NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TTC BIÊN HÒA

Điểm lại NĐ vừa qua, thị trường vốn Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2019 đã có bước chuyển biến tích cực, được đánh giá cao về sự phát triển quy mô, cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động, đóng góp tích cực vào việc huy động các nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển kinh tế.



NỢ VAY CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2020 GIẢM

10%

TƯƠNG ĐƯƠNG 922 TỶ ĐỒNG

Rê chuột

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tính đến hết năm 2019, với việc huy động vốn từ nhiều kênh khác nhau, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt mức tăng 10,2% so với năm 2018. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 xảy ra bất ngờ đã làm chao đảo tất cả các thị trường trên toàn thế giới. Ngày 29/6/2020, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê về kinh tế - xã hội quý 2 và 6 tháng đầu năm 2020. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của 6 tháng đầu năm nay có mức tăng trưởng thấp kỷ lục chỉ đạt 1,8%. Riêng đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, tổng mức huy động vốn đạt 107.000 tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 6 tháng đầu năm, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 17.000 tỷ đồng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chỉ mua ròng trái phiếu với hơn 1.000 tỷ đồng.

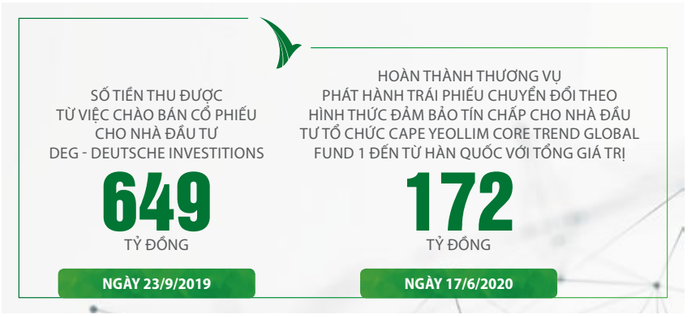
Diễn biến chung của thị trường vốn Việt Nam cũng có sự tác động không nhỏ đối với công tác huy động vốn của TTC Biên Hòa trong NĐ 2019-2020 đặc biệt trong bối cảnh ngành Đường Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn hội nhập Atiga từ ngày 1/1/2020. Với vị thế là một trong những doanh nghiệp Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam, việc bước ra sân chơi quốc tế là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện tại. Gia nhập Atiga trước đây được xem là một thách thức giờ đã trở thành cơ hội từ tầm nhìn của Ban lãnh đạo, với tinh thần chuẩn bị nghiêm túc trong một thời gian dài, TTC Biên Hòa đã có một niên độ được xem là cột mốc quan trọng trong giai đoạn củng cố để chuyển mình vươn xa.

Thông qua các hoạt động đảm bảo nguồn vốn, Công ty tiếp tục phát triển đa dạng các kênh huy động vốn, tái cấu trúc danh mục đầu tư, thực hiện hợp tác chiến lược với các Ngân hàng trong và ngoài nước để cấu trúc lại cơ cấu nợ, tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tỷ lệ EBITDA trên doanh thu nhằm hướng đến một cấu trúc tài chính mạnh mẽ và bền vững.

Kết quả hoạt động tái cơ cấu các chỉ số tài chính của TTC Biên Hòa sau NĐ 2019-2020 khá khả quan. Với lộ trình cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu hơn, nợ phải trả của Công ty giảm 611 tỷ đồng, tương đương giảm 6% đến từ việc nợ vay ngắn hạn giảm 4% tương đương 295 tỷ đồng và nợ vay dài hạn giảm 34%, tương đương 627 tỷ đồng. Nợ vay của Công ty tại thời điểm 30/6/2020 giảm 10% tương đương 922 tỷ đồng, nhờ đó hệ số Nợ vay/VCSH và Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản đạt 1,1 lần và 0,5 lần, lần lượt giảm 32% và 16% so với đầu NĐ. Các chỉ số về khả năng thanh toán được Công ty duy trì ở mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo nguồn vốn lưu động cho các nghiệp vụ kinh doanh trong đó chỉ số Thanh toán hiện hành tăng 4% đạt 1,1 lần, Thanh toán nhanh tăng 9%, đạt xấp xỉ 0,9.

GIA TĂNG MẠNH MẼ NHẬN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG VỐN QUỐC TẾ

Đối với thị trường vốn quốc tế, TTC Biên Hòa đã có một năm với hoạt động huy động vốn ấn tượng.





Mở đầu cho NĐ 2019-2020, vào ngày 23/9/2019, TTC Biên Hòa đã công bố báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư DEG - Deutsche Investitions, một trong những tổ chức tài chính phát triển tên tuổi của Châu Âu do Chính phủ Đức sở hữu, với số lượng cổ phiếu là 21.611.333 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 3.55% với số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu là 649 tỷ đồng, nâng VĐL của Công ty lên 6.084 tỷ đồng. Số tiền thu được từ đợt phát hành này được SBT sử dụng để đầu tư chiến lược vào TTC Attapeu nhằm cơ giới hóa và mở rộng sản xuất Đường Organic.

Bước qua năm 2020, nhiều thương vụ huy động vốn quốc tế trên thị trường đã bị ảnh hưởng bởi giới đầu tư lo ngại những bất ổn trong môi trường kinh doanh do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Đối mặt với tình hình chung của thị trường vốn, TTC Biên Hòa vẫn kiên trì và chủ động tương tác với các Nhà đầu tư và hoàn thành thương vụ phát hành trái phiếu chuyển đổi theo phương thức phát hành riêng lẻ cho Nhà đầu tư tổ chức Cape Yeollim Core Trend Global Fund 1 đến từ Hàn Quốc với tổng giá trị là 172 tỷ đồng được công bố vào ngày 17/6/2020. Thương vụ huy động vốn này được phát hành theo hình thức đảm bảo tín chấp đã thể hiện sự tin tưởng của đối tác với TTC Biên Hòa cũng như đánh giá cao về năng lực và triển vọng của Công ty trong tương lai. Thương vụ này được kỳ vọng sẽ mở đầu suôn sẻ cho chuỗi những thương vụ huy động vốn từ các NĐT Hàn Quốc trong thời gian tới của Công ty.



Đối với thị trường trong nước, TTC Biên Hòa tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp đầu ngành khi liên tục là mã cổ phiếu thuộc rổ VN30.

Ngày 7/10/2019, TTC Biên Hòa đã báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ với số lượng 61.600.900 cổ phiếu, giá giao dịch bình quân là 18.500 đồng/cổ phiếu, thu về số tiền hơn 1.100 tỷ đồng để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

MỞ RỘNG DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀO CÁC NGÀNH NGHỀ TIỀM NĂNG

Tiếp nối định hướng tái cấu trúc danh mục đầu tư từ niên độ trước, trong NĐ 2019-2020 ngoài mảng kinh doanh chính là Mía Đường, TTC Biên Hòa đã đẩy mạnh việc thực hiện tái cấu trúc danh mục, đầu tư vào các đơn vị, ngành nghề tiềm năng và phù hợp với chiến lược phát triển nhằm đảm bảo tỷ suất đầu tư hiệu quả và tối đa hóa lợi ích mang lại cho Cổ đông cũng như Công ty.

Theo đó, Công ty đã mua thêm 7.649.319 cổ phiếu của CTCP Điện Gia Lai (GEC, Mã GEG-HOSE), nâng số lượng sở hữu lên 13.907.000 cổ phiếu tương đương 6,82% vốn cổ phần. Hiện tại, GEC được biết đến là đơn vị phát triển Năng lượng với các danh mục đa dạng về Thuỷ điện, Điện Mặt trời, Điện Mặt trời Áp mái và Điện Gió.





Khu phức hợp Vịnh Đầm thuộc khu Vịnh Đầm, Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Với nhận định quỹ đất trong tương lai sẽ ngày càng khan hiếm trong khi nhu cầu đất liên tục tăng cao, các khu công nghiệp gần như kín chỗ, áp lực từ môi trường cạnh tranh cũng như việc cần đa dạng hóa danh mục đầu tư để tối thiểu rủi ro khiến nhiều công ty đa quốc gia di dời nhà máy đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Việt Nam hiện đang là điểm sáng trong cuộc đua thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI khi sở hữu nhiều tiềm năng lớn, lợi thế cạnh tranh cao, tình hình vĩ mô ổn định, được sự hỗ trợ tốt của Chính phủ cũng như sở hữu nguồn lao động chất lượng tốt giá rẻ, đặc biệt, Việt Nam cũng đang tham gia rất nhiều các Hiệp định Thương mại tự do như EVFTA, CPTPP,… điều này sẽ giúp các doanh nghiệp nước ngoài hưởng lợi lớn khi đầu tư tại Việt Nam. TTC Biên Hòa qua đó đánh giá cao tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ và khả năng sinh lời trong tương lai của các doanh nghiệp hiện đang sở hữu các bất động sản như tòa nhà văn phòng hay khu công nghiệp. Chính vì vậy, trong niên độ vừa qua, Công ty đã đầu tư mua lại cổ phần của CTCP Xuất nhập khẩu Tân Định (Tadimex) với số lượng 2.082.900 cổ phiếu, tương đương 41,56% vốn và Tadimex trở thành công ty liên kết của TTC Biên Hòa. Ngoài ra, TTC Biên Hòa và các công ty thành viên đã thực hiện đầu tư mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân với số lượng 16.455.166 cổ phiếu, tương đương 16,46% vốn. Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân được thành lập từ năm 2009, hiện đang trong giai đoạn cuối hoàn tất triển khai dự án Khu phức hợp Vịnh Đầm thuộc khu Vịnh Đầm, Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích quy hoạch là 147,64 ha. Dự án này được xác định là khu phức hợp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trọng điểm của Phú Quốc. Vịnh Đầm được chia làm hai hạng mục chính với 110 ha phần kho cảng cùng 180 ha phát triển bất động sản nghỉ dưỡng "Ocean Lotus Island". Dự án được kỳ vọng đủ khả năng phục vụ nhu cầu luân chuyển hàng hóa giữa Đảo Phú Quốc với đất liền và các đảo trong khu vực.

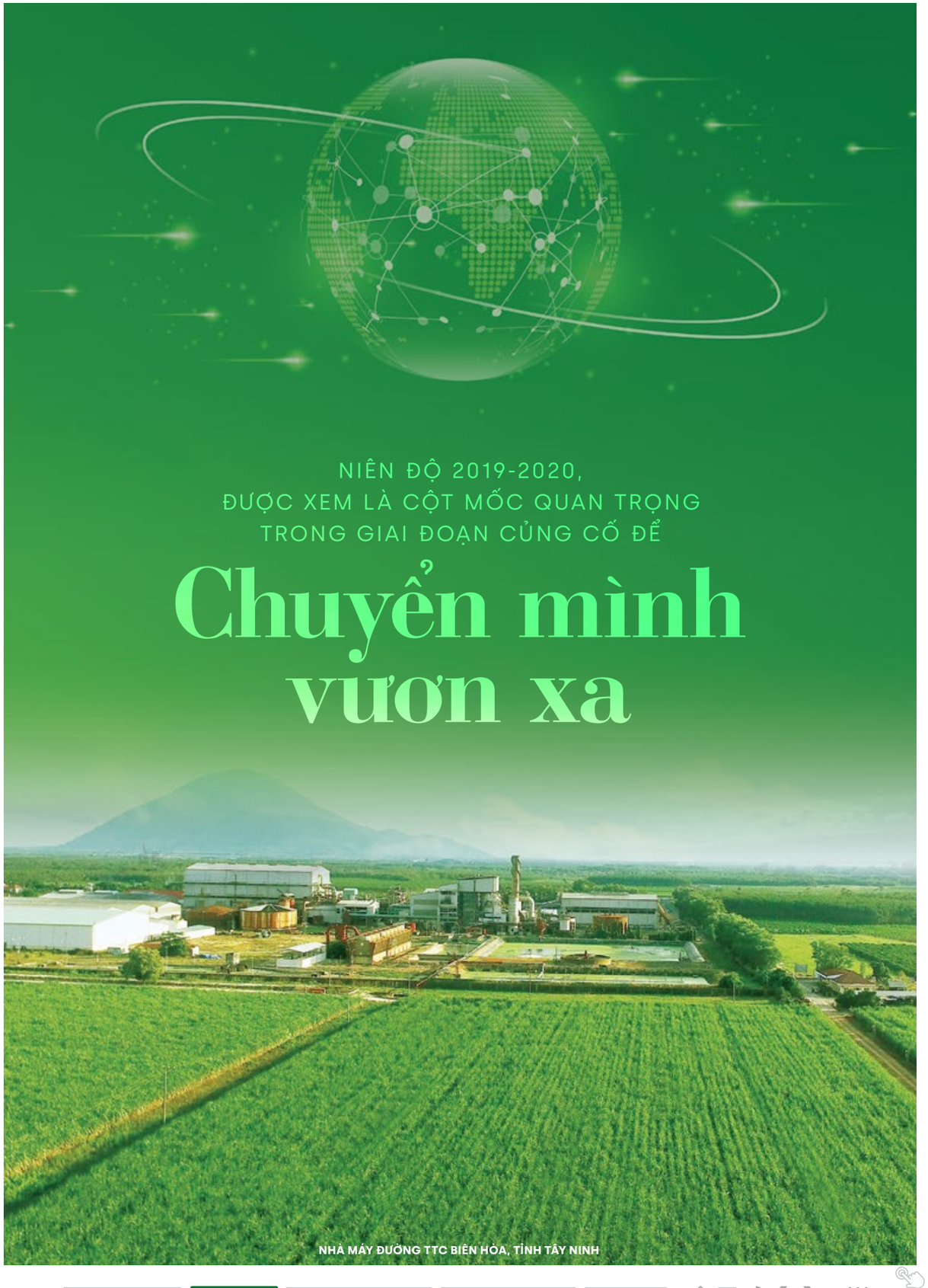


ĐẨY MẠNH HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Trước những tác động và khó khăn của chu kỳ ngành Mía Đường và cạnh tranh với Đường nhập khẩu khi ATIGA có hiệu lực, TTC Biên Hòa đã có sự chuẩn bị tốt thông qua hàng loạt giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn. Đến nay, TTC Biên Hòa luôn là đối tác uy tín, có điểm xếp hạng tín dụng cao và thu hút các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Niên độ 2019-2020, Công ty tiếp tục duy trì cũng như mở rộng mối quan hệ tín dụng với hơn 25 tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Đồng thời, với kết quả kinh doanh cũng như triển vọng tăng trưởng tốt, các ngân hàng đều tiếp tục gia tăng hạn mức tín dụng cho TTC Biên Hòa nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty.

Không dừng lại ở đó, Công ty tiếp tục định hướng thắt chặt mối quan hệ và hợp tác toàn diện với các ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam nhằm đem lại nguồn lực cộng hưởng to lớn hơn để từ đó tạo nền tảng cơ sở vốn vững chãi, cấu trúc tài chính vững mạnh để tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai.





NIÊN ĐỘ 2019-2020,
ĐƯỢC XEM LÀ CỘT MỐC QUAN TRỌNG
TRONG GIAI ĐOẠN CỦNG CỐ ĐỂ

Chuyển mình vươn xa

NHÀ MÁY ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA, TỈNH TÂY NINH

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

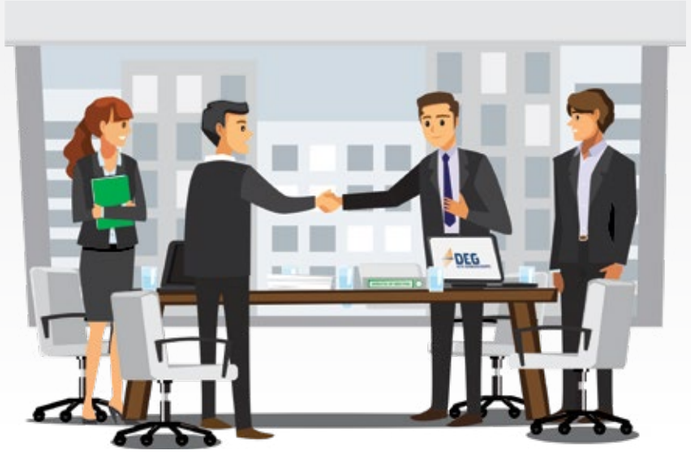
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Tại thời điểm 30/6/2020, TTC Biên Hòa có 3 Cổ đông lớn sở hữu trên 5% vốn cổ phần, chiếm 54,90% VĐL bao gồm 1 tổ chức và 2 cá nhân:

1.
CTCP ĐẦU TƯ THÀNH THÀNH CÔNG
nắm giữ
168.021.963
cổ phiếu tương đương
27,62%

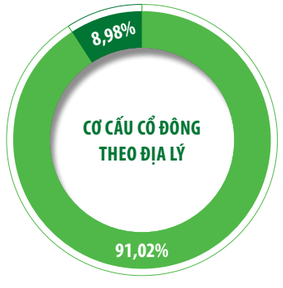
2.
BÀ ĐẶNG HUỲNH ỨC MY
Phó Chủ tịch HĐQT
nắm giữ
98.394.826
cổ phiếu, chiếm
16,17%

3.
BÀ HUỲNH BÍCH NGỌC
Chủ tịch HĐQT
nắm giữ
67.551.864
cổ phiếu, chiếm
11,10%



Đáng chú ý, Công ty đã phát hành thêm 21.611.333 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi cho DEG - một trong những Tổ chức Tài chính phát triển tên tuổi của Châu Âu do Chính phủ Đức sở hữu. Khoản đầu tư này đã giải ngân trong tháng 9/2019, giúp vốn điều lệ của SBT đạt hơn 6.084 tỷ đồng, tăng 3,7%.







Cơ cấu Cổ đông SBT tại ngày 30/6/2020

STT	Cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	
				Cá nhân	Tổ chức
I	**Cổ đông lớn sở hữu từ 5% Vốn cổ phần**	**333.968.653**	**54,90%**	**2**	**1**
1	Trong nước	333.968.653	54,90%	2	1
2	Nước ngoài	-	-	-	-
II	**Cổ đông sở hữu từ 1% - 5% Vốn cổ phần**	**83.449.874**	**13,72%**	**4**	**3**
1	Trong nước	50.929.290	8,37%	4	1
2	Nước ngoài	32.520.584	5,35%	-	2
III	**Cổ đông sở hữu dưới 1% Vốn cổ phần**	**190.933.358**	**31,38%**	**10.734**	**119**
1	Trong nước	168.853.061	27,75%	10.448	71
2	Nước ngoài	22.080.297	3,63%	286	48
	Tổng cộng	**608.351.885**	**100%**	**10.740**	**123**

Giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan đối với cổ phiếu SBT từ 1/7/2019 - 30/6/2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Vị trí	Cổ phiếu sở hữu 1/7/2019 (*)		Cổ phiếu sở hữu 30/6/2020(**)		Lý do tăng, giảm	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
NGƯỜI NỘI BỘ								
1	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	15.551.864	2,65%	67.551.864	11,10%	Mua ròng	-
2	Ông Phạm Hồng Dương	Phó chủ tịch trường trực HĐQT	2.740.597	0,47%	3.740.597	0,61%	Mua ròng	-
3	Bà Đặng Huỳnh Ức My	Phó Chủ tịch HĐQT	68.394.826	11,66%	98.394.826	16,17%	Mua ròng	-
4	Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	1.000.000	0,16%	Mua ròng	
5	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	TGĐ	3.372.241	0,57%	4.372.241	0,72%	Mua ròng	-
6	Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Phó TGĐ thường trực	0	0,00%	500.000	0,08%	Mua ròng	
7	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó TGĐ	89.395	0,02%	589.395	0,10%	Mua ròng	
8	Ông Huỳnh Văn Pháp	GĐ Kinh doanh	193.053	0,03%	693.053	0,11%	Mua ròng	
9	Ông Lê Đức Tốn	GĐ Nhà máy	283.316	0,05%	163.316	0,03%	Bán ròng	
10	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên HĐQT	1.382.154	0,24%	0	0,00%	Bán ròng	Thôi nhiệm 19/8/2019
11	Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó TGĐ	1.761.298	0,30%	65	0,00%	Bán ròng	Thôi nhiệm 22/7/2019
12	Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó TGĐ	110.240	0,02%	0	0,00%	Bán ròng	Thôi nhiệm 11/12/2019
13	Ông Trần Quốc Thảo	Phó TGĐ	1.218.934	0,21%	4	0,00%	Bán ròng	Thôi nhiệm 3/2/2020
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ								
14	Ông Đặng Văn Thành	Chồng Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT	0	0,00%	9.997.000	1,64%	Mua ròng	-
15	Ông Trang Thanh Phong	Em của GĐ Quan hệ đối ngoại	56.512	0,01%	2	0,00%	Bán ròng	-
	Tổng cộng		**95.044.190**	**16,23%**	**186.502.863**	**30,72%**		

Giao dịch của Cổ đông lớn từ 1/7/2019-30/6/2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ phiếu sở hữu 1/7/2019 (*)		Cổ phiếu sở hữu 30/6/2020(**)		Lý do tăng, giảm	Tình trạng
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Bà Huỳnh Bích Ngọc	15.551.864	2,65%	67.551.864	11,10%	Mua ròng	Thành cổ đông lớn từ tháng 9/2019
2	Bà Đặng Huỳnh Ức My	68.394.826	11,66%	98.394.826	16,17%	Mua ròng	Cổ đông lớn
	Tổng cộng	**83.946.690**	**14,31%**	**165.946.690**	**27,28%**		

(*) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 1/7/2019: 586.740.552 cổ phiếu
(**) Tổng số lượng cổ phiếu tại thời điểm 30/6/2020: 608.351.885 cổ phiếu

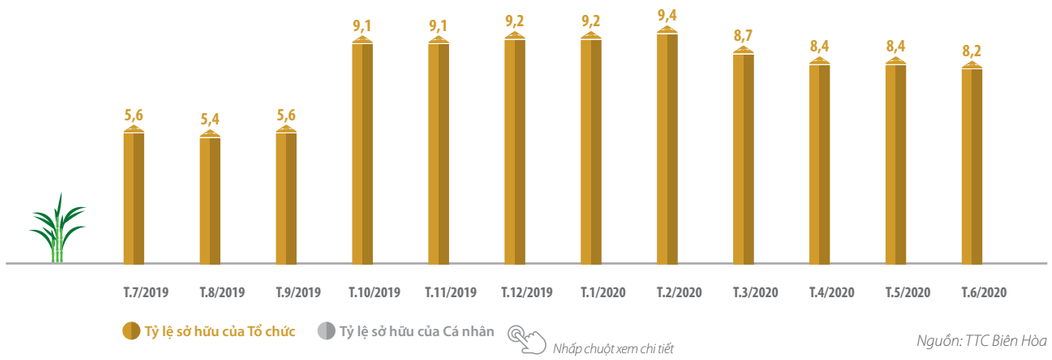
Nguồn: TTC Biên Hòa

SBT THUỘC HƠN 9 RỔ CHỈ SỐ ETFS VÀ INDEX UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Tính đến 30/6/2020, tỷ lệ sở hữu của Cổ đông trong nước chiếm đa số trong cơ cấu với tỷ trọng 91,02% và 8,98% còn lại thuộc về Cổ đông nước ngoài. So với tỷ trọng lần lượt là 93,17% và 6,83% của NĐ 2018-2019 thì SBT đã tiếp tục được Cổ đông nước ngoài tin tưởng đầu tư và gia tăng tỷ lệ sở hữu trong NĐ 2019-2020, đặc biệt là sự tham gia đầu tư của cổ đông chiến lược DEG với 3,55% cổ phần nắm giữ trên tổng số cổ phần sau phát hành.

Đây là hình thức đầu tư dưới dạng cổ phiếu ưu đãi hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày phát hành, thời gian ưu đãi cổ tức kéo dài 6,5 năm, với mức cổ tức cố định là 5,5%/năm trong 1,5 năm đầu tiên, và các năm tiếp theo sẽ theo thỏa thuận giữa Công ty và DEG. Toàn bộ số lượng cổ phiếu ưu đãi này không có quyền biểu quyết nhưng có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo thỏa thuận giữa DEG và SBT. Giá phát hành là 30.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn 84% so với giá thị trường của SBT tại thời điểm phát hành. Thương vụ huy động vốn quốc tế này của SBT đã chứng minh được triển vọng ngành Đường cũng như định hướng phát triển của SBT được các Nhà đầu tư chuyên nghiệp đánh giá cao.

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tăng ổn định giai đoạn 1/7/2019 - 30/6/2020 (ĐVT: %)



Nguồn: TTC Biên Hòa

Trong suốt 2 kỳ review tháng 7/2019 và tháng 1/2020 của rổ chỉ số VN30 - Top 30 mã cổ cổ phiếu hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam về giá trị vốn hóa và thanh khoản do Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM chọn lọc, bên cạnh sự gia nhập mạnh mẽ của những cổ phiếu đang là tiêu điểm của thị trường thì SBT vẫn tự hào được tiếp tục là công ty nông nghiệp duy nhất có tên trong Rổ chỉ số này bởi thỏa toàn bộ các điều kiện khắt khe trong khâu sàng lọc như:

(1) Giá trị vốn hóa nằm trong Top 50 Doanh nghiệp niêm yết trên HOSE (ngày 30/6/2020 đạt 7.833 tỷ đồng);

(2) Thanh khoản cao và ổn định với khối lượng giao dịch bình quân ngày đạt 2,6 triệu cổ phiếu/phiên;

(3) Tỷ lệ free-float cao đạt 40% - thỏa điều kiện 10% của HOSE;

(4) Tỷ suất vòng quay chứng khoán luôn >= 0,05%.



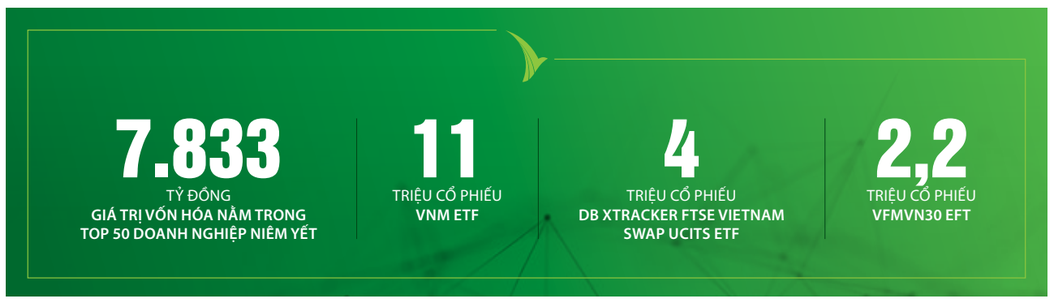


SBT cũng thuộc danh mục của hơn 9 Rổ chỉ số ETFs uy tín trên thế giới với tổng sở hữu đến 30/6/2020 là 17,9 triệu cổ phiếu. Nổi bật là VNM ETF với gần 11 triệu cổ phiếu, DB XTRACKER FTSE VIETNAM SWAP UCITS ETF với gần 4 triệu cổ phiếu, VFMVN30 EFT với 2,2 triệu cổ phiếu.

Tình hình sở hữu SBT của một số ETFs và Index lớn tại thời điểm 30/6/2020

STT	ETFs/ INDEX	Số lượng (cổ phần)	Tỷ trọng (%)
1	VNM ETF - MVIS VN Index	10.909.251	1,79
2	VFMVN30 ETF FUND	2.265.288	0,37
3	DB XTRACKER FTSE VN SWAP UCITS ETF	3.980.020	0,65
4	iShares MSCI Frontier 100 ETF	697.328	0,11
5	SSIAM VNX50 ETF FUND	50.299	0,01
6	FTSE VN Index	Thuộc Chỉ số	
7	FTSE VN All-Share Index		
8	MSCI Frontier Market 100		
9	MSCI VN Small Cap Index (USD)		
10	VN30		
11	VN100		
	Tổng cộng	**17.902.186**	**2,94**

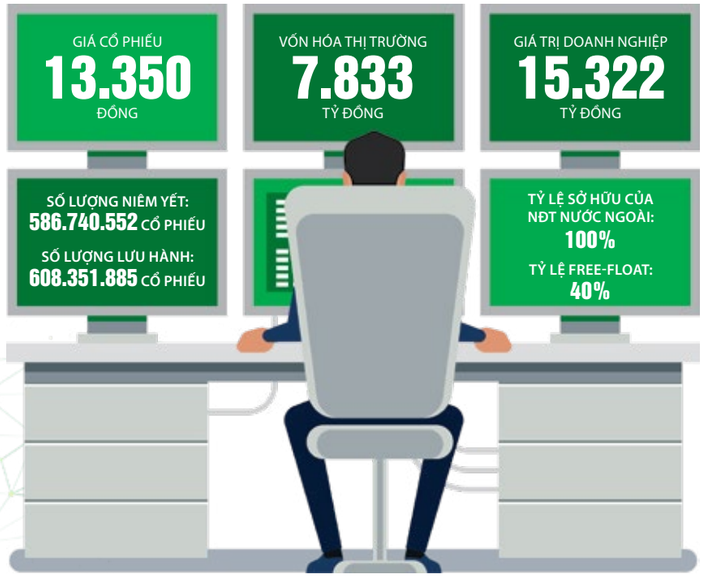
Nguồn: Bloomberg, TTC Biên Hòa tổng hợp



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

DIỄN BIẾN GIÁ VÀ THANH KHOẢN CỔ PHIẾU SBT TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Tại ngày 30/6/2020



Thống kê giao dịch cổ phiếu SBT 1/7/2019 - 30/6/2020

Thông tin chính	23 ngày gần nhất	3 tháng	6 tháng	12 tháng
Khối lượng giao dịch bình quân mỗi ngày (Cổ phiếu)	2.698.257	2.767.378	2.563.282	2.558.965
Tổng giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày (Tỷ đồng)	40,7	40,6	42,2	44,0
Giá cổ phiếu				
Giá cao nhất (VNĐ)	16.200	16.200	22.100	22.100
Giá thấp nhất (VNĐ)	13.350	12.700	11.900	11.900
Giá đóng cửa bình quân (VNĐ)	14.993	14.546	16.393	17.054

Nguồn: TTC Biên Hòa

Thị trường chứng khoán được biết đến là phong vũ biểu của nền kinh tế, chính vì vậy, khi dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, thị trường chứng khoán toàn cầu đã ghi nhận những đợt sụt giảm nhanh và mạnh. Chỉ trong một tuần từ 9/3/2020 đến 16/3/2020, thị trường chứng khoán Mỹ đã trải qua đợt giảm mạnh nhất kể từ năm 1987 và đã 3 lần phải kích hoạt cơ chế tạm dừng giao dịch. Trong ngày 12/3/2020 có đến 10 quốc gia ngoài Mỹ kích hoạt cơ chế tạm dừng giao dịch, còn Philippines ngày 17/3/2020 đã quyết định tạm ngừng thị trường để đối phó với dịch bệnh. Không nằm ngoài xu thế đó, 6 tháng đầu năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã trải qua những phiên giao dịch đầy biến động. Vào tháng 3, thời điểm dịch Covid-19 có chiều hướng bùng phát, thị trường liên tiếp diễn ra các phiên giảm mạnh, điển hình là phiên ngày 12/3/2020 và 23/3/2020, VN-Index giảm lần lượt 5,2% và 6,1%, đặc biệt phiên ngày 9/3/2020, chỉ số chung giảm tới 6,3%, mức giảm sâu nhất kể từ năm 2002. Vì vậy, chỉ tính riêng tháng 3, VN-Index giảm gần 25%, là tháng giảm điểm kỷ lục. Cổ phiếu SBT cũng bị ảnh hưởng khá mạnh từ đại dịch và chạm mức giá thấp nhất trong NĐ là 11.900 đồng/cp vào ngày 25/3/2020.

Trong bối cảnh đó, nhận thấy giá cổ phiếu đang giảm và bị đánh giá thấp hơn giá trị thực, tháng 3/2020, hàng loạt Thành viên trong Ban Lãnh đạo của SBT đã đăng ký mua vào tổng cộng 4,5 triệu cổ phiếu SBT, cụ thể, Ông Phạm Hồng Dương - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, Ông Nguyễn Thanh Ngữ - Tổng Giám đốc, Ông Hoàng Mạnh Tiến - Thành viên độc lập HĐQT đăng ký mua tổng cộng 3 triệu cổ phiếu; Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên - Phó Tổng Giám đốc thường trực, Bà Dương Thị Tô Châu - Phó Tổng Giám đốc và Ông Huỳnh Văn Pháp - Giám đốc Kinh doanh đăng ký mua tổng cộng 1,5 triệu cổ phiếu. Tháng 5/2020, Ông Đặng Văn Thành - Chủ tịch Tập đoàn TTC, người có liên quan tới Người nội bộ cũng đã mua vào gần 10 triệu cp SBT, nâng tổng số lượng cổ phiếu SBT đã được đăng ký mua vào bởi Ban lãnh đạo và người có liên quan lên tới 14,5 triệu cổ phiếu, tương đương gần 180 tỷ đồng. Tính tại thời điểm 30/6/2020, giá cổ phiếu SBT đã phần nào hồi phục khi đạt 13.350 đồng/cp, tăng lại 12,2% so với mức giá thấp nhất từ đỉnh dịch. SBT hiện là một trong những mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất ngành Đường khi khối lượng cổ phiếu giao dịch trung bình 12 tháng hơn 2,5 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch khoảng 44 tỷ đồng mỗi phiên.

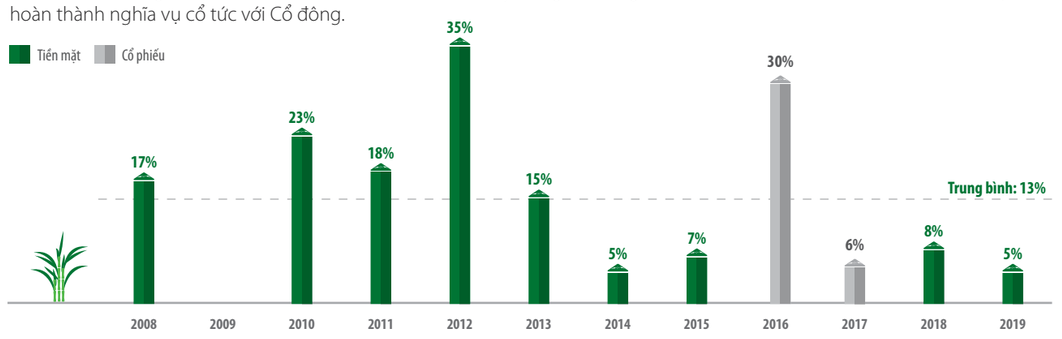
Thanh khoản của SBT và một số Doanh nghiệp cùng Ngành giai đoạn 1/7/2019 - 30/6/2020

STT	Công ty	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Khối lượng giao dịch (Cổ phần)	Giá trị giao dịch (Tỷ đồng)
1	CTCP Thành Thành Công Biên Hòa	SBT	HSX	2.558.965	44,03
2	CTCP Đường Quảng Ngãi	QNS	Upcom	409.536	12,33
3	CTCP Mía Đường Lam Sơn	LSS	HSX	41.550	0,26
4	CTCP Mía Đường Sơn La	SLS	HNX	6.856	0,38
5	CTCP Đường Kon Tum	KTS	HNX	853	0,02

Nguồn: Vietstock, TTC Biên Hòa tổng hợp

ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Liên tục các năm kể từ khi niêm yết vào 2008, TTC Biên Hòa luôn thực hiện đúng cam kết về chính sách chi trả cổ tức cho Cổ đông và Nhà đầu tư bằng cả 2 hình thức là tiền mặt và cổ phiếu. Ngày 7/10/2020 vừa qua, SBT đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền 5% cho NĐ 2018-2019 với hơn 293 tỷ đồng và thời gian thực hiện chi trả dự kiến là 30/11/2020 qua đó hoàn thành nghĩa vụ cổ tức với Cổ đông.



Nguồn: TTC Biên Hòa tổng hợp

LỊCH TÀI CHÍNH DỰ KIẾN CỦA NIÊN ĐỘ 2020-2021

Tháng 7/2020
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 4 NĐ 2019-2020
- Diễn giải BCTC Quý 4 NĐ 2019-2020
- Báo cáo QTCT NĐ 2019-2020

Tháng 9/2020
- BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán NĐ 2019-2020

Tháng 10/2020
- Báo cáo thường niên NĐ 2019-2020
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 1 NĐ 2020-2021
- Diễn giải BCTC Quý 1 NĐ 2020-2021
- ĐHĐCĐ thường niên NĐ 2019-2020

Tháng 11/2020
- Bản tin Nhà đầu tư Quý 1 NĐ 2020-2021

Tháng 1/2021
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 2 NĐ 2020-2021
- Diễn giải BCTC Quý 2 NĐ 2020-2021
- Báo cáo QTCT Bán niên NĐ 2020-2021

Tháng 2/2021
- Roadshow cho Nhà đầu tư tiềm năng, Cổ đông VIP và Nhà phân tích
- BCTC riêng và hợp nhất soát xét Bán niên NĐ 2020-2021
- Bản tin NĐT Quý 2 NĐ 2020-2021

Tháng 3/2021
- Tham dự Vietnam Access Day - VCSC

Tháng 4/2021
- BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 NĐ 2020-2021
- Diễn giải BCTC Quý 3 NĐ 2020-2021

Tháng 5/2021
- Tham dự Citi-SSI Vietnam C-Suite Corporate Day - SSI và Citi Group
- Bản tin Nhà đầu tư Quý 3 NĐ 2020-2021

Tháng 6/2021
- Tham dự HSC Emerging Vietnam - HSC

TỔNG QUAN NGÀNH ĐƯỜNG



NGÀNH ĐƯỜNG THẾ GIỚI

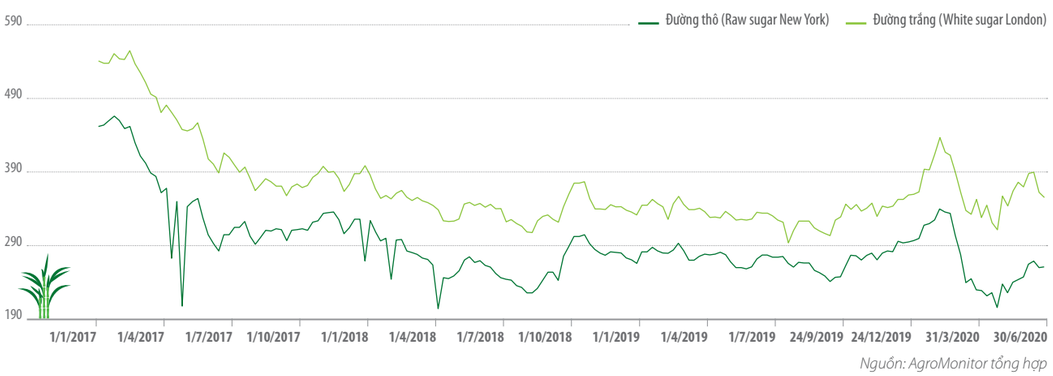


Niên độ 2019-2020 chứng kiến sự biến động rất lớn của giá Đường thế giới và nhiều biến cố bất ngờ xảy ra ảnh hưởng đến cả ngành Đường nói chung và các doanh nghiệp sản xuất Mía Đường nói riêng.

Sau khi lập đỉnh ở vùng giá gần 16 cents/lb vào tháng 2/2020 thì giá Đường thế giới đã giảm trong 3 tháng tiếp theo và chạm mức thấp nhất tính từ tháng 9/2019 do những lo lắng về nhu cầu sụt giảm liên quan đến đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó còn có lo ngại về nguồn cung tăng kể từ khi giá dầu thô giảm xuống mức thấp nhất trong 18 năm trở lại đây. Bước sang tháng 4/2020, giá Đường đã có dấu hiệu phục hồi và tiếp tục đà tăng trở lại trong tháng 5 và tháng 6/2020, động lực chính giúp giá Đường tăng là do:

1. Giá dầu thô phục hồi mạnh hơn 160% từ đáy tháng 4/2020 và giá Đường thường biến động cùng chiều với giá dầu bởi khi giá dầu tăng, các nhà máy Đường sẽ tăng cường sản xuất ethanol và giảm lượng mía dùng để sản xuất Đường;
2. Các nước nới dần lệnh phong tỏa liên quan tới dịch Covid-19, qua đó kéo nhu cầu nhiên liệu cũng như nhu cầu Đường đều tăng trở lại;
3. Những dự báo về triển vọng thiếu hụt nguồn cung của thị trường Đường thế giới cho NĐ 2020-2021 từ một số chuyên gia, tổ chức lớn.

Diễn biến giá Đường thô và Đường trắng trên sàn New York và London theo tuần từ 1/2017 - 6/2020



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG THẾ GIỚI NĐ 2019-2020 DỰ KIẾN ĐẠT

166,8

TRIỆU TẤN

SẢN LƯỢNG ĐƯỜNG TIÊU THỤ TOÀN CẦU TRONG NĐ 2019-2020 DỰ BÁO TĂNG

2,2

TRIỆU TẤN
TĂNG 1,3% SO VỚI NIÊN VỤ TRƯỚC

Theo báo cáo của tổ chức Đường Quốc tế ISO vào tháng 5/2020, cân bằng cung - cầu Đường thế giới trong NĐ 2019-2020 sẽ thâm hụt khoảng 9,3 triệu tấn từ mức thặng dư 1,7 triệu tấn của NĐ trước, đạt mức thâm hụt lớn nhất trong 11 năm qua. Sản lượng Đường thế giới NĐ 2019-2020 dự kiến đạt khoảng 166,8 triệu tấn, giảm 7,7 triệu tấn, tương đương giảm 4,4% so với niên vụ trước, nguyên nhân do sản lượng tại Thái Lan và Mexico giảm. Cũng theo ISO, sản lượng Đường tiêu thụ toàn cầu trong NĐ 2019-2020 dự báo tăng 2,2 triệu, tương đương tăng 1,3% so với niên vụ trước.

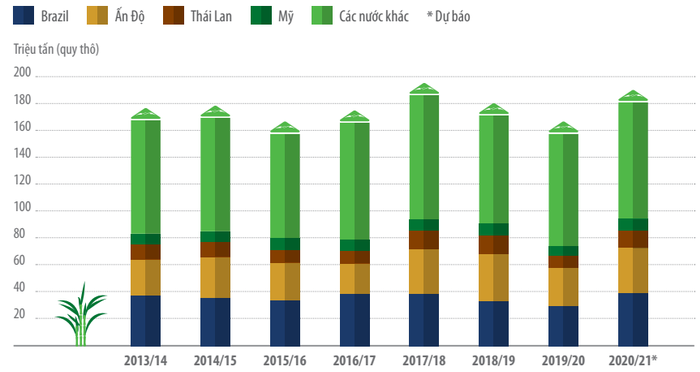
Cân đối cung cầu Đường thế giới niên vụ 2019-2020 so với niên vụ 2018-2019

Tiêu chí	ĐVT	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	Tăng/giảm (+/-)	
				Số lượng	%
Sản lượng	Triệu tấn	174,5	166,8	-7,7	-4,4%
Tiêu dùng	Triệu tấn	173,9	176,1	2,2	1,3%
Dư thừa/thiếu hụt	Triệu tấn	0,6	-9,3		

Nguồn: ISO, tháng 5/2020

Về sản lượng Đường thế giới NĐ 2020-2021, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ USDA dự kiến sản lượng sẽ tăng 22 triệu tấn lên mức 188 triệu tấn do sản lượng Đường cao hơn tại Brazil, Ấn Độ và Thái Lan. Đồng thời, USDA cũng cho rằng sản lượng tiêu thụ Đường toàn cầu trong niên vụ 2020-2021 cũng sẽ tăng và đạt mức kỷ lục do nhu cầu lớn từ các nền kinh tế đang tăng trưởng tại một số thị trường như Ấn Độ và Đông Nam Á.

Tổng sản lượng Đường thế giới và sản lượng một số quốc gia lớn từ NĐ 2013-2014 đến NĐ 2019-2020 và dự báo cho NĐ 2020-2021



Nguồn: USDA

Theo dự báo của OECD-FAO, cung Đường thế giới sẽ đạt mốc 205 triệu tấn Đường vào năm 2027 với tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2018-2027 đạt ~1,5%. Hoạt động sản xuất tại Thái Lan, Brazil và Ấn Độ được kỳ vọng sẽ là động lực thúc đẩy chính cho sự phát triển của cung Đường thế giới, trong khi nhu cầu sử dụng Đường sẽ đến từ Châu Á, Châu Phi và Trung Quốc khi từ đầu tháng 6/2020, mưa lớn và lũ lụt nghiêm trọng đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh tế, xã hội của các tỉnh miền Nam của Trung Quốc, tác động tiêu cực tới khu vực sản xuất 80% Đường của nước này. Dòng chảy thương mại Đường trong giai đoạn 2018-2027 được dự đoán sẽ dịch chuyển do thay đổi trong chính sách sản xuất và sử dụng Đường tại các quốc gia, vùng sản xuất chính. Xuất khẩu Đường sẽ tập trung tại các quốc gia Brazil, Thái Lan, Úc, EU còn nhập khẩu Đường được kỳ vọng sẽ phân tán hơn. Các quốc gia dẫn đầu nhập khẩu được dự đoán là Trung Quốc, Indonesia và các quốc gia thuộc Châu Á, Châu Phi.



NGÀNH ĐƯỜNG VIỆT NAM

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ HỘI NHẬP

Niên vụ 2019-2020 đánh dấu sự ảnh hưởng kép mà ngành Mía Đường Việt Nam phải đối mặt khi hội nhập Atiga với nhiều thách thức và áp lực cùng thời điểm đại dịch lịch sử Covid 19 bùng phát với sức tàn phá đến mọi ngành nghề. Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội Mía Đường Việt Nam (VSSA) vào tháng 7/2020, tổng kết sản xuất niên vụ 2019-2020 cho thấy kế hoạch đề ra vào đầu niên vụ không thể hoàn thành do diện tích và năng suất đều giảm so với kế hoạch. Sản lượng mía ép giảm gần 40%, từ 12,2 triệu tấn NĐ 2018-2019 giảm xuống còn 7,5 triệu tấn NĐ 2019-2020. Sản lượng Đường từ xấp xỉ 1,2 triệu tấn vụ 2018-2019 giảm 36% còn gần 0,8 triệu tấn vụ 2019-2020. Niên vụ 2019-2020 cũng đã chứng kiến số lượng nhà máy hoạt động thấp kỷ lục trong 20 năm gần đây tính từ năm 2000 khi 10/36 nhà máy thông báo ngừng hoạt động.

Thống kê kết quả sản xuất niên vụ 2019-2020 so với niên vụ 2018-2019

Tiêu chí	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	Thay đổi
Sản lượng Mía (ngàn tấn)	12.202	7.517	-4.685
Sản lượng Đường (ngàn tấn)	1.173	769	404
Số lượng Nhà máy	36	26	-10

Nguồn: Agromonitor tổng hợp

Từ quý 1/2020, nhu cầu tiêu thụ Đường phục vụ cho sản xuất công nghiệp tại Việt Nam giảm đáng kể do các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống chờ nhập khẩu Đường giá rẻ sau ATIGA. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của giãn cách xã hội dưới tác động của dịch Covid-19, Đường tiêu dùng trực tiếp cho các hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ (chợ, trường học, cửa hàng ăn uống, cà phê, nước giải khát...) cũng sụt giảm.

Bước qua NĐ mới 2020-2021, tiêu thụ Đường tại Việt Nam được kỳ vọng cải thiện khi đại dịch đang được kiểm soát tốt và các doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống bắt đầu sản xuất phục vụ cho các dịp lễ tết lớn như Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán,...

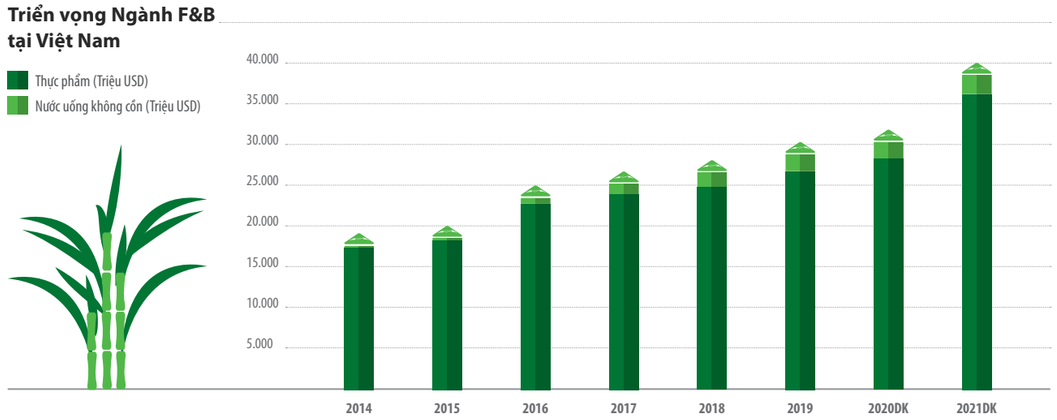
Ngành Đường Việt Nam hiện vẫn đang sở hữu nhiều cơ hội nhờ tăng trưởng khi Việt Nam sở hữu cơ cấu dân số trẻ, độ tuổi bình quân là 31 tuổi và tốc độ đô thị hóa nhanh nhất ASEAN.

Dự kiến đến năm 2035, Việt Nam có 54 triệu dân số thành thị, chiếm 50% tổng dân số và 21 triệu người ở độ tuổi 20 - nguồn cung lao động tiềm năng cho nền kinh tế và tỷ lệ dân số đô thị tăng lên 60% năm 2050 từ 36% của 2017. Những yếu tố này thúc đẩy nhu cầu sử dụng các sản phẩm Thực phẩm và Đồ uống (F&B) như bánh kẹo, nước giải khát, sữa, kem,… với Đường là nguyên liệu quan trọng. Theo báo cáo của Deloitte, doanh thu Ngành F&B dự kiến đạt 40 tỷ USD năm 2021 từ 27 tỷ USD năm 2017. Cùng với đó, tiêu thụ Đường bình quân đầu người của Việt Nam hiện chỉ đạt 17,5 kg/năm, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN như Philippines 23,5 kg , Indonesia 24,6 kg, Thái Lan 43,4 kg và Malaysia 57,9 kg. Theo PwC dự báo đến năm 2026, tiêu thụ Đường bình quân đầu người Việt Nam sẽ đạt khoảng 26kg/năm.



Sản phẩm Đường Organic bao 1 tấn xuất đi thị trường Châu Âu

Triển vọng Ngành F&B tại Việt Nam



Nguồn: Deloitte, TTC Biên Hòa tổng hợp

Cung cầu về Đường ở Việt Nam đang có mối tương quan ngược chiều khi từ NĐ 2013-2014 trở lại đây, lượng Đường sản xuất có xu hướng giảm, trong khi nhu cầu tiêu thụ có xu hướng tăng dần lên. Việt Nam dự kiến cần thêm 1-1,5 triệu tấn Đường trong vài năm tới để phục vụ cho nhu cầu cá nhân và công nghiệp thực phẩm.

TỔNG QUAN NGÀNH ĐƯỜNG (tiếp theo)

NHỮNG YẾU TỐ HỖ TRỢ TỪ CHÍNH PHỦ VÀ TRIỂN VỌNG VỀ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG

Để ngành Đường có thể tồn tại, phát triển và nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập, nhất là sau khi ATIGA chính thức có hiệu lực, Chính phủ đã tăng cường ban hành những chính sách để hỗ trợ Ngành Đường trong nước.

YẾU TỐ HỖ TRỢ	CHI TIẾT
Tăng giá điện sinh khối	Ngày 5/3/2020, Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành quyết định 8/2020/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án Điện sinh khối tại Việt Nam, trong đó sửa đổi quy định giá điện đối với dự án Điện sinh khối. Cụ thể, đối với giá Điện sinh khối tại dự án đồng phát, biểu giá mua điện tại điểm giao nhận là 1.634 đồng/kWh, tương đương 7,03 UScents/kWh, so với mức cũ là 1.220 đồng/kWh, tương đương 5,8 UScents/kWh.
Điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm Đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc	Ngày 29/6/2020, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 1715/QĐ-BCT về điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm Đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Dựa trên kết quả điều tra và trong trường hợp cần thiết, Bộ Công thương có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời để ngăn chặn hành vi bán phá giá tiếp tục gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất Đường trong nước.
Triển khai các giải pháp phát triển ngành Mía Đường Việt Nam trong tình hình mới	Ngày 14/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 28/CT-TTg về việc triển khai các giải pháp phát triển ngành Mía Đường, bao gồm một số điểm chính như: ▸ Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho công tác nghiên cứu giống mía mới và hỗ trợ triển khai dự án giống mía 3 cấp ở vùng sản xuất mía trọng điểm; ▸ Đẩy mạnh cơ giới hóa, thủy lợi hóa những vùng mía tập trung; nghiên cứu sản xuất, chế biến để đa dạng hóa các sản phẩm từ cây mía và từ phế phụ phẩm trong sản xuất Đường; ▸ Nghiên cứu để xuất bổ sung cây mía vào nhóm cây trồng thuộc đối tượng hỗ trợ bảo hiểm khi xảy ra thiên tai gây ảnh hưởng đến người nông dân trồng mía; ▸ Nghiên cứu, để xuất các biện pháp quản lý liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm Đường phù hợp với tình hình mới; ▸ Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi tiếp tay buôn lậu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh Đường và chất tạo ngọt; ▸ Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên dành nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận tín dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mía Đường.
Ưu đãi về thuế khi xuất khẩu vào thị trường EU	Ngày 1/8/2020, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Theo EVFTA thì Liên minh châu Âu (EU) cam kết dành ưu đãi về dòng thuế nhập khẩu Đường trong hạn ngạch lên đến 100 ngàn tấn cho các sản phẩm Đường có xuất xứ từ Việt Nam.

Xét về tình hình kinh tế chung, mặc dù chịu nhiều tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, nhưng với những biện pháp phòng dịch hiệu quả và minh bạch, Việt Nam đang được đánh giá là một trong những quốc gia phòng dịch tốt nhất, các chỉ số về kinh tế cũng đang có dấu hiệu hồi phục trở lại. Theo Lãnh đạo Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam kỳ vọng sẽ trở thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế lớn thứ 5 trên thế giới trong năm 2020, theo đó, bà Stefanie Stallmeister, Quyền Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam dự báo Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong những nền kinh tế sôi động nhất trên thế giới, với dự báo tăng trưởng GDP đạt 2,8% trong năm 2020 và sẽ phục hồi lên mức 6,7% vào năm 2021. Trong báo cáo về thị trường cận biên (Frontier Market) tại châu Á vừa công bố, Ngân hàng HSBC cũng đã có những đánh giá cao về thị trường và đưa ra nhiều lý do lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2020. Cụ thể, tổ chức này đánh giá rằng nền kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu bình thường hóa và quay trở lại đúng hướng. Trên cơ sở đó, HSBC dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 3% trong năm 2020, và trở thành quốc gia ASEAN duy nhất tăng trưởng dương. Dự báo cho năm 2021, HSBC cho rằng tăng trưởng của Việt Nam có khả năng đạt 8,5%.

TTC BIÊN HÒA NỖ LỰC TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ HỘI NHẬP ĐỂ BỨT PHÁ VƯƠN TẦM KHU VỰC

Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, theo đó đối với mặt hàng Đường, Liên minh Châu Âu cam kết dành ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm Đường có xuất xứ từ Việt Nam. Chính sách ưu đãi này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất Đường của Việt Nam có cơ hội mở rộng hoạt động xuất khẩu sang thị trường EU và cũng là cơ hội cho Công ty đầu ngành như TTC Biên Hòa vì đây là thị trường ưa chuộng các sản phẩm Đường sạch, Đường hữu cơ phù hợp với các dòng sản phẩm chiến lược của Công ty.

Thị trường Đường Organic (Đường hữu cơ) là một thị trường đầy tiềm năng, theo thống kê của Market Research Future & Absolute Market Insights, nhu cầu sử dụng Đường Organic toàn cầu đã tăng 31% từ 2010 tới 2014. Năm 2017, quy mô ngành Đường hữu cơ đạt hơn 784 triệu USD và dự báo tới năm 2022 sẽ đạt gần 1,4 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2017-2022 lên tới 16%. Riêng đối với thị trường EU, theo dự báo của USDA, sản lượng Đường nhập khẩu của EU trong niên vụ 2020-2021 ước đạt 2,1 triệu tấn, tương ứng khoảng 11,3% sản lượng Đường tiêu thụ trong khu vực.

Để khai thác tiềm năng vô cùng lớn của thị trường này, TTC Biên Hòa đã có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng, chủ động vào mảng Đường Organic trong suốt 3 năm qua. Đồng thời, Công ty cũng đang tiếp tục đầu tư và phát triển diện tích Mía Organic cũng như sản xuất Đường Organic nhằm tạo ra những sản phẩm hấp dẫn với Người tiêu dùng về tính chuyên biệt, hấp dẫn với Công ty về Biên Lợi nhuận và đặc biệt là thuận lợi hơn trong việc tiếp cận thị trường quốc tế vốn đang bị chiếm lĩnh bởi các Ông vua Mía Đường như Brazil, Thái Lan, Ấn Độ. Đây được xem là bước đi chiến lược của TTC Biên Hòa để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngành Đường Việt Nam, và hướng tới tầm nhìn trở thành Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững hàng đầu Đông Dương.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT ĐƯỜNG ORGANIC THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ TẠI TTC BIÊN HÒA

Canh tác và sản xuất tuân thủ USDA/NOP, EU Organic (EU834/2007, EU889/2008)

1 KHÂU CHUẨN BỊ GIỐNG VÀ LÀM ĐẤT

- Đảm bảo nguồn mía giống hữu cơ, Non-GMO
- Sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh

2 KHÂU CHĂM SÓC

- Không sử dụng hóa chất, phân vô cơ ngoài danh mục
- Xen canh đậu, đa dạng sinh học
- Không dùng thuốc diệt cỏ, làm cỏ thủ công
- Thiên địch và bẫy đèn để quản lý côn trùng

3 KHÂU SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY

- Hoàn thiện hệ thống quản lý ISO 9001-2015, FSSC 22000

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Việc cải thiện công tác QTCT đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao niềm tin của Nhà đầu tư/ Cổ đông, từ đó giúp Công ty có thể thu hút vốn đầu tư ổn định và bền vững.

Nhận thấy điều này, từ Báo cáo thường niên NĐ 2017-2018 TTC Biên Hòa đã bắt đầu tiến hành đánh giá tình hình QTCT theo Thẻ điểm Asean Scorecard. Sau 3 năm thực hiện, TTC Biên Hòa đã có những cải thiện tốt, dần tiến tới hoàn thiện công tác QTCT theo các chuẩn mực tốt nhất thị trường.

NĐ 2019-2020 Công ty đã hoàn thành tốt 171/184 tiêu chuẩn, cải thiện 6 tiêu chuẩn, tương ứng đạt mức 93%, tăng 4% so với NĐ trước (165/184 tiêu chuẩn).

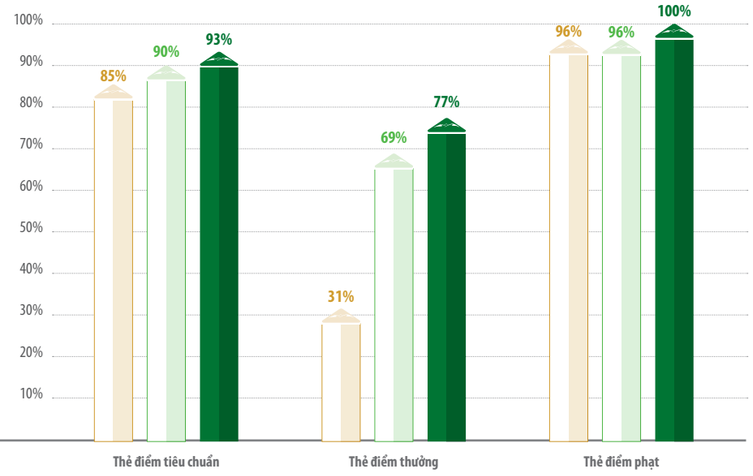
Đặc biệt trong đó, tại thẻ điểm Tiêu chuẩn, chỉ tiêu "Công bố thông tin và minh bạch" đã được cải thiện vượt bậc khi hoàn thành 32/32 tiêu chuẩn đạt 100%, đồng thời tại thẻ điểm Phạt, Công ty cũng đã hoàn thành tốt 25/25 tiêu chuẩn đạt 100%. Trong NĐ này, những tiêu chuẩn chưa hoàn thành tốt của Công ty đều có khả năng cải thiện trong ngắn hạn (<1 năm) và trung hạn (1-3 năm), loại bỏ hoàn toàn khả năng cải thiện trong dài hạn và hoàn toàn không còn tiêu chuẩn nào chưa hoàn thành.

Tỷ lệ hoàn thành tốt thẻ điểm Asean Scorecard

NĐ 2019-2020 CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH TỐT

171/184

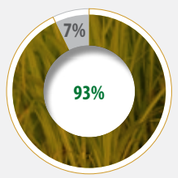
TIÊU CHUẨN
CẢI THIỆN 6 TIÊU CHUẨN, TƯƠNG ỨNG ĐẠT MỨC 93%, TĂNG 4% SO VỚI NĐ TRƯỚC



ASEAN SCORECARD NIÊN ĐỘ 2019-2020

Cấp độ 1

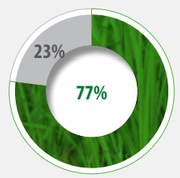
146 Tiêu chuẩn cơ bản
Hoàn thành tốt: **136/146**



Rê chuột

Cấp độ 2

13 Tiêu chuẩn thưởng
Hoàn thành tốt: **10/13**



Rê chuột

25 Tiêu chuẩn phạt
Hoàn thành tốt: **25/25**



Rê chuột

Nguồn: TTC Biên Hòa

ASEAN CORPORATE GOVERNANCE

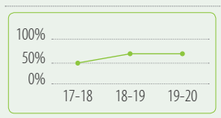
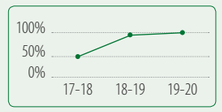
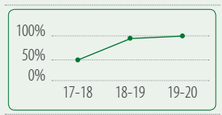
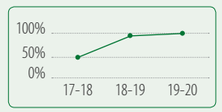
TÌNH HÌNH CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO ASEAN SCORECARD CỦA NĐ 2019-2020

Xu hướng hoàn thành: ☑ Hoàn thành tốt: (>=70%) ☑ Hoàn thành khá: (31%-69%)

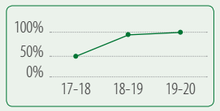
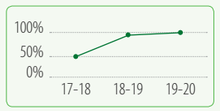
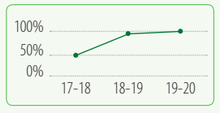
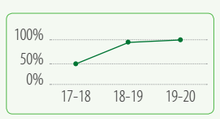
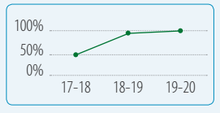
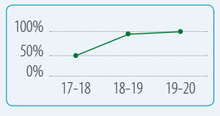
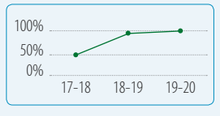
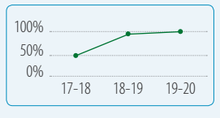
Khả năng cải thiện: Ngắn hạn: < 1 năm Trung hạn: 1 - 3 năm

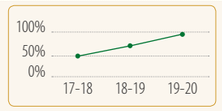
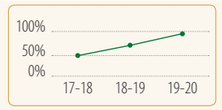
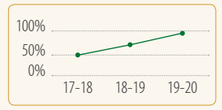
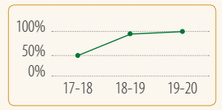
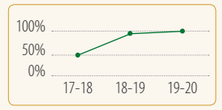
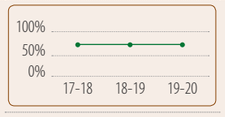
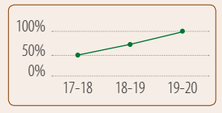
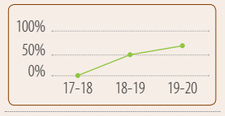
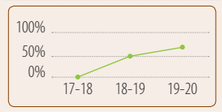
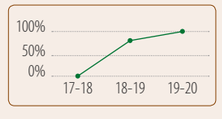
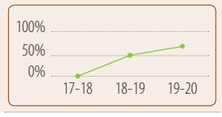
A: Quyền của Cổ đông, **B:** Đối xử bình đẳng với Cổ đông,
C: Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, **D:** Công bố thông tin và minh bạch,
E: Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, **(B):** Điểm thưởng, **(P):** Điểm phạt

THẺ ĐIỂM TIÊU CHUẨN

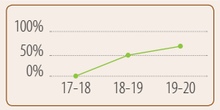
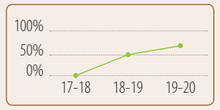
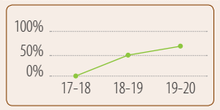
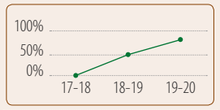
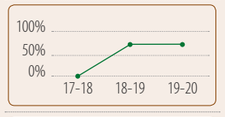
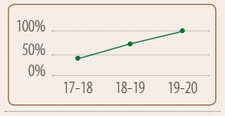
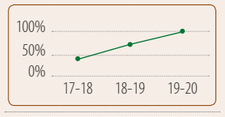
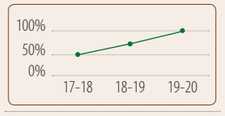
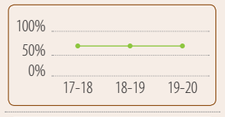
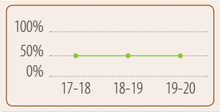
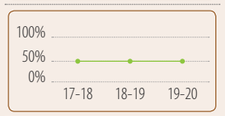
Thẻ điểm		Xu hướng hoàn thành	Khả năng cải thiện: Ngắn hạn	Khả năng cải thiện: Trung hạn	Cơ sở đưa ra nhận định
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG					
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời: Tất cả Cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được Cổ đông thông qua tại các ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm? Nếu Công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu, Công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố?		☑		▸ Cổ tức cổ phiếu 6% NĐ 2016-2017 ▸ Cổ tức tiền mặt 8% NĐ 2017-2018 ▸ Cổ tức tiền mặt 5% NĐ 2018-2019 (đã thông qua phương án chi trả cổ tức vào ngày 7/10/2020)
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả TV HĐQT và TGĐ có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?			☑	▸ Biên bản họp ĐHĐCĐ NĐ 2016-2017: 2/6 TV HĐQT, TGĐ tham dự ▸ Biên bản họp ĐHĐCĐ NĐ 2017-2018: 3/6 TV HĐQT, TGĐ tham dự ▸ Biên bản họp ĐHĐCĐ NĐ 2018-2019: 3/6 TV HĐQT, TGĐ tham dự
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?			☑	▸ Quy định tại Điều 7 Quy chế quản trị ▸ LYKCĐ bằng văn bản có Cổ đông độc lập giám sát kiểm phiếu
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		▸ ĐHĐCĐ NĐ 2016-2017: Thực hiện theo TT 155, trước 10 ngày ▸ ĐHĐCĐ từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Được thực hiện đúng 21 ngày
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo Nghị quyết cần được thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		▸ ĐHĐCĐ từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Mỗi tờ trình thể hiện từng vấn đề được cung cấp cơ sở thông tin cụ thể
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được Cổ đông thông qua, TV/Ủy viên HĐQT của Công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		▸ Tất cả các trường hợp sáp nhập, mua lại đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật. ▸ Từ NĐ 2018-2019 đến thời điểm hiện tại: Các thương vụ sáp nhập, mua lại Công ty đều được thực hiện trên chuẩn quy định thông qua việc đề nghị các tổ chức tài chính uy tín tham gia đánh giá như E&Y, Deloitte…

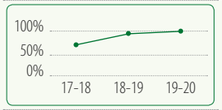
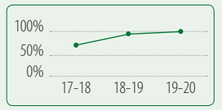
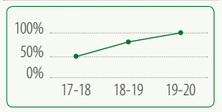
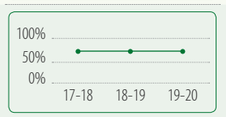
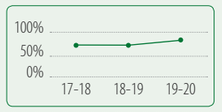
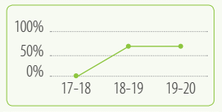
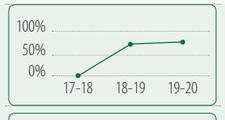
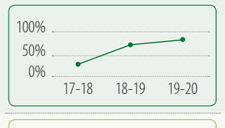
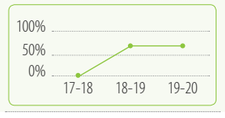
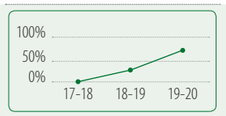
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (tiếp theo)

	Thẻ điểm	Xu hướng hoàn thành	Khả năng cải thiện		Cơ sở đưa ra nhận định
			Ngắn hạn	Trung hạn	
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Công ty ngày càng có nhiều công bố công khai khuyến khích tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ: › Roadshow gặp gỡ Nhà đầu tư tiềm năng, Cổ đông VIP › Lịch sự kiện, cập nhật thông tin tuần, tháng, quý. . .
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG					
B.2.1	Mỗi Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gắn nhất chỉ liên quan đến 1 nội dung của dự thảo Nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng 1 Nghị quyết?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› ĐHĐCĐ NĐ 2016-2017: Tờ trình từng vấn đề, Nghị quyết tổng hợp chung › ĐHĐCĐ từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Mỗi tờ trình đều có một Nghị quyết riêng
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu 1 Tiểu ban bao gồm TV HĐQT độc lập rà soát giao dịch các Bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty, Cổ đông?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› NĐ 2016-2017: Ban Kiểm soát thực hiện theo đúng quy định pháp luật › Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: TBKT bao gồm TV HĐQT độc lập thực hiện nhiệm vụ này theo Quy chế tổ chức, hoạt động của TBKT ban hành ngày 3/7/2018
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gắn nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› ĐHĐCĐ NĐ 2016-2017: Tài liệu chưa được dịch sang tiếng Anh › ĐHĐCĐ từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Tài liệu được dịch sang tiếng Anh và công bố cùng ngày tiếng Việt
C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN					
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› Quy trình chọn thầu *(sử dụng nội bộ)* › Bộ Quy chế ứng xử - Điều 4: Cam kết đối với Người tiêu dùng, Khách hàng và Nhà cung cấp › BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Sự gắn kết các Bên liên quan"
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› Bộ Quy chế ứng xử - Điều 16: CBNV phải có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật bao gồm Luật phòng chống tham nhũng › BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Bộ Quy chế ứng xử"
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› Bộ Quy chế ứng xử - Điều 5: Cam kết đối tác, khách hàng, cổ đông › BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Bộ Quy chế ứng xử"
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho Nhân viên và các Bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web Công ty hoặc BCTN?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› Bộ Quy chế ứng xử - Điều 15: CBNV có trách nhiệm báo cáo trung thực, đầy đủ, rõ ràng và chính xác các hành vi vi phạm hoặc hành vi nghi ngờ vi phạm › BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Bộ quy chế ứng xử" › Quy chế giải quyết góp ý/khiếu nại/tố cáo ban hành NĐ 2019-2020

	Thẻ điểm	Xu hướng hoàn thành	Khả năng cải thiện		Cơ sở đưa ra nhận định
			Ngắn hạn	Trung hạn	
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH					
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Cổ đông lớn?		☑		Công ty ngày càng hoàn thiện công tác công bố việc sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn, TV HĐQT, Ban điều hành: › Công bố theo Thông tư 155 › Báo cáo QTCT 6 tháng 1 lần › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: theo chuẩn "Asean Scorecard"
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của TV HĐQT?		☑		
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Ban điều hành?		☑		
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về Công ty mẹ, con, liên kết, liên doanh và Công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› BCTC: Thuyết minh BCTC của các NĐ › BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Hoạt động của Công ty con - Công ty liên kết"
D.3.2	Công ty có công bố tên của các Bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi giao dịch Bên liên quan trọng yếu/quan trọng?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› BCTC: Thuyết minh BCTC › BCTN NĐ 2017-2018: Tại nội dung "Báo cáo HĐQT và hoạt động QTCT; Hoạt động thị trường vốn và Quan hệ Nhà đầu tư" › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Gắn kết các Bên liên quan" › Báo cáo QTCT 6 tháng/lần
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
E.2.4	TV HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số TV HĐQT?			☑	› NĐ 2017-2018: 2/6 TV HĐQT là độc lập chiếm 34% › NĐ 2018-2019: 2/6 TV HĐQT là độc lập chiếm 34% › NĐ 2019-2020: 2/6 TV HĐQT là độc lập chiếm 34%
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí HĐQT mà 1 TV HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những Công ty khác không?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› Điều 13.2 Quy chế QTCT ban hành năm 2017, TV HĐQT Công ty có thể đồng thời là TV HĐQT của Công ty khác. › Điều 12.1 Quy chế QTCT ban hành năm 2018, kể từ ngày 01/08/2019 TV HĐQT không được đồng thời là TV HĐQT tại quá 05(năm) Công ty khác
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số TV HĐQT độc lập?			☑	› NĐ 2017-2018 và NĐ 2018-2019: Tiểu ban Nhân sự có 1/4 TV là TV HĐQT độc lập › NĐ 2019-2020: Tiểu ban Nhân sự có 1/3 TV là TV HĐQT độc lập
E.2.10	Trưởng ban Tiểu ban Nhân sự có phải là TV HĐQT độc lập?			☑	› NĐ 2017-2018 và NĐ 2018-2019: Trưởng ban Tiểu ban Nhân sự là Chủ tịch HĐQT - TV HĐQT không điều hành › NĐ 2019-2020: Trưởng ban Tiểu ban Nhân sự là Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
E.2.11	Công ty có công bố Quy chế hoạt động/ Cơ cấu quản trị/ Điều lệ của Tiểu ban Nhân sự		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		› BCTN NĐ 2017-2018: Tại nội dung "Báo cáo các Tiểu ban thuộc HĐQT" › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo các Tiểu ban thuộc HĐQT" › Quy chế tổ chức và hoạt động Tiểu ban Nhân sự
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?			☑	› Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Tiểu ban Nhân sự kiêm nhiệm Tiểu ban Thù lao

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (tiếp theo)

	Thẻ điểm	Xu hướng hoàn thành	Khả năng cải thiện: Ngắn hạn	Khả năng cải thiện: Trung hạn	Cơ sở đưa ra nhận định
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số TV HĐQT độc lập?			☑	Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Tiểu ban Nhân sự kiêm nhiệm Tiểu ban Thù lao, có 1/4 TV là TV HĐQT độc lập
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là TV HĐQT độc lập?			☑	Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Trưởng ban Tiểu ban Nhân sự kiêm nhiệm Tiểu ban Thù lao hiện là Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT-TV HĐQT không điều hành
E.2.16	Công ty có công bố Quy chế hoạt động/ Cơ cấu quản trị/ Điều lệ Tiểu ban Thù lao?			☑	BCTN từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo của các Tiểu ban thuộc HĐQT"
E.2.20	Chủ tịch của TBKT có phải là TV HĐQT độc lập?		☑		NĐ 2019-2020: Trưởng ban TBKT là TV HĐQT độc lập
E.2.22	Tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập của TBKT có chuyên môn về kế toán không?		☑		TBKT: TV HĐQT độc lập có chuyên môn kinh tế và có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý và giám sát tài chính
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		NĐ 2016-2017: Ít nhất 2 ngày trước ngày họp Từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Điều lệ - Điều 28: Thường kỳ ít nhất 5 ngày trước họp, Bất thường ít nhất 2 ngày trước họp
E.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký Công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		NĐ 2017-2018: Thư ký Công ty từng giữ chức vụ GĐ Tài chính Điều lệ - Điều 33.2 và Quy chế QTCT - Điều 22.2: Thư ký Công ty là người có hiểu biết về pháp luật
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như Tài chính, Vận hành bao gồm Công nghệ thông tin, Môi trường, Xã hội và Kinh tế)?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		BCTN NĐ 2017-2018: Tại nội dung "Báo cáo TBKT, Tuân thủ pháp luật" BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo Quản trị rủi ro"
E.4.2	Chủ tịch HĐQT có phải là TV HĐQT độc lập?			☑	Chủ tịch HĐQT là TV HĐQT không điều hành nhưng không phải TV HĐQT độc lập
E.4.5	Nếu Chủ tịch HĐQT không phải là TV HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng TV độc lập và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?			☑	Chủ tịch HĐQT không điều hành có phân công vai trò, trách nhiệm của các TV HĐQT nhưng chưa bổ nhiệm 1 Thành viên làm Trưởng TV HĐQT độc lập
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho TV HĐQT mới?			☑	Thông qua các cuộc họp HĐQT tại Công ty

	Thẻ điểm	Xu hướng hoàn thành	Khả năng cải thiện: Ngắn hạn	Khả năng cải thiện: Trung hạn	Cơ sở đưa ra nhận định
	THẺ ĐIỂM THƯỞNG				
A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại ĐHĐCĐ?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		Quy chế quản trị, Điều 7 ĐHĐCĐ từ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Cổ đông được phép ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ
B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ như thông báo cho HOSE, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		TT 155: ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông báo trước 10 ngày ĐHĐCĐ NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Trước 30 ngày
C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ Báo cáo được quốc tế công nhận về Phát triển bền vững (GRI, Báo cáo tích hợp, SASB) không?		Công ty hoàn thành tốt 100%, tiếp tục duy trì và cải thiện để tốt hơn mức quy định.		BCTN theo Chuẩn Báo cáo Tích hợp quốc tế (IIRC) Báo cáo QTCT theo thẻ điểm Asean Scorecard Báo cáo Phát triển bền vững theo chuẩn GRI
D.1.1	BCTC hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?			☑	BCTC kiểm toán NĐ 2016-2017: Công bố trong 84 ngày BCTC Kiểm toán NĐ 2017-2018 đến thời điểm hiện tại: Công bố trong 90 ngày theo Thông tư 155
E.1.1	Công ty có tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập là nữ?			☑	2/6 TV HĐQT độc lập là nam 2/6 TV HĐQT không điều hành là nữ
E.1.2	Công ty có công bố chính sách, mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?			☑	BCTN NĐ 2017-2018: Tại nội dung "Quy chế QTCT, Báo cáo HĐQT, Hoạt động QTCT" BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Quy chế QTCT, Báo cáo HĐQT"
E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ TV HĐQT độc lập?			☑	NĐ 2017-2018: 1/4 là TV HĐQT độc lập, 3/4 là TV HĐQT không điều hành NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: 1/3 là TV HĐQT độc lập, 2/3 là TV HĐQT không điều hành
E.3.1	Công ty có sử dụng các Công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài khi tìm kiếm ứng cử viên cho TV HĐQT?		☑		Tìm nguồn ứng viên HĐQT từ Viện TV HĐQT do HOSE thành lập
E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan Công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm hoạ, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho HĐQT?		☑		BCTN NĐ 2017-2018 và NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Báo cáo HĐQT, Hoạt động QTCT" BCTN NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo HĐQT và Mô hình vận hành tiên phong"
E.6.1	Công ty có Tiểu ban QLRR riêng biệt?			☑	TBKT phụ trách QLRR
	THẺ ĐIỂM PHẠT				
A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp, sở hữu chéo có tồn tại không?		☑		Tỷ lệ giảm đáng kể qua các NĐ. Hiện tại Công ty không tồn tại cấu trúc sở hữu chéo.

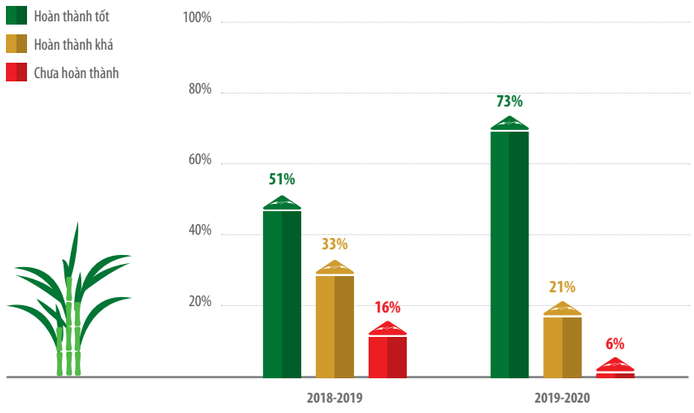
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (tiếp theo)

TẠI TIÊU CHUẨN HOÀN THÀNH TỐT, CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH 37/51 TIÊU CHUẨN, TƯƠNG ỨNG TỶ TRỌNG 73%, TĂNG 42% SO VỚI NĐ TRƯỚC



Niên độ 2019-2020, TTC Biên Hòa tiếp tục thực hiện đánh giá kết quả và tình hình cải thiện QTCT dựa trên Bộ nguyên tắc QTCT tốt nhất dành cho Công ty đại chúng Việt Nam do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) ban hành vào tháng 8/2019. Nhìn chung, các tiêu chuẩn đều đã có sự cải thiện rõ rệt, cụ thể, tại tiêu chuẩn Hoàn thành tốt, Công ty đã hoàn thành 37/51 tiêu chuẩn, tương ứng tỷ trọng 73%, tăng 42% so với NĐ trước. Tại tiêu chuẩn Hoàn thành khá giảm còn 11 tiêu chuẩn, tương tứng tỷ trọng 21%, cải thiện 35%; tiêu chuẩn Chưa hoàn thành chỉ còn 3 tiêu chuẩn, tương đương tỷ trọng 6%, cải thiện 63% so với NĐ 2018-2019.

Tỷ lệ hoàn thành các tiêu chuẩn thực hiện QTCT



Nguồn: TTC Biên Hòa

☑ Hoàn thành tốt >=70% ☑ Hoàn thành khá 31%-69% ☒ Chưa hoàn thành <30%

	Chỉ tiêu	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	Thực hiện
1.	**THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT**			
1.1	**HĐQT cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình**	☑	☑	
1.2	**TV HĐQT cần phải hiểu đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, mẫn cán, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và Cổ đông, quan tâm đến lợi ích của các Bên liên quan.**	☑	☑	› Hoàn thành tốt tất cả các tiêu chuẩn của 3 chỉ tiêu 1.1, 1.2, 1.3
1.3	**Cùng với Ban điều hành, HĐQT cần phải thúc đẩy văn hóa QTCT tốt, liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó**	☑	☑	
2.	**THIẾT LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP**			
2.1	**Tập thể HĐQT cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng, phù hợp để đóng vai trò chèo lái, giám sát Công ty hiệu quả**			
5	HĐQT với sự hỗ trợ của Ủy ban đề cử nhân sự, cần lựa chọn, đề xuất ứng cử viên HĐQT để Cổ đông bầu chọn. Ủy ban đề cử nhân sự thuộc HĐQT cần giám sát việc xây dựng, thực hiện quy trình đề cử HĐQT chính thức. HĐQT cần công bố quy trình bổ nhiệm TV HĐQT mới, các tiêu chí sử dụng để lựa chọn TV HĐQT mới	☑	☑	› Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động Tiểu ban Nhân sự › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Quản trị Công ty"
6	Tất cả Cổ đông đều có cơ hội để cử ứng cử viên cho HĐQT. Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% có quyền đề xuất ứng cử viên. Cổ đông sở hữu dưới 5% có cơ hội để xuất ứng cử viên. Thời hạn cho việc đề xuất ứng cử viên HĐQT, thủ tục xem xét để xuất, đưa vào chương trình họp phải được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của HĐQT	☑	☑	› Điều lệ quy định 10%, tuy nhiên cho phép các Cổ đông/ nhóm Cổ đông thiểu số gộp phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu lên 10%, đủ điều kiện để cử TV HĐQT
7	Công ty đại chúng nên có số lượng TV HĐQT là số lẻ từ 5 -11. Số lượng này có thể khác nhau tuỳ thuộc vào ngành hoạt động, quy mô, mức độ phức tạp của Công ty, chu kỳ hoạt động của Công ty, những Ủy ban nào cần được thành lập.	☑	☑	› Điều lệ quy định số lượng TV HĐQT từ 3-11 người › Số lượng thực tế hiện tại là 6 Thành viên
3.	**BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**			
3.1	**Sau khi được bầu chọn, tất cả các TV HĐQT cần phải có trách nhiệm với Công ty, cho dù được bổ nhiệm bởi Cổ đông, nhóm Cổ đông, quản tài viên hay các Bên liên quan**	☑	☑	› Hoàn thành tốt tất cả các các tiêu chuẩn của 2 chỉ tiêu 3.1 và 3.2
3.2	**Để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả các TV HĐQT, sự liêm chính của hệ thống quản trị, Công ty cần phải có tối thiểu 1/3 TV HĐQT là độc lập**	☑	☑	
3.3	**HĐQT cần phải bảo đảm các TV HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn, năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT**			
4	Công ty cần có tối thiểu 1 TV HĐQT độc lập có chuyên môn, kinh nghiệm tài chính để tham gia, lãnh đạo Uỷ ban kiểm toán	☑	☑	› 1/2 TV HĐQT độc lập có chuyên môn Tài chính
3.5	**HĐQT cần phải chỉ định 1 TV HĐQT đứng đầu trong số các TV HĐQT độc lập nếu Chủ tịch HĐQT không phải là Thành viên độc lập, bao gồm trường hợp Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời là TGĐ**			
3	Cần bổ nhiệm 1 TV HĐQT độc lập đứng đầu phụ trách các TV HĐQT độc lập, theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp Chủ tịch không phải là TV độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số các TV HĐQT độc lập	☒	☒	› 2 TV HĐQT độc lập chưa phân công rõ người đứng đầu
4	TV HĐQT độc lập đứng đầu cần có đủ thẩm quyền để dẫn dắt HĐQT trong những trường hợp các TV HĐQT còn lại xung đột lợi ích rõ ràng	☑	☑	› Chủ tịch HĐQT là TV HĐQT không điều hành, sẽ dẫn dắt HĐQT.
4.	**THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**			
4.1	**HĐQT cần phải thành lập Uỷ ban Kiểm toán, bảo đảm để Ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. Uỷ ban Kiểm toán phải bảo đảm các Kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan.**	☑	☑	› Hoàn thành tốt các tiêu chuẩn của chỉ tiêu 4.1
4.2	**HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban QLRR có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty được quản lý phù hợp**			
1	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban QLRR, tối thiểu 3 TV HĐQT không điều hành, đa số là Thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch Ủy ban	☒	☒	› Chưa thành lập Ủy ban QLRR, TBKT đang thực hiện
2	HĐQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban QLRR, quy chế này phải được công bố trên trang Web	☒	☒	
4.3	**HĐQT cần thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm, Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung QTCT, bảo đảm rằng chính sách, hoạt động bổ nhiệm, lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các TV HĐQT và Ban điều hành tài năng**			
1	HĐQT cần phải thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, bao gồm tối thiểu 3 TV HĐQT không điều hành, có năng lực chuyên môn, đa số là Thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch	☑	☑	› Chưa thành lập Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng, Tiểu ban Nhân sự đang thực hiện

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THẺ ĐIỂM ASEAN SCORECARD VÀ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (tiếp theo)

	Chỉ tiêu	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	Thực hiện
5.	**BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**			
5.1	**HĐQT cần phải thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng Thành viên, các Ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài**	☑	☑	› Hoàn thành tốt các tiêu chuẩn của chỉ tiêu 5.1
5.2	**HĐQT cần phải thiết lập hệ thống để quy định, ở mức tối thiểu, các tiêu chí, quy trình để xác định hiệu quả công việc của HĐQT, từng Thành viên, các Ủy ban trực thuộc. Hệ thống này nên cho phép cơ chế phản hồi từ Cổ đông**			
1	Việc công bố các tiêu chí, quy trình, kết quả đánh giá chung sẽ bảo đảm sự minh bạch, cho phép Cổ đông và các Bên liên quan quyết định xem liệu các TV HĐQT có đang thực hiện tốt trách nhiệm của mình	☑	☑	› Quy chế tổ chức, hoạt động HĐQT, Tiểu ban Nhân sự › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Quản trị Công ty"
3	Trong khi thiết lập tiêu chí, cần quan tâm đến giá trị, nguyên tắc, kỹ năng cần thiết cho Công ty. Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng hoặc Ủy ban nhân sự/bổ nhiệm cần phải giám sát quy trình đánh giá này	☑	☑	
5.3	**Khi đề xuất mức thù lao chi trả TV HĐQT lên ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT cần phải cân nhắc xem liệu cơ cấu thù lao đó có phù hợp với vai trò, trách nhiệm tương ứng của từng Thành viên, có gắn với kết quả hoạt động của cá nhân, Công ty, tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty nhằm đạt được cả mục tiêu ngắn, dài hạn**			
1	Ủy ban QTCT, Bổ nhiệm và Lương thưởng thuộc HĐQT với đa số Thành viên và Chủ tịch là TV HĐQT độc lập cần phải chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng	☑	☑	› Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Tiểu ban Nhân sự › BCTN NĐ 2018-2019 và 2019-2020: Tại nội dung "Quản trị Công ty"
3	Cổ đông cần phê duyệt cơ cấu thù lao HĐQT, mức, loại thù lao. HĐQT cần phải cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cổ định; thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty. Mức thù lao phải phản ánh giá trị Công ty tạo ra cho Cổ đông, mức thù lao không được quá cao để tránh việc HĐQT quá tập trung vào kết quả Công ty trong ngắn hạn	☑	☑	
6.	**THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY**			
6.3	**HĐQT là đầu mối, chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, việc mang lại giá trị bền vững cho các Bên liên quan. HĐQT cần phải là tấm gương cho Ban điều hành, Nhân viên**	☑	☑	› Hoàn thành tốt các tiêu chuẩn của chỉ tiêu 6.3
7.	**THIẾT LẬP KHUNG QLRR VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH**			
7.1	**HĐQT cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát, giám sát hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ**			
3	Các TBKT, QLRR cần đảm bảo Ban điều hành có cơ chế, thiết lập được các Kiểm soát nội bộ để nhận dạng, đánh giá, giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro. Hệ thống Kiểm soát nội bộ cần đảm bảo hướng tới tương lai, chủ động để có thể dự báo được các rủi ro tiềm tàng. Các Tiểu ban tổ chức họp trực tiếp với Ban điều hành để tìm hiểu các vấn đề nổi cộm nhất	☒	☑	› Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, TBKT › BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Quản lý rủi ro" › TBKT đang thực hiện giám sát QLRR
7.2	**HĐQT cần phải thành lập chức năng KTNB để có đảm bảo khách quan, tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị, cải tiến hoạt động của tổ chức**			
4	TBKT cần được nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các báo cáo KTNB, kết quả của kế hoạch hoàn thiện, đánh giá chất lượng của Phòng KTNB, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của KTNB, hướng dẫn cần thiết.	☑	☑	› Quy chế tổ chức, hoạt động của TBKT › Quy chế kiểm toán nội bộ › BCTN NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo TBKT"
7.3	**HĐQT cần phải thành lập 1 chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí, quyền hạn cần thiết**			
3	Trưởng bộ phận tuân thủ cần tư vấn cho Ban điều hành, HĐQT các quy định của luật pháp, quy tắc, chuẩn mực hiện hành gồm việc cập nhật các thay đổi, đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ, nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát, báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến Hoạt động kinh doanh của Công ty	☑	☑	› BCTN NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Tuân thủ pháp luật" › BCTN NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Báo cáo Quản trị rủi ro" › NĐ 2019-2020: Thành lập Phòng QLRR

	Chỉ tiêu	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	Thực hiện
7.4	**HĐQT cần phải giám sát hệ thống QLRR, bảo đảm hoạt động QLRR hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn, dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro. HĐQT cũng cần phải QLRR trong phạm vi khẩu vị rủi ro của Công ty**			
3	HĐQT cần thiết lập, công bố chính sách QLRR với khung, cơ cấu QLRR rõ ràng. Khung QLRR cần phù hợp với mô hình 3 tuyến phòng thủ với Ban điều hành thuộc tuyến phòng thủ 1, chức năng tuân thủ, QLRR ở phòng tuyến 2, Kiểm toán nội bộ tuyến 3	☑	☑	› BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Quản lý rủi ro"
4	HĐQT với nguyên lý thận trọng với các rủi ro cần bảo đảm rằng mức lương thưởng của Ban điều hành được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của Cổ đông được điều chỉnh để tính đến tất cả các rủi ro của Công ty. Khi thiết kế khung lương thưởng, Công ty có thể áp dụng phương pháp tính có điều chỉnh rủi ro như kéo dài thời gian chi trả, tăng thời gian đánh giá năng lực	☑	☑	› Quy chế tổ chức, hoạt động của Tiểu ban Nhân sự › BCTN NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Quản lý rủi ro"
5	Công ty cần bổ nhiệm Giám đốc QLRR để lãnh đạo bộ phận QLRR, được quyền tiếp cận trực tiếp với Ủy ban QLRR thuộc HĐQT hoặc với HĐQT trong trường hợp không có Ủy ban liên quan	☑	☑	› BCTN NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Quản lý rủi ro" › NĐ 2019-2020: Bổ nhiệm Trưởng phòng QLRR
6	Giám đốc QLRR sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách QLRR, thiết lập các chiến lược QLRR	☑	☑	› BCTN NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Quản trị Công ty, Quản lý rủi ro" › NĐ 2019-2020: Trưởng phòng QLRR chịu trách nhiệm thực hiện
7.5	**HĐQT cần phải bảo đảm việc Công ty thiết lập một khung quản lý an ninh mạng phù hợp**			
1	HĐQT cần phải có năng lực phù hợp để hiểu được rủi ro an ninh mạng, ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại. Nếu cần thiết, HĐQT nên sử dụng các chuyên gia độc lập về an ninh mạng để tìm hiểu về nội dung này	☒	☑	
2	Các rủi ro an ninh mạng cần được quản lý như là 1 phần của hệ thống QLRR tổng thể thay vì quản lý tách rời khỏi hệ thống. HĐQT cần dành đủ thời gian để xem xét trao đổi về nội dung này trong các cuộc họp để bảo đảm rằng Công ty sẽ được bảo vệ an toàn trước các rủi ro an ninh mạng	☒	☑	› BCTN NĐ 2018-2019: Tại nội dung "Quản trị Công ty" › BCTN NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Mô hình vận hành Công nghệ thông tin và Báo cáo TBKT"
3	HĐQT cần phải phê duyệt chiến lược của Công ty có tính đến đến việc giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng gồm cả việc mua bảo hiểm để hạn chế các rủi ro	☒	☑	
4	HĐQT cần phải xem xét các báo cáo hàng năm của bộ phận KTNB về chương trình an ninh mạng của Công ty	☒	☑	
8.	**TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**			
8.1	**HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc, quy trình để Công bố thông tin cho Cổ đông, các Bên liên quan khác, giám sát việc thực hiện các nguyên tắc, quy trình này**	☑	☑	› Hoàn thành tốt các tiêu chuẩn của 2 chỉ tiêu 8.1 và 8.2
8.2	**Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả, tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng, không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng.**	☑	☑	
9.	**THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**			
9.4	**Đối xử bình đẳng đối với tất cả các Cổ đông**			
4	Công ty cần thiết lập, công bố trên trang Web Chính sách, cơ chế khiếu nại hiệu quả cho phép Cổ đông, người khác thực hiện khiếu nại, đảm bảo các khiếu nại này được điều tra, xử lý	☑	☑	› BCTN NĐ 2018-2019 và NĐ 2019-2020: Tại nội dung "Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư và thị trường vốn, Thông tin liên hệ các Bên liên quan" › Trang Web: Quan hệ Nhà đầu tư - Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư - Liên hệ › Quy chế Giải quyết góp ý/ Khiếu nại/ Tố cáo ban hành NĐ 2019-2020
10.	**TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN**			
10.1	**HĐQT cần đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ, thúc đẩy sự tham gia của Bên liên quan**	☑	☑	› Hoàn thành tốt các chỉ tiêu của tiêu chuẩn 10.1



Rê chuột

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

136 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
138 Tình hình hoạt động trong năm
144 Mô hình vận hành tiên phong
147 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn
149 Đầu tư phát triển công nghệ và nâng cao hiệu quả hoạt động
154 Quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng
160 Hoạt động của Công ty con - Công ty liên kết
162 Đảm bảo chất lượng và nhận xét của Khách hàng về chất lượng sản phẩm
168 Người nông dân trên mỗi chặng đường
172 Chia sẻ của Người nông dân và các Trưởng trạm nông vụ
176 Nhân sự và đào tạo
179 Chia sẻ của Nhân viên

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **NGUYỄN THANH NGỮ**
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1987
Thời điểm được bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Tháng 11/2014
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 4.372.241 cổ phần, chiếm 0,72%

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM
- Hoàn thành chương trình Phát triển Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Chủ tịch HĐQT CTCP Mía Đường Tây Ninh
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Khoai Mì Tây Ninh
- Phó Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Tapioca Việt Nam

Quá trình công tác

- **2014 - Nay:** TGĐ CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2014 - 2017:** TGĐ CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2016 - 2018:** Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Nước Trong
- **2014 - 2014:** TGĐ CTCP Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai
- **2013 - 2014:** Phó TGĐ Thường trực CTCP Đường Ninh Hòa

Thành tựu nổi bật

Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Mía Đường, Ông Ngữ được biết đến là một trong những đại diện tiêu biểu cho thế hệ Ban lãnh đạo trẻ, đầy nhiệt huyết và mang tinh thần sẵn sàng đổi mới để hội nhập của TTC Biên Hòa. Được bổ nhiệm giữ vị trí TGĐ TTC Biên Hòa từ năm 2017, Ông đã đưa ra những quyết sách kịp thời, phù hợp với điều kiện thị trường tại từng thời điểm, từng bước dẫn dắt TTC Biên Hòa vượt qua các thách thức từ thị trường, đối thủ cạnh tranh để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được HĐQT giao phó.

Ngoài lĩnh vực Mía Đường, Ông còn có hơn 7 năm kinh nghiệm trong công tác điều hành và quản trị tại các ngành Nhiệt điện, Cao su, Thực phẩm… Nhờ những kinh nghiệm của mình, Ông đã giúp TTC Biên Hòa thực hiện đa dạng hóa danh mục đầu tư, qua đó đầu tư vào các đơn vị, ngành nghề tiềm năng và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:
- Chủ động điều hành Công ty một cách linh hoạt, đưa ra những kế hoạch, quyết sách phù hợp trong bối cảnh hội nhập Atiga. NĐ 2019-2020, Ông cùng Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch đặt ra khi lần đầu tiên sản lượng Đường tiêu thụ vượt mốc 1 triệu tấn, Doanh thu thuần đạt 12.889 tỷ đồng, tăng hơn 19% so với cùng kỳ và vượt 18% kế hoạch ĐHĐCĐ đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 512 tỷ, tăng 21% so với cùng kỳ và vượt 19% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 363 tỷ đồng, tăng mạnh 40% so với cùng kỳ;
- Triển khai nhiều kế hoạch ứng phó kịp thời với những yếu tố bất khả kháng do đại dịch Covid-19 gây ra, đưa ra những giải pháp giúp Công ty vượt qua khó khăn và phát triển đúng định hướng của HĐQT.



Bà **ĐOÀN VŨ UYÊN DUYÊN**
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Năm sinh: 1987
Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 2/2020
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 500.000 cổ phần, chiếm 0,08%

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế và Kế toán - Đại học Greenwich, Anh
- Thạc sỹ Kinh doanh Quốc tế và Quản lý công nghệ - Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Không

Quá trình công tác

- **2020 - Nay:** Phó TGĐ Thường trực CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2018 - 2020:** Giám đốc Tài chính CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2018 - 2018:** Trợ lý tài chính Chủ tịch HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2017 - 2018:** Đối tác Tài chính Kinh Doanh CTCP Giáo dục Thành Thành Công
- **2014 - 2017:** Kiểm Soát Tài chính Công ty TNHH Hella Vietnam
- **2012 - 2014:** Phân tích Tài chính CTCP Quản lý quỹ Thăng Long

Thành tựu nổi bật

Trước khi tham gia vào TTC Biên Hòa, Bà đã có nhiều năm công tác tại các tổ chức tài chính lớn như CTCP Quản lý quỹ Thăng Long, Công ty TNHH Hella Vietnam,... Với gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành, trên cương vị Phó Tổng Giám đốc thường trực Bà đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng một bức tranh tài chính khỏe mạnh nhằm sẵn sàng cho lộ trình tham gia vào thị trường quốc tế của TTC Biên Hòa.

Một số thành tựu nổi bật của Bà trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:
- Quản lý các hoạt động vận hành, thực hiện kiểm soát chi phí và xây dựng ngân sách dựa trên cấu trúc tối ưu theo thông lệ ngành. Trong NĐ 2019-2020, Chi phí Quản lý doanh nghiệp tiết giảm thấp hơn cùng kỳ 66 tỷ, tương đương giảm 15%;
- Xây dựng quy trình và tinh gọn bộ máy vận hành của TTC Biên Hòa sau sáp nhập với CTCP Đường Biên Hòa và hoàn thiện xây dựng, chuẩn hóa hệ thống BCTC theo chuẩn quốc tế (IFRS);
- Tham gia đào tạo nguồn nhân lực tinh nhuệ, năng động bảo đảm ổn định hoạt động Công ty và xây dựng đội ngũ kế thừa sẵn sàng cho việc hội nhập quốc tế;
- Tham gia vào việc kế hoạch huy động vốn, hỗ trợ HĐQT đánh giá và thỏa thuận với Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài DEG khi đồng ý đầu tư gần 650 tỷ đồng, Coretrend đầu tư theo hình thức tín chấp 172 tỷ đồng.



Bà **DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973
Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 10/2014
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 589.395 cổ phần, chiếm 0,10%

Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế Ngoại thương - Đại học Kinh Tế Tp.HCM
- Hoàn thành chương trình Phát triển Hạt giống Lãnh đạo Doanh nghiệp - PACE

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Không

Quá trình công tác

- **2017 - nay:** Phó TGĐ CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2015 - 2017:** Giám đốc Kinh doanh CTCP Đường Biên Hòa
- **2013 - 2014:** Giám đốc Thương mại CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2010 - 2013:** Giám đốc Thương mại CTCP Bourbon Tây Ninh
- **2004 - 2010:** Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị CTCP NIVL
- **1997 - 2003:** Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị Công ty TNHH Nagarjuna International
- **1996 - 1997:** Giám sát Phòng Xuất nhập khẩu Công ty TNHH NIKE Việt Nam

Thành tựu nổi bật

Bà Châu có hơn 20 năm kinh nghiệm trong mảng kinh doanh Mía Đường khi từng giữ nhiều vị trí quản lý cấp cao ở nhiều Công ty thuộc ngành Đường từ năm 1997 đến nay. Năm 2010, Bà chính thức gia nhập TTC Biên Hòa, với vai trò Phó TGĐ phụ trách mảng Kinh doanh, Bà đã có những đóng góp lớn trong việc xây dựng hệ thống Khách hàng bền vững và tăng cường mở rộng thị phần đặc biệt tại kênh Xuất khẩu. Hậu M&A, Bà cùng cộng sự đã khéo léo khai thác sức mạnh cộng hưởng của 2 nhóm Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và TTC Biên Hòa khi áp dụng chiến thuật linh động sản phẩm giữa các nhà máy và các Kênh Khách hàng khác nhau cũng như đặc biệt đầu tư phát triển dịch vụ hậu mãi, chăm sóc Khách hàng để tăng uy tín thương hiệu, gia tăng thị phần.

Một số thành tựu nổi bật của Bà trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:
- Xây dựng thành công kênh Khách hàng Công nghiệp MNC vững chắc cho Công ty, thiết lập thành công các mối quan hệ hợp tác lâu dài với những doanh nghiệp uy tín trên thị trường như Pepsi, Cocacola, Nestle… triển khai thành công các kế hoạch đầu tư phát triển dịch vụ hậu mãi, chăm sóc khách hàng để tăng uy tín thương hiệu, gia tăng doanh số bán hàng và thị phần;
- Lập kế hoạch đẩy mạnh việc cung cấp các dịch vụ chuyên biệt nhằm đáp ứng chính xác nhu cầu của nhóm Khách hàng Doanh nghiệp B2B.



Ông **LÊ QUANG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964
Thời điểm được bổ nhiệm Phó TGĐ: Tháng 12/2017
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 634.293 cổ phần, chiếm 0,10%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm - Đại học Bách Khoa Đà Nẵng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (trừ Công ty mẹ, Công ty con):
- Không

Quá trình công tác

- **2017 - Nay:** Phó TGĐ CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- **2015 - 2016:** Thành viên HĐQT CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2014 - 2015:** Phó TGĐ Kỹ thuật Sản xuất CTCP Mía Đường Thành Thành Công - Tây Ninh
- **2013 - 2014:** Phó TGĐ Kỹ thuật Sản xuất CTCP Đường Biên Hòa
- **2008 - 2013:** Giám đốc Dự án CTCP Đường Biên Hòa
- **1998 - 2007:** Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đường Biên Hòa

Thành tựu nổi bật

Xuất thân từ Kỹ sư Hóa thực phẩm, Ông Hải đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật sản xuất, đặc biệt là tại các Nhà máy luyện Đường. Với kinh nghiệm của mình, Ông có những đóng góp lớn trong các dự án cải tiến kỹ thuật khi tham gia hơn 100 các dự án lớn nhỏ của các Nhà máy thuộc Công ty.

Một số thành tựu nổi bật của Ông trong NĐ 2019-2020 có thể kể đến như:
- Tổ chức chương trình lưu động nhân sự trong khối về kỹ thuật, sản xuất, kiểm nghiệm, bảo trì và trung tâm nhiệt điện,... để tạo điều kiện giao lưu, học hỏi thêm kinh nghiệm;
- Cùng các đồng nghiệp Khối Kỹ thuật công nghệ nghiên cứu một số giải pháp tư vấn như tiết kiệm hơi, nước, kỹ thuật trong sản xuất Đường lỏng, giải pháp nâng hiệu suất Điện mặt trời áp mái, giải pháp khắc phục sản phẩm không phù hợp... tại các nhà máy TTC Biên Hòa;
- Thẩm định các định mức bảo trì sửa chữa nhằm định hướng cho các Nhà máy lập kế hoạch bảo trì trong NĐ phù hợp và tương ứng với sản lượng Đường sản xuất. Ban hành hồ sơ quản lý sản xuất nhằm triển khai một cách hiệu quả và thống nhất toàn hệ thống Công ty trong công tác quản lý, giám sát sản xuất NĐ 2019-2020.

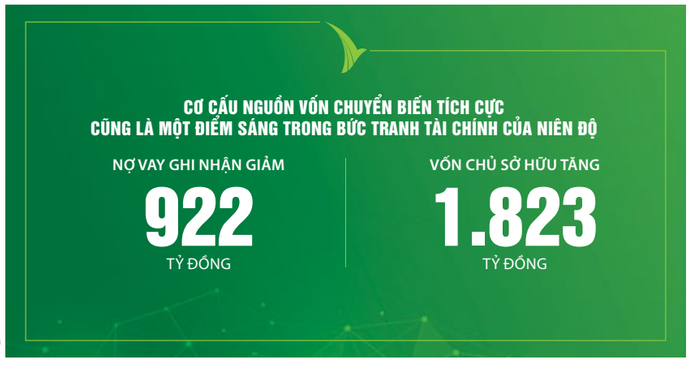
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Dù trải qua một niên độ với nhiều khó khăn thách thức bởi cả yếu tố ngành và tình hình kinh tế chung, nhưng với những nỗ lực không ngừng nghỉ cùng sự chủ động sáng tạo cũng như gắn kết giữa Ban lãnh đạo và CBNV, tập thể TTC Biên Hòa vẫn tận dụng được cơ hội và đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong NĐ 2019-2020. Sản lượng tiêu thụ đạt 1,1 triệu tấn giúp đưa thị phần nội địa của TTC Biên Hòa tăng lên mức 46% từ 42% của năm trước. Nhờ vậy, Doanh thu thuần hợp nhất đạt 12.889 tỷ đồng, tăng 19% tương đương tăng hơn 2.000 tỷ đồng so với NĐ trước và vượt 18% kế hoạch đặt ra.



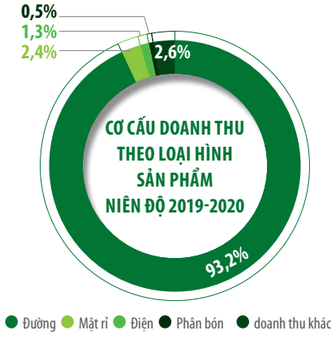
Nhà máy luyện Đường TTC Biên Hòa

Đồng thời, cơ cấu nguồn vốn chuyển biến tích cực cũng là một điểm sáng trong bức tranh tài chính của niên độ này khi Nợ vay ghi nhận giảm 922 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu tăng 1.823 tỷ đồng. Trong bối cảnh hậu gia nhập Atiga, ngành Đường Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với Đường nhập khẩu từ các nước có chính sách trợ giá như Thái Lan thì việc TTC Biên Hòa vẫn ghi nhận tăng trưởng tốt trong thị phần nội địa, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, giữ vững diện tích vùng nguyên liệu, kiểm soát tốt chi phí và đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn thu là những thành quả rất tích cực mà Công ty đã gặt hái được.



Rê chuột

Niên độ 2019-2020, Đường vẫn là sản phẩm cốt lõi mang lại Doanh thu chính cho Công ty khi ghi nhận 12.003 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, chiếm 93% Doanh thu thuần. TTC Biên Hòa hiện là Công ty sở hữu số lượng lớn và đa dạng nhất các dòng sản phẩm Đường tại Việt Nam với hơn 72 sản phẩm gồm 19 dòng Đường RE, 17 dòng Đường RS, 8 dòng Đường Vàng, 6 dòng Đường Phèn, 4 dòng Thực phẩm chức năng, 6 dòng Đường Organic và 3 dòng Đường Lỏng, phục vụ tối đa nhu cầu đa dạng và chuyên biệt của mọi nhóm Khách hàng từ các kênh trọng điểm Khách hàng doanh nghiệp B2B, Khách hàng tiêu dùng B2C, Xuất khẩu và Thương mại. Với chiến lược dài hạn là đa dạng hóa Chuỗi giá trị cây Mía, giảm thiểu rủi ro nguồn thu khi giá Đường thế giới có biến động, Công ty cũng đã và đang khai thác 9 dòng sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường gồm Nước uống tinh khiết chiết xuất từ hương Mía Miaqua, Bã mía, Điện sinh khối, Mật rỉ và 4 dòng sản phẩm Phân vi sinh. Nổi bật trong niên độ vừa qua Doanh thu bán Mật rỉ và Điện đóng góp lần lượt là 311 tỷ đồng và 167 tỷ đồng.



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa



TĂNG 7% SO VỚI THỜI ĐIỂM ĐẦU NIÊN ĐỘ

Rê chuột

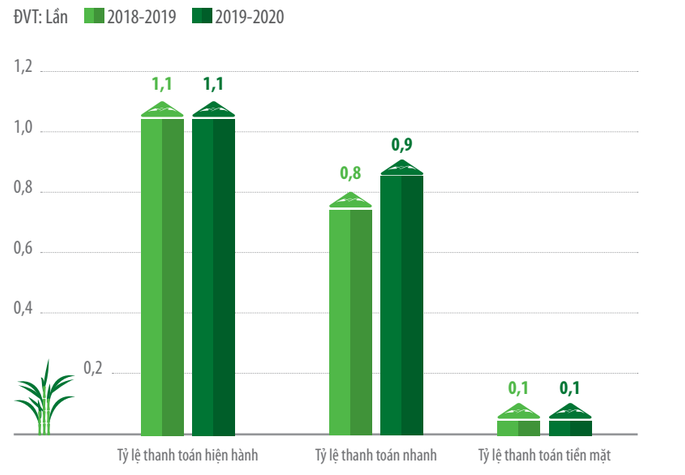
Đáng chú ý trong NĐ 2019-2020, trong khi sản lượng Đường tiêu thụ tăng tới 41%, tỷ trọng Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần vẫn được Công ty kiểm soát tốt và đạt mức 3,5%, giảm nhẹ so với mức 3,7% của NĐ trước. Chi phí Quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần của NĐ 2019-2020 cũng ghi nhận giảm 26% so với cùng kỳ và chỉ còn 3%. Việc nỗ lực tiết giảm chi phí chính là tiền đề để Công ty có thể tăng tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực sau khi gia nhập ATIGA.

Tại thời điểm 30/6/2020, Tổng tài sản của Công ty đạt 17.956 tỷ đồng, tăng 7% so với thời điểm đầu NĐ, trong đó chủ yếu đến từ các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, điều này phản ánh đúng định hướng tái cấu trúc hệ thống tài chính mà Công ty đã đề ra với mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu và tận dụng tối đa các thế mạnh sẵn có của TTC Biên Hòa.

Hàng tồn kho được kiểm soát tốt khi chỉ tiêu này giảm hơn 9% so với thời điểm đầu NĐ, tương đương 252 tỷ đồng và đang duy trì ở mức 2.529 tỷ đồng, chỉ chiếm khoảng 14% Tổng tài sản nhờ vào chính sách tối ưu hóa hàng tồn kho phù hợp. Phải thu khách hàng giảm 671 tỷ đồng so với NĐ 2018-2019 qua đó giúp Số ngày phải thu bình quân và tồn kho bình quân Đường cũng được kiểm soát giảm so với NĐ trước.

Các chỉ số về Khả năng thanh toán được Công ty duy trì ở mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo nguồn vốn lưu động cho các nghiệp vụ kinh doanh trong đó chỉ số Thanh toán hiện hành tăng 4% đạt 1,1 lần, Thanh toán nhanh tăng 9%, đạt xấp xỉ 0,9.

Chỉ số Khả năng thanh toán



Nguồn: TTC Biên Hòa

NĐ 2019-2020, với lộ trình cơ cấu lại Nguồn vốn theo hướng tối ưu Công ty đã đẩy mạnh tái cấu trúc tài chính thông qua việc giảm Nợ vay, cụ thể, Nợ vay của Công ty ghi nhận giảm 922 tỷ đồng, tương đương giảm 10% đến từ việc Nợ vay ngắn hạn giảm 295 tỷ đồng và Nợ vay dài hạn giảm 627 tỷ đồng. Hệ số Nợ vay/VCSH và hệ số Nợ vay/Tổng tài sản đạt 1,1 lần và 0,5 lần, lần lượt giảm 32% và 16% so với đầu NĐ.

Những chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu Nợ vay cho thấy Công ty đang theo đúng lộ trình cơ cấu lại đòn cân nợ theo chiều hướng tích cực, qua đó góp phần làm giảm chi phí lãi vay, gia tăng hiệu quả hoạt động và cải thiện năng lực cạnh tranh, định hướng chuyển dần qua tăng sử dụng VSCH thay vì Nợ vay. VCSH của Công ty tại thời điểm 30/6/2020 đạt 7.642 tỷ đồng, tăng 32% nhờ gia tăng trong thặng dư vốn cổ phần cũng như phát hành cổ phiếu ưu đãi cho DEG.

CHUYỂN BIẾN KHÓ KHĂN THÀNH CƠ HỘI ĐỂ VƯỢT KẾ HOẠCH ĐẶT RA

Nhờ chuẩn bị sẵn các kịch bản để đón đầu hội nhập Atiga cũng như linh hoạt tận dụng tốt nhu cầu gia tăng nhập khẩu Đường từ Trung Quốc do tình trạng thiếu hụt nguồn cung vì lũ lụt và đại dịch Covid-19 tại nước này nên tổng sản lượng tiêu thụ của TTC Biên Hòa trong NĐ 2019-2020 ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng, đạt hơn **1 triệu tấn Đường**, tăng 41% so với cùng kỳ.



Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa

Trong đó kênh Xuất khẩu tăng mạnh 212% so với niên độ trước với sự đóng góp của hơn 200.000 tấn Đường lỏng xuất khẩu qua thị trường tỷ dân trong 6 tháng cuối NĐ, từ đó cơ cấu khai thác các kênh bán hàng của Công ty có sự thay đổi đáng kể so với năm trước. Xét về hoạt động xuất khẩu, với lợi thế là Doanh nghiệp dẫn đầu ngành Đường Việt Nam cả về số lượng các dòng sản phẩm Đường và công nghệ sản xuất hiện đại, ngoài Trung Quốc, TTC Biên Hòa còn có thế mạnh rất lớn trong việc tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm khác như Châu Âu, Mỹ, Singapore,…Trong NĐ này, TTC Biên Hòa đã đẩy mạnh phát triển thêm các thị trường xuất khẩu mới, nâng tổng số thị trường lên 24 Quốc gia và gia tăng xuất khẩu các mặt hàng Đường cao cấp, có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, số lượng khách hàng của các Kênh Khách hàng khác cũng đều ghi nhận tăng trưởng so với cùng kỳ, cụ thể, kênh Doanh nghiệp B2B tăng 13%, kênh Tiêu dùng B2C tăng gần 18%, kênh Thương mại tăng hơn 170% so với NĐ 2018-2019 đến từ mục tiêu từng bước chuyển đổi các kênh bán hàng từ hướng truyền thống sang hướng dịch vụ của TTC Biên Hòa, cung cấp các giải pháp và nhiều dòng sản phẩm mới, các sản phẩm Đường công nghệ cao cũng như quy cách đóng gói bao bì mới tiện lợi hơn nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu chuyên biệt của Khách hàng.

Niên độ 2019-2020 vừa qua, Lợi nhuận trước thuế của TTC Biên Hòa vượt 19% kế hoạch đề ra và tăng 21% so với niên độ trước, và tích cực hơn khi biên Lợi nhuận gộp của Công ty đã tăng từ 8,0% lên 11,3%. Một số tỷ lệ khác liên quan tới Lợi nhuận cũng ghi nhận đà tăng như ROA đạt 2,1%, ROE đạt 5,4% cho thấy việc định hướng tái cấu trúc bộ máy tài chính và chiến lược phát triển thị phần cùng với gia tăng biên Lợi nhuận của Ban lãnh đạo đã bắt đầu có kết quả tích cực ngay trong một niên độ đầy thử thách.

KÊNH XUẤT KHẨU TĂNG MẠNH

212%

SO VỚI NIÊN ĐỘ TRƯỚC

VỚI SỰ ĐÓNG GÓP CỦA

>200.000

TẤN ĐƯỜNG LỎNG XUẤT KHẨU QUA THỊ TRƯỜNG TỶ DÂN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĐ



XUẤT KHẨU

24

QUỐC GIA VÀ GIA TĂNG XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG ĐƯỜNG CAO CẤP, CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO

Nguồn: TTC Biên Hòa

Rê chuột để xem chi tiết

Tháng 9/2019 vừa qua, Công ty đã huy động thành công 650 tỷ đồng thông qua việc phát hành 21,6 triệu cổ phiếu ưu đãi cho Nhà đầu tư chiến lược DEG. Toàn bộ số tiền huy động được Công ty sử dụng để tái tài trợ một phần cho các khoản vay được sử dụng bởi Công ty liên quan đến việc mua Vùng nguyên liệu và Nhà máy Đường tại Attapeu, Lào; đồng thời tài trợ chi phí đầu tư cho mục đích cơ giới hóa, mở rộng sản xuất Đường Organic tại Nhà máy này. Hiện tại, các sản phẩm Đường Organic đang đem lại Lợi nhuận rất tốt cho Công ty khi Biên Lợi nhuận gộp cao hơn nhiều so với biên lợi nhuận trung bình của các sản phẩm Đường khác. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tăng sản lượng Đường Organic phục vụ thị trường trong nước cũng như xuất khẩu để tối đa hóa Doanh thu và Lợi nhuận. Tháng 6/2020, bất chấp tình hình khó khăn trên thị trường vốn do tình hình dịch bệnh, SBT vẫn phát hành thành công 172 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi không cần tài sản đảm bảo cho Nhà đầu tư Cape Yeollim Core Trend Global Fund 1 đến từ Hàn Quốc, mở đầu cho chuỗi những dự án huy động vốn từ các NĐT đến từ khu vực Đông Á trong thời gian tới.

Hoạt động Lưu chuyển tiền thuần NĐ 2019-2020 không thay đổi nhiều so với NĐ trước khi Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ghi nhận 1.000 tỷ đồng, trong đó phần lớn đến từ sự đóng góp của dòng tiền Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động tài chính. Việc sở hữu lượng tiền mặt khá lớn phần nào đã giúp Công ty gia tăng sức mạnh tài chính và đảm bảo thanh khoản khi có những vấn đề chi trả phát sinh cũng như nắm bắt những cơ hội đầu tư thông qua khả năng thanh toán kịp thời và hiệu quả.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	30/6/2019	30/6/2020
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động kinh doanh	1.436	99
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động đầu tư	559	-712
Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động tài chính	-1.315	608
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	325	1.005
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**1.005**	**1.000**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa

HOẠT ĐỘNG M&A TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Với mục tiêu trở thành **"Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc và bền vững hàng đầu Đông Dương"**, TTC Biên Hòa đã chính thức sát nhập GMC trở thành Công ty con từ ngày 1/1/2020. Sau khi M&A, trụ sở Công ty GMC vẫn đặt tại Singapore và sẽ là một trung tâm hàng hóa quốc tế, thực hiện kinh doanh thương mại Đường nhập khẩu và xuất khẩu, hỗ trợ TTC Biên Hòa chủ động hơn trong việc nắm bắt tình hình thị trường Đường toàn cầu. Không chỉ vậy, việc GMC chính thức trở thành Công ty thành viên sẽ giúp Công ty có thêm nhiều cơ hội để tiêu thụ sản phẩm với khối lượng lớn ở thị trường quốc tế, chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành cạnh tranh. Nguồn ngoại tệ do xuất khẩu mang lại giúp Công ty có thêm nguồn tài chính để tái đầu tư vào quá trình sản xuất và đặc biệt giảm tối đa các chi phí tài chính, kho bãi, vận chuyển,…



Global Mind Commodities Trading Pte Ltd (viết tắt là "GMC") được thành lập năm 2011 bởi một nhóm các chuyên gia thành công có nhiều kinh nghiệm trong ngành Giao dịch hàng hóa. Từ đó, GMC đã được phát triển thành một trong những Công ty hàng đầu khu vực trong lĩnh vực cung cấp các giải pháp thương mại hoàn hảo cho Đường và các sản phẩm nông nghiệp khác.

NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGUYÊN LIỆU, SẢN XUẤT

CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

Trong năm qua, do thời tiết khắc nghiệt xảy ra ở một số khu vực như Ninh Hòa khô hạn và nắng nóng kéo dài nên sản lượng mía ép của niên vụ 2019-2020 thấp hơn cùng kỳ. Tuy vậy, tỷ lệ CCS bình quân toàn TTC Biên Hòa đạt 10.25 CCS, đạt 105% kế hoạch đề ra từ đầu niên vụ. Trong đó, CCS tại TTC Attapeu tăng mạnh đạt mức 12.52 CCS, đạt cao nhất toàn hệ thống vùng nguyên liệu của Công do sở hữu quy trình canh tác mía được chuẩn hóa, tỷ lệ áp dụng cơ giới trong canh tác ngày càng nâng cao.



Bên cạnh đó, các hoạt động khuyến nông tiếp tục được đẩy mạnh dựa trên những kết quả nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Mía Đường TTC Biên Hòa. Công ty đã tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ bà con nông dân như Chính sách giá thu mua mía, Chính sách hỗ trợ vốn đầu tư và Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình canh tác và thu hoạch để bà con nông dân trồng mía vượt qua khó khăn, ổn định thu nhập và trở thành những người Nông dân công nghệ cao trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Sản lượng sản xuất NĐ 2019-2020 đạt hơn 600 nghìn tấn, vượt 13% so với kế hoạch và tăng 12% so với NĐ 2018-2019, trong đó tập trung vào Đường lỏng, Đường RE và Đường trắng RS nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Với chủ trương nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm thiểu tối đa tiêu hao trong khâu sản xuất, trong NĐ 2019-2020, Công ty đã quản lý chặt chẽ công tác sản xuất nhờ đó hiệu suất thu hồi từ mía và từ thô của các Nhà máy đều vượt kế hoạch đề ra.



Hệ thống quản lý hiện đại ở nhà máy TTCS

Trong năm qua, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí sửa chữa bảo trì đạt kế hoạch đề ra, không ảnh hưởng công tác vào vụ của các Nhà máy. Tiết giảm tiêu hao các loại nguyên vật liệu phụ được thực hiện khá hiệu quả khi đều thấp hơn cùng kỳ giúp việc kiểm soát chất lượng được thực hiện chặt chẽ hơn nhờ một số dự án đã thực hiện và hoàn thành nhằm tối thiểu hóa chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm đầu ra. Dự án Cải tạo lò hơi phục vụ cho công tác luyện Đường ngoài vụ, thay thế nguyên liệu đốt lò trong thời gian không đủ lượng bã mía nhằm nâng cao công suất nhà máy. Các dự án cải tiến Dao băm, Tách cát khô, Dây chuyền sản xuất Đường Organic, Đóng bao bigbag,…được triển khai đồng bộ để cải tiến công nghệ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.

NHỮNG MỤC TIÊU CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ 2020-2021

- **Tối đa hóa Chuỗi giá trị cây Mía và Cung cấp các giải pháp về cây Mía.**
- **Cung cấp các giải pháp, sản phẩm chuyên biệt cho Khách hàng.**
- **Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm "tươi" - những sản phẩm có thời gian tồn kho ngắn dưới 45 ngày nhằm giúp giảm bớt các công đoạn sơ chế trung gian cho Khách hàng.**
- **Tiếp tục hoàn thiện chuỗi cung ứng, tập trung tối ưu hiệu quả tài nguyên, tối ưu thời gian tồn kho cho từng dòng hàng và quản trị dữ liệu hiệu quả.**
- **Hướng tới nông nghiệp công nghệ cao, lấy kỹ thuật số làm nền tảng, xây dựng hệ thống ERP tích hợp toàn diện với hệ thống quản trị và phân tích thông minh, lưu trữ và đảm bảo an ninh theo điện toán đám mây.**
- **Quản trị tài chính theo chuẩn quốc tế với triết lý phân bổ vốn hiệu quả giữa các mảng: kế hoạch chiến lược vốn, M&A, đầu tư vào các công ty đối tác chiến lược, danh mục đầu tư, chi trả cổ tức, mua lại cổ phiếu,…**
- **Nâng cao Nhân lực tinh nhuệ quản trị tri thức doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh & quản trị truyền thông với NĐT/ Chính phủ/Xã hội/Công chúng.**



*Ông **Nguyễn Thanh Ngữ** - TGĐ và các chuyên gia nông nghiệp*

MÔ HÌNH VẬN HÀNH TIÊN PHONG



LỘ TRÌNH SỐ HÓA CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP MẠNH MẼ

Theo một khảo sát của Deloitte với hơn 500 Giám đốc điều hành trong nhiều ngành nghề cho thấy hiện nay 58% các tổ chức đã bắt đầu sử dụng robot trong quá trình tự động hóa và trí tuệ nhân tạo ở một mức độ nào đó vào đầu năm 2019. Trong số những doanh nghiệp sử dụng tự động hóa thông minh, có 38% tham gia đã qua giai đoạn thử nghiệm, 12% đang trong giai đoạn thực hiện và 8% đang tự động hóa ở quy mô lớn. Con số 8% đã tăng gấp đôi so với 4% được thống kê trong năm 2018.

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số không còn là một chủ đề mới mẻ mà đã trở thành một xu thế phổ biến, quyết định sự thành công trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Trên thực tế, việc chuyển đổi số chính là bước đi chiến lược đầu tiên và thông minh để doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh khác biệt, tinh gọn và tối ưu bộ máy vận hành vốn có. Với việc đầu tư đồng bộ, vững chắc cho công nghệ, doanh nghiệp có thể nhanh chóng tăng tốc việc tái cấu trúc, tối ưu năng suất, giảm chi phí, thời gian, đồng thời nâng cao kỹ năng, tri thức cho người lao động và tăng trải nghiệm cho Khách hàng. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện tại, đứng trước nhiều biến động bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra, chúng ta càng hiểu rõ hơn tầm quan trọng của công nghệ trong hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Sớm nhận thấy điều này, TTC Biên Hòa đã đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi, linh hoạt thích ứng thông qua việc thay đổi mô hình vận hành, áp dụng công nghệ số vào hoạt động vận hành bộ máy hoạt động.

Là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ Nông nghiệp lớn tại Việt Nam, TTC Biên Hòa sở hữu dây chuyền khép kín, tất cả các quy trình từ vùng nguyên liệu, đến sản xuất và đóng gói thành phẩm đưa sản phẩm đến Khách hàng đều phải được chuẩn hóa, đồng bộ và tinh gọn, vì vậy Công ty đã tận dụng tối đa các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tiên tiến vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH VẬN HÀNH TRÊN CƠ SỞ KỸ THUẬT SỐ, RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH ĐẾN MỤC TIÊU

Các hệ thống ứng dụng trong hệ sinh thái CNTT của Công ty hiện nay bao gồm hệ thống quản lý bán hàng (CRM) và quản lý phân phối (DMS), quản lý vùng nguyên liệu của Nông dân (FRM), quản lý quy trình vận hành doanh nghiệp (eOffice), quản lý sản xuất (Smartlab)… nếu như trước đây các hệ thống này còn hoạt động riêng lẻ, chưa được tích hợp đồng bộ làm gia tăng thời gian xử lý dữ liệu, ảnh hưởng đến quá trình vận hành, gia tăng chi phí và thời gian chờ trong quy trình hoạt động của Công ty, thì hiện tại các hệ thống CNTT của TTC Biên Hòa đã dần được nâng cấp thành một hệ thống tích hợp chuỗi cung ứng thống nhất "One SBT". Đặc biệt, giải pháp nâng cấp hệ thống của Công ty được cải tiến và triển khai một cách toàn diện trên hệ sinh thái CNTT phục vụ cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chuyển đổi mô hình vận hành kỹ thuật số tại TTC Biên Hòa được xem là công cuộc giải quyết một cách triệt để tất cả các vấn đề nan giải về hạ tầng tri thức doanh nghiệp, hạ tầng về cơ sở nhận thức việc sử dụng hệ thống công nghệ, hạ tầng cơ sở vật chất, cho tới việc tạo ra sản phẩm nông nghiệp 4.0,… phù hợp với cách mạng số 4.0 của nông nghiệp Việt Nam.

NHỮNG THÀNH TỰU TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

Nâng cấp và cải tiến hệ thống Công nghệ thông tin

1.

Nâng cấp hệ thống FRM quản lý vùng nguyên liệu đầu tư cho Nông dân giúp cải thiện việc quản lý quy trình canh tác, quy trình đầu tư và nghiệm thu hạng mục canh tác cho từng Nông dân. Giúp tinh giản quy trình và đơn giản hóa các thủ tục, tạo sự linh hoạt và phù hợp với hoạt động nông nghiệp thông qua cách thức tương tác dễ dàng với Nông dân. Đây là giải pháp giúp nâng cao thu nhập cho Nông dân, nâng cao sản lượng mía, đảm bảo chữ Đường (CCS) và phát triển diện tích trồng mía. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng của Microsoft Dynamics CRM nhằm tạo ra hệ thống quản lý toàn diện về đầu tư, hoạt động trồng và chăm sóc mía cũng như thu hoạch.



Nhấp chuột xem TTC Biên Hòa ứng dụng Công nghệ cao vào sản xuất và canh tác

2.

Hệ thống quản lý bán hàng CRM và quản lý phân phối DMS cũng được Công ty quy hoạch và quản lý tập trung thành một hệ thống hợp nhất, giúp việc tổng hợp và phân tích dữ liệu lịch sử giao dịch, nhằm tối ưu hóa tốc độ bán hàng, dịch vụ hậu mãi cho Khách hàng và triển khai hệ thống DMS phủ khắp các kênh phân phối của TTC Biên Hòa trên cả nước, hệ thống giúp đồng bộ dữ liệu bán hàng, chính sách bán hàng xuyên suốt từ Công ty đến từng Nhà phân phối và tới từng điểm bán. Có hệ thống DMS, TTC Biên Hòa luôn chủ động nắm bắt thông tin thị trường, nhu cầu của Người tiêu dùng, từ đó thường xuyên cải tiến chất lượng, bao bì, mẫu mã sản phẩm, cũng như chính sách chăm sóc, hậu mãi phù hợp cho từng nhóm Khách hàng, Nhà phân phối.

3.

Nâng cấp hệ thống eOffice, hệ thống xử lý và số hóa tất cả các quy trình, kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty. Mục đích tiết giảm thời gian làm việc thủ công, giảm chi phí nhân sự, tiết kiệm được một khối lượng lớn hồ sơ in giấy cũng như không gian lưu trữ. Hỗ trợ Công ty hoạch định chiến lược vận hành và tổ chức bộ máy hoạt động một cách tinh gọn và thông minh.

4.

Song song đó, việc cải tiến mô hình hoạt động tài chính của hệ thống AX, Oracle EBS cũng được cấu hình cập nhật theo mô hình quản lý tài chính tiên tiến, đã áp dụng bộ cấu trúc chi phí theo chuẩn IFRS và mô hình quản lý chi phí chi tiết theo 11 đầu mục chi phí lớn của TTC Biên Hòa giúp quản lý và kiểm soát chi phí một cách tối ưu và gia tăng mức độ tin cậy của dữ liệu, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp.

Chương trình an ninh mạng

- Quy trình hoạt động và vận hành hệ thống CNTT theo mô hình quản lý tập trung từ TTC Biên Hòa đến các Nhà máy, đơn vị thành viên thông qua các quy trình, quy chế hoạt động, phân quyền đăng nhập và phê duyệt trên hệ thống theo chuẩn ITIL
- Xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng lượng dịch vụ CNTT theo chuẩn SLA
- Xây dựng hệ thống bảo mật thông tin theo các tiêu chuẩn 5S như Standardize Equipment & Application System (Chuẩn hóa thiết bị và Hệ thống ứng dụng), Standardize Process (Chuẩn hóa quy trình), Standardize Sharing Data Process (Chuẩn hóa quy trình chia sẻ dữ liệu), Security Awareness (Nhận thức bảo mật), Security Risk Management (Quản lý rủi ro bảo mật).



- Quy chuẩn lưu trữ và phục hồi dữ liệu
- Xây dựng hệ thống CNTT theo mô hình DR Cloud, DC Cloud, DR on Premise,…
- Xây dựng quy chuẩn phân quyền theo chuẩn SOD
- Trang bị kiến thức an toàn thông tin cho CBNV toàn Công ty
- Quản lý việc chia sẽ dữ liệu như tập tin (files), tài liệu (document), thư điện tử (email), cơ sở dữ liệu (database),…

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NIÊN ĐỘ 2020-2021

Với khẩu hiệu **"SBT - Thay đổi để chiến thắng"**, Hoạt động CNTT trong NĐ 2020-2021 tập trung vào triển khai hệ thống Oracle Cloud ERP với sự tư vấn của Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG. Việc chuyển đổi và triển khai hệ thống nhằm mục tiêu tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hệ thống sẽ được tích hợp với các hệ thống hiện tại của TTC Biên Hòa để tạo thành một hệ thống chuỗi cung ứng kinh doanh tích hợp toàn diện.



Lãnh đạo TTC Biên Hòa, KPMG và Oracle ký kết hợp tác chiến lược tư vấn chương trình chuyển đổi và triển khai Oracle ERP Clound, ngày 8/8/2020

Chương trình chuyển đổi được thực hiện cho toàn bộ 20 đơn vị của TTC Biên Hòa tại 4 nước Việt Nam, Singapore, Lào và Campuchia; bao gồm xây dựng mô hình và quy trình chuỗi cung ứng kinh doanh tích hợp trong tương lai để hoàn thiện hệ thống quản lý từ nông trường đến sản xuất và phân phối sản phẩm đến khách hàng cũng như hướng đến kinh doanh thương mại quốc tế. Đồng thời trong chương trình chuyển đổi này, TTC Biên Hòa cũng sẽ áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) để đảm bảo tính minh bạch và phương pháp quản trị tiên tiến. Tất cả quy trình tương lai sẽ được đối tác KPMG tư vấn và triển khai trên hệ thống Oracle Cloud ERP, Oracle Enterprise Performance Management Cloud và Oracle Analytic Cloud - là giải pháp Cloud hàng đầu trên thế giới hiện nay.

Thông qua việc ứng dụng nghiệp vụ ngành lên nền tảng giải pháp Oracle Cloud ERP, TTC Biên Hòa sẽ sở hữu một hệ thống tổng thể và đã được chuẩn hóa toàn bộ quy trình cho tất cả hoạt động của toàn Công ty, bao gồm (1) Lập kế hoạch tài chính và ngân sách, (2) Dự báo nhu cầu và lập kế hoạch cung ứng, (3) Lập kế hoạch chuỗi kinh doanh tích hợp đến việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng đầu vào, kho, sản xuất và (4)Tối ưu hóa chuỗi cung ứng phân phối cũng như hoàn thiện về tài chính kế toán bao gồm việc hạch toán và quản trị theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

Trên thực tế, ứng dụng lõi Oracle Cloud ERP sẽ được tích hợp với các ứng dụng hiện tại của Công ty như hệ thống FRM, CRM và DMS, AX, Oracle EBS…Với một chuỗi hệ thống tích hợp toàn diện này, TTC Biên Hòa sẽ có được bức tranh xuyên suốt và minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp, giúp điều hành dễ dàng, kịp thời và hỗ trợ các cấp quản lý đưa ra quyết định chính xác. Từ đó, Công ty có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời quản trị được rủi ro, hài hòa về quyền lợi của Nông dân, Nhà máy, Khách hàng cũng như cung cấp sản phẩm sạch và mang lại giá trị cho Khách hàng, Nhà đầu tư,…

Ngoài ra khi sử dụng Oracle Cloud ERP, hệ thống của TTC Biên Hòa sẽ được bảo mật toàn diện ở nhiều tầng lớp như dịch vụ Hạ tầng Đám mây (IaaS), dịch vụ Nền tảng Đám mây (PaaS), và dịch vụ Ứng dụng Đám mây (SaaS). Bảo mật cũng còn được mở rộng đến Lớp mạng (Network), Phần cứng (Hardware), Bộ xử lý trung tâm (Chip), Hệ điều hành (Operating system), Lưu trữ (Storage), và các lớp ứng dụng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN



Bà Huỳnh Bích Ngọc - Chủ tịch HĐQT tại nhà máy TTCS

Là công ty Đường hàng đầu Việt Nam về thị phần và danh mục sản phẩm, nhiều năm nay TTC Biên Hòa không ngừng đầu tư vào đổi mới công nghệ, nghiên cứu triển khai nhiều dự án để ngày càng nâng cao công suất sản xuất, chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới cũng như tiết kiệm chi phí và gia tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty trên thị trường Việt Nam và quốc tế.

Niên độ 2019-2020, TTC Biên Hòa đã triển khai đầu tư 3 dự án trọng tâm, trong đó dự án sản xuất Đường lỏng đã đi vào khai thác sản xuất, dự án cải tạo lò hơi và dự án Điện mặt trời áp mái đang triển khai sẽ đưa vào sử dụng cuối năm 2020.

1. DỰ ÁN SẢN XUẤT ĐƯỜNG LỎNG

Đối với ngành sản xuất Mía Đường ngoài sản phẩm chính là Đường dạng hạt truyền thống, TTC Biên Hòa đã nghiên cứu phát triển thêm dòng sản phẩm mới là Đường lỏng hiện rất được Khách hàng ưa chuộng vì tính tiện dụng trong chế biến. Đường lỏng thương hiệu TTC Biên Hòa đã có mặt trên cả thị trường nội địa và xuất khẩu với sản lượng sản xuất trong NĐ 2019-2020 khoảng 170.000 tấn.



Tổng mức đầu tư: 5,5 tỷ đồng.

Hình thức thực hiện: Trên cơ sở dây chuyền thiết bị hiện có, đội ngũ kỹ sư của TTC Biên Hòa đã nghiên cứu cải tạo, bổ sung thêm thiết bị để hoàn thiện dây chuyền sản xuất Đường lỏng, cụ thể:

- Bổ sung thiết bị bốc hơi 2 hiệu nhằm kiểm soát được nồng độ chất khô của Đường lỏng;
- Bổ sung thiết bị giải nhiệt để đảm bảo nhiệt độ đầu ra của Đường lỏng;
- Thay đổi các thông số vận hành và có chọn lựa nguyên liệu để kiểm soát độ pH và hàm lượng Đường khử có trong Đường lỏng;
- Cải thiện hệ thống CIP: đảm bảo sản phẩm Đường lỏng đạt chuẩn vi sinh.

Mục tiêu thực hiện dự án:

- Đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng B2C về đa dạng sản phẩm;
- Tăng ưu thế cạnh tranh so với các công ty cùng ngành khác khi cung cấp cho Khách hàng Doanh nghiệp B2B;
- Nâng cao chất lượng nguyên vật liệu đầu vào cho Khách hàng Công nghiệp lớn MNC như ngành công nghiệp bánh kẹo để cho ra thành phẩm có cấu trúc mịn mượt không bị kết tinh Đường.

Tiến độ thực hiện: Dự án đã hoàn thành và sản xuất thành phẩm từ tháng 4/2020

2. DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI



Điện mặt trời áp mái tại Tây Ninh

Từ NĐ 2018-2019, TTC Biên Hòa đã sớm thực hiện chương trình phát triển điện mặt trời áp mái và năng lượng tái tạo kết hợp với mô hình sản xuất Đường và sản phẩm phụ tại 9 nhà máy với tổng công suất 7,23 MWp. Trong NĐ 2019-2020 Công ty tiếp tục lắp đặt và hoàn chỉnh nâng tổng công suất lên 9 MWp và đã phát được 9.527 MWh. Phát huy thành công trong việc tìm ra nguồn năng lượng thay thế vô tận, góp phần giảm áp lực cho ngành điện và bảo vệ môi trường sinh thái, TTC Biên Hòa đặt mục tiêu phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất lắp đặt là 13 MWp trong NĐ 2020-2021 tại 15 Nhà máy, Công ty thành viên và nông trường mía trên địa bàn các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, nâng tổng công suất lắp đặt điện mặt trời của toàn TTC Biên Hòa lên đến 22 MWp.

Tổng mức đầu tư : 195 tỷ đồng.

Hình thức thực hiện: Tận dụng diện tích mái nhà khoảng 20 ha của toàn hệ thống TTC Biên Hòa để lắp đặt hệ thống.

Mục tiêu thực hiện dự án:

- Giảm nhiệt độ trong nhà xưởng từ 4 - 5^{0}C, cắt giảm tiêu thụ điện nhờ đó cắt giảm chi phí sản xuất;
- Tạo ra nguồn năng lượng sạch để phục vụ hoạt động kinh doanh, giảm phát thải khí nhà kính và giúp bảo vệ môi trường;
- Sản lượng điện không sử dụng hết sẽ bán lên lưới điện quốc gia, góp phần gia tăng nguồn thu cho Công ty.

Tiến độ thực hiện: Dự kiến tháng 12/2020 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3. DỰ ÁN CẢI TẠO LÒ HƠI TẠI NHÀ MÁY ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA



Lò hơi tại nhà máy Đường Biên Hòa - Ninh Hòa

Hiện tại nhà máy Đường Biên Hòa - Ninh Hòa có 2 lò hơi với công suất 170 tấn và 60 tấn, cả 2 lò hơi đều sử dụng nhiên liệu bã mía, lò hơi 170 tấn sử dụng trong vụ sản xuất còn lò hơi 60 tấn sử dụng để luyện Đường ngoài vụ. Ngoài nhiên liệu sinh khối như bã mía, vỏ trấu,… thì than đá đang là một nguồn nhiên liệu khá dồi dào và có tính lâu dài đối với những nhà máy cần lượng lớn để sản xuất Đường. Do nhà máy nằm ở khu vực miền Trung, là khu vực chịu tác động của hạn hán nên sản lượng mía thấp vì vậy để tăng thời gian sản xuất ngoài vụ, nhà máy đã chủ động chuyển đổi cải tạo lò hơi 60 tấn sang sử dụng nhiên liệu than nâu để tăng công suất chế biến Đường. Bên cạnh việc cải tạo, TTC Biên Hòa đã chọn một đơn vị tư vấn chuyên ngành về môi trường để đánh giá tác động đến môi trường khi sử dụng loại nhiên liệu này. Trên cơ sở đánh giá tác động đến môi trường nhà máy Đường Biên Hòa - Ninh Hòa đã thực hiện những giải pháp đầu tư để không ảnh hưởng đến môi trường.

Tổng mức đầu tư : 42 tỷ đồng

Hình thức thực hiện:

- Thay thế buồng đốt, các vách lò và balong lò hơi là những thiết bị chính của lò để phù hợp sử dụng nhiên liệu than đá;
- Chọn phương pháp lọc bụi túi và vận chuyển bụi thu hồi theo phương pháp "tro bay" - sử dụng dòng khí nén để chuyển tro đến silo chứa theo phương pháp kín hoàn toàn không để bụi tro phát tán ra môi trường.

Mục tiêu thực hiện dự án: Bổ sung nguồn nhiên liệu dồi dào đủ đáp ứng cho năng lực sản xuất Đường liên tục gia tăng của nhà máy Đường Biên Hòa - Ninh Hòa.

Tiến độ thực hiện: Bắt đầu triển khai từ tháng 3/2020 và dự kiến hoàn thành vào tháng 10/2020.

ĐẦU TƯ CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong NĐ qua, bên cạnh việc đầu tư phát triển các dự án mới, TTC Biên Hòa thường xuyên cập nhật và đầu tư cải tiến công nghệ cho các dự án hiện hữu vì Công ty hiểu rằng công nghệ hiện đại đóng một vai trò rất quan trọng, giúp Công ty bắt kịp đà tăng trưởng và xu thế hiện tại. Nhìn lại quá trình thực hiện các chương trình cải tiến công nghệ trong NĐ 2019-2020 của TTC Biên Hòa để thấy được những hiệu quả thiết thực của việc đầu tư này mang lại:

1. HỆ THỐNG TÁCH CÁT KHÔ VÀ CẢI TIẾN DAO BĂM TẠI NHÀ MÁY TTC ATTAPEU



Hệ thống tách cát khô tại TTC Attapeu

Mục tiêu:

Tiết kiệm chi phí, thời gian và nâng cao năng suất hoạt động.

Chi phí thực hiện:

200 TRIỆU ĐỒNG

Tiến độ triển khai:

Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 11/2019.

Đánh giá hiệu quả:

- Hạn chế thời gian ngừng sản xuất: Hiệu suất an toàn thiết bị đạt 97,8% cao hơn so với NĐ 2018-2019 (97,5%), giảm hơn 50% thời gian phải ngưng thay dao băm do bị mài mòn so với trước đây;
- Thời gian ngừng sản xuất do hư hỏng dao băm làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất hầu như được hạn chế tối đa: Tổng thời gian thay và hàn bù dao băm là 21 giờ trong 5 lần giảm gần 69% so với NĐ 2018-2019 là 64,5 giờ trong 16 lần;
- Tăng năng suất ép: Sau khi cải tiến dao băm thì trung bình 40.000 tấn mía mới cần ngưng sản xuất để thay dao tăng 150% năng suất so với NĐ 2018-2019 khi chỉ ép được 16.000 tấn mỗi lần;
- Tiết kiệm chi phí: Tiết kiệm 90 triệu đồng chi phí gia công dao băm và hàn bù, giảm hơn 40% chi phí so với NĐ 2018-2019 là 220 triệu đồng;
- Giảm chi phí bảo trì và tăng năng suất thu hồi của nhà máy: Tách cát sẽ làm giảm tác động mài mòn thiết bị trong khu vực ép, lò hơi. Lượng cát thu hồi cả vụ: 1.747 tấn, trong đó, cát khô 1.619 tấn chiếm 92,6% tổng lượng cát thu hồi, tăng 60% so với NĐ 2018-2019.

2. HỆ THỐNG SANG VÀ ĐÓNG BAO BỔ SUNG TẠI NHÀ MÁY BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI



Hệ thống đóng bao tại nhà máy Biên Hòa - Đồng Nai

Mục tiêu:

Đáp ứng nhu cầu thị trường cho sản phẩm Đường đóng bao 12kg và tất cả các trọng lượng khác nhỏ hơn 50kg.

Chi phí thực hiện:

~300 TRIỆU ĐỒNG

Tiến độ triển khai:

Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 5/2020.

Đánh giá hiệu quả:

- Dây chuyền thiết bị có khả năng sản xuất tối đa theo công suất lắp đặt của máy đóng bao: 6 bao/phút tương đương 15 tấn/giờ đối với bao 50kg và 4,5 tấn/giờ đối với bao 12kg;
- Năng lực sản xuất: Dây chuyền sản xuất hoàn toàn độc lập nên có thể sản xuất bất kỳ khi nào có nguồn nguyên liệu và yêu cầu của khách hàng;
- Tận dụng thiết bị hiện có của các nhà máy trong Công ty nên tiết kiệm chi phí dự án;
- Chuyển Đường từ các nhà máy khác về đóng bao với các trọng lượng khác nhau theo nhu cầu khách;
- Để bù đắp sản lượng Đường sụt giảm từ mía, TTC Biên Hòa có xu hướng thay đổi theo chiều hướng tăng tỷ lệ Đường nhập khẩu để kinh doanh mua bán thay cho Đường sản xuất, do đó dự án là cần thiết để linh động trong quá trình kinh doanh nhằm ứng phó với điều kiện kinh doanh thay đổi.

3. HỆ THỐNG TIẾT KIỆM HƠI



Hệ thống bốc hơi tại nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa

Mục tiêu:

Giảm tiêu hao nhiên liệu, tiết kiệm để dành nhiên liệu phục vụ cho việc luyện Đường ngoài vụ.

Chi phí thực hiện:

Đầu tư hệ thống bốc hơi Fine Liquor 2 hiệu tại Nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa với chi phí đầu tư khoảng:

1,8 TỶ ĐỒNG

Hệ thống cải tạo bộ hâm nước cấp lò hơi tại TTCS với chi phí đầu tư khoảng:

4,9 TỶ ĐỒNG

Tiến độ triển khai:

Hiện dự án ở nhà máy đã hoàn thành và đưa vào sử dụng:

- Nhà máy TTCS: Dự án đã hoàn thành cải tạo bộ hâm nước cấp lò hơi và đưa vào sử dụng từ tháng 9/2019;
- Nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa: Dự án đã hoàn thành việc đầu tư bốc hơi hai hiệu và đưa vào sử dụng từ tháng 4/2020.

Đánh giá hiệu quả:

- Tại nhà máy TTCS: Khói sau khi qua bộ hâm sẽ giảm từ 250^{0}C xuống 180^{0}C vừa đáp ứng nhiệt độ cần cấp cho hệ thống sấy bã và tiết kiệm nhiên liệu đốt lò. Đồng thời duy trì nhiệt độ nước cấp từ 125^{0}C lên 165^{0}C giảm tiêu hao nhiên liệu đốt lò. Bên cạnh đó, giảm thời gian dừng thiết bị để bảo trì bộ hâm nước cấp lò hơi ngoài kế hoạch;
- Tại nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa: Việc đầu tư hệ thống đã giúp tăng độ Brix trước khi nấu Đường và làm giảm đáng kể thời gian nấu. Hệ số tiêu thụ hơi NĐ 2019-2020 đạt được là 0,48 tấn hơi/tấn mía giảm 4% so với mục tiêu ban đầu đề ra là 0,5 tấn hơi/tấn mía và giảm gần 6% so với NĐ 2018-2019 là 0,51 tấn hơi/tấn mía;
- Việc đầu tư giúp cải thiện nhiệt độ khói trước khi đưa vào hệ thống sấy bã, nâng nhiệt độ nước cấp, giảm tiêu hao nhiên liệu đốt. Góp phần đảm bảo hệ thống sấy bã hoạt động ổn định hiệu quả;
- Kéo dài thời gian luyện Đường ngoài vụ từ lượng bã thừa tiết kiệm nhờ các hoạt động tiết kiệm hơi.

ĐẦU TƯ CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4. DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ĐƯỜNG ORGANIC

Mục tiêu:

Nhu cầu tiêu dùng hiện nay không chỉ dừng ở nhu cầu tiêu thụ thực phẩm sạch, mà còn tập trung vào các sản phẩm tự nhiên, đạt tiêu chuẩn hữu cơ, đặc biệt có lợi cho sức khỏe. Đón đầu xu thế đầy tiềm năng này, TTC Biên Hòa đã tiến hành đầu tư sản xuất sản phẩm Đường Organic, nơi triển khai là TTC Attapeu.

Yêu cầu sản phẩm Đường Organic:

Để sản xuất được sản phẩm Organic đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt từ khâu lựa chọn giống, lựa chọn khu vực trồng mía, chăm sóc, canh tác cho đến khâu thu hoạch, công tác vận chuyển và sản xuất phải đảm bảo theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt quốc tế về canh tác nông nghiệp hữu cơ của các quốc gia phát triển như Mỹ, Châu Âu.

Bên cạnh đó, việc sử dụng bao bì có khả năng tái chế, phân hủy sinh học, thân thiện với môi trường cũng được các nhà sản xuất Đường sạch chú trọng. Sản phẩm Đường sạch, hữu cơ không sử dụng bao bì, thùng chứa có tồn dư hóa chất hoặc các chất khử trùng, tổng hợp khác để chứa, đóng gói gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Chi phí thực hiện đầu tư cải tiến dây chuyền phục vụ sản xuất Đường Organic của TTC Attapeu

4,8 TỶ ĐỒNG
(Bao gồm cả hệ thống đóng bao Bigbag)

- Cải tạo kết cấu ống cấp liệu nấu nhằm tránh đọng Đường trong ống gây Đường nhiều màu; tạo sự đối lưu thuận lợi tránh hạt không đồng đều với chi phí 320 triệu đồng;
- Hệ thống lọc: Gia công lắp đặt thêm 1 sàn lọc bã mịn chè trong, cải tạo mở rộng gấp đôi hệ thống lọc túi syrup khu Hóa chế với chi phí 330 triệu đồng;
- Đầu tư hệ thống đóng bao Bigbag với chi phí 3,9 tỷ đồng *(Chi tiết tham khảo mục "Hệ thống đóng bao Bigbag")*;
- Quy hoạch, di dời khu đóng bao tập trung với chi phí 300 triệu đồng.

Tiến độ triển khai: Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 11/2019.



Dây chuyền sản xuất Đường Organic

Đánh giá hiệu quả:

- Nhờ cải tạo ống cấp liệu đã mang lại hiệu quả rõ rệt sau 1 vụ sản xuất. NĐ 2019-2020 sản phẩm không phù hợp chỉ còn 6 nồi (300 tấn) giảm gần 87% so với NĐ 2018-2019 khi chưa cải tạo, sản phẩm không phù hợp do hạt vàng là 45 nồi (2.250 tấn);
- Việc cải tạo hệ thống lọc nước mía đã mang lại hiệu quả rõ rệt sau một NĐ sản xuất. Sau khi cải tạo, công suất ép tăng lên 4.162 tấn mía/ngày giúp giảm thời gian sản xuất, giảm được chi phí nhân sự hơn 77 triệu đồng. Trong NĐ 2019-2020 sau khi cải tạo không còn sản phẩm không phù hợp do tiêu chuẩn kỹ thuật giảm 100% so với NĐ 2018-2019 sản phẩm không phù hợp do tiêu chuẩn kỹ thuật là 27 nồi (1350 tấn);
- Việc đóng bao Bigbag giúp đa dạng hóa dòng sản phẩm của Công ty;
- Bên cạnh đó việc quy hoạch khu đóng bao giúp tiết giảm nhân sự, thuận lợi công tác quản lý sản xuất;
- Đây là bước tiến mới của TTC Biên Hòa nói riêng và ngành Đường Việt Nam nói chung trong việc hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu sử dụng sản phẩm đa dạng, có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng. Với chiến lược tiên phong và định hướng thúc đẩy nền nông nghiệp hữu cơ, TTC Biên Hòa đã và đang tiếp tục đầu tư về thiết bị, thời gian cũng như tiềm lực để hiện thực hóa mục tiêu tăng sản lượng Đường organic nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng trong nước và quốc tế về một sản phẩm tốt cho sức khỏe.

5. HỆ THỐNG ĐÓNG BAO BIGBAG TẠI NHÀ MÁY TTC - ATTAPEU

(LÀ HẠNG MỤC THUỘC DỰ ÁN DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ORGANIC)



Hệ thống đóng bao bigbag tại TTC Attapeu

Mục tiêu: Nhằm đáp ứng yêu cầu khách hàng ED&F Man - Đơn vị bao tiêu toàn bộ Đường Organic mà Công ty đã và đang xuất sang thị trường Châu Âu, đồng thời, giúp đa dạng hóa và giảm giá thành sản xuất

Chi phí thực hiện: **3,9** TỶ ĐỒNG

Tiến độ triển khai: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 11/2019.

Đánh giá hiệu quả:

- Tiết kiệm chi phí: Chi phí đóng bao tiết kiệm ~ 190.000 đồng/tấn so với đóng bao giấy 25 kg, đồng thời giảm chi phí bốc xếp cũng như dễ dàng áp dụng tự động hóa cho phía khách hàng;
- Quy hoạch phù hợp để mở rộng và tích hợp hệ thống đóng bao 25kg và 50kg trong tương lai;
- Tạo ưu thế, trở thành Nhà cung cấp có khả năng đa dạng hóa cơ cấu bao bì và có phương thức giao hàng cải tiến;
- Tăng năng lực cạnh tranh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng, bên cạnh đó về lâu dài dự án có hiệu quả khi chi phí đầu tư được khấu hao hoàn toàn.

6. SỬ DỤNG NGUỒN NHIÊN LIỆU BIOMASS BỔ SUNG CHO NHÀ MÁY BIÊN HÒA - NINH HÒA VÀ NHÀ MÁY TTCS



Hệ thống luyện đường tại nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa

Mục tiêu: Gia tăng sản lượng luyện Đường ngoài vụ. Biomass được biết đến là nguồn nhiên liệu sinh khối, có nguồn gốc sinh học được sử dụng như một nguồn năng lượng. Hiện nay nhà máy của TTC Biên Hòa đang sử dụng vỏ cà phê, vỏ trấu, mùn cưa gọi chung là Biomass để bổ sung nguồn nhiên liệu đốt thay vì chỉ sử dụng bã mía như trước kia. Đây là giải pháp tối ưu để duy trì hoạt động sản xuất liên tục, và tránh việc phụ thuộc quá nhiều vào 1 nguồn nhiên liệu đầu vào

Chi phí thực hiện: Theo giá mua thị trường.

Tiến độ triển khai: Dự án đã đi vào hoạt động từ đầu năm 2020.

Đánh giá hiệu quả:

- Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đốt, cung cấp nhiên liệu cho sản xuất, khai thác tối đa giá trị sử dụng thiết bị;
- Phục vụ kế hoạch luyện Đường thô ngoài NĐ 2019-2020 tại Nhà máy TTCS, dự kiến thời gian sản xuất đến giữa tháng 8/2020.

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ CHUỖI CUNG ỨNG

CHUỖI CUNG ỨNG CỦA TTC BIÊN HÒA

Là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ Nông nghiệp hàng đầu Việt Nam, TTC Biên Hòa mang sứ mệnh **"Cung cấp Đường và giải pháp năng lượng từ cây mía, xây dựng chuỗi công nghệ sản xuất hiện đại và hệ thống phân phối bền vững"** với dây chuyền khép kín, bắt đầu từ vùng nguyên liệu, đến khâu sản xuất và cuối cùng là đóng gói thành phẩm chuyển đến Người tiêu dùng thông qua chuỗi cung ứng linh hoạt, đa dạng, mạng lưới rộng khắp.

Bên cạnh việc sản xuất Đường từ mía TTC Biên Hòa cũng đã mở rộng nguồn cung ứng Đường thô và Đường thành phẩm từ các quốc gia trong khu vực và thế giới như Thái Lan, Brazil, Ấn Độ,… Hiện tại, Công ty đã và đang cung cấp ra thị trường hơn 72 sản phẩm các loại, bao gồm các sản phẩm từ Đường, Cạnh Đường và Sau Đường. Các sản phẩm của TTC Biên Hòa luôn đảm bảo chất lượng tốt và được các doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát, sữa, chăn nuôi, trồng trọt,… và thậm chí cả những ngành yêu cầu khắt khe về chất lượng như dược phẩm tin tưởng, ưu tiên lựa chọn để tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm của họ như:

Coca-Cola, Nestlé, Nutifood, Pepsi, Red Bull, Tân Hiệp Phát, Trung Nguyên, Vinacafe, Vinamilk, Dược Hậu Giang, Dược phẩm Sanofi, Imexpharm,…

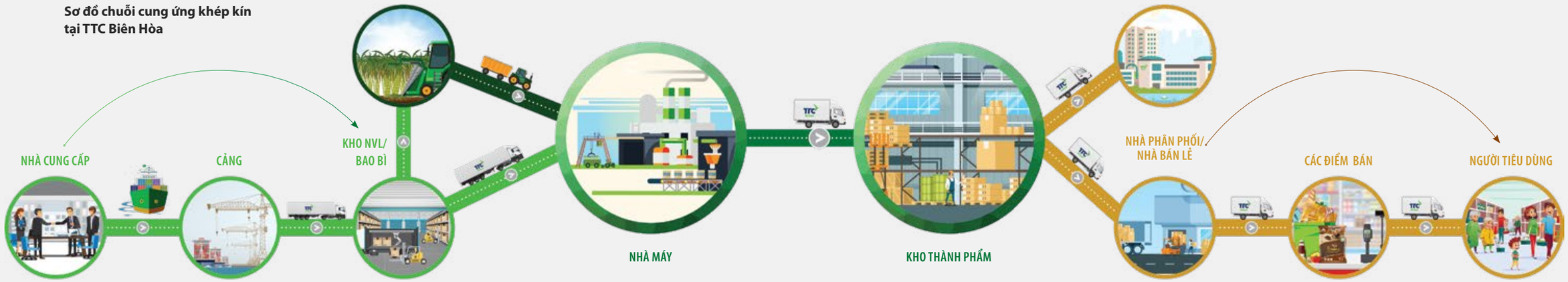
TRÊN THỰC TẾ, VIỆC SỞ HỮU MẠNG LƯỚI RỘNG LỚN VỚI:

8	1	47
NHÀ MÁY TẠI VIỆT NAM	NHÀ MÁY TẠI LÀO	KHO NGUYÊN LIỆU VÀ THÀNH PHẨM, TRẢI DÀI TỪ BẮC - TRUNG - NAM

Và đặc biệt là 2 Trung tâm phân phối lớn tại Biên Hòa và Tây Ninh được áp dụng đầy đủ các phần mềm CNTT tiên tiến vào vận hành kho bãi và quản lý kho hàng như WMS, TMS, OMS,… đã giúp TTC Biên Hòa kiểm soát tốt chi phí và hoàn toàn chủ động trong việc gia tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng hệ thống phân phối, chiếm lĩnh thị phần và hướng đến tầm nhìn:

"TRỞ THÀNH CÔNG TY NÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VÀ KHU VỰC".

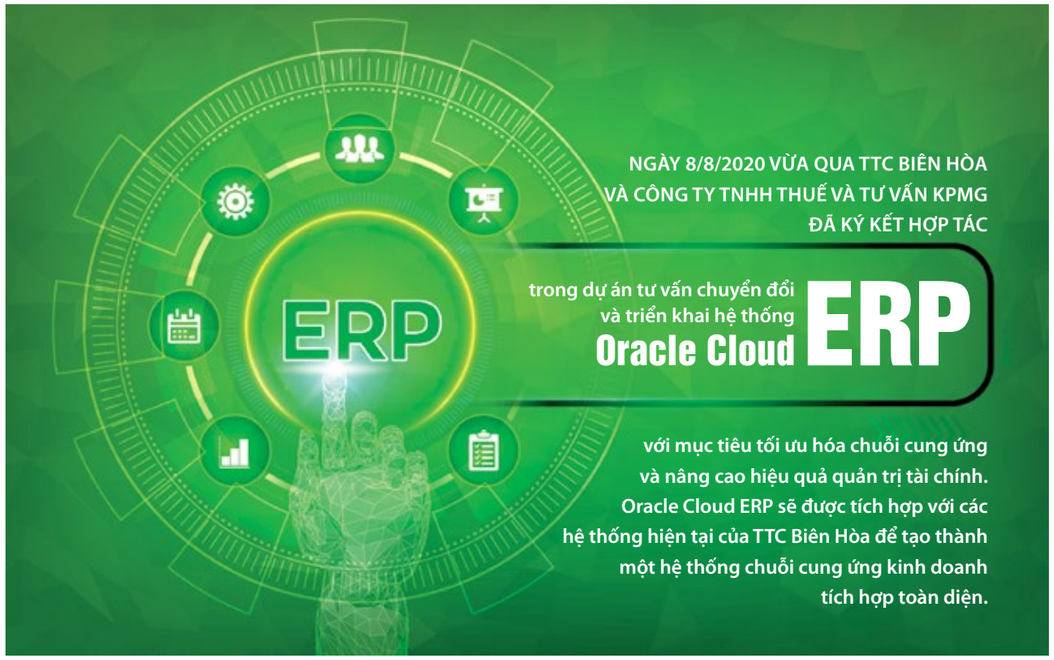
Sơ đồ chuỗi cung ứng khép kín tại TTC Biên Hòa



CHUỖI CUNG ỨNG ĐẦU VÀO	CHUỖI CUNG ỨNG MÍA NGUYÊN LIỆU	CHUỖI CUNG ỨNG SẢN XUẤT	CHUỖI CUNG ỨNG PHÂN PHỐI
MỤC TIÊU CHỦ ĐẠO …			
• Quản lý chi phí mua hàng (không bao gồm mía); • Tối ưu hóa vòng xoay hàng tồn kho ; • Quản lý giao dịch thương mại quốc tế.	• Tối ưu chi phí quản lý hoạt động canh tác nông nghiệp; • Tối ưu thời gian khi thu hoạch tới lúc ép mía; • Giảm thiểu chi phí vận chuyển mía thô.	• Giảm hao phí; • Giảm thiểu chi phí sản xuất; • Tối ưu năng suất chuyển đổi (Yield); • Tối ưu OEE.	• Cải thiện tỷ lệ giao hàng đúng thời hạn; • Giảm thiểu chi phí kho vận và hậu cần.

TỐI ƯU HÓA NGUỒN CUNG VÀ NHU CẦU | **QUẢN LÝ MÔ HÌNH CHUỖI CUNG ỨNG TÍCH HỢP TỐI ƯU HÓA TỒN KHO** | **TỐI ƯU HÓA DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG**

LIÊN TỤC CẢI TIẾN, HOÀN THIỆN CHUỖI CUNG ỨNG



Chương trình chuyển đổi được thực hiện cho toàn bộ 20 đơn vị của TTC biên Hòa tại 4 nước Việt Nam, Singapore, Lào và Campuchia. Dự án bao gồm xây dựng mô hình và quy trình chuỗi cung ứng kinh doanh tích hợp trong tương lai để hoàn thiện hệ thống quản lý từ nông trường đến sản xuất và phân phối sản phẩm đến khách hàng cũng như hướng đến kinh doanh thương mại quốc tế. Thông qua việc ứng dụng nghiệp vụ ngành lên nền tảng giải pháp Oracle Cloud ERP, TTC Biên Hòa sẽ sở hữu một hệ thống tổng thể và đã được chuẩn hóa toàn bộ quy trình cho tất cả hoạt động của toàn Công ty, bao gồm:

1. Lập kế hoạch tài chính và ngân sách;
2. Dự báo nhu cầu và lập kế hoạch cung ứng;
3. Lập kế hoạch chuỗi kinh doanh tích hợp đến việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng đầu vào, kho, sản xuất;
4. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng phân phối.

Việc triển khai ứng dụng ERP cho việc quản lý chuỗi cung ứng bước đầu sẽ giúp hiển thị thực tất cả các công đoạn trong chuỗi cung ứng như:

- Khắc phục điểm hạn chế về không gian và thời gian do hệ thống rộng khắp của Công ty;
- Ghi nhận và phân tích cụ thể nhu cầu của thị trường và Khách hàng dựa trên số liệu phản hồi và dữ liệu lịch sử;
- Sắp xếp và cân đối Kế hoạch nguồn cung ứng theo các điều kiện ràng buộc và tối ưu hóa về chi phí;
- Kiểm soát chi phí thông qua việc tổ chức Hệ thống phân phối và logistics chặt chẽ theo nguyên tắc luôn phục vụ chính xác nhu cầu của Khách hàng nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

TTC Biên Hòa đang trong quá trình chuyển đổi chuỗi cung ứng theo hướng đa dạng hóa, toàn cầu hóa. Bên cạnh việc cải tiến quy trình, đảm bảo hoạt động sản xuất, kiểm soát rủi ro, đổi mới công nghệ,... Công ty còn chú trọng vào việc thường xuyên đánh giá nhu cầu của thị trường làm cơ sở cải tiến sản phẩm tạo giá trị thiết thực cho chuỗi cung ứng của Công ty. Cùng với đó, trong NĐ 2019-2020 vừa qua, TTC Biên Hòa cũng đã thực hiện cải tạo công nghệ phục vụ cho chuỗi cung ứng như cải tiến hệ thống tách cát khô và dao băm, cải tạo bộ hâm nước cấp lò hơi, cải tiến dây chuyền sản xuất Đường Organic...

HỢP TÁC VỚI NHỮNG ĐƠN VỊ LOGISTICS HÀNG ĐẦU ĐỂ PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG

Hội nhập Atiga tạo điều kiện cho TTC Biên Hòa và các doanh nghiệp Đường trong nước có một sân chơi lớn hơn để tiếp tục mở rộng và phát triển. Tuy vậy, tiếp nhận cơ hội song song với việc phải đối mặt với thử thách, muốn tiếp tục giữ vững vị trí chiếm lĩnh thị trường trong nước cũng như vươn ra thị trường khu vực, TTC Biên Hòa cần phải giải quyết được bài toán chuỗi cung ứng nói chung và logistics nói riêng. Sớm nhận thấy điều này Công ty đã thực hiện đẩy mạnh việc hợp tác với các Đơn vị uy tín trong ngành logistics của thế giới và khu vực để nâng cao năng lực quản lý, vận hành kho hàng và đáp ứng nhu cầu thị trường một cách nhanh chóng nhất.

Một số dự án phát triển chuỗi cung ứng nổi bật trong NĐ 2019-2020

Dự án B2C với Linfox

Đơn vị hợp tác



Linfox Việt Nam

Linfox Việt Nam hoạt động từ năm 2006, là một thành viên của Linfox Group, một tổ chức hàng đầu về giải pháp trọn gói cho logistics.

Mục tiêu hướng tới

- Nâng tầm chất lượng dịch vụ trong hoạt động cung ứng mảng B2C, bao gồm cho các sản phẩm Đường tiêu dùng và các sản phẩm thuộc nhóm FMCG khác.
- Chuyên nghiệp hóa dịch vụ logistics cho kênh B2C, cải thiện dịch vụ giao hàng.
- Tổ chức mạng lưới phân phối đến các thị trường khắp cả nước với chi phí logistics được tiết giảm và kiểm soát, cải thiện biên lợi nhuận của kênh B2C.

Thời gian triển khai

- Dự kiến chính thức triển khai từ tháng 10/2020.

Dự án với CJ logistics

Đơn vị hợp tác



CJ logistics

CJ Logistics được biết đến là đơn vị tiên phong trong phát triển dịch vụ logistics khu vực Châu Á.

Mục tiêu hướng tới

- Tối ưu hóa năng lực kho và chi phí logistics bao gồm cả đầu vào và đầu ra.

Thời gian triển khai

- Giai đoạn 1 đã triển khai từ năm 2018 đến nay.
- Giai đoạn 2 đang trong quá trình cập nhật dữ liệu, chiến lược và phân tích mô hình để thiết lập mạng lưới Logistics tối ưu nhất. Dự kiến triển khai hoạt động trong NĐ 2020-2021.

Nguồn: TTC Biên Hòa

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ CHUỖI CUNG ỨNG (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, CẢI TIẾN CHUỖI CUNG ỨNG TRONG NIÊN ĐỘ 2020-2021

- Thiết lập quy trình đồng bộ, tăng tính kết nối giữa Công ty, các Phòng ban và Nhà máy.
- Cải tiến hoạt động "Planning" tại các Phòng ban và Nhà máy nhằm tạo cơ sở thiết lập một chuỗi cung ứng mạnh mẽ, hiệu quả về năng suất, tiết kiệm về nhiên liệu, chi phí và dễ dàng thích ứng với những đòi hỏi khắt khe của các thị trường lớn.
- Tiếp tục áp dụng ứng dụng công nghệ mới để tăng sự chính xác của kế hoạch và quản lý hiệu quả thời gian.
- Thiết lập các thước đo hiệu quả bằng các phương pháp SMART.
- Phân luồng sản xuất và vận chuyển để tối ưu chi phí.
- Hiện đại hóa phong cách làm việc và lịch trình hoạt động của Công ty.





Nhấp chuột xem clip

Đường Sạch

VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



TTC Sugar cho ra các sản phẩm Đường hướng đến 4 tiêu chí: Đường Sạch sản xuất từ 100% Mía Đường tinh khiết; Không tạp chất; Không hóa chất tẩy trắng; Không chứa chất gây biến đổi gen.

HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 30/6/2020, TTC Biên Hòa sở hữu 7 Công ty con trực tiếp, 12 Công ty con gián tiếp và 2 Công ty liên kết. Lĩnh vực kinh doanh chi tiết của từng Công ty vui lòng xem tại Trang 232 - BCTC hợp nhất Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam thuộc Báo cáo thường niên SBT NĐ 2019-2020.





	CÔNG TY	TRỤ SỞ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT (*) (%)	VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)
1.	CTCP Phát triển Nông nghiệp Thành Thành Công	Tây Ninh	**90**	90	189
2.	Công ty TNHH MTV Nước Miaqua	Tây Ninh	**100**	100	1
3.	Công ty TNHH Hải Vi	Tây Ninh	**100**	100	1,5
4.	Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	**100**	100	516
5.	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Gia Lai	**100**	100	540
6.	Công ty TNHH MTV SX TM DV TTC An Hòa	Tây Ninh	**100**	100	160
7.	Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	**100**	100	2.978



1.	CTCP Đường Nước Trong	Tây Ninh	**50,58**	50,58	58
2.	CTCP Bò giống Miền Trung	Khánh Hòa	**92,04**	92,04	23,4
3.	CTCP Đường Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	**95,79**	95,79	45
4.	CTCP Biên Hòa - Thành Long	Tây Ninh	**98**	98	20
5.	Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Singapore	**83**	83	451
6.	CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Tây Ninh	**100**	100	30
7.	CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa	TP. HCM	**100**	100	120
8.	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Gia Lai	**100**	100	130
9.	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Khánh Hòa	**100**	100	300
10.	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	**100**	100	608
11.	Công ty TNHH MTV Mía Đường TTC Attapeu	Lào	**100**	100	1.372
12.	Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu	Gia Lai	**100**	100	2.015



1.	CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	**19,13**	19,13	165
2.	CTCP Xuất nhập khẩu Tân Định	TP. HCM	**41,65**	41,65	50

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ NHẬN XÉT CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

TTC Biên Hòa luôn mong muốn mang đến cho Khách hàng, Đối tác những sản phẩm sạch cùng chất lượng được đảm bảo và giá thành hợp lý.



Công ty đặc biệt chú trọng vào hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đây không chỉ là yếu tố then chốt trong chuỗi giá trị sản xuất mà còn là yếu tố tiên quyết giúp Công ty giữ vững uy tín cho thương hiệu Đường Biên Hòa suốt hơn 50 năm qua.

HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA TTC BIÊN HÒA NIÊN ĐỘ 2019-2020

Công tác đảm bảo chất lượng luôn gắn liền với chu trình công nghệ sản xuất khép kín của Công ty, bắt đầu từ công đoạn trồng và thu hoạch mía ở Vùng nguyên liệu, đến khâu sản xuất và qua nhiều công đoạn, cuối cùng là đóng gói thành phẩm và đưa đến Người tiêu dùng. Trên thực tế, dây chuyền sản xuất Đường của TTC Biên Hòa trải qua hơn 40 công đoạn trước khi đi đến thành phẩm, tất cả các công đoạn đó đều được Công ty xây dựng quy trình và lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và giám sát một cách chặt chẽ, nhằm hạn chế tối đa các rủi ro ảnh hưởng chất lượng sản phẩm.



Một số công tác chủ chốt liên quan tới việc đảm bảo chất lượng trong NĐ qua của Công ty có thể kể đến như:

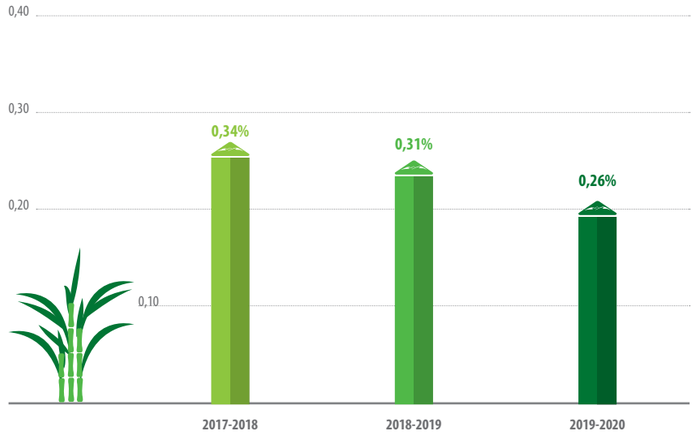
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm soát tạp chất, đảm bảo chất lượng, chú trọng việc ổn định chất lượng sản phẩm trên dây chuyền sản xuất, tăng cường kiểm soát điều kiện vệ sinh trong quá trình lưu trữ, bảo quản và vận chuyển sản phẩm đến Người tiêu dùng.

- Tổ chức triển khai danh mục rủi ro trên hầu hết tất cả các hoạt động của Công ty như: Chiến lược, Thực thi chiến lược, Nông nghiệp, Sản xuất, Kinh doanh, Nhân sự, Tài chính, Xử lý khủng hoảng,… và Quản lý rủi ro chất lượng là một hoạt động không thể thiếu trong hệ thống quản lý rủi ro. Đây là một quá trình có tính hệ thống nhằm giúp Công ty đánh giá, kiểm soát thông tin về chất lượng, nhận diện các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm,... Từ đó đưa ra kết luận và triển khai kế hoạch khắc phục các rủi ro kịp thời giảm thiểu tối đa phát sinh sản phẩm không phù hợp.

- Tiếp tục áp dụng công cụ cải tiến SPC (Statistical Process Control - Kiểm soát quá trình bằng thống kê) tiên tiến nhất hiện nay, đây là công cụ áp dụng phương pháp thống kê để thu thập, trình bày, phân tích các dữ liệu chính xác và kịp thời nhằm theo dõi, kiểm soát, cải tiến quá trình hoạt động sản xuất từ đó đánh giá xu hướng chất lượng nguyên vật liệu và sản phẩm. Mục đích chính của công cụ này là duy trì việc áp dụng kiểm soát tạp chất ngoại lai, đây là một trong những nguyên nhân gây ra sự không phù hợp phổ biến nhất của ngành Đường.

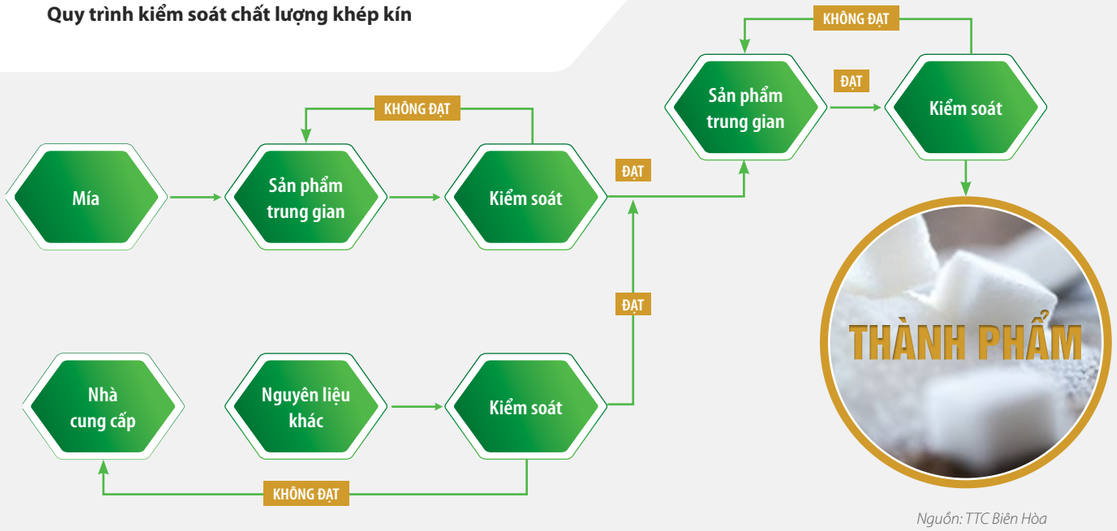
Nhờ những nỗ lực trên, trong NĐ 2019-2020 tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất chỉ còn 0,26% giảm hơn 16% so với NĐ trước và giảm gần 24% so với NĐ 2017-2018, qua đó giúp Công ty kiểm soát tốt chi phí quản lý chất lượng, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất cải thiện qua từng Niên độ

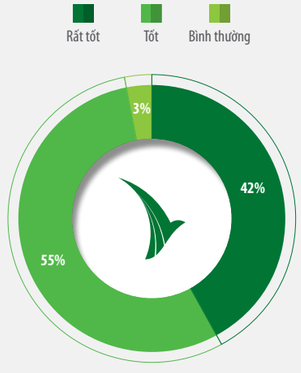


Nguồn: TTC Biên Hòa

Quy trình kiểm soát chất lượng khép kín



Tỷ lệ hài lòng của Khách hàng về chất lượng sản phẩm của TTC Biên Hòa NĐ 2019 - 2020



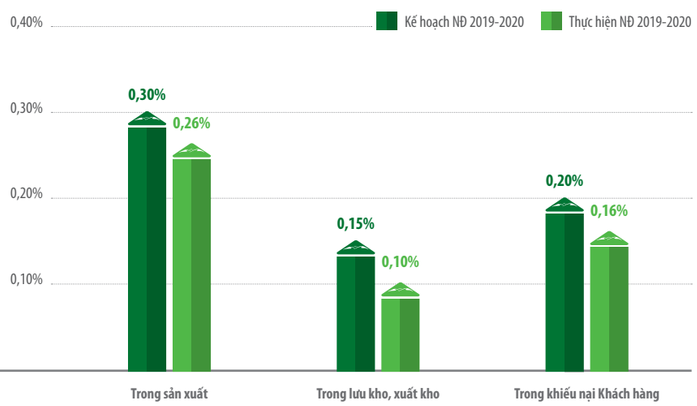
Nguồn: TTC Biên Hòa

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ NHẬN XÉT CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (tiếp theo)

Công tác kiểm soát vệ sinh, bảo quản Đường trong quá trình lưu trữ cũng như cải tiến chất lượng bao bì và giám sát công tác nhập xuất hàng trong kho luôn được Công ty hết sức chú trọng nhằm hạn chế tối thiểu việc phát sinh các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn. NĐ 2019-2020 kết quả tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất đạt 0,26% hoàn thành tốt khi thấp hơn 13% so kế hoạch đặt ra, sản phẩm không phù hợp trong lưu và xuất kho là 0,10% hoàn thành tốt khi thấp hơn 33% so kế hoạch đặt ra.

Với những nỗ lực không ngừng để cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ sản phẩm không phù hợp từ khiếu nại Khách hàng cũng cải thiện đáng kể khi đạt 0,16% thấp hơn 20% so với kế hoạch đặt ra vào đầu NĐ.

So sánh tỷ lệ sản phẩm không phù hợp so với kế hoạch NĐ 2019-2020



Nguồn: TTC Biên Hòa

Đảm bảo chất lượng phải đi đôi với sự hài lòng của Khách hàng, chính vì vậy, Công ty luôn duy trì sự tương tác với Khách hàng thông các hình thức: khảo sát, phỏng vấn, tổ chức các hội thảo chuyên ngành,... một cách định kỳ cũng như tiếp nhận ý kiến qua đường dây nóng, email thường xuyên để nhanh chóng tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đưa ra hướng giải quyết phù hợp cho Khách hàng.



Bảng tổng hợp kết quả khảo sát sự hài lòng Khách hàng NĐ 2019-2020

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng kịp thời những vấn đề mà Khách hàng yêu cầu			Quá trình thực hiện giao hàng so với yêu cầu của Khách hàng			Chất lượng sản phẩm Đường		
	Tỷ lệ NĐ 2019-2020	Tỷ lệ NĐ 2018-2019	Tỷ lệ NĐ 2017-2018	Tỷ lệ NĐ 2019-2020	Tỷ lệ NĐ 2018-2019	Tỷ lệ NĐ 2017-2018	Tỷ lệ NĐ 2019-2020	Tỷ lệ NĐ 2018-2019	Tỷ lệ NĐ 2017-2018
Rất tốt	42%	61%	45%	35%	52%	33%	42%	30%	33%
Tốt	50%	30%	48%	52%	44%	53%	55%	57%	55%
Bình thường	8%	9%	7%	10%	4%	14%	3%	13%	12%
Khá kém	0%	0%	0%	3%	0%	0%	0%	0%	0%
Kém	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
Tổng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Nguồn: TTC Biên Hòa

Hiện tại, TTC Biên Hòa sở hữu nhiều Chứng nhận Quốc tế quan trọng, chứng minh đầy đủ năng lực của những sản phẩm được xuất đi thành công sang những thị trường cao cấp đặc biệt là Mỹ và Châu Âu như: Chứng nhận An toàn thực phẩm tại Trung Đông do HCA cấp, Chứng nhận Kosher do KOF-K cấp, Chứng nhận FSSC 22000, ISO 9001:2015, ISO 14001:2004 do Bureau Veritas BSI cấp. Việc thỏa toàn bộ yêu cầu để đạt những Chứng nhận uy tín này là cơ hội cho Công ty tiếp tục chiếm lĩnh thị phần của kênh Khách hàng Công nghiệp lớn MNC tại Việt Nam, tiếp tục phát triển thị phần kênh Xuất khẩu sau khi vượt qua hàng loạt các cuộc kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt, trong đó có cả các đối tác Dược phẩm và Nước giải khát cao cấp - những Khách hàng không thể để xảy ra lỗi sản phẩm vì bảo vệ sức khỏe người dùng.

Các chứng nhận quốc tế mà TTC Biên Hòa đã đạt được

FAIR CHOICE
Đơn vị cấp Chứng nhận: Control Union

Tiêu chuẩn quốc tế về Kinh doanh công bằng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

CHỨNG NHẬN ORGANIC (EU) VÀ USDA (MỸ)
Đơn vị cấp Chứng nhận: Control Union

Tiêu chuẩn Hữu cơ Châu Âu và Châu Mỹ

Xác nhận sản phẩm của tổ chức đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn Organic Châu Âu, Châu Mỹ

FSSC 22000 PHIÊN BẢN 05
Đơn vị cấp Chứng nhận: Bureau Veritas, BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

Tạo ra những sản phẩm an toàn cung cấp cho Khách hàng

HALAL
Đơn vị cấp Chứng nhận: Văn phòng Chứng nhận HALAL tại Việt Nam (HCA)

Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm của Đạo Hồi

Xác nhận tính phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu về thành phần và hội đủ điều kiện về sản xuất theo tiêu chuẩn Halal

ISO 9001:2015
Đơn vị cấp Chứng nhận: Bureau Veritas, BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng, hướng tới đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, đáp ứng yêu cầu của Khách hàng và các luật định thích hợp

Đưa ra yêu cầu về việc xác định các rủi ro nhằm hỗ trợ thiết lập, vận hành và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

ISO 14001:2015
Đơn vị cấp Chứng nhận: Bureau Veritas, BSI

Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý môi trường nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực

Phát triển các tác động có lợi cho môi trường từ hoạt động của tổ chức đến môi trường xung quanh

ISO/IEC 17025
Đơn vị cấp Chứng nhận: Bureau Veritas, BSI

Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn

Đưa ra các yêu cầu để quản lý và đảm bảo năng lực kỹ thuật, gồm những quy định về hệ thống quản lý chất lượng để đạt được khả năng đưa ra những kết quả đo lường/thử nghiệm tin cậy cao và được quốc tế thừa nhận

KOSHER
Đơn vị cấp Chứng nhận: KOF-K

Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm của Do Thái

Xác nhận tính phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu về thành phần và hội đủ điều kiện về sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn Kosher

SEDEX
Đơn vị cấp Chứng nhận: SGS

Tiêu chuẩn về An sinh xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

SGP
Đơn vị cấp Chứng nhận: SGS

Tiêu chuẩn về An sinh xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

URSA
Đơn vị cấp Chứng nhận: SGS

Tiêu chuẩn về An sinh xã hội

Xác nhận doanh nghiệp về việc thực hành đạo đức và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng

Chứng nhận về Phát triển bền vững

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ NHẬN XÉT CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (tiếp theo)

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG NIÊN ĐỘ 2020-2021

Niên độ 2020-2021, TTC Biên Hòa đặt mục tiêu tiếp tục hoàn thiện hoạt động Đảm bảo chất lượng nhằm đạt được sự hài lòng của Khách hàng và Đối tác một cách tuyệt đối. Ngoài ra Công ty còn chú trọng công tác nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới, đảm bảo mang đến những sản phẩm tinh khiết có nguồn gốc tự nhiên và có lợi cho sức khỏe cho Người tiêu dùng, theo đó Công ty đã ban hành kế hoạch hành động một cách thực tế, chi tiết và cụ thể như sau:

- **Tăng cường kiểm soát tạp chất, kiểm soát vi sinh cũng như ổn định chất lượng trong dây chuyền sản xuất;**
- **Nhận diện rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, đề xuất giải pháp ngăn ngừa và triển khai biện pháp khắc phục;**
- **Giảm thiểu tối đa thời gian lưu kho, mục tiêu thời gian lưu trữ không quá 85 ngày trong NĐ 2019-2020 nhằm mục đích đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiết giảm chi phí kho bãi. Mục tiêu thời gian lưu trữ được cải thiện qua từng NĐ, Công ty đang nỗ lực cải thiện mục tiêu thời gian lưu trữ sản phẩm xuống còn 60 ngày trong tương lai;**
- **Đa dạng hóa các sản phẩm và bao bì nhằm tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện cho Khách hàng có nhiều sự lựa chọn.**



Vùng nguyên liệu Tây Ninh



KHÁCH HÀNG NÓI GÌ VỀ SẢN PHẨM CỦA TTC BIÊN HÒA

Trong NĐ vừa qua nhờ đẩy mạnh cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì và đa dạng hóa các sản phẩm, Công ty đã nhận được những chia sẻ tích cực của Khách hàng về chất lượng sản phẩm:

CHIA SẺ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

Chị **Nguyễn Lê**
Nhà ở Quận Cầu Giấy, Hà Nội chia sẻ:

Nhà mình chỉ tin dùng Đường Biên Hòa vì khá tiện dụng mua đâu cũng có, lại rất tiện lợi có nhiều loại để chọn từ Đường phèn, Đường lỏng, Đường vàng, Đường Organic,... Nhưng quan trọng là thương hiệu và chất lượng. Đã nghĩ đến Đường là phải nghĩ đến Đường Biên Hòa thôi.

Anh **Jones Henny**
Kỹ sư công nghệ điện tử người Ba Lan chia sẻ:

Tôi nghĩ Đường Biên Hòa là niềm tự hào của người Việt! Đúng là hàng Việt Nam chất lượng cao, tôi dùng Đường que để uống cafe hàng ngày.

Chị **Phùng Thị Hoa**
Chủ tiệm chè ở Chợ Lớn, Quận 6, TP.HCM chia sẻ:

Chị luôn tin dùng Đường Biên Hòa trong tất cả các món chè mà tiệm chị bán, vì chị muốn mang đến Khách hàng những món chè ngọt thanh, chất lượng và an toàn sức khỏe.

CHIA SẺ CỦA NHÀ PHÂN PHỐI KÊNH TRUYỀN THỐNG, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM

Đường Biên Hòa có sức mua rất tốt trên thị trường, mặc dù bị cạnh tranh bởi Đường bao, Đường cây không rõ nguồn gốc với giá thành thấp hơn nhưng Đường Biên Hòa vẫn được nhiều cửa hàng tạp hóa, quán cà phê, quán ăn trên địa bàn lựa chọn nhờ tiếng tăm lâu đời, chất lượng đảm bảo.

CHIA SẺ CỦA KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM

Sản phẩm chất lượng, giao hàng đúng theo kế hoạch, giá ổn định trong thời gian dài là các yếu tố khiến chúng tôi hợp tác với TTC Biên Hòa. Đường Biên Hòa là một trong những nguyên liệu sạch cho các sản phẩm chất lượng của chúng tôi, trong đó có thể kể đến Đường nhuyễn dùng trong sản xuất sữa, cafe "3 in 1", bánh kẹo, kem,...

CHIA SẺ CỦA KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM

Đường RE thượng hạng của TTC Biên Hòa đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất của chúng tôi. Đặc thù ngành dược là ngành yêu cầu khắt khe bậc nhất về chất lượng, độ tinh khiết của nguyên liệu dùng trong sản xuất thuốc, bởi vì đây là sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe Người tiêu dùng.

NGƯỜI NÔNG DÂN TRÊN MỖI CHẶNG ĐƯỜNG

Hiệp định Thương mại hàng hóa Asean - Atiga đã chính thức được áp dụng vào ngày 1/1/2020, trải qua 6 tháng hội nhập đầu tiên ngành Mía Đường Việt Nam đã ít nhiều chịu những áp lực cạnh tranh không nhỏ từ các nước trong khu vực đặc biệt là từ Thái Lan. Theo sau đó đại dịch Covid-19 xảy ra bất ngờ cũng đã tạo thêm một thử thách chưa từng có đối với các doanh nghiệp Mía Đường Việt Nam cũng như đối với Nông dân trồng mía. Trong bối cảnh đó, với tiêu chí luôn "Đồng hành cùng người Nông dân", TTC Biên Hòa đã nhanh chóng đưa ra những biện pháp hỗ trợ để bà con nông dân trồng mía vượt qua khó khăn, ổn định thu nhập và trở thành những người Nông dân công nghệ cao trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế.



ĐỒNG HÀNH CÙNG NGƯỜI NÔNG DÂN

NGƯỜI NÔNG DÂN TRÊN MỖI CHẶNG ĐƯỜNG (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH GIÁ THU MUA MÍA

Gắn bó lâu dài và duy trì quyền lợi của người trồng mía là một trong những giá trị cốt lõi mà TTC Biên Hòa đã và đang theo đuổi suốt thời gian qua.

Tính tới thời điểm hiện tại, chính sách giá thu mua mía là hành động thiết thực nhất thể hiện quan điểm này khi Công ty luôn nỗ lực đưa ra mức giá thu mua mía tốt nhất trong từng thời điểm cho người nông dân, đảm bảo tốt hơn trung bình cả nước.Trong niên độ 2019-2020 vừa qua, giá thu mua mía trên xe tại ruộng trung bình của TTC Biên Hòa đã ghi nhận tăng 14% so với NĐ 2018-2019.

Ngoài ra Công ty còn có các hình thức tài trợ không hoàn lại khác để hỗ trợ dịch vụ về cơ giới, phân bón, vận chuyển,… như tặng combo lọc bảo dưỡng 3 lần chi phí thay lọc đầu tiên và hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng lên đến 25.000.000 đồng khi Khách hàng mua máy kéo John Deere - thương hiệu máy cơ giới nông nghiệp hàng đầu Hoa Kỳ nhằm khuyến khích người trồng mía chuyển đổi sản xuất theo hướng hiện đại. Tại mỗi địa phương, Công ty đều có những chính sách riêng nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện canh tác, thổ nhưỡng,… nhằm hỗ trợ tốt nhất cho Nông dân trồng mía. Tại TTCS, trong



NĐ qua, Công ty đã hỗ trợ cho bà con 1.000.000 đồng/ha cày ngầm làm đất đối với mía tơ và 850.000 đồng/ha cày ngầm bón phân đối với mía gốc. Đồng thời, hỗ trợ 50% chi phí phân bón lá cho hơn 700 ha và hỗ trợ chi phí làm các mô hình trình diễn như: gel giữ ẩm chống hạn, phân hữu cơ vi sinh, giặm mía bằng stump bầu, tưới mía hữu hiệu,…

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỐN ĐẦU TƯ

Trong NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ vốn giúp người Nông dân có điều kiện chuyển đổi canh tác, hội nhập và cạnh tranh bền vững.

Những khoản vay ưu đãi với lãi suất hấp dẫn, thủ tục đơn giản và thời gian giải ngân nhanh chóng đã đến được với hơn 3.500 người trồng mía. Song song đó, Công ty tiếp tục chủ động trong vai trò cầu nối khi bảo lãnh cho người Nông dân với các tổ chức tài chính trong thị trường vốn vay nông nghiệp. Tháng 1/2019 vừa qua, Công ty đã ký kết hợp tác với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông OCB để giúp bà con nông dân tiếp cận được các giải pháp tín dụng với ưu đãi đặc biệt, tổng giá trị vốn đầu tư đã giải ngân cho người trồng mía vụ 2019-2020 là gần 264 tỷ đồng trong đó có hơn 14 tỷ đồng đầu tư không hoàn lại.

Đồng hành cùng những chính sách hỗ trợ về vốn, TTC Biên Hòa còn đưa đến người trồng mía những ưu đãi trong chuyển giao kỹ thuật mới. Cụ thể trong tháng 6/2020 vừa qua để khuyến khích nông dân mạnh dạn sử dụng chế phẩm phân bón lá, Công ty đã hỗ trợ hơn 3 tỷ đồng tiền chế phẩm cho gần 4.500 ha ở 3 vùng nguyên liệu Tây Ninh, Ninh Hòa và Gia Lai. Nhờ những chính sách hỗ trợ này làm động lực, người trồng mía nay chủ động hơn về nguồn vốn để mạnh dạn chuyển đổi sang hướng canh tác hiện đại và bền vững từ đó tạo ra mía nguyên liệu chất lượng và năng suất ngày càng cao.

GIÁ THU MUA MÍA TRÊN XE TẠI RUỘNG TRUNG BÌNH CỦA TTC BIÊN HÒA TĂNG
14%
SO VỚI NĐ 2018-2019

TỔNG GIÁ TRỊ VỐN ĐẦU TƯ ĐÃ GIẢI NGÂN CHO NGƯỜI TRỒNG MÍA VỤ 2019-2020
264
TỶ ĐỒNG

CHIẾN DỊCH "ĐỒNG HÀNH CÙNG TTC SUGAR NÂNG TẦM MÍA VIỆT" THU HÚT ĐƯỢC HƠN
1.000
BÀ CON NÔNG DÂN THAM GIA

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CANH TÁC

Là doanh nghiệp Mía Đường đầu ngành và tiên phong trong công tác hiện đại hóa nền nông nghiệp Việt Nam, TTC Biên Hòa luôn chú trọng đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng trong nông nghiệp nhiều năm nay.



Hội thảo "Đồng hành cùng TTC Sugar nâng tầm mía Việt" tại Trạm nông vụ TTC số 4, Tây Ninh

Từ tầm nhìn bền vững đó, đội ngũ chuyên gia của Công ty đã tích lũy được bề dày kinh nghiệm trong nghiên cứu dưới sự cố vấn của các nhà khoa học đầu ngành. Tính đến NĐ 2019-2020, Công ty Cổ phần Nghiên cứu ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (SRDC) đã có 3 chi nhánh ở các vùng nguyên liệu chính và có kế hoạch thành lập Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Nông nghiệp TTC Attapeu tại Attapeu, Lào.

Lấy thực tế làm nền tảng nghiên cứu, trong niên độ vừa qua SRDC tiếp tục khảo nghiệm giống mía mới nhằm tìm kiếm thêm những giống mới có năng suất tốt, phù hợp với từng vùng nguyên liệu. Kỹ thuật ươm mía giống gốc bầu một mắt mầm được SRDC cải tiến đã có giá thành sản xuất giảm hơn 4 lần và đang từng bước được nhân rộng mô hình ra đồng ruộng của người trồng mía. Ngoài ra, các khảo nghiệm khác của SRDC về phân bón lá và gel chống hạn cũng tạo ra sức bật cho việc mở rộng vùng nguyên liệu.

Trong NĐ vừa qua, hơn 600 triệu con ong mắt đỏ đã được thả trên hơn 5.500 ha mía, giúp duy trì sâu hại ở mức dưới 5%. Với việc nghiên cứu, ứng dụng loài thiên địch diệt sâu hại này, TTC Sugar đang dẫn đầu trong việc cải tiến nền nông nghiệp thân thiện với môi trường, bền vững về mặt sinh thái và đảm bảo sức khỏe cho người canh tác mía cũng như người tiêu dùng.



Ong mắt đỏ được thả ở vùng nguyên liệu

Không dừng lại ở nghiên cứu, SRDC còn thực hiện nhiều hoạt động chuyển giao khoa học, kĩ thuật đến với người trồng mía. Chiến dịch "Đồng hành cùng TTC Sugar nâng tầm mía Việt" do TTC Biên Hòa và SRDC tổ chức đã thu hút được hơn 1.000 bà con nông dân tham gia vào hơn 30 hội thảo kỹ thuật canh tác Mía Đường. Đây là những hoạt động thiết thực, trực quan nhằm giới thiệu đến bà con các kỹ thuật, vật tư canh tác hiện đại hiện nay.

Hằng năm, Công ty có những chương trình khảo sát hạ tầng trồng mía trên toàn vùng nguyên liệu để có kế hoạch hỗ trợ Nông dân và Địa phương thực hiện các công trình cải tạo cơ sở hạ tầng, hệ thống kênh tiêu thoát nước và nâng cấp đường vận chuyển - đường giao thông nội đồng.

Ngoài ra, để hỗ trợ bà con Nông dân có thêm thông tin cập nhật về ngành Đường một cách nhanh chóng, bắt đầu từ tháng 8/2020 vừa qua, Công ty đã cho mắt Bản tin khuyến nông hàng tuần với các nội dung mới nhất về tình hình ngành Đường trong nước và thế giới, cũng như các phương pháp kỹ thuật canh tác phù hợp sát theo tình hình thời tiết mỗi vùng. Bên cạnh đó là chuỗi các video "TTC Sugar đồng hành cùng người Nông dân" giới thiệu về các kĩ thuật hiệu quả trong canh tác Mía Đường. Đây đều là những nguồn tài liệu trực quan, dễ hiểu và bổ ích giúp bà con hướng đến làm giàu bền vững từ cây mía.



Bản tin khuyến nông - Nguồn: Facebook TTC Sugar

Tổng kết lại, những nỗ lực không ngừng nghỉ của TTC Biên Hòa thể hiện quyết tâm đồng hành, gắn bó lâu dài đối với người trồng mía, giúp bà con nông dân gắn bó và làm giàu từ cây mía cũng là giúp doanh nghiệp củng cố nền tảng cho toàn bộ chuỗi sản xuất, gia tăng sức mạnh để cạnh tranh và vươn tầm khu vực.

CHIA SẺ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ CÁC TRƯỞNG TRẠM NÔNG VỤ

CHIA SẺ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN



Anh **Nguyễn Thanh Hùng**
Nông dân Trạm Nông vụ TTC Biên Hòa số 5 Châu Thành, Tây Ninh.

"Hồi tháng 3 vừa rồi hơn 3 ha mía của tôi trắng xóa hết, tôi tưởng phải bỏ luôn rồi. Nhờ các anh cán bộ khuyến nông của TTC Biên Hòa hỗ trợ kỹ thuật nên tôi dùng thử qua chế phẩm phân bón lá của Công ty. Nay thì ruộng mía xanh lại hết rồi, đỡ quá trời. Dự kiến vụ này phải lên đến 90-100 tấn/ha, tụi tôi phấn khởi lắm. Mùa sau lại tiếp tục sử dụng chế phẩm của Công ty, may có sản phẩm này nên tụi tui yên tâm mở rộng sản xuất."



Anh **Nguyễn Văn Sơn**
Nông dân Trạm Nông vụ TTC Sugar số 3 Tân Biên, Tây Ninh.

"Nhờ có cây mía mà chúng tôi không phải bỏ lên thành phố làm công nhân. Ở đây nhiều người đã làm giàu từ cây mía, một hai năm khó khăn chúng tôi vẫn cố trụ vững với cây mía là nhờ Công ty hỗ trợ rất nhiều. Ngoài vốn và hỗ trợ kỹ thuật canh tác, chúng tôi cũng cảm ơn Công ty đã đầu tư xây dựng bộ mặt nông thôn. Điện đường trường trạm khang trang, tụi nhỏ nhà tôi đi học đầy đủ không phải bỏ dở, chúng tôi phấn khởi lắm."



Anh **Phạm Công Đại**
Nông dân Trạm Nông vụ TTC Sugar số 5 Châu Thành, Tây Ninh.

"Tôi trồng mía cho nhà máy của TTC Biên Hòa cũng được 16 năm rồi. Vụ nào cũng được các chú cán bộ khuyến nông đến hướng dẫn, hỗ trợ nhiệt tình. Hợp tác với Công ty lâu như vậy là nhờ đồng cam cộng khổ với nhau. Làm nông mà, đâu phải năm nào cũng được mùa, mùa nào thất thì Công ty và chúng tôi cùng nhau san sẻ khó khăn, bởi vậy mà tôi rất yên tâm gắn bó lâu dài cùng Công ty."



Anh **Siu Blunh-Ia Kdăm**
Nông dân liên kết đầu tư và bao tiêu thuộc Trạm Nông Vụ TTC Sugar số 3, Gia Lai

"Nhóm chúng tôi liên kết 5,9 ha, trước đây trồng mì thì không đủ ăn, nhưng từ khi chuyển sang trồng mía lợi nhuận hàng năm cũng trên 25 triệu đồng/ha. Ai nói làm mía không lời chứ tôi thấy cuộc sống gia đình tui đỡ cơ cực hơn trước nhiều. Khi vận động liên kết hợp thửa thì ai cũng sợ mất đất, sau 3 năm tham gia liên kết áp dụng cơ giới, đặc biệt cày ngầm thì năng suất cao hơn hẳn các ruộng canh tác thủ công."



Chị **Lê Thị Quỳnh Trang**
Chủ tịch HĐQT Hợp tác xã Tân Tiến - xã Pờ Tó, huyện Lapa, Gia Lai
(Khách hàng liên kết đầu tư và bao tiêu thuộc Trạm Nông vụ TTC Sugar số 6, Gia Lai)

"Trước tình hình khó khăn của thời tiết và giá mía Đường khi hội nhập, chúng tôi không thể chờ người khác cứu mà phải tự mình cứu mình trước. Chúng tôi đã từng phá bỏ mía, trồng các cây như dứa, đậu đỏ, mì,… nhưng đầu ra không đảm bảo, thu nhập bấp bênh. Do vậy chúng tôi liên kết với nhau thành lập hợp tác xã và liên kết chặt chẽ với Công ty. Khi tham gia vào chuỗi liên kết, người nông dân có thể áp dụng cơ giới vào canh tác, tiết giảm chi phí đầu tư hệ thống tưới tiêu, chia sẻ kinh nghiệm với nhau, tiếp cận với nguồn vốn một cách dễ dàng hơn, chủ động trong khâu thu hoạch. Công ty cũng có những chính sách khuyến khích, đồng hành cùng chia sẻ lợi nhuận và khó khăn, không bỏ rơi nhau lúc thị trường biến động."





Anh **Nguyễn Văn Khuyên**
Nông dân liên kết đầu tư và bao tiêu thuộc Trạm Nông vụ TTC Sugar số 4, Gia Lai

"Gia đình tôi trồng mía đã hơn 20 năm, từ khi nhà máy của TTC Biên Hòa mới xây dựng. Làm mía cũng có lúc thăng lúc trầm, năm 1999-2000 là năm mía đắng, nhiều hộ dân bỏ mía không dám trồng lại nhưng gia đình tôi vẫn quyết tâm bám trụ với cây mía. Cũng bởi sản xuất nhiều loại cây trồng nhưng chỉ có cây mía mới đảm bảo đầu ra, có nhân viên khuyến nông đến hướng dẫn kỹ thuật, cầm tay chỉ việc, kiểm tra, nhắc nhở chăm sóc mía thường xuyên. Mấy năm gần đây giá cả mía Đường xuống, thu nhập từ cây mía giảm, nhưng Công ty đã có những giải pháp kỹ thuật như cày sâu, bón phân ngầm, sử dụng các chế phẩm qua lá,… để nâng cao năng suất, khuyến cáo, hướng dẫn cho bà con chúng tôi thực hiện đã giúp ổn định được lợi nhuận từ cây mía. Vụ 2020-2021 tới đây, gia đình tôi sẽ trồng mở rộng thêm 8,4 ha, nâng tổng diện tích mía lên 25,4 ha."



Chị **Lê Thị Yến**
Hộ trồng mía Vùng nguyên liệu Khánh Hòa

"Thời gian gần đây, đặc biệt trong hai năm qua thời tiết tại Khánh Hòa nói chung và Ninh Hòa nói riêng rất khắc nghiệt, lượng mưa rất ít và nắng hạn kéo dài. Đặc biệt sau Tết Nguyên Đán vừa qua, mía thu hoạch xong mà thời tiết không mưa, đất khô cứng, khó có thể làm đất trồng mía tơ và chăm sóc lại diện tích mía gốc sau thu hoạch. Để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt này, nhờ chính sách hỗ trợ tưới mía của Công ty đã giúp cho Hộ trồng mía chúng tôi có được vốn mua sắm máy móc thiết bị để tận dụng các nguồn nước thiên nhiên hiện có trong vùng để tưới mía. Từ đó chúng tôi kịp thời trồng mía tơ, cứu mía và gia tăng năng suất."



Anh **Phan Kiến Nghĩa**
Hộ trồng mía, vùng mía Bà Cường, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa.

"Trước đây, phong tục tập quán ở địa phương là bón phân cho mía bằng cách rải láng trên mặt, khi gặp nắng thì bốc hơi, gặp mưa thì trôi ra sông suối gây thất thoát lượng lớn phân bón. Bên cạnh đó, cũng có một số hộ dùng bò cày để bón lấp phân nhưng thời gian làm rất chậm, ảnh hưởng đến thời vụ và sinh trưởng của mía. Từ khi Công ty có đưa máy móc cơ giới, áp dụng những giải pháp kỹ thuật giúp nông dân cày sâu, cày ngầm và có các chính sách khuyến khích nông dân áp dụng mô hình này, hộ gia đình tôi và các hộ xung quanh trong vùng mía đã áp dụng theo. Chúng tôi thấy cách làm này rất hiệu quả, phân được lấp hết xuống đất, thời gian thực hiện bón nhanh, mía phát triển tốt và giảm được chi phí bón phân."



Chị **Võ Thị Sương**
Hộ trồng mía, vùng mía Bà Cường, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa.

"Đa phần địa hình của Vùng mía Ninh Hòa là bán sơn địa và có thời tiết khắc nghiệt gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Làm thế nào để cải thiện năng suất và tăng thu nhập từ cây mía là bài toán khó giải cho Hộ trồng mía tại đây. Từ khi Công ty có chính sách hỗ trợ cho nông dân trồng mía hố cho những ruộng mía đồi có địa hình nhấp nhô không thực hiện cơ giới được, hộ tôi đã đăng ký trồng thử nghiệm và cho kết quả rất tốt. Hy vọng tới vụ thu hoạch sẽ cải thiện năng suất mía và tăng thu nhập nhiều hơn cho gia đình tôi."

CHIA SẺ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ CÁC TRƯỞNG TRẠM NÔNG VỤ (tiếp theo)



CHIA SẺ CỦA TRƯỞNG TRẠM NÔNG VỤ TTC BIÊN HÒA



Anh **Nguyễn Văn Chung**
Trưởng Trạm nông vụ
TTC Sugar số 6, Tây Ninh

Trong vụ mùa vừa qua tuy thời tiết có khắc nghiệt hơn mọi năm, nắng hạn kéo dài nhưng bà con nông dân trồng mía rất hài lòng với anh em cán bộ khuyến nông. Đó là vì chúng tôi luôn luôn đồng hành, sát cánh với bà con để hướng dẫn, giám sát việc tuân thủ quy trình kỹ thuật từ khâu trồng, chăm sóc cho đến khâu thu hoạch và vận chuyển mía về nhà máy. Tuy có khó khăn và vất vả do phải quản lý một diện tích hơn 2.300 ha và trải dài từ huyện Bến Cầu, Tây Ninh sang tới đất bạn Campuchia nhưng chúng tôi luôn luôn hướng đến mục tiêu duy nhất là sự hài lòng của khách hàng. Điều chúng tôi tự hào là đã nỗ lực đạt được mục tiêu trên!"



Anh **Phạm Công Nghiệp**
Trưởng Trạm nông vụ
TTC Sugar số 5, Tây Ninh

"Anh em nông trạm chúng tôi đang đẩy nhanh việc cải tạo đất, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ trồng đến thu hoạch, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, giúp người nông dân và ngành mía Đường phát triển bền vững, hội nhập và cạnh tranh với các nước trong khu vực."



Anh **Võ Thanh Hải**
Trưởng Trạm nông vụ
TTC Sugar số 2, Tây Ninh

"Chúng tôi tự đặt ra mục tiêu phải giúp cho nông dân làm đúng từ khâu làm đất, chọn giống, bón phân phù hợp. Canh tác xong thì phải lên lịch thu hoạch hợp lý, xe về nhà máy đều đặn không dư, mía lúc nào cũng tươi xanh làm hài lòng tài xế và chủ mía. Làm được vậy là chúng tôi thấy hạnh phúc, tinh thần trách nhiệm của anh em nông vụ và Trạm trưởng với cánh đồng và nông dân luôn rất cao. Anh em bám sát không kể ngày đêm để mía trong ngày phải về được nhà máy."



Anh **Trịnh Văn Lâm**
Trưởng Trạm nông vụ
TTC Sugar số 9, Gia Lai

"Điều kiện thời tiết biến đổi bất lợi, dịch bệnh trắng lá mía phát triển mạnh làm cho năng suất, chất lượng mía, thời gian lưu gốc mía đều giảm, thu nhập cho người nông dân cũng bị giảm theo. Bên cạnh đó, giá mía xuống thấp nên diện tích mía thu hẹp mạnh, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và cũng ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của anh em khuyến nông. Bản thân chúng tôi đã chủ động đề xuất các giải pháp để phục hồi, phát triển vùng nguyên liệu theo cả chiều rộng và chiều sâu, có kế hoạch hành động cụ thể để cùng đồng hành, gắn kết với người trồng mía, cùng nhau vượt qua khó khăn và sẵn sàng hội nhập."



Anh **Phan Văn Tèo**
Trưởng Trạm nông vụ số 7
TTC Sugar, Gia Lai

"Quản lý, kiểm soát chặt chẽ khâu thu hoạch mía thông qua hợp đồng với đầu công giúp giảm chi phí cho người trồng mía, tăng hiệu quả cho Công ty do mía được đốn, chặt sạch, đưa về nhà máy kịp thời trong vòng 24 giờ. Trong 2 năm vừa qua, nhờ ổn định giá công thu hoạch, điều động công nhân hợp lý, lái xe không nhũng nhiễu chủ mía đã giúp người trồng mía tăng lợi nhuận, tạo sự ủng hộ, tin tưởng, hài lòng của khách hàng trồng mía với nhân viên khuyến nông. Điều này tạo thêm động lực cho anh em khuyến nông cố gắng làm tốt hơn để khách hàng yêu mến, gắn bó lâu dài với cây Mía."



Anh **Thitdavanh Phommachanh**
Trưởng Trạm nông vụ số 2
TTC Attapeu, Lào

"Sau khi Công ty Mía Đường Attapeu có chính sách đầu tư cho người trồng mía thì bà con nông dân rất phấn khởi. Tuy bước đầu gặp nhiều khó khăn do mọi người còn chưa biết cách canh tác cây mía nhưng anh em trạm luôn theo sát và hướng dẫn kĩ thuật từ khâu làm đất cho đến thu hoạch mía. Sau 3 vụ làm mía, nhận thấy thu nhập cao nên có nhiều bà con muốn làm việc lâu dài với Công ty".



Anh **Lê Viết Hùng**
Nhân viên Nông vụ Trạm M'Đrăk,
Ninh Hòa, Khánh Hòa

"Trong niên vụ qua, điều kiện thời tiết khắc nghiệt và hạn hán kéo dài, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của mía, làm cho năng suất, chất lượng mía giảm, khiến thu nhập của Hộ trồng mía giảm. Bên cạnh đó, giá mía giảm do hội nhập tác động xấu đến tâm lý của hộ trồng, dẫn đến diện tích mía sụt giảm mạnh. Những điều này ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến công việc của anh em khuyến nông. Tất cả cán bộ Nông vụ trên địa bàn chúng tôi đều trăn trở làm thế nào để ổn định diện tích mía hiện tại và phát triển nhiều hơn nữa diện tích vùng nguyên liệu cho Công ty. Là cán bộ Nông vụ anh em chủ động đề xuất các giải pháp để khôi phục, phát triển vùng nguyên liệu theo chiều rộng và cả chiều sâu. Chúng tôi luôn quan tâm sâu sát tới Hộ trồng mía để cùng đồng hành, gắn kết với người trồng mía, cùng nhau vượt qua khó khăn và sẵn sàng hội nhập."



NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO







HIỂU ĐƯỢC

NHÂN LỰC

LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA MỘT DOANH NGHIỆP

TTC Biên Hòa luôn có sự quan tâm và tạo điều kiện để phát triển nguồn nhân lực. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực luôn đi đôi với chiến lược phát triển của Công ty, đó được xem là một phần quan trọng trong mỗi kế hoạch và có khả năng quyết định đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Để ổn định, phát triển và duy trì nguồn nhân lực lâu dài, bền vững, công tác quản trị nhân sự luôn được Công ty xây dựng trên các tiêu chí hoàn chỉnh:

- Hoàn thiện quy trình tuyển dụng và đào tạo cho nhân sự mới dễ dàng hội nhập;
- Đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong;
- Cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo tính văn minh và chuyên nghiệp cao;
- Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đánh giá thi đua khen thưởng;
- Sắp xếp và ổn định nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc;
- Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không làm tăng giá trị cho Công ty.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2020

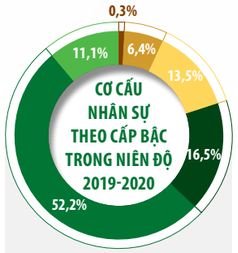
2.868

NHÂN SỰ

MỖI NHÂN SỰ ĐÃ TẠO RA HƠN

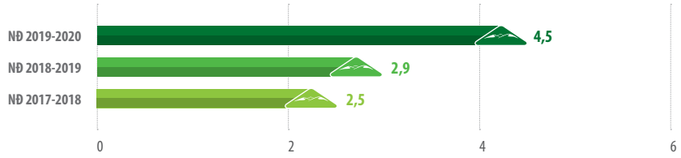
4,5

TỶ ĐỒNG DOANH THU

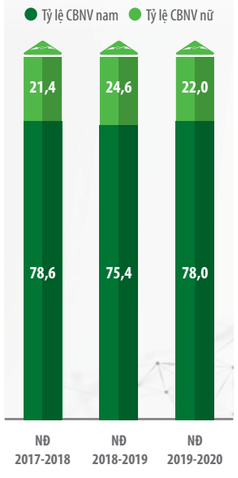


Niên độ 2019-2020 Doanh thu thuần của TTC Biên Hòa đạt 12.889 tỷ đồng, tăng hơn 19% so với cùng kỳ và vượt 18% kế hoạch đã đặt ra. Để đạt được kết quả kinh doanh này trong bối cảnh ngành Đường hiện tại còn nhiều khó khăn là cả một sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể Ban lãnh đạo và CBNV của Công ty. Tính tới thời điểm 30/6/2020, với 2.868 nhân sự, mỗi nhân sự đã tạo ra hơn 4,5 tỷ đồng doanh thu, đặc biệt con số này đều tăng trưởng qua từng năm thể hiện sự cải thiện trong chất lượng nhân sự của Công ty.

Số tiền trung bình một lao động tạo ra trong 3 niên độ gần nhất (tỷ đồng)



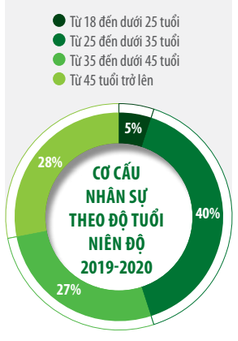
CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH TRONG 3 NIÊN ĐỘ GẦN NHẤT (%)



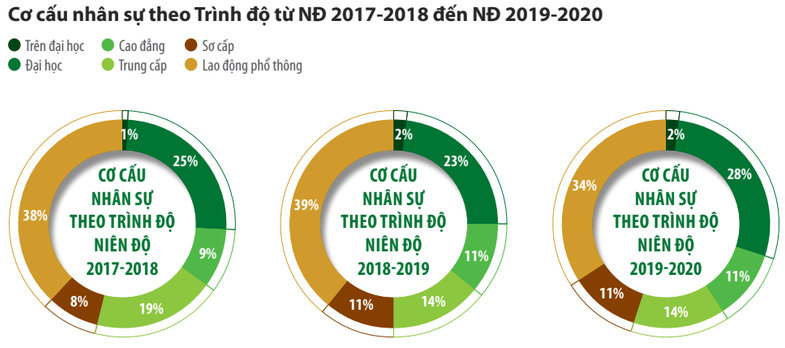
Với đặc thù là Công ty nông nghiệp, TTC Biên Hòa hiện tập trung nhiều vào việc phát triển nguồn nhân lực trình độ tay nghề cao, kỹ năng thực hành tốt và đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất khắt khe của các Nhà máy, phục vụ cho hoạt động chính là sản xuất kinh doanh với dây chuyền khép kín. Chính vì vậy cơ cấu nhân sự của TTC Biên Hòa chủ yếu là Nhân viên nghiệp vụ/ Công nhân kỹ thuật và Nhân viên phục vụ/ Công nhân chiếm hơn 63% trong cơ cấu nhân sự, tăng 7% so với NĐ trước.

Do tính chất công việc chủ yếu liên quan tới việc canh tác nông nghiệp, sản xuất, vận hành máy móc thiết bị,… vì vậy Công ty đang có tỷ lệ lao động nam tương đối cao chiếm khoảng 78%, so với 22% tỷ lệ lao động nữ trong cơ cấu nhân sự. Theo định hướng tiến tới bình đẳng giới - một trong những tiêu chuẩn tốt của quản trị doanh nghiệp hiện đại, tỷ lệ lao động nữ đang được Công ty nỗ lực cải thiện tăng dần qua các năm, đặc biệt là lao động nữ tại các cấp quản lý.

Lực lượng lao động của TTC Biên Hòa chủ yếu là lực lượng lao động trẻ nằm trong độ tuổi từ 25 đến dưới 35 tuổi, chiếm 40% trên tổng số nhân sự, đây là nguồn nhân sự nhiều nhiệt huyết, có chuyên môn và khả năng tiếp cận, thích ứng nhanh với công nghệ mới và đáp ứng tốt yêu cầu của đội ngũ kế thừa. Lực lượng lao động có trình độ từ Cao đẳng - Đại học trở lên chiếm 41% trên tổng số nhân sự, cải thiện 14% so với NĐ trước, đây là nỗ lực của Khối Nhân sự trong việc đảm bảo chất lượng đầu vào của tất cả CBNV Công ty. Lao động phổ thông phục vụ cho hoạt động sản xuất hiện đang chiếm 34% tổng số nhân sự do tính đặc thù của Ngành và con số này cũng được Công ty cải thiện qua các năm đặc biệt là cải thiện chất lượng lao động.



Cơ cấu nhân sự theo Trình độ từ NĐ 2017-2018 đến NĐ 2019-2020



Nguồn: TTC Biên Hòa

NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)

Đào tạo đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc cải thiện chất lượng nhân sự cũng như nâng cao hiệu suất công việc, chính vì vậy TTC Biên Hòa luôn chú trọng vào công tác đào tạo nhân sự.



Trong NĐ 2019-2020, dù đại dịch Covid-19 bùng phát và lệnh giãn cách xã hội kéo dài nhưng Công ty nỗ lực không để hoạt động đào tạo bị ảnh hưởng bằng cách tận dụng ứng dụng công nghệ tiên tiến như đào tạo online, ứng dụng "zoom meeting",…Công ty đã đầu tư hơn 10 tỷ đồng cho chi phí đào tạo với hơn 396 khóa học, tăng 139% so với NĐ trước với hơn 7000 lượt học.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HIỆN TRONG NIÊN ĐỘ 2019-2020

7.076 LƯỢT ĐÀO TẠO

396 KHÓA ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thực hiện trong Niên độ 2019-2020

STT	Nhóm Chương trình	Mục đích đào tạo	Chủ đề đào tạo	Đối tượng	Số khóa học
1	**Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ**	Cung cấp kiến thức, cải thiện kỹ năng có liên quan trực tiếp đến công việc/ chuyên môn	▸ Kỹ thuật an toàn vận hành xe cơ giới tại vùng nguyên liệu ▸ Kỹ thuật vận hành thiết bị, máy móc tại nhà máy ▸ Kỹ thuật kiểm soát chất lượng sản phẩm và vận hành sản xuất ▸ Kỹ thuật canh tác và Nghiên cứu giống mía ▸ Kỹ năng quản lý và vận hành kho hàng ▸ Chủ đề tài chính: Xây dựng ngân sách, Báo cáo tài chính theo chuẩn IFRS ▸ Nghiệp vụ kế toán: kiến thức thuế-kế toán TAF ▸ Nhận thức và phương pháp xác định rủi ro, cơ hội theo ISO	Chuyên viên Nhân viên nghiệp vụ, công nhân,. . .	177
2	**Đào tạo theo luật định và yêu cầu của các tổ chức cấp chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng**	Trang bị kiến thức an toàn lao động. Đáp ứng yêu cầu của pháp luật về tiêu chuẩn trình độ cũng như kiến thức cần thiết	▸ An toàn lao động các nhóm; ▸ Tập huấn về An toàn vệ sinh thực phẩm ▸ Tiêu chuẩn canh tác hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu ▸ Kiến thức về Quản lý An toàn sức khỏe Nghề nghiệp và phòng chống Covid-19	CBNV thuộc đối tượng theo luật định (Công nhân sản xuất, Nhân viên nghiệp vụ)	58
3	**Đào tạo hội nhập**	Hỗ trợ CBNV mới dễ dàng hội nhập văn hóa và nắm bắt thông tin Công ty	▸ Đào tạo Hội nhập Tập đoàn ▸ Đào tạo Hội nhập Ngành ▸ Đào tạo Hội nhập Công ty	CBNV mới	120
4	**Đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo**	Bồi dưỡng kiến thức và phát triển kỹ năng quản lý, lãnh đạo cho các cấp quản lý	▸ Quản trị nguồn lực dành cho lao động ▸ Quản trị nhân sự chiến lược ▸ Phát triển quản lý cấp trung ▸ Giám đốc sản xuất	Cấp bậc Quản lý các cấp	13
5	**Đào tạo kỹ năng mềm**	Bồi dưỡng kiến thức và phát triển kỹ năng mềm, nâng cao hiệu quả công việc cá nhân	▸ Nghệ thuật ứng xử nơi công sở ▸ Kỹ năng trình bày thuyết phục khách hàng, đối tác ▸ Kỹ năng thuyết trình, chủ trì cuộc họp ▸ Giao tiếp tiếng Lào, tiếng Việt cơ bản tại TTC Attapeu	CBNV	10
6	**Đào tạo phát triển, kế thừa**	Kết hợp nhiều nội dung đào tạo khác nhau nhằm phát triển các cá nhân có tiềm năng/năng lực vượt trội trở thành nhà quản lý cấp trung/cấp cao trong tương lai	▸ Đào tạo nội bộ: Kết hợp nhiều nội dung đào tạo, đặc biệt là các buổi chia sẻ kinh nghiệm từ những Người lãnh đạo đi trước ▸ Các chương trình đào tạo bên ngoài với mục đích phát triển các cá nhân có tiềm năng/năng lực vượt trội	Đội ngũ nhân sự tiềm năng	18
	Tổng cộng			**7.076 lượt học**	**396 khóa học**

CHIA SẺ CỦA NHÂN VIÊN

Làm việc tại nhà máy này gần 20 năm, trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, tuy nhiên cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn cho rằng nhà máy TTC Biên Hòa - Đồng Nai là nơi xứng đáng để cống hiến. Theo thời gian, môi trường làm việc và chế độ phúc lợi đã được cải thiện lên rất nhiều, giúp gia đình tôi nâng cao thu nhập, lo cho con cái học hành thành tài. Trong những năm tới, tôi hy vọng sẽ được tiếp tục gắn bó với Công ty.

*Anh **Phạm Hoàng Văn***
Công nhân phân xưởng sản xuất, Nhà máy TTC Biên Hòa - Đồng Nai

Tôi muốn gắn bó lâu dài với Công ty, được làm việc ở đây những năm qua kinh tế gia đình tôi được cải thiện và ổn định rất nhiều. Ngoài ra, Công ty còn có rất nhiều chính sách hỗ trợ chị em phụ nữ từ chế độ thai sản, đến tặng quà nhân những ngày lễ dành riêng cho phụ nữ, rồi đến những bữa ăn cho tới các dịp Lễ, Tết. Hy vọng Công ty ăn nên làm ra, để tạo điều kiện cho chúng tôi gắn bó.

*Chị **Trương Thị Lan***
Nhân viên canh nông vùng nguyên liệu Gia Lai, Nhà máy TTCS Gia Lai



Làm việc ở TTC Biên Hòa ngoài việc có mức thu nhập tương đối và ổn định, điều quan trọng hơn là tôi được trao cơ hội để thử sức, khai phá năng lực bản thân và thăng tiến trong sự nghiệp. Tuy là doanh nghiệp hoạt động trong một ngành Nông nghiệp nhiều năm, nhưng TTC Biên Hòa vẫn mang sự năng động của thị trường hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), điều đó khiến công việc hằng ngày của tôi không nhàm chán, khô khan mà trái lại yêu cầu công việc làm tôi có động lực cố gắng thích nghi với môi trường và nâng cao thương hiệu cá nhân.

*Anh **Đinh Lý Thăng Long***
Chuyên viên phòng R&D

TTC Biên Hòa là một trong số ít doanh nghiệp có tầm nhìn mang tính toàn cầu, đặc biệt là khi doanh nghiệp đó hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Công ty không ngừng đổi mới từng ngày thông qua hàng loạt cải cách mang tính toàn diện. Đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý báo cáo,. . .tạo điều kiện cho tôi được tiếp xúc các công cụ tiên tiến nhất hiện nay. Tính hiệu quả công việc cũng từ đó được cải thiện rất nhiều, trong những vấn đề mang tính quyết định dựa trên số liệu, hệ thống hỗ trợ tôi đưa ra vấn đề chính xác và kịp thời hơn.

*Chị **Nguyễn Thị Hoàng Khuyên***
Trưởng bộ phận Tài chính



GẮN KẾT NGƯỜI NÔNG DÂN LÀM GIÀU CÙNG CÂY MÍA

Rê chuột

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

182 17 Tiêu chí phát triển bền vững của Liên hiệp quốc
185 Sự tham gia của các Bên liên quan
192 Chủ đề Kinh tế
198 Chủ đề Môi trường
209 Chủ đề Xã hội

17 TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Phát triển bền vững được xem là kim chỉ nam của hầu hết các doanh nghiệp trên hành trình vươn tầm quốc tế, hiểu được điều này nên hoạt động Phát triển bền vững luôn là yếu tố được TTC Biên Hòa đặc biệt quan tâm và gắn kết chặt chẽ vào chiến lược phát triển của Công ty. NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa tiếp tục thực hiện tích hợp các nội dung Báo cáo Phát triển bền vững vào Báo cáo thường niên dựa trên Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển bền vững GRI. Báo cáo này cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại cạnh tranh - CSRCB do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Mục tiêu	Việt Nam	TTC Biên Hòa
ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI		
1 XÓA NGHÈO	Xóa nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi	**2.868** việc làm cho người lao động **6.721** hộ nông dân có thu nhập từ cây mía
2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng, thúc đẩy phát triển Nông nghiệp bền vững	**1,1 triệu tấn** Đường cho thị trường trong nước và quốc tế **~64.000 ha** vùng nguyên liệu mía tại Việt Nam, Lào và Campuchia
3 CUỘC SỐNG KHỎE MẠNH	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh, tăng cường phúc lợi cho mọi người, mọi lứa tuổi	**100%** CBNV được chăm sóc sức khỏe định kỳ và tham gia Bảo hiểm y tế **2.868** suất Bảo hiểm Covid-19 cho CBNV *Triển khai làm việc tại nhà luân phiên, trang bị dung dịch rửa tay sát khuẩn và khẩu trang cho CBNV làm việc tại văn phòng và khai báo y tế trong giai đoạn dịch Covid-19 lan rộng* **2 tuần/lần** tiến hành khử khuẩn định kỳ khu vực văn phòng và nhà máy trong giai đoạn dịch Covid-19 **72+** dòng sản phẩm Đường sạch đảm bảo sức khỏe người dùng **100%** mía không biến đổi gen trong sản xuất **20.900 kg** Đường Biên Hòa được trao tặng cho các đơn vị tuyến đầu chống dịch và bà con khó khăn trong giai đoạn dịch Covid-19 lan rộng trong chương trình "Triệu bữa cơm ngọt vị yêu thương" **1.700 kg** Đường Cô Ba tặng người nghèo ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu vùng xa, chịu ảnh hưởng từ thiên tai, lũ lụt... Tết Nguyên Đán 2020 **1.000 kg** Đường Cô Ba tặng bà con khó khăn tại các khu vực Thanh Hóa, Thái Bình, Nam Định, Điện Biên
4 CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện, thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	**43.561** giờ đào tạo **396** khóa đào tạo **10 tỷ đồng** ngân sách đào tạo



Mục tiêu	Việt Nam	TTC Biên Hòa
ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG		
6 NƯỚC SẠCH & VỆ SINH	Đảm bảo đầy đủ, quản lý bền vững tài nguyên nước, hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	**~1,4 triệu** lít nước tinh khiết Miaqua từ quá trình bốc hơi nước mía trong quá trình luyện Đường **100%** nước thải sau sản xuất được xử lý và tận dụng để giải nhiệt máy móc, tưới cây, nuôi cá **100%** nhà máy và văn phòng triển khai 5S trong quản lý vệ sinh môi trường làm việc
14 TÀI NGUYÊN NƯỚC	Bảo tồn, sử dụng bền vững đại dương, biển, nguồn lợi biển để phát triển bền vững	**100%** nhà máy được đặt trong nội địa, không tiếp giáp biển (cách bờ biển hơn 10km) Chỉ sử dụng duy nhất 1 loại tài nguyên biển (muối biển) trong quy trình sản xuất
7 NĂNG LƯỢNG SẠCH & BỀN VỮNG	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn Năng lượng bền vững, đáng tin cậy, có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	**100%** nhà máy được lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời **100%** lượng bã mía sinh ra trong quá trình luyện Đường được tận dụng để chạy máy phát điện **150+** triệu Kwh Điện thương phẩm
9 CÔNG NGHIỆP, ĐỔI MỚI & CƠ SỞ HẠ TẦNG	Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm, bền vững, tăng cường đổi mới	**80%** diện tích vùng nguyên liệu được triển khai cơ giới hóa **Khởi động dự án triển khai ERP** trên toàn hệ thống
11 ĐÔ THỊ & CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG	Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư, lao động theo vùng	**464 KWp** tổng công suất điện mặt trời áp mái phục vụ sinh hoạt tại nhà công vụ Attapeu, Lào **6 dòng sản phẩm Organic** đạt chuẩn EU và USDA (Hoa Kỳ) **100%** sản phẩm Đường được kiểm soát chất lượng theo quy trình chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khi đến tay Khách hàng
12 TIÊU DÙNG & SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM	Đảm bảo sản xuất, tiêu dùng bền vững	
13 HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai	**ISO 14001** Hệ thống Quản lý Môi trường trong hoạt động sản xuất
15 TÀI NGUYÊN ĐẤT	Bảo vệ, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái, phục hồi tài nguyên đất	Sử dụng thiên địch ong mắt đỏ và bẫy đèn để kiểm soát sâu hại, hạn chế tối đa thuốc bảo vệ thực vật Sử dụng phân bón từ bã bùn, tro lò và chế phẩm sinh học trong canh tác mía, hạn chế tối đa phân bón hóa học

17 TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC (tiếp theo)

Mục tiêu	Việt Nam	TTC Biên Hòa
THỊNH VƯỢNG VÀ HỢP TÁC		
5 BÌNH ĐẲNG GIỚI	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền, tạo cơ hội cho phụ nữ, trẻ em gái	**100%** lao động nữ được đảm bảo quyền lợi, chế độ theo quy định **100%** phụ nữ trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản **33%** TV HĐQT là nữ **35%** lao động nữ là Quản lý cấp trung trở lên **"2x Challenge"** được DEG - Tổ chức Tài chính phát triển do Chính phủ Đức sở hữu công nhận đáp ứng đủ tiêu chuẩn của chương trình
8 VIỆC LÀM ĐÀNG HOÀNG & TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất, việc làm tốt cho tất cả mọi người	**12.889 tỷ đồng** Doanh thu thuần **512 tỷ đồng** Lợi nhuận trước thuế **137 tỷ đồng** Thuế nộp ngân sách Nhà nước **492 tỷ đồng** dành cho quỹ lương, thưởng CBNV
17 HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU	Tăng cường phương thức thực hiện, thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững	**28.000 ha** mía nguyên liệu tại Lào và Campuchia **150%** tăng trưởng diện tích mía Organic từ NĐ 2018-2019 **24 quốc gia và vùng lãnh thổ** có mặt sản phẩm của TTC Biên Hòa **2 Tổ chức tài chính uy tín** từ Đức và Hàn Quốc đã đầu tư vào TTC Biên Hòa thông qua hình thức mua cổ phần ưu đãi và trái phiếu chuyển đổi
THÚC ĐẨY CÔNG LÝ, HÒA BÌNH VÀ QUẢN TRỊ TOÀN DIỆN		
10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG	Giảm bất bình đẳng trong xã hội	**275 việc làm** cho lao động người Lào **200 hội thảo** khuyến nông tại Lào và Campuchia **3 quốc gia** Việt Nam, Lào, Campuchia đều có hệ thống quy trình làm việc theo tiêu chuẩn thống nhất Thống nhất chính sách lương, thưởng cho đội ngũ kinh doanh trên toàn quốc Có chế độ hỗ trợ cho CBNV công tác tại Lào và Campuchia
16 HÒA BÌNH, CÔNG BẰNG & THỂ CHẾ VỮNG MẠNH	Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp	**3 tháng/lần** tổ chức đối thoại định kỳ đối với người lao động **1 năm/lần** tổ chức hội nghị người lao động

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

GRI 102-42

NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với vị thế là Công ty dẫn đầu ngành Đường Việt Nam trên mọi phương diện từ thị phần, năng lực sản xuất, cơ cấu sản phẩm và địa bàn kinh doanh, TTC Biên Hòa hiện có rất nhiều các Bên liên quan, và mỗi Bên liên quan đều đóng vai trò như một mắc xích quan trọng trong sự tồn tại, vận hành và phát triển của Công ty.

Trong thời gian qua, Công ty luôn cẩn trọng trong việc đánh giá mối quan hệ cũng như mức độ tương tác, ảnh hưởng qua lại của từng đối tượng trong nhóm các Bên liên quan trọng yếu để từ đó có thể đưa ra những kế hoạch hành động, ứng xử và tương tác phù hợp. Phương pháp gắn kết các Bên liên quan mà TTC Biên Hòa đã áp dụng có thể kể đến việc khảo sát, phỏng vấn, lắng nghe ý kiến, thực hiện báo cáo, hội thảo chuyên ngành, chuỗi hoạt động Quan hệ nhà đầu tư,… đối với 6 nhóm Bên liên quan trọng tâm là Cổ đông/Nhà đầu tư, Khách hàng, Người nông dân, Cán bộ nhân viên, Cộng đồng địa phương và Chính quyền/Cơ quan Nhà nước.



GRI 102-43

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

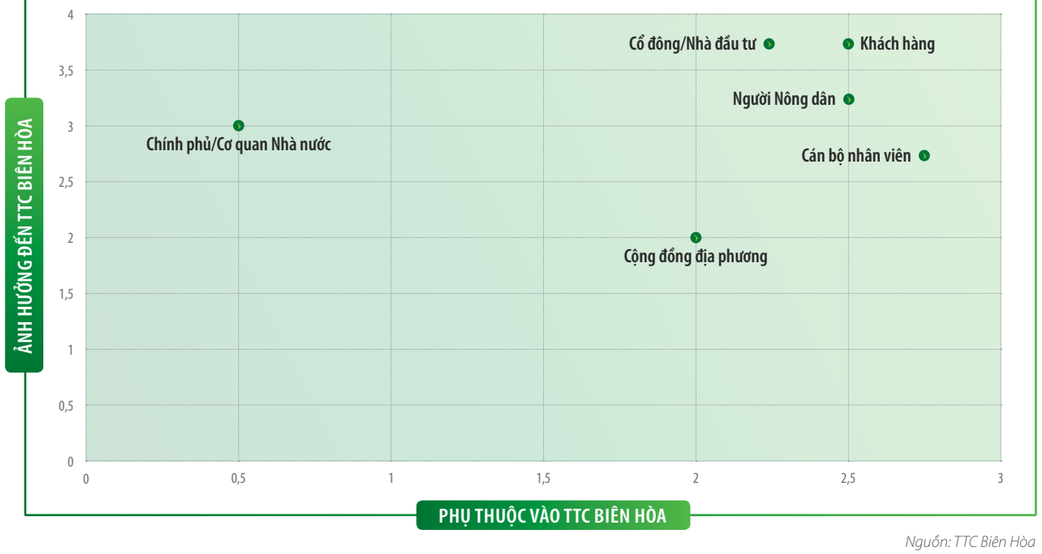
QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH BÊN LIÊN QUAN

Xác định các Bên liên quan trực tiếp và gián tiếp tới Công ty → Xác định mức độ ưu tiên giữa các Bên liên quan → Tham vấn, tiếp nhận ý kiến của các Bên liên quan nhằm có kế hoạch hành động kịp thời → Xem xét đánh giá, lựa chọn phương pháp phù hợp để hài hòa lợi ích giữa Công ty và các Bên liên quan



Đại hội cổ đông thường niên NĐ 2018-2019 của TTC Biên Hòa

MỐI QUAN HỆ TƯƠNG TÁC GIỮA TTC BIÊN HÒA VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN



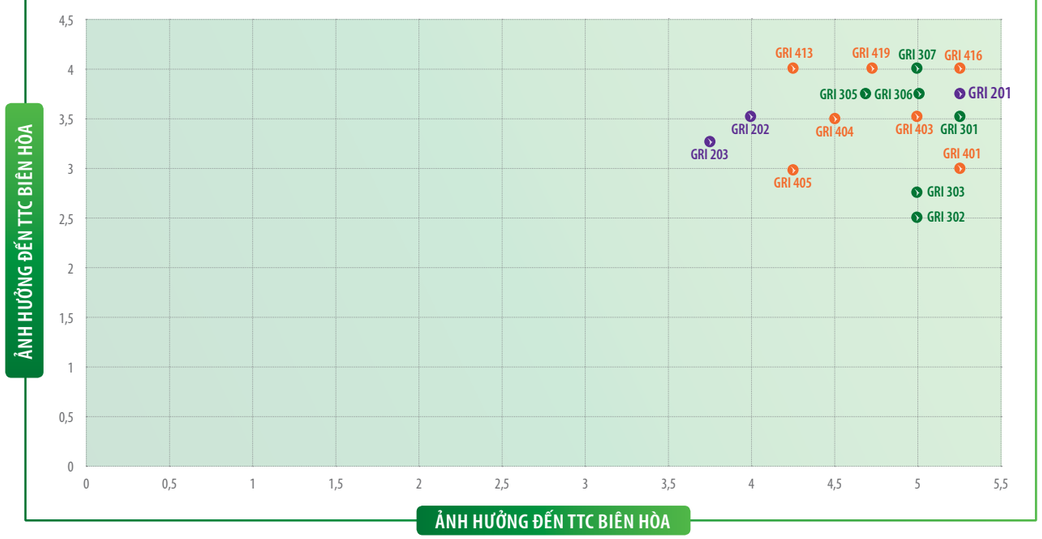
Nguồn: TTC Biên Hòa

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH BÊN LIÊN QUAN

TTC Biên Hòa hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng với địa bàn sản xuất và Vùng nguyên liệu lớn tại 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, đồng thời Công ty cũng có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước và 24 thị trường xuất khẩu theo một quy trình khép kín từ Nguyên liệu (Đầu tư mía nguyên liệu, mua mía nguyên liệu vật tư, kiểm tra nguyên liệu vật tư) - Sản xuất (Sản xuất, kiểm tra thành phẩm, lưu kho thành phẩm) - Tiêu thụ (Bán hàng, giao hàng).

Việc quản lý hiệu quả chuỗi giá trị ngành Đường đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Dựa trên kết quả đánh giá các mối quan tâm trọng yếu của các Bên liên quan có mối tương quan 2 chiều với TTC Biên Hòa, phù hợp với chiến lược Phát triển bền vững của Công ty cũng như 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc, TTC Biên Hòa xác định ma trận 13 lĩnh vực trọng yếu như sau:

MA TRẬN TRỌNG YẾU



Nguồn: TTC Biên Hòa



KINH TẾ

GRI 201: Hiệu quả kinh tế
GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường
GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp



MÔI TRƯỜNG

GRI 301: Vật liệu
GRI 302: Năng lượng
GRI 303: Nước
GRI 305: Phát thải
GRI 306: Nước thải và Chất thải
GRI 307: Tuân thủ Môi trường



XÃ HỘI

GRI 401: Việc làm
GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
GRI 404: Giáo dục và đào tạo
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng
GRI 413: Cộng đồng địa phương
GRI 416: Sức khỏe và an toàn của khách hàng
GRI 419: Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội

Nhấp chuột để xem các Chủ đề

Nhấp chuột để xem các GRI

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

GRI 102-44

CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ CHỦ ĐỀ CHÍNH

Trong thời gian qua, để bảo đảm tính trung thực, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động, TTC Biên Hòa đã luôn nỗ lực xây dựng và hoàn thiện các cơ chế tương tác giữa Công ty với các Bên liên quan khác; qua đó tạo điều kiện giúp các đối tượng này có thể dễ dàng phản hồi ý kiến với Công ty nhằm hài hòa lợi ích giữa các bên. Mục tiêu của TTC Biên Hòa là tạo ra một chuỗi giá trị bền vững dựa trên nền tảng tập trung vào lợi ích trung và dài hạn của Công ty và các Bên liên quan.

BÊN LIÊN QUAN	CÁC MỐI QUAN TÂM CHÍNH	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĐ QUA
CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	• Kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định hợp lý qua các năm, bền vững trong trung và dài hạn • Giá trị thị trường của cổ phiếu phản ánh đúng nội lực và tiềm năng của Công ty • Giá trị nội tại của Công ty tăng trưởng liên tục và bền vững • Tuân thủ Công bố thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo thông tin thường xuyên, liên tục, minh bạch và đang tin cậy • Bảo vệ quyền lợi và đảm bảo công bằng với Cổ đông • Năng lực quản trị và điều hành của Ban lãnh đạo cấp cao	• Gặp gỡ, tham vấn trực tiếp, gián tiếp thông qua họp ĐHĐCĐ, LYKCĐ bằng văn bản • Tham gia các diễn đàn, sự kiện gặp mặt Nhà đầu tư do Công ty Chứng khoán, Quỹ đầu tư, Định chế tài chính lớn trong, ngoài nước tổ chức • Tiếp nhận, cung cấp, phản hồi thông tin qua điện thoại, email, Báo cáo thường niên, Báo cáo Phát triển bền vững, Thông cáo báo chí, Bản tin Nhà đầu tư, Diễn giải Báo cáo tài chính, cập nhật thông tin về hoạt động, kinh doanh, cổ phiếu, thị trường vốn,...	• Chi trả cổ tức: bằng cổ phiếu 6% NĐ 2016-2017, tiền mặt 8% NĐ 2017-2018, tiền mặt 5% NĐ 2018-2019 đã thông qua vào ngày 7/10/2020 • 9 Quỹ ETF và Index uy tín đang sở hữu **2,94%** cổ phần SBT • Duy trì sự có mặt trong Rổ Chỉ số VN30 và Rổ chỉ số Phát triển bền vững VNSI 20 • Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2019 • Top 10 Doanh nghiệp phát triển kinh tế xanh bền vững năm 2020 • Doanh nghiệp bền vững năm 2019
KHÁCH HÀNG	• Sản phẩm chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh • Cơ cấu sản phẩm đa dạng • Thương hiệu uy tín • Chính sách bán hàng ưu đãi • Dịch vụ chăm sóc khách hàng, hậu mãi tốt	• Gặp gỡ, trao đổi thông tin trực tiếp với Khách hàng • Tổ chức các cuộc khảo sát thị hiếu và thẩm định chất lượng sản phẩm từ 4 Kênh tiêu thụ chính • Đồng hành Khách hàng trong hoạt động R&D • Tiếp nhận phản hồi của Khách hàng: email, điện thoại • Xây dựng những chính sách gắn bó dài hạn với Nhà phân phối, khách hàng lớn • Tổ chức các hội thảo, chương trình đào tạo, phối hợp với Khách hàng là các công ty hàng đầu về chất lượng • Tổ chức các chương trình hội thảo về An toàn thực phẩm cho Khách hàng	• Thị phần nội địa tiếp tục tăng, đạt **46%** cho NĐ 2019-2020, mở rộng **24 thị trường** xuất khẩu toàn cầu • Ký kết hợp tác với ED&F Man Sugar là 1 trong 3 Công ty Đường lớn nhất thế giới để xuất khẩu Đường Organic sang Châu Âu • Doanh nghiệp Đường Việt Nam đầu tiên xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu • Danh mục sản phẩm đa dạng với hơn **63 dòng sản phẩm Đường** khác nhau và **9 dòng sản phẩm** Cạnh Đường - Sau Đường • **Top 50** thương hiệu dẫn đầu năm 2019 và 2020 • **Top 10** công ty thực phẩm uy tín năm 2019 • **Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020** do người tiêu dùng bình chọn
NGƯỜI NÔNG DÂN	• Bao tiêu sản lượng đầu ra • Chính sách thu mua ổn định • Cam kết giá mua mía tối thiểu • Tuân thủ các quy định của hợp đồng giao dịch • Hướng dẫn những phương thức canh tác, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ cơ giới hóa • Hỗ trợ tiếp cận với những thông tin và xu hướng mới nhất của ngành Đường thế giới và Việt Nam	• Có những chính sách cam kết bao tiêu đầu ra phù hợp từng thời kỳ, tránh tình trạng được mùa mất giá • Cán bộ nông vụ thường xuyên khảo sát, tiếp nhận và phản hồi thông tin 2 chiều • Người nông dân có thể trực tiếp trao đổi với Ban Giám đốc/Quản lý tại các trạm nông vụ, Phòng Phát triển nguyên liệu, các Nhà máy của Công ty • Tổ chức các chương trình hội thảo, đào tạo, hướng dẫn cho Người nông dân • Thực hiện các hội nghị tổng kết cuối mùa vụ	• Tổ chức chuỗi **30 hội thảo** với hơn **1.000** Người nông dân tham gia chiến dịch "Đồng hành cùng TTC Sugar nâng tầm mía Việt" • Giá thu mua mía cao, đảm bảo tốt hơn trung bình cả nước, giá thu mua NĐ 2019-2020 cao hơn **14%** so với cùng kỳ NĐ trước. • Hợp tác với OCB để thực hiện các chương trình hỗ trợ vốn đầu tư với lãi suất thấp, tổng giá trị vốn đầu tư đã giải ngân cho người trồng mía vụ 2019-2020 là gần **264 tỷ đồng** trong đó có hơn 14 tỷ đồng đầu tư không hoàn lại. • Nông dân được hỗ trợ giống Mía tốt, phân bón, máy móc thiết bị, . . . chi phí giá rẻ • Cung cấp dịch vụ cơ giới toàn diện từ khâu làm đất, bón phân đến thu hoạch • Hỗ trợ nông dân tiếp cận những kiến thức mới, nâng cao kỹ năng, trình độ để ứng dụng các phương pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới vào thực tế • Nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng nghiên cứu khoa học về cây mía cho nông dân tại các Trung tâm nghiên cứu ứng dụng Mía Đường • Hỗ trợ cung cấp, sửa chữa máy móc thiết bị cơ giới thương hiệu John Deere của Mỹ thông qua các Trung tâm 3S

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

GRI 102-44

CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ CHỦ ĐỀ CHÍNH

BÊN LIÊN QUAN	CÁC MỐI QUAN TÂM CHÍNH	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĐ QUA
CÁN BỘ NHÂN VIÊN	• Môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động • Đảm bảo an toàn lao động • Chế độ đãi ngộ, lương thưởng tốt • Các chương trình đào tạo phù hợp để nâng cao kiến thức và tay nghề • Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp • Đào tạo đội ngũ kế thừa	• Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ, cũng như thường xuyên mời các chuyên gia về giảng dạy nhằm giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng Quản trị doanh nghiệp, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, đào tạo kỹ năng mềm • Hỗ trợ hội nhập doanh nghiệp cho các CBNV mới thông qua các chương trình đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu • Ban hành chính sách phúc lợi phù hợp, đồng thời luôn nghiên cứu, cập nhật và phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho CBNV • Khảo sát sự hài lòng về môi trường làm việc, các chính sách lương thưởng và phúc lợi của CBNV • Lấy ý kiến CBNV thông qua email, điện thoại và mạng xã hội • Tổ chức các cuộc thi tay nghề nhằm phát hiện, khen thưởng và phát triển các nhân sự tài năng trong từng lĩnh vực hoạt động	• Ban hành, cập nhật Quy chế tiền lương, Quy định chế độ phúc lợi dành cho người lao động, Quy chế thi đua khen thưởng,... rõ ràng, đảm bảo cuộc sống ổn định • CBNV có cơ hội được trau dồi, nâng cao các kiến thức và kỹ năng chuyên môn với **396 khóa học.** Tổng kinh phí đào tạo NĐ 2019-2020 là hơn **10 tỷ đồng** • Nhân viên được xác định lộ trình phát triển, thăng tiến rõ ràng. Trong NĐ 2019-2020 có 248 nhân viên được đề bạt, thăng tiến • Môi trường làm việc an toàn. NĐ 2019-2020 không xảy ra vi phạm nào liên quan đến an toàn vệ sinh sức khỏe, nghề nghiệp
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	• Phát triển kinh tế địa phương • Tạo ra các cơ hội nghề nghiệp • Nâng cao thu nhập cho người dân địa phương • Thực hiện các hoạt động vì Cộng đồng • Đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương • Bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường sống của Cộng đồng	• Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tham gia vào các hoạt động tài trợ cho Xã hội và Cộng đồng nơi Công ty đang hoạt động • Phát triển các chương trình Phát triển cộng đồng, Giáo dục, Sức khỏe và An sinh xã hội • Tham gia các chương trình thiện nguyện tại các địa phương mà Công ty đang hoạt động hoặc đầu tư • Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, kết hợp với đào tạo - trao học bổng, chương trình thực tập: Nâng cao mức thu nhập và nâng cao năng lực nguồn nhân lực địa phương • Áp dụng lộ trình cơ giới hóa, kết hợp với chương trình hỗ trợ máy móc sinh kế: Đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho lao động địa phương • Thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường	• **Top 20** Doanh nghiệp niêm yết trong Chỉ số VNSI 20 - HOSE • Giải thưởng Doanh nghiệp Hoạt động vì Cộng đồng tốt nhất châu Á • **Top 10** Thương hiệu vì môi trường xanh quốc gia • Hỗ trợ gần **2,2 tỷ đồng** cho các hoạt động thiện nguyện và xã hội • Tạo ra **2.868 việc làm** cho lao động địa phương
CHÍNH QUYỀN/ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	• Tuân thủ pháp luật • Thực hiện sản xuất kinh doanh có trách nhiệm đối với sức khỏe người tiêu dùng, môi trường và xã hội • Ủng hộ các chính sách và kêu gọi của các Cơ quan Nhà nước	• Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp như nghĩa vụ thuế, bảo hiểm, an toàn sức khỏe, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,... • Tham gia các hoạt động của Hiệp hội Mía đường Việt Nam với trách nhiệm của Doanh nghiệp Mía đường hàng đầu: Ý kiến đóng góp các hoạt động xây dựng chính sách Ngành, chống buôn lậu Mía Đường, chiến lược phát triển ngành Đường Việt Nam,... • Góp ý các dự thảo văn bản Pháp luật có liên quan đến hoạt động Công ty, Ngành Nông nghiệp, hoạt động có liên quan khác • Tương tác với Cơ quan Nhà nước để đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp • Tham gia các phong trào, chương trình phát động của Cơ quan Nhà nước nhằm hỗ trợ cộng đồng, xã hội	• Không có những vi phạm liên quan đến Pháp luật, bảo vệ môi trường, cam kết xã hội • Đóng góp cho các hoạt động xây dựng chính sách Ngành, chống buôn lậu Mía Đường, chiến lược phát triển ngành Đường Việt Nam,... • Chủ động thực thi các chính sách Phát triển bền vững • Tạo ra hàng nghìn việc làm cho lao động địa phương, cải thiện kinh tế của khu vực nơi Công ty hoạt động • Đóng góp gần **137 tỷ đồng** thuế Thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước

CHỦ ĐỀ KINH TẾ



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Những mục tiêu trọng yếu liên quan đến hiệu quả hoạt động kinh tế mà TTC Biên Hòa thực hiện trong NĐ 2019-2020 và các năm tiếp theo bao gồm:

- Hoàn thiện Chuỗi giá trị cây mía, cung cấp giải pháp về năng lượng xanh từ sản xuất sạch đến với Khách hàng, gia tăng Doanh thu và Lợi nhuận cho Công ty
- Lấy kỹ thuật số làm nền tảng để tiết giảm chi phí, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động
- Đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ kinh tế với Nhà nước
- Quản trị Tài chính theo chuẩn quốc tế, phân bổ vốn hiệu quả giúp tăng khả năng sinh lợi cho Công ty, Cổ đông và Nhà đầu tư
- Đảm bảo thu nhập của CBNV và Người nông dân cao hơn mức bình quân ngành, góp phần giúp họ ổn định cuộc sống.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Chiến lược phát triển bền vững của TTC Biên Hòa hướng đến mục tiêu đem lại lợi ích lâu dài cho Cổ đông/Nhà đầu tư, Khách hàng, Người nông dân, CBNV, Cộng đồng và Chính quyền.

Trong NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa tập trung quản lý trên các khía cạnh:

- Tăng trưởng và phát triển bền vững
- Cung cấp các giải pháp năng lượng tốt nhất đến Khách hàng
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho Người nông dân
- Xây dựng chính sách lương và phúc lợi hợp lý cho CBNV
- Phát triển kinh tế địa phương
- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định
- Tạo giá trị gia tăng cho các Bên liên quan
- Đảm bảo thu nhập của CBNV và Người nông dân cao hơn mức bình quân ngành, góp phần giúp họ ổn định cuộc sống.

GRI 201-1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỔ

DOANH THU

Trong bối cảnh ngành Đường Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức mang tính chu kỳ, TTC Biên Hòa vẫn ghi nhận các chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra với thị phần gia tăng từ 42% trong NĐ trước đến 46% trong NĐ 2019-2020.

TỶ TRỌNG DOANH THU TỪ SẢN PHẨM ĐƯỜNG CHIẾM
93%
TĂNG 27% SO VỚI CÙNG KỲ

DOANH THU TỪ MẬT RỈ
312
TỶ ĐỒNG
TĂNG 3% SO VỚI NĐ TRƯỚC

DOANH THU TỪ ĐIỆN
167
TỶ ĐỒNG
ĐÓNG GÓP 1,3% DOANH THU

Doanh thu thuần tiếp tục duy trì đà tăng với 19% so với cùng kỳ, đạt 12.889 tỷ đồng. Mức tăng trưởng kép CAGR của Doanh thu thuần trong vòng 5 năm đạt 34% và dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm tiếp theo nhờ vào sự nỗ lực không ngừng của Công ty trong việc tối đa hóa Doanh thu từ các dự án đầu tư lớn như Điện mặt trời áp mái với tổng công suất mục tiêu trong NĐ 2019-2020 của toàn TTC Biên Hòa lên đến 22 MWp, dự án Đường lỏng chỉ mới hoàn thành và sản xuất thành phẩm từ tháng 4/2020 nhưng đã xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc với hơn 200.000 tấn, các dự án đầu tư cải tiến phát triển kỹ thuật công nghệ giúp tiết giảm chi phí và nâng cao năng suất sản xuất với mục tiêu trở thành "Nhà cung cấp giải pháp sản phẩm Nông nghiệp có nguồn gốc & bền vững hàng đầu Đông Dương".

Trong NĐ 2019-2020, Đường vẫn là sản phẩm chính đóng góp lớn vào tỷ trọng Doanh thu, chiếm 93%, tương đương 12.003 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, Lợi nhuận gộp của Công ty đạt 1.455 tỷ, tăng mạnh 67% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Doanh thu từ các sản phẩm Cạnh Đường và Sau Đường cũng cải thiện như Doanh thu từ Mật rỉ đạt 312 tỷ đồng, tăng 3% so với NĐ trước nhờ mở rộng thị trường xuất khẩu, Doanh thu từ Điện đạt 167 tỷ đồng, đóng góp 1,3% doanh thu nhờ tận dụng nguồn phế phẩm là Bã mía để sản xuất Điện cũng như từ hệ thống Điện Mặt trời áp mái được lắp đặt tại các Nhà máy của Công ty. Với TTC Biên Hòa, thành công trong việc tìm ra nguồn năng lượng thay thế vô tận, góp phần giảm áp lực cho ngành điện và bảo vệ môi trường sinh thái cũng chính là đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của Nông nghiệp Việt Nam, qua đó tối đa hóa nguồn thu, giảm chi phí sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế.

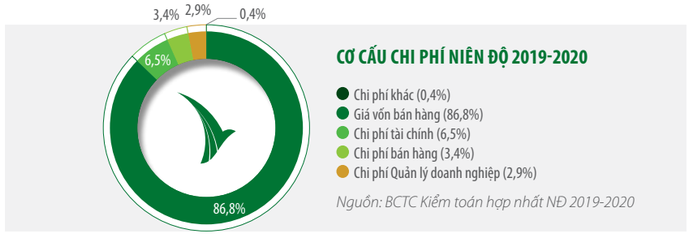
CHI PHÍ VẬN HÀNH

Với định hướng của NĐ 2019-2020 là tinh gọn bộ máy và xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh.

DOANH THU TỪ ĐƯỜNG ĐẠT
12.003
TỶ ĐỒNG
TĂNG 27% SO VỚI CÙNG KỲ

TTC Biên Hòa đã thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí trên tiêu chí tối ưu hóa chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra, nhờ đó giá vốn hàng bán trong NĐ đạt 11.434 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ nhưng vẫn thấp hơn mức tăng của Doanh thu là 41% so với NĐ 2018-2019.

Cả Chi phí quản lý doanh nghiệp (QLDN) và Chi phí bán hàng đều được Công ty kiểm soát tốt hơn khi Chi phí QLDN giảm 15% so với cùng kỳ đồng thời tỷ trọng Chi phí QLDN/Doanh thu thuần cũng giảm 28%. Bên cạnh đó, trong khi sản lượng Đường tiêu thụ tăng tới 41% nhưng tỷ trọng Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần giảm 6% so với cùng kỳ. Việc nỗ lực tiết giảm chi phí của Ban Lãnh đạo TTC Biên Hòa là tiền đề để Công ty có thể tăng tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực sau khi gia nhập Atiga.

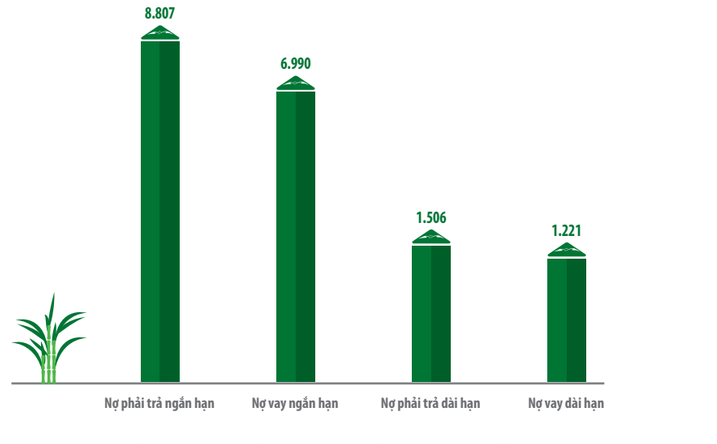


CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO NHÀ CUNG CẤP VỐN

Với lộ trình cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu hơn trong NĐ 2019-2020, các khoản Nợ của TTC Biên Hòa tiếp tục chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Nợ phải trả giảm 4% đến từ việc Nợ vay ngắn hạn giảm 5% và Nợ vay dài hạn giảm 23% so với NĐ 2018-2019, qua đó giảm gánh nặng đòn bẩy tài chính, tiết giảm chi phí lãi vay, phù hợp với mục tiêu phát triển trong dài hạn theo đúng chủ trương từ Ban lãnh đạo Công ty.

Đối với các loại hình phát hành liên quan đến Vốn cổ phần, các Bên liên quan sẽ là Cổ đông và Nhà đầu tư chiến lược. Để đảm bảo quyền lợi Cổ đông, SBT đã thông qua chia cổ tức với tỷ lệ 5% tiền mặt tương đương 293 tỷ đồng cho NĐ 2018-2019 vào ngày 7/10/2020. Trong 12 năm qua, Công ty luôn chi trả cổ tức đều đặn cho Cổ đông thông qua các hình thức tiền mặt và cổ phiếu trong đó cổ tức tiền mặt chiếm đa số với 10/12 lần. Đối với Cổ phiếu ưu đãi, Nhà đầu tư sẽ được ưu đãi cổ tức trong vòng 6,5 năm, với mức cổ tức cố định là 5,5%/năm trong 1,5 năm đầu tiên và các năm tiếp theo sẽ theo thỏa thuận giữa Công ty và Nhà đầu tư.

Tình hình Nợ phải trả của TTC Biên Hòa qua các Niên độ (ĐVT: Tỷ đồng)



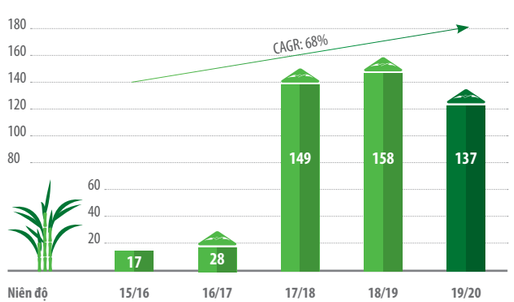
Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất từ NĐ 2015-2016 đến 2019-2020

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO CHÍNH PHỦ

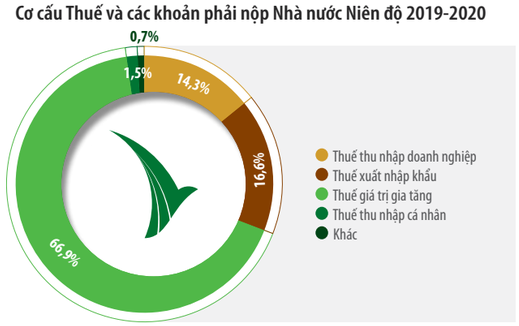
Nhiều năm qua, TTC Biên Hòa luôn đóng góp tích cực cho Cộng đồng xã hội theo định hướng phát triển bền vững "Vì Cộng đồng phát triển Địa phương".

Đóng thuế là quyền và nghĩa vụ của Công ty, không đơn thuần là trách nhiệm tuân thủ mà còn có ý nghĩa cho sự đóng góp phát triển của Đất nước và những Địa phương mà TTC Biên Hòa đang hoạt động. Cùng với sự phát triển không ngừng của quy mô Công ty, các khoản Thuế phải nộp cũng theo đó tăng lên. Trong NĐ 2019-2020, chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành ghi nhận 137 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng kép 68% trong giai đoạn từ NĐ 2015-2016 đến 2019-2020, phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng Doanh thu trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước phát sinh trong NĐ 2019-2020 là 955 tỷ đồng.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ĐVT: Tỷ đồng)



Cơ cấu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Niên độ 2019-2020



Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất từ NĐ 2015-2016 đến 2019-2020

GRI 201-2 ẢNH HƯỞNG VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ CÁC RỦI RO/CƠ HỘI DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức to lớn đối với các quốc gia, nhất là các nước có nền nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên như Việt Nam. Là doanh nghiệp Mía Đường đầu ngành trong nước, TTC Biên Hòa luôn chủ động kiểm soát và có kế hoạch quản lý nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng của thời tiết đến hoạt động. Trong NĐ 2019-2020, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp để ứng phó với các tình huống khẩn cấp, trong đó bao gồm các sự cố liên quan đến môi trường, ngập lụt, thiên tai, dịch bệnh,…

Tên gọi	Các tác động đến kinh tế do rủi ro/ cơ hội mang lại	Ảnh hưởng về mặt tài chính trước khi áp dụng biện pháp quản lý	Biện pháp quản lý rủi ro/cơ hội
RỦI RO			
Gió bão	Làm mía đổ ngã, giảm chất lượng và tăng chi phí thu hoạch mía, tỷ lệ thất thoát mía cao	Mía đổ ngã làm giảm Chữ Đường ít nhất 0,5 CCS, chi phí thu hoạch tăng 10-20%	▸ Trồng mía với độ sâu đảm bảo giảm tỷ lệ đổ ngã ▸ Chọn giống chống chịu đổ ngã cho vùng bị gió bão nhiều
Ngập úng	Mía chết, giảm năng suất	Năng suất giảm 20-25% nếu bị ngập lụt nhiều ngày liên tục	▸ Chọn giống chịu úng phù hợp vùng đất thường xuyên bị ngập ▸ Nạo vét hơn 14 km mương chính thuộc khu vực Nông trường Thành Long 1 với kinh phí 220 triệu đồng, hiện đang phục vụ tiêu thoát nước rất tốt
Hạn hán (Elnino)	Mía giảm năng suất	Năng suất giảm 30-50%, đặc biệt vùng duyên hải miền Trung Việt Nam	▸ Chọn giống chống hạn cho vùng đất cao, miền Trung ▸ Cày sâu chống hạn cho mía ▸ Áp dụng các phương pháp tưới như: tưới tràn, tưới phun bằng béc di động hoặc cố định, tưới nhỏ giọt, tưới ngầm, tưới súng phun, . . . tùy theo điều kiện và quy mô vùng nguyên liệu để lựa chọn phương pháp tưới tiết kiệm và hiệu quả cao nhất
CƠ HỘI			
Ngập úng và hạn hán	Canh tranh giữa cây mía và cây trồng khác	Cây mía có sức chịu đựng tốt hơn so với các cây trồng ngắn ngày khác đối với điều kiện ngập úng và hạn hán. Do đó, các vùng đất hay bị ngập úng và hạn hán thì cây mía có lợi thế cạnh tranh nên phát triển diện tích vùng nguyên liệu tốt	▸ Tập trung đầu tư các vùng đất khó khăn kèm theo giải pháp như đã đề cập ở phần rủi ro để ổn định vùng nguyên liệu ▸ Các vùng đất thuận lợi ít bị ảnh hưởng bởi thời tiết thì tăng đầu tư thâm canh tăng năng suất, từ đó giúp tối đa lợi nhuận cho người nông dân.

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 201-4 HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

Với định hướng chiến lược về phát triển Nông nghiệp từ Chính phủ, TTC Biên Hòa được hưởng ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% đối với Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh Đường từ mía theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/6/2015. Hệ thống các Công ty con cũng chỉ có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các Công ty con này cũng được hưởng miễn giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành. Đây được xem là hỗ trợ rất tích cực từ Chính phủ cho các doanh nghiệp ngành Mía Đường Việt Nam trước sự cạnh tranh của Đường Thái Lan.



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Trong nhiều năm qua, các điều kiện làm việc và chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho CBNV tại TTC Biên Hòa đều được xây dựng đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng, tiên quyết loại bỏ sự bất bình đẳng giữa thu nhập giữa nam và nữ.

Mức lương khởi điểm cho Nhân viên Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định.

Đóng góp vào sự phát triển an sinh xã hội của Địa phương và giải quyết bài toán lao động cho Nhà nước.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Áp dụng và đảm bảo chính sách trả lương cạnh tranh, phù hợp với từng vị trí, trình độ học vấn, kinh nghiệm và mức độ đóng góp của cá nhân cho Công ty.

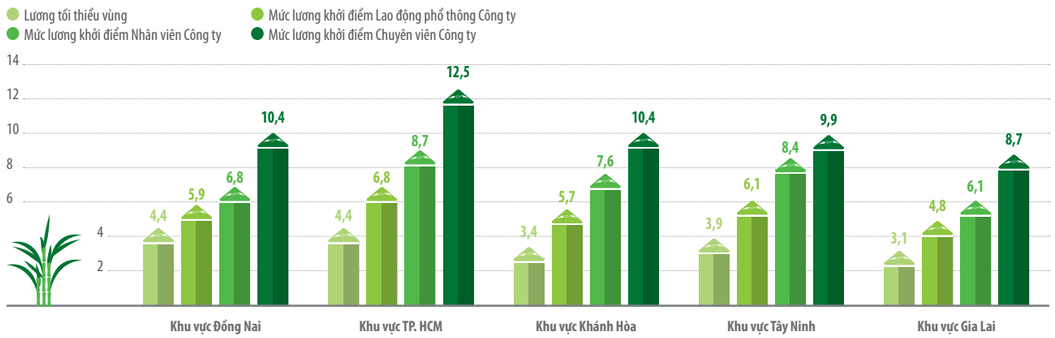
Chú trọng đến việc gia tăng tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường và sẽ điều chỉnh ngay khi có những thay đổi của Chính phủ.

Định kỳ hàng năm xem xét, đánh giá nâng lương căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, tạo động lực làm việc, tăng mức độ gắn bó với Công ty và thúc đẩy năng suất lao động của người lao động.

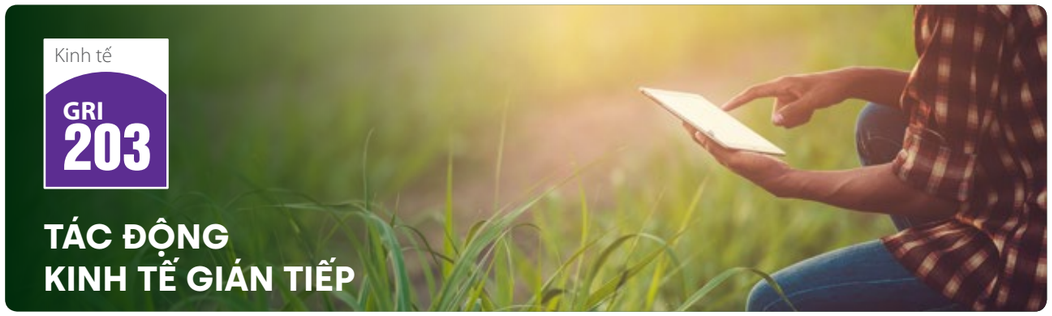
GRI 202-1 TỶ LỆ MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với phương châm bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh, tăng cường phúc lợi cho mọi người, mọi lứa tuổi, Công ty luôn chủ trương tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động Địa phương. Mức lương khởi điểm của CBNV từ Lao động phổ thông đến cấp Chuyên viên đều cao hơn mức lương tối thiểu của Vùng, góp phần đảm bảo đời sống cho người lao động. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV của TTC Biên Hòa với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 34% đến 203% tùy theo vị trí và khu vực. So với NĐ 2018-2019, mức lương khởi điểm của TTC Biên Hòa trong NĐ 2019-2020 đã tăng gần 40%.

Mức lương tối thiểu Vùng và mức lương khởi điểm của Cán bộ nhân viên TTC Biên Hòa (ĐVT: Triệu đồng)



Lưu ý: Mức thu nhập trên đây chưa bao gồm các khoản phúc lợi không bằng tiền khác như du lịch giải trí, hoạt động tập thể, tiệc Công ty, quà tặng,...
Nguồn: TTC Biên Hòa



NÂNG TẦM CÂY MÍA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TTC BIÊN HÒA HIỆN ĐANG TẠO RA

2.868

VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.721

HỘ NÔNG DÂN CÓ THU NHẬP TỪ CÂY MÍA

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Với sứ mệnh "Nâng tầm cây mía - Phát triển nông nghiệp Việt Nam", TTC Biên Hòa luôn nỗ lực mang đến cho Người tiêu dùng những sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch và chất lượng. Bên cạnh đó, các cán bộ nông vụ của Công ty luôn đồng hành và sát cánh cùng bà con nông dân trên từng cánh đồng mía thông qua các chính sách cam kết giá thu mua mía, chia sẻ khó khăn cũng như hỗ trợ kịp thời về tài chính và kỹ thuật. Nhờ vậy, Người nông dân luôn có được những vụ mùa bội thu và cải thiện cuộc sống.

Quy mô doanh nghiệp lớn và có mặt ở nhiều địa phương, TTC Biên Hòa hiện đang tạo ra 2.868 việc làm cho người lao động và 6.721 hộ nông dân có thu nhập từ cây mía. Trong đó, tỷ lệ lao động địa phương chiếm 93% tổng số người lao động toàn Công ty, qua đó phần nào hỗ trợ Nhà nước trong bài toán giải quyết việc làm tại các địa phương. Công ty cũng áp dụng thống nhất chính sách lương, thưởng cho đội ngũ nhân viên kinh doanh trên toàn quốc.





NÂNG TẦM NGÀNH MÍA ĐƯỜNG VIỆT NAM

Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng mía cho các vùng nguyên liệu, góp phần thay đổi, tạo bước đệm đột phá cho ngành Nông nghiệp nói chung và ngành Mía Đường Việt Nam nói riêng, TTC Biên Hòa đã phát động và triển khai Chiến dịch "Đồng hành cùng TTC Sugar nâng tầm mía Việt" tại 4 vùng trồng mía lớn: Tây Ninh, Gia Lai, Ninh Hòa và Phan Rang, thu hút hơn 1.000 nông dân tham gia dựa trên nền tảng thay đổi tư duy về canh tác để nâng cao năng suất mía.

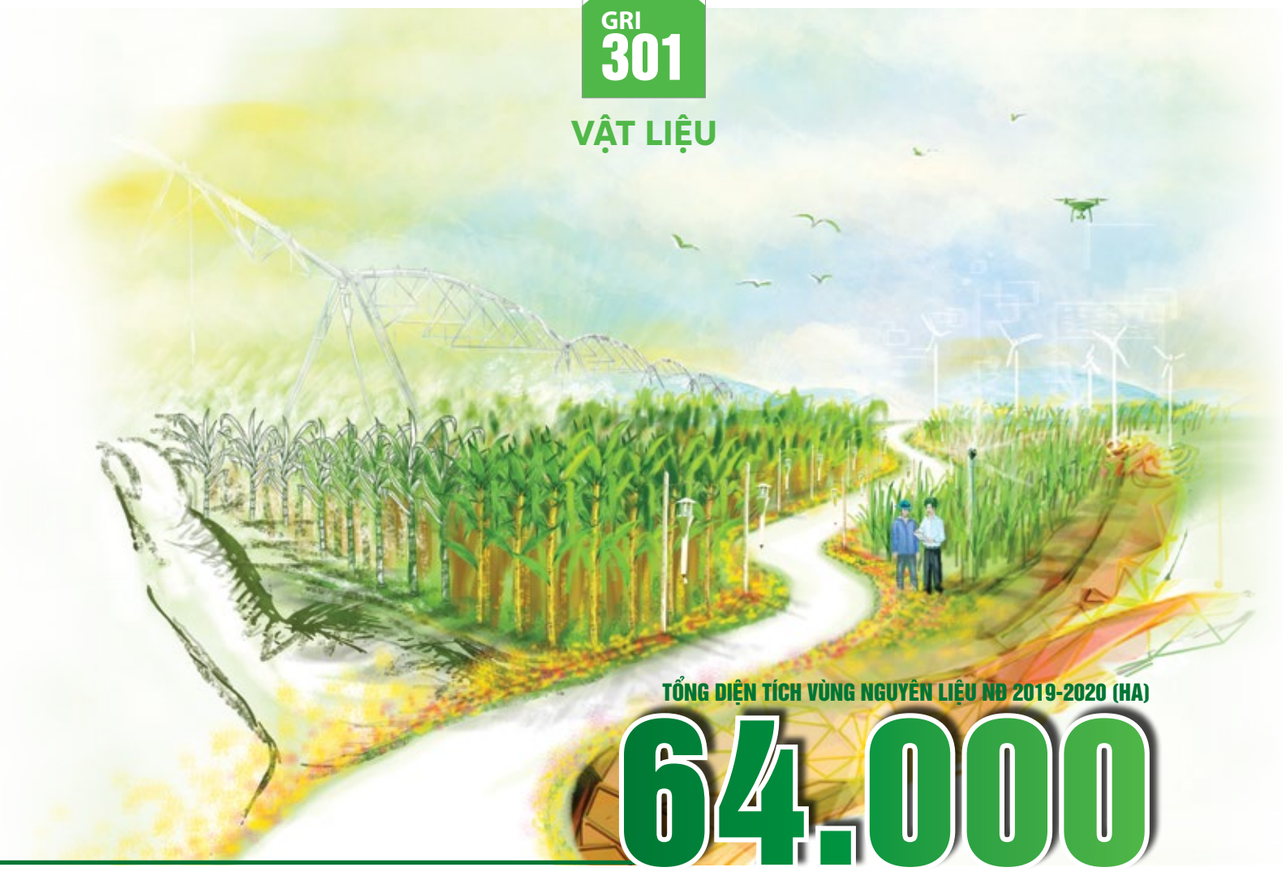
Chiến dịch được triển khai từ tháng 6/2020 với mục tiêu chuyển giao các giải pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến trong quá trình trồng và chăm sóc mía cho cán bộ, nhân viên nông vụ, phổ biến đến từng bà con nông dân. Rất nhiều hoạt động đa dạng, phong phú trong hơn 30 hội thảo như: Cày ngầm bón phân và tưới nhỏ giọt; Các mô hình khuyến nông trên đồng ruộng; Hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật trồng - ươm mía một mắt mầm và ứng dụng gel giữ ẩm trong trồng, chăm sóc mía gốc; Hướng dẫn quy trình trồng mía hố,... Trong chiến dịch này, TTC Biên Hòa giới thiệu và đưa vào sử dụng các chế phẩm chuyên dùng cho mía như: Root Booster, Grow Booster, CCS Booster,… giúp mía tăng năng suất 15% và Chữ Đường tăng 0.5 CCS. Đồng thời, để khuyến khích nông dân áp dụng các giải pháp này, Công ty cũng triển khai chính sách hỗ trợ 50% chi phí chế phẩm cho 700 ha đất trồng mía với ngân sách 637 triệu đồng để hỗ trợ nông dân mạnh dạn áp dụng kỹ thuật mới vào canh tác mía.

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

Môi trường

GRI 301

VẬT LIỆU



Rê chuột

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Đặc thù của TTC Biên Hòa là sản xuất sản phẩm Đường và Cạnh Đường - Sau Đường vì vậy nhu cầu về Mía và Đường thô nguyên liệu rất cao và liên tục. Do đó, quản trị và quản lý hiệu quả Nguyên vật liệu đầu vào sẽ đảm bảo được năng suất sản xuất và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa sự gián đoạn trong sản xuất, qua đó giúp kiểm soát được giá thành.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

TTC Biên Hòa xây dựng phần mềm Smartlab để quản lý Nguyên vật liệu đầu vào. Đây là kênh thông tin trực tuyến sản xuất hiệu quả, cho phép người truy cập dữ liệu ở bất cứ nơi đâu giúp cho việc giám sát và điều hành sản xuất thuận tiện và suôn sẻ. Ban lãnh đạo được tiếp cận thông tin về tình hình Nguyên vật liệu thường xuyên thông qua:

- Báo cáo hàng ngày
- Họp sản xuất ở nhà máy hàng tuần
- Họp điều độ kế hoạch sản xuất phạm vi Tổng Công ty được tổ chức hàng tháng nhằm tối ưu hóa tồn kho Nguyên vật liệu, năng lực sản xuất và nhất là đảm bảo tính kịp thời cung cấp Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.

GRI 301-1 VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG

Đối với ngành Mía Đường, Nguyên vật liệu quan trọng nhất chính là Mía và Đường thô, đây là hai nguyên liệu chính để sản xuất ra các sản phẩm Đường. TTC Biên Hòa là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Đường hàng đầu Việt Nam, ngoài năng lực ép Mía và sản xuất Đường từ Mía, TTC Biên Hòa còn là một trong số ít doanh nghiệp Đường có nhiều Nhà máy có khả năng luyện Đường thô giúp kéo dài thời gian luyện Đường ngoài vụ, tối ưu năng lực hoạt động nhà máy.



MÍA NGUYÊN LIỆU

TTC Biên Hòa hiện đang sở hữu 9 Nhà máy luyện Đường với tổng công suất ép mía là 37.500 tấn mía/ngày và tổng công suất sản xuất là 4.250 tấn Đường/ngày, các yếu tố đó là điều kiện để TTC Biên Hòa tự tin mở rộng vùng nguyên liệu và tự chủ tốt hơn nguồn nguyên liệu đầu vào, trong NĐ 2019-2020 tổng diện tích vùng nguyên liệu gồm vùng nguyên liệu đầu tư và vùng nguyên liệu nông trường của Công ty gần 64.000 ha.

Cơ cấu diện tích vùng nguyên liệu đầu tư thuê của nông dân và vùng nguyên liệu nông trường thuộc sở hữu của Công ty qua 3 niên vụ có nhiều thay đổi thể hiện rõ quan điểm phát triển của TTC Biên Hòa, theo đó, Công ty định hướng sẽ chủ động hơn trong việc sử dụng vùng nguyên liệu khi giảm dần tỷ lệ phụ thuộc trên vùng nguyên liệu đầu tư và tăng tỷ lệ diện tích đất nông trường nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, cũng như chủ động trong việc sử dụng đất.

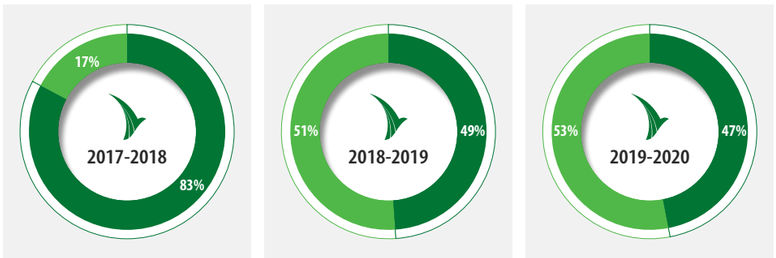
9
NHÀ MÁY LUYỆN ĐƯỜNG

TỔNG CÔNG SUẤT ÉP MÍA
37.500
TẤN MÍA/NGÀY

TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT
4.250
TẤN ĐƯỜNG/NGÀY

Cơ cấu Vùng nguyên liệu 3 niên độ gần nhất của TTC Biên Hòa

● Diện tích VNL Đầu tư ● Diện tích VNL Nông trường



Nguồn: TTC Biên Hòa



ĐƯỜNG THÔ

Niên độ 2019-2020 là NĐ đầu tiên TTC Biên Hòa chinh phục thành công và vượt mốc tiêu thụ hơn 1 triệu tấn Đường, nâng thị phần nội địa lên 46%, ngoài ra kênh xuất khẩu cũng tăng mạnh lên 212% so với NĐ trước. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu cung ứng của thị phần nội địa và cả nước ngoài, Công ty đã linh hoạt luyện thêm Đường thô ngoài vụ. Trong số 9 Nhà máy luyện Đường mà TTC Biên Hòa đang sở hữu, có 4 Nhà máy có khả năng sản xuất Đường thô, trong đó là 3 Trung tâm luyện Đường thô lớn TTCS, Biên Hòa-Đồng Nai và Biên Hòa-Ninh Hòa. Biên Hòa-Đồng Nai là Nhà máy Đường duy nhất có khả năng luyện quanh năm với công suất 400 tấn Đường/ngày, nhờ đó Công ty có thể tự chủ tốt hơn về nguyên liệu đầu vào, tăng thời gian chế luyện cũng như năng suất hoạt động của máy móc. Một phần lớn trong lượng Đường thô này được chế luyện từ nguồn Mía nguyên liệu. Vì vậy, bên cạnh việc nâng cao năng lực sản xuất, Công ty vẫn luôn nỗ lực thực hiện cam kết gắn bó với Người nông dân, thể hiện trách nhiệm xã hội trong dài hạn của Công ty tại các địa phương mà TTC Biên Hòa có VNL.

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

GRI 301-2 VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG



Mía là cây đa dụng từ thân đến ngọn, ngoài sản phẩm chính là Đường thì giá trị cây mía gia tăng không nhỏ khi các phụ phẩm sau khi sản xuất Đường được tái sử dụng như mật rỉ để chế biến thức ăn chăn nuôi, cồn ethanol,… bã mía dùng làm nguyên liệu đốt khi luyện Đường, trong quá trình đốt tiếp tục sinh ra điện phục vụ lại cho hoạt động của nhà máy,…ngọn lá mía và tro lò, bã bùn từ các hoạt động sản xuất cũng được giữ lại dùng làm phân vi sinh bón lại cho cây mía,…vòng tuần hoàn ấy được TTC Biên Hòa khai thác triệt bằng cách mạnh mẽ đầu tư nhiều dự án quan trọng để gia tăng tỷ trọng các sản phẩm Cạnh Đường - Sau Đường, đa dạng hóa chuỗi giá trị sản phẩm từ cây mía, giá trị thu được có thể gấp 3-4 lần so với chính phẩm là Đường và đặc biệt là góp phần bảo vệ môi trường xung quanh.

Mô hình tái sử dụng chất thải trong quá trình sản xuất Đường tại TTC Biên Hòa



CO_2 TỪ KHÍ	BÃ MÍA	BÃ BÙN	TRO LÒ	NƯỚC THẢI
LÀM SẠCH SIRO	ĐIỆN	PHÂN HỮU CƠ		TẠO CHÂN KHÔNG

Nguồn: TTC Biên Hòa

CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ PHỤ PHẨM VÀ CHẤT THẢI CỦA TTC BIÊN HÒA NĐ 2019-2020

SẢN PHẨM		KẾT QUẢ TRONG NĐ 2019-2020
Nước uống từ Mía	Nước uống Miaqua là sản phẩm được sản xuất đặc biệt, được chiết xuất trong quá trình ngưng tụ và chưng cất Đường mía, vì thế giữ được trọn vẹn hương Mía dịu ngọt	Thu được hơn **1,4 triệu lít** nước tinh khiết Miaqua từ quá trình bốc hơi nước mía trong quá trình luyện Đường
Bã Mía	Bã mía là sản phẩm phụ được thải ra trong quá trình sản xuất Đường, sau khi cây mía đã bị ép kiệt nước mía. Đây là nguồn nhiên liệu đốt cung cấp nhiệt cho lò hơi và có thể nghiên cứu để tận dụng sản xuất ra nấm, làm giấy, phân bón hữu cơ, thức ăn gia súc,...	**Hơn 1 triệu tấn** Bã mía được đưa vào tái sản xuất, giảm thiểu tối đa chất thải ra môi trường
Điện thương phẩm	Nhằm tối đa hóa chuỗi giá trị cây Mía, lượng bã mía sau khi thải ra chủ yếu được thu gom đưa về lò hơi. Tại đây, bã mía sẽ được đốt tạo ra nguồn nhiệt lượng phục vụ cho việc sản xuất Đường, phát điện dùng cho nhà máy hoặc bán lên lưới điện quốc gia	Tổng sản lượng Điện thương phẩm của toàn Công ty đạt **150+ triệu Mwh**
Mật rỉ	Mật rỉ là một phụ phẩm của ngành sản xuất Đường. Quá trình sản xuất sẽ tạo ra các tinh thể Đường và mật mía. Các tinh thể Đường được tách ra và phần mật mía tiếp tục được cô đặc. Sau khoảng 3 lần cô đặc, hầu như không thể tạo thêm các tinh thể Đường bằng các biện pháp thông thường, chất lỏng còn lại chính là mật rỉ	Tỷ lệ Mật rỉ/Tấn Mía duy trì ở mức tốt, góp phần tăng hiệu suất thu hồi Đường
Nước màu	Nước màu Bếp Xưa được sản xuất với nguồn nguyên liệu là mật mía trích ly từ dây chuyền sản xuất Đường qua quá trình cô đặc, ổn định. Sản phẩm giúp gia tăng giá trị của cây mía và phục vụ nhu cầu mới của người tiêu dùng	Tiêu thụ thành công gần **60.000** chai nước màu và sẽ tiếp tục tăng số lượng trong thời gian tới
Phân hữu cơ	Phân hữu cơ vi sinh được sản xuất từ phế phẩm sản xuất Đường (tro lò, bã bùn luyện, bã bùn thô), ứng dụng công nghệ vi sinh để chuyển hóa các thành phần hữu cơ có trong bùn Mía thành mùn do vi sinh vật trong chế phẩm Trichoderma thực hiện. Sản phẩm được bổ sung vi lượng (Bo, Mg, Zn...) nhằm tăng chất lượng phục vụ cây trồng	Sản xuất được gần **9.000 tấn** Phân vi sinh với chất lượng vượt yêu cầu đề ra

Nguồn: TTC Biên Hòa



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Song song với tốc độ phát triển kinh tế như hiện nay, chúng ta phải đối mặt với biến đổi khí hậu và thực trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng trở nên khan hiếm.

Việc kiểm soát hiệu quả nguồn Năng lượng sử dụng là vấn đề cần được các doanh nghiệp chú ý quan tâm bởi những tác động tiêu cực của nó gây ra, đối với TTC Biên Hòa việc sử dụng năng lượng phục vụ cho hoạt động sản xuất rất nhiều. Vì thế, Công ty luôn chú trọng lựa chọn những Nguyên liệu đốt thông minh, hiệu quả, an toàn nhằm giảm thiểu cường độ phát thải nhà kính và các tác động đến môi trường.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa bắt đầu triển khai quản lý các vấn đề Năng lượng thông qua hệ thống Phần mềm tích hợp ERP. Theo đó, Ban lãnh đạo được tiếp cận thường xuyên các báo cáo sử dụng Năng lượng theo định kỳ (hàng ngày, tuần, tháng, vụ mùa,…) và các cuộc họp trực tiếp (hàng tuần, tháng, quý,…). Phòng Kỹ thuật sản xuất sẽ định kỳ kiểm tra, đánh giá số liệu thực hiện của NĐ trước và đưa ra các phương pháp cải tiến dựa theo từng mùa vụ và nhu cầu sản xuất thực tế của NĐ hiện tại.

GRI 302-1 NĂNG LƯỢNG TIÊU HAO TRONG TỔ CHỨC

NHIÊN LIỆU CÓ NGUỒN GỐC KHÔNG TÁI TẠO GIẢM

84%

Thị phần của Công ty ngày càng phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường vì thế gia tăng. Công ty cần nhiều nguồn năng lực đa dạng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, nhưng không phải vì thế mà Công ty bỏ qua giai đoạn lựa chọn nguồn năng lượng đầu vào, việc ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo ít ảnh hưởng môi trường vẫn được Công ty chú trọng. Trong NĐ 2019-2020 tổng tiêu thụ Năng lượng từ việc sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc không tái tạo giảm mạnh 84%, đồng thời tổng tiêu thụ Năng lượng từ lưới điện quốc gia giảm tương đương 45% so với NĐ trước. Đáng chú ý tổng tiêu thụ Năng lượng từ các nguồn khác như điện sinh khối có nguồn gốc tái tạo tăng 134%, điều này cho thấy kế hoạch phát triển Công ty trên cơ sở bảo vệ môi trường xung quanh đã được kiểm soát tốt.

Các nguồn năng lượng đã tiêu thụ		Chênh lệch NĐ 2019-2020/NĐ 2018-2019 (%)
(1)	Tiêu thu Năng lượng từ việc sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc không tái tạo (dầu mỏ, khí đốt, than đá…)	(84)
(2)	Tiêu thụ Năng lượng điện từ nguồn cấp lưới điện quốc gia	(45)
(3)	Tiêu thụ Năng lượng từ các nguồn khác như điện sinh khối có nguồn gốc tái tạo như bã mía, mùn cưa, vỏ trấu,…	134
(4)	Tiêu thụ Năng lượng do tổ chức tạo ra để dùng (bao gồm Năng lượng mặt trời, gió…)	14
(5)	Tổng Năng lượng tổ chức bán ra	(4,5)
(6)	**Tổng lượng tiêu thụ Năng lượng (1) + (2) + (3) + (4) - (5)**	**(88)**

GRI 302-4 GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG



Hệ thống luyện đường bằng nhiên liệu Biomass tại nhà máy Biên Hòa - Ninh Hòa

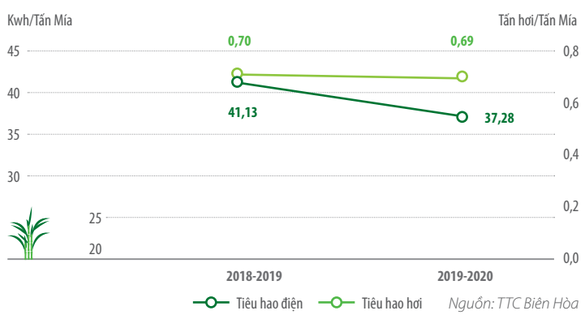
Hiện tại, 100% nhà máy của Công ty được đầu tư thực hiện lắp hệ thống điện Mặt trời áp mái để tận dụng nguồn Năng lượng sạch, đồng thời tiết kiệm chi phí hoạt động.

TRONG NĐ 2019-2020
CÔNG TY ƯỚC TÍNH ĐÃ TIẾT KIỆM ĐIỆN HƠN
12
triệu Kwh
TƯƠNG ĐƯƠNG KHOẢNG
28
tỷ VNĐ

Trong NĐ 2019-2020, Công ty ước tính đã tiết kiệm hơn 12 triệu KWh điện, tương đương khoảng 28 tỷ đồng. Mục tiêu trong những NĐ sắp tới, Công ty sẽ tiếp tục gia tăng tỷ trọng của nguồn Năng lượng này nhằm tiết giảm giá thành sản xuất, gia tăng năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh việc lắp hệ thống Điện mặt trời, Công ty còn triển khai các dự án Sấy bã mía, Tiết kiệm hơi, Cải tạo hệ thống Cacbonat hóa để giảm tiêu thụ Năng lượng. Tại các nhà máy TTC Biên Hòa, việc sử dụng hơi cao áp đều được thay thế bằng cột nghiêng ngưng tụ kiểu phun. Kết quả tiêu hao hơi trong giai đoạn ép mía đã giảm từ 0,7 tấn hơi/tấn mía xuống còn 0,69 tấn hơi/tấn mía; Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu cải tiến và lắp đặt thêm một số thiết bị trong dây chuyền sản xuất để giảm tiêu thụ hơi ở các nhà máy và tiếp tục giảm xuống còn 0,42 tấn hơi/tấn mía vào NĐ 2020-2021. Tiêu hao điện cũng giảm từ 41,13 Kwh/tấn mía xuống còn 37,28 Kwh/tấn mía so với NĐ 2018-2019.

Tỷ suất tiêu hao Điện năng và tiêu hao Hơi tại các Nhà máy TTC Biên Hòa



Nguồn: TTC Biên Hòa

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Nước là nhu cầu thiết yếu của con người, nên chất lượng nguồn nước đóng vai trò quan trọng đối với sức khỏe cộng đồng và môi trường xung quanh. Vì thế, TTC Biên Hòa luôn chú trọng vào việc đảm bảo chất lượng nguồn Nước đầu vào theo nguồn, tuần hoàn, tái sử dụng và nước thải ra ngoài.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Với tiêu chí sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm, Công ty quản trị vấn đề nước và nước thải thông qua việc phân tách riêng biệt các loại nước theo mục đích sử dụng:

- Nước tạo chân không cho quá trình sản xuất là nguồn nước mặt kênh, sông, suối, nước giếng, nước sạch sau hệ thống xử lý nước thải
- Nước sử dụng cho công nghệ là nguồn nước trích từ mía
- Nước vệ sinh nhà xưởng, thiết bị và tưới cây là nguồn nước mặt kênh, sông, suối, nước giếng, nước sạch sau hệ thống xử lý nước thải
- Nước dùng sinh hoạt là nguồn nước thủy cục, nước giếng

GRI 303-1 — LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN

TTC Biên Hòa luôn tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về việc khai thác nguồn nước, cũng như áp dụng nhiều biện pháp công nghệ để giảm lượng nước sử dụng. Công ty đã ban hành Hướng dẫn kiểm soát nguồn nước để kiểm soát đối với nguồn nước sử dụng, hệ thống phân phối, lưu trữ và đề ra các biện pháp kiểm soát, xử lý khi phát hiện nguồn nước không đạt yêu cầu sử dụng. Nước tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm yêu cầu đạt quy chuẩn nước ăn uống theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 1-2019/BYT. Các thiết bị lọc, thùng chứa, đường ống, van nước tại các phân xưởng sản xuất phải thường xuyên được kiểm tra, vệ sinh và khắc phục ngay nếu có sự cố.

Tổng lượng nước đầu vào theo nguồn

Mô tả	2018-2019		2019-2020		Chênh lệch 2019-2020/2018-2019
	Lượng nước (m^3)	Tỷ lệ	Lượng nước (m^3)	Tỷ lệ	Lượng nước (m^3)
Nước bề mặt (sông, suối, ao, hồ…)	22.189.225	89%	24.793.925	82,7%	2.604.700
Nước ngầm	144.386	0,6%	3.253.298	10,8%	3.108.912
Nước cấp đô thị	345.111	1,4%	293.826	1%	-51.285
Nước thủy cục	2.229.080	9%	1.650.120	5,5%	-578.960
Tổng cộng	**24.907.802**	**100%**	**29.991.169**	**100%**	**5.083.367**

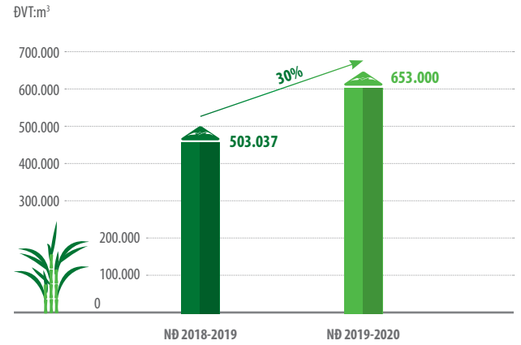
Lưu ý: Số liệu được thu thập từ chỉ số đồng hồ đo lưu lượng hàng tháng tại các nhà máy của Công ty

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 303-3 — TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC

Nước sau khi phục vụ cho hoạt động sản xuất đi qua hệ thống giải nhiệt sẽ có nhiệt độ cao từ 50°C - 52°C, không còn sử dụng được và phải xả bỏ ra ngoài, hệ thống phải tiếp tục lấy nước mua ngoài từ kênh dẫn nước để cung cấp bù vào hoạt động giải nhiệt. Để tiết kiệm nước và tái sử dụng lượng nước từ hệ thống giải nhiệt, Công ty đã đầu tư hệ thống Tháp làm lạnh nhằm làm mát nguồn nước có nhiệt độ cao xuống khoảng 35°C - 38°C từ đó tuần hoàn nước sử dụng sau quá trình giải nhiệt để cắt giảm lượng nước mua ngoài và tiết kiệm chi phí. Theo đánh giá chung, việc sử dụng hệ thống này giúp Công ty tiết kiệm chi phí mua nước từ các đơn vị bên ngoài khoảng 73%. Niên độ 2019-2020, Công ty cũng đã ghi nhận lượng nước tái sử dụng tốt khi tăng 30% đạt 653.000 m^3. Xu hướng tái sử dụng nước ngày càng tăng cho thấy ý thức và trách nhiệm của Công ty đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

Lượng nước tái sử dụng tại các nhà máy TTC Biên Hòa



Nguồn: TTC Biên Hòa



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

TTC Biên Hòa là doanh nghiệp sản xuất nên trách nhiệm trong việc giảm thiểu hiệu ứng nhà kính thể hiện rõ nhất qua vấn đề phát thải. Công ty hiện nay đang kiểm soát chặt chẽ việc phát thải để đảm bảo một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường và cộng đồng. Phần lớn phát thải phát sinh trong quá trình sản xuất đã được Công ty tận dụng và phát triển thông qua những dự án thiết thực về sử dụng nhiên liệu sạch và hạn chế khí thải độc hại cũng như các quy định nội bộ về an toàn môi trường.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Hiện tại Công ty quản lý dữ liệu quan trắc khí thải Lò hơi tự động và liên tục trên phần mềm trực tuyến. Các nhà máy Đường của Công ty đều được xây dựng hệ thống xử lý khí thải đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT và các quy định khác theo luật Môi trường. Đồng thời, nhằm giám sát chất lượng khí thải, các nhà máy được trang bị hệ thống quan trắc khí thải theo đúng quy định của Thông tư 24:2017/BTNMT Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường. Dữ liệu quan trắc được gửi trực tiếp đến Sở Tài nguyên Môi trường của từng địa phương. Trong NĐ 2019-2020, Công ty đã quản lý tốt phát thải trong quá trình sản xuất, không có vi phạm nào được phát hiện trong năm.

GRI 305-1 — PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Hầu hết lò hơi của các nhà máy chủ yếu sử dụng nhiên liệu sinh khối chủ yếu là Bã mía, Biomass,… thay cho than đá, nhờ vậy hạn chế được đáng kể phát thải nhà kính. Mặt khác, công nghệ sản xuất Đường tinh luyện của Công ty áp dụng công nghệ Cacbonat hóa, nghĩa là sử dụng CO_2 và vôi trong quy trình sản xuất nhằm loại bỏ tạp chất. Do đó, lượng khí CO_2 sinh ra trong quá trình đốt lò hơi sẽ được trích thu về và tái sử dụng vào sản xuất. Ước tính tỷ lệ trích thu này khoảng 9-12% tổng lượng khói phát thải ra ngoài môi trường.

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Sự gia tăng dân số cùng với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa đã gây ra áp lực rất lớn đến môi trường và tài nguyên nước ở Việt Nam. Dân số tăng đồng nghĩa với lượng nước thải và chất thải cũng tăng. Là doanh nghiệp sản xuất, TTC Biên Hòa ý thức cao vấn đề bảo vệ môi trường thông qua hành động thiết thực. Công ty có chủ trương tái sử dụng chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất tạo ra để bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị và giảm giá thành sản phẩm. Đồng thời, quản lý nước thải và chất thải trên cơ sở tổng nước thải theo chất lượng, địa điểm thải và tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

TTC Biên Hòa đề ra các KPI về quản lý chất thải và thực hiện đánh giá nội bộ 1 lần/năm. Trong NĐ vừa qua, không có vi phạm nào về việc quản lý chất thải và nước thải được phát hiện. Công ty quản lý nước thải và chất thải theo các quy chuẩn sau:

- Đối với Nước thải: Hệ thống vận hành xử lý nước thải đạt theo yêu cầu pháp luật hiện hành theo Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT
- Đối với Chất thải: Công ty quản trị vấn đề chất thải thông qua hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001: 2015, đảm bảo chất thải khi đưa vào môi trường phải đạt quy chuẩn môi trường đã cam kết

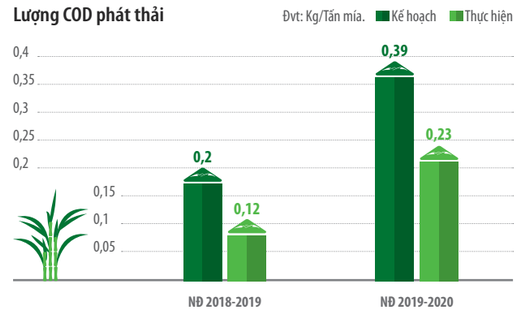
GRI 306-1 — TỔNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM THẢI

Hệ thống xử lý nước thải tại TTC Biên Hòa được quản lý và vận hành theo tiêu chuẩn Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT, luôn đạt yêu cầu chất lượng của pháp luật. Nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý được tái sử dụng cho sản xuất và tưới mía, giúp tiết kiệm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ tài nguyên nước. Trong NĐ 2019-2020 lượng nước thải ở các nhà máy của TTC Biên Hòa đa phần giảm nhiều so với NĐ trước.

Địa điểm xả thải		Lượng nước thải (m^3)			Phương pháp xử lý	Chất lượng nước thải đầu ra	Nước thải sử dụng lại bởi tổ chức khác
Nhà máy	Vị trí	NĐ 2018-2019	NĐ 2019-2020	%			
TTCS	Tây Ninh	416.075	521.583	25	Phương pháp sinh học kết hợp hóa lý	Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	
Biên Hòa - Phan Rang	Ninh Thuận	8.789	7.274	(17)		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	Tái sử dụng nước thải sau xử lý cho hệ thống nước tạo chân không trong nhà máy
Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	191.718	138.072	(28)		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	
TTC - Attapeu	Tưới Mía Khu vực Nông trường cạnh Nhà máy	178.848	117.000	(35)		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	
Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	78.511	83.995	7		Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT	Nhà máy tái sử dụng
TTCS Gia Lai	Gia Lai	28.272	35.976	27		Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT	

Lưu ý: Lưu lượng Nước thải được lấy thông qua chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước thải vào và ra của Hệ thống xử lý nước thải. *Nguồn: TTC Biên Hòa*

COD hay nhu cầu ôxy hóa học (Chemical Oxygen Demand) là lượng ôxy cần thiết để ôxy hóa toàn bộ các chất hữu cơ có trong nước thải, chỉ số COD được sử dụng rộng rãi để đo gián tiếp khối lượng các hợp chất hữu cơ có trong nước. Lượng COD phát thải thấp sẽ giúp hệ thống xử lý nước thải xử lý dễ dàng hơn, ít tốn hóa chất hơn. Trong hai NĐ gần nhất, chỉ số COD thực hiện đều thấp hơn đáng kể so với mục tiêu nhờ những nỗ lực kiểm soát tại từng nhà máy, việc này không chỉ giảm tác động tới môi trường mà còn góp phần vào giảm chi phí sản xuất. NĐ 2019-2020, lượng COD phát thải chỉ ở mức 0,23 kgCOD/tấn mía, giảm hơn 41% so với kế hoạch NĐ 2019-2020.



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 306-2 — TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ



Hệ thống xử lý Bã mía

Bã mía sẽ được tận dụng triệt để làm nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và điện cho hoạt động sản xuất của nhà máy và hòa bán vào lưới điện quốc gia, mang về nguồn lợi nhuận cho Công ty. Lò hơi sử dụng nguyên liệu sinh khối từ Bã mía giúp giảm thiểu phát sinh khí CO_2 và các khí khác gây hại môi trường. Ngoài ra, khí CO2 từ lò hơi, qua hệ thống xử lý khí thải được trích thu sử dụng để loại bỏ tạp chất của Đường, vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường. Tro lò, bã bùn được dùng để cung cấp thêm men vi sinh, làm phân bón cải tạo đất nông trường, tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cho cây mía.

Điển hình ở nhà máy TTCS, chất thải trong quá trình sản xuất được phân loại và đưa ra phương pháp xử lý phù hợp, phần lớn chất thải được tái tạo đem ủ làm phân bón, những chất thải có khả năng nguy hại đến môi trường Công ty chủ động thuê đơn vị chức năng bên ngoài xử lý để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của pháp luật và đặc biệt là không gây ảnh hưởng môi trường.

Phân loại Chất thải theo phương pháp xử lý tại nhà máy TTCS

ĐVT: Tấn	NĐ 2018-2019		NĐ 2019-2020	
	Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường	Chất thải nguy hại	Chất thải thông thường
Ủ phân	0	57.303	0	46.963
Đốt (đốt khối lượng lớn)	0	373.883	0	222.939
Thuê đơn vị chức năng xử lý	3,6	46,4	7	36,5

Nguồn: TTC Biên Hòa



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

TTC Biên Hòa hiểu rõ tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu Công ty, tất cả các hoạt động của TTC Biên Hòa được quản trị trên tinh thần tuân thủ pháp luật. Trong đó, việc tuân thủ các quy định về Môi trường, Kinh tế và Xã hội được tuân thủ trên tinh thần tự nguyện và thực hiện vì trách nhiệm với Cộng đồng, Công ty nỗ lực thực hiện tuân thủ các chuẩn mực cao hơn các quy định hiện hành để hướng Công ty phát triển bền vững góp phần xây dựng Cộng đồng và Xã hội.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Mục tiêu quản lý các vấn đề liên quan đến Môi trường - Kinh tế - Xã hội của Công ty là phải đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ theo các quy định Luật bảo vệ Môi trường tại địa phương và hệ thống Pháp luật Việt Nam. Định kỳ, Công ty sẽ thực hiện các báo cáo giám sát cho cơ quan chức năng theo đúng quy định:

- Đánh giá 1 lần khi triển khai thực hiện dự án hoặc khi nâng công suất hay thay đổi loại hình hoạt động: Báo cáo đánh giá tác động Môi trường;
- Báo cáo 2 lần/năm: Báo cáo Giám sát chất lượng Môi trường; Báo cáo Tai nạn lao động;
- Báo cáo 1 lần/năm: Báo cáo An toàn vệ sinh lao động, Báo cáo Tình hình khai thác nước dưới đất, Báo cáo Tình hình khai thác nước mặt, Báo cáo Quản lý chất thải nguy hại, Báo cáo xả thải, Báo cáo Quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn lao động,...

Tinh thần trách nhiệm và những nỗ lực tuân thủ về Môi trường - Kinh tế - Xã hội của TTC Biên Hòa được ghi nhận thông qua việc Công ty liên tục được vinh danh trong nhiều hạng mục liên quan đến Phát triển bền vững và hoạt động Cộng đồng Xã hội trong NĐ 2019-2020. Công ty vinh dự 3 năm liên tiếp có tên trong danh sách "100 Doanh nghiệp bền vững" và "Top 20 Doanh nghiệp niêm yết thuộc Rổ chỉ số Phát triển bền vững - VNSI".

100	DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI	Tháng 11/2019
TOP 20	DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT THUỘC RỔ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - VNSI - HOSE	Định kỳ đánh giá vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm
TOP 10	THƯƠNG HIỆU VÌ MÔI TRƯỜNG XANH QUỐC GIA Hiệp hội Thông tin Tư vấn Kinh tế Thương mại Việt Nam (VICETA)	Tháng 7/2020

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Trong bối cảnh ngành Nông nghiệp sản xuất Đường đòi hỏi nhiều lao động, thị trường nhân sự ngày càng cạnh tranh gay gắt do đó việc thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao thật sự là một vấn đề nan giải để tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. TTC Biên Hòa đặc biệt chú trọng đến vấn đề nhân sự thông qua:

- Tạo cơ hội việc làm trong thị trường lao động và các địa phương nơi Công ty hoạt động;
- Tuyển dụng nhân sự, thu hút nhân tài;
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp;
- Xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh cho CBNV;
- Xây dựng chính sách làm việc bình đẳng, công bằng, không phân biệt tôn giáo, quốc tịch, giới tính, khu vực;
- Đảm bảo an toàn sức khỏe lao động cho CBNV;
- Tạo điều kiện cho CBNV được đào tạo, nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Các chính sách được xây dựng trên cơ sở đảm bảo mọi hoạt động nhân sự tuân thủ theo Luật Lao động và các Tiêu chuẩn Lao động quốc tế - ILO. Theo đó:

- Tất cả CBNV tại TTC Biên Hòa đều được ghi nhận đóng góp thông qua việc đánh giá hiệu quả làm việc và khen thưởng theo năng lực;
- Mọi thay đổi về mặt chính sách nhân sự đều được Công ty cập nhật theo đúng các quy định Pháp luật, đồng thời điều chỉnh các chính sách Nhân sự nội bộ dưới dạng các văn bản lập quy chính thức để đảm bảo tối đa lợi ích của người lao động;
- Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các chính sách phúc lợi và đào tạo để gia tăng sự hài lòng của CBNV, qua đó giúp người lao động gắn bó lâu dài cũng như tạo thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa.

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

GRI 401-1 SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

Kinh tế ngày càng phát triển, người lao động ngày càng có nhiều sự lựa chọn trong việc tìm môi trường tốt với phúc lợi cao hơn. Đây là bài toán khó cho các doanh nghiệp trong việc giữ chân người lao động, đặc biệt đối với các Công ty sản xuất cần đảm bảo hoạt động liên tục. Thu hút và giữ chân nhân tài, sàng lọc những nhân sự chưa đáp ứng đủ yêu cầu nhằm gia tăng hiệu quả công việc, tránh lãng phí, tối ưu hóa lợi nhuận tiếp tục là phương châm mà Ban Lãnh đạo TTC Biên Hòa hướng đến trong niên độ qua.

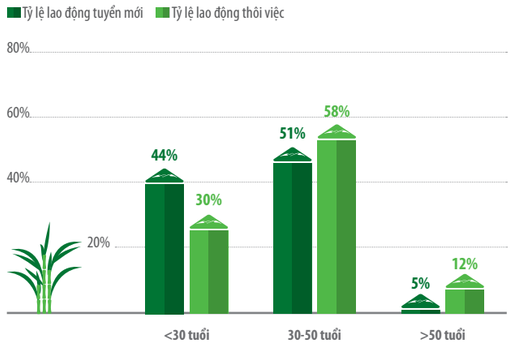
Công ty đã thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ bộ máy nhân sự nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao và năng lực phù hợp. Trong NĐ vừa qua, Công ty đã tuyển mới 962 người, trong đó, tỷ lệ nhân viên dưới 30 tuổi chiếm 44%. Điều này cho thấy cơ cấu nguồn nhân lực của Công ty ngày càng được trẻ hóa với trình độ chuyên môn ngày càng cao.

Tổng số lượng lao động tuyển mới theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực Niên độ 2019-2020

Nhân sự tuyển mới	Số lượng lao động tuyển mới (người)
Tổng số lao động tuyển mới theo độ tuổi	**962**
< 30 tuổi	422
30-50 tuổi	491
>50 tuổi	49
Tổng số lao động tuyển mới theo giới tính	**962**
Nữ	252
Nam	710
Tổng số lao động tuyển mới theo khu vực	**962**
TP. HCM	146
Tây Ninh	301
Đồng Nai	121
Gia Lai	32
Khánh Hòa	57
Ninh Thuận	16
Khu vực Lào	231
Campuchia	58

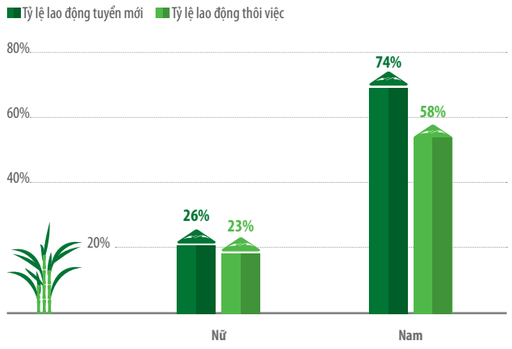
Nguồn: TTC Biên Hòa

Tỷ lệ lao động tuyển mới và thôi việc theo nhóm tuổi NĐ 2019-2020



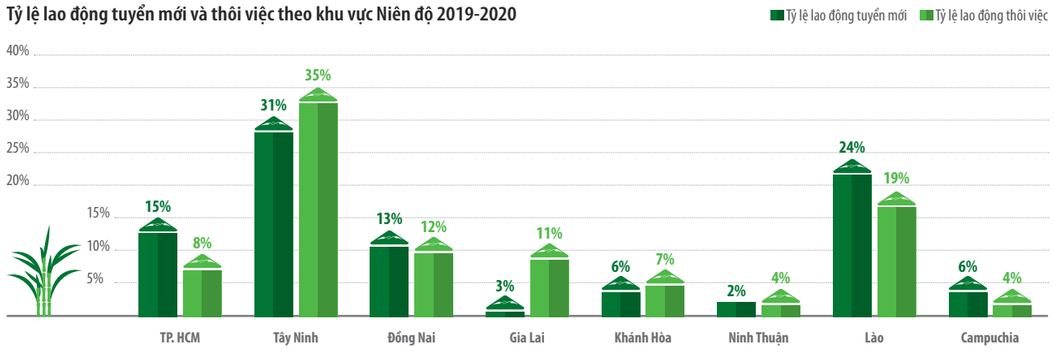
Nguồn: TTC Biên Hòa

Tỷ lệ lao động tuyển mới và thôi việc theo giới tính NĐ 2019-2020



Nguồn: TTC Biên Hòa

Tỷ lệ lao động tuyển mới và thôi việc theo khu vực Niên độ 2019-2020



Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 401-2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO CBNV TOÀN THỜI GIAN

Ngoài chính sách lương cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng Ngành, Công ty cũng rất chú trọng trong việc thực hiện các chính sách đãi ngộ, tạo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp cũng như đảm bảo chăm lo đời sống cho toàn thể CBNV. Tổng chi phí phúc lợi cho CBNV NĐ 2019-2020 đạt gần 108 tỷ đồng, chiếm 0,84% trên Doanh thu thuần, trong đó tổng chi phí cho các khoản bảo hiểm hơn 30 tỷ đồng.

Phúc lợi cho nhân viên Niên độ 2019-2020

Tên phúc lợi	Toàn thời gian	Hợp đồng/ Bán thời gian	Chi phí (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Bảo hiểm Xã hội	X	X	23.621	21,9%
Bảo hiểm Y tế	X	X	4.237	3,9%
Bảo hiểm Thất nghiệp	X	X	1.432	1,2%
Bảo hiểm Tai nạn	X	X	397	0,4%
Bảo hiểm Sức khỏe	X		553	0,5%
Công đoàn	X		2.369	2,2%
Khác	X		74.943	69,9%
Tổng cộng			**107.522**	**100%**

Nguồn: TTC Biên Hòa

Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho CBNV theo đúng quy định của pháp luật khi hoàn thành các chi phí Bảo hiểm bắt buộc, Công ty còn chú trọng quan tâm đến các chế độ phúc lợi khác ngoài lương khi tỷ lệ các phúc lợi chiếm gần 70% tổng chi phí. Một số phúc lợi chính trong niên độ qua có thể kể đến như:

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI	CHI TIẾT
Chính sách phúc lợi dành cho Nhân viên chính thức	▸ Xe đưa rước cho CBNV làm việc tại các nhà máy ▸ Khám sức khỏe định kỳ ▸ Gói bảo hiểm Bảo Việt Healthcare - chăm sóc sức khỏe toàn diện cho các cán bộ cấp trung và cấp cao ▸ Du lịch nghỉ mát định kỳ ▸ Quà tặng các dịp Lễ/Tết và các dịp đặc biệt ▸ Các khoản phụ cấp gồm cơm trưa, tăng ca, chi phí điện thoại, phụ cấp độc hại cho CBNV.
Chế độ làm việc xa xứ	▸ Phụ cấp thêm từ 3 - 5 triệu đồng/người ▸ Được quyền đưa vợ/chồng, con đến địa phương nơi làm việc để cùng sinh sống: Công ty đài thọ 50% học phí chính quy cho 2 con hợp pháp dưới 18 tuổi tại các trường học trong địa bàn làm việc ▸ Được về thăm nhà từ 6-9 lần/năm và được Công ty đài thọ chi phí đi lại.
Chính sách, phúc lợi đối với lao động nữ	▸ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật trong tuyển dụng và sử dụng lao động nữ ▸ Chú trọng đến bình đẳng giới trong các vấn đề: Tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, tiền lương, khen thưởng, thăng tiến, trả công, điều kiện lao động, an toàn lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các chế độ phúc lợi khác về vật chất và tinh thần ▸ Chế độ nghỉ thai sản theo luật ▸ Bảo đảm việc làm cho lao động nữ sau nghỉ thai sản.
Thu nhập khác	▸ Lương tháng 13 ▸ Thưởng hiệu quả công việc cuối năm ▸ Thưởng thâm niên.
Bảo hiểm nhân thọ	▸ Cán bộ quản lý có thâm niên công tác 5 năm trở lên.

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

GRI 401-3 CHẾ ĐỘ THAI SẢN

TTC Biên Hòa luôn tôn trọng và đề cao quyền bình đẳng giới đối với lao động nữ, bên cạnh việc khám sức khỏe định kỳ hàng năm Công ty còn đảm bảo đầy đủ các chế độ liên quan đến thai sản cho lao động nữ theo đúng quy định của Luật Lao động. Theo đó, Công ty tuyệt đối không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi trừ trường hợp hết thời hạn Hợp đồng lao động hoặc Công ty chấm dứt hoạt động. Ngoài ra, trong giai đoạn mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trường hợp nếu lao động nữ đang làm các công việc nặng nhọc sẽ được điều chuyển sang công việc nhẹ hơn và không bị buộc làm thêm giờ.

TTC Biên Hòa luôn luôn có sự quan tâm và đồng hành cùng CBNV nữ trong hành trình làm mẹ:

1. **Giai đoạn mang thai:** CBNV nữ được quyền nghỉ khám thai 5 lần/thai kỳ, mỗi lần nghỉ 1 ngày làm việc hoặc 2 ngày đối với những trường hợp người mang thai có bệnh lý không bình thường hoặc ở xa cơ sở y tế.
2. **Giai đoạn sinh con:** CBNV nữ sẽ được nghỉ thai sản trong thời gian 6 tháng trước và sau khi sinh con. CBNV nam khi vợ sinh con sẽ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định Pháp luật.
3. **Giai đoạn chăm con:** CBNV nữ đang trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi sẽ được nghỉ mỗi ngày 1 giờ trong thời gian làm việc mà vẫn hưởng đủ lương.

Trong NĐ 2019-2020, toàn bộ 45 trường hợp nghỉ và được hưởng chế độ thai sản, sau khi kết thúc kỳ thai sản đều quay trở lại làm việc tại TTC Biên Hòa.



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

An toàn sức khỏe nghề nghiệp luôn là một trong những vấn đề được ưu tiên hàng đầu tại TTC Biên Hòa, đây không chỉ là nghĩa vụ của Công ty trong vấn đề đảm bảo sức khỏe của người lao động mà còn đem lại lợi ích kinh tế khi góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất, năng suất người lao động, giảm các chi phí khám chữa bệnh và chi phí thiệt hại do tai nạn lao động.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện các Báo cáo Quan trắc môi trường lao động, An toàn vệ sinh lao động, Tai nạn lao động, Quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt An toàn lao động,… gửi cho các Cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, tất cả các hướng dẫn/quy định/quy trình đều được Công ty hệ thống hóa thành các văn bản lập quy để đưa vào áp dụng trong toàn bộ hệ thống của Công ty:

- Hướng dẫn kiểm soát vệ sinh cá nhân và sức khỏe người lao động
- Quy trình xử lý, khai báo, điều tra và báo cáo tai nạn lao động
- Hướng dẫn an toàn trong quản lý và sử dụng hóa chất
- Quy trình cấp giấy phép làm việc có rủi ro cao
- Quy trình chuẩn bị và ứng phó tình huống khẩn cấp
- Quy trình quản lý thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động.

GRI 403-2 LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC

Với các phương pháp quản trị phù hợp, trong NĐ 2019-2020, TTC Biên Hòa không ghi nhận bất cứ vụ việc vi phạm an toàn và sức khỏe của người lao động nào. Để đạt được kết quả này, định kỳ hàng năm, Công ty đều phối hợp với cơ quan chức năng để tiến hành quan trắc môi trường làm việc, kiểm tra nồng độ bụi, tiếng ồn, độ rung,… để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe người lao động, đồng thời đưa ra những giải pháp cải thiện, bổ sung thêm trang bị bảo hộ lao động cho Nhân viên nhằm hạn chế những tác động của Môi trường đến sức khỏe của người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về An toàn sức khỏe nghề nghiệp. Trong NĐ vừa qua, Công ty đã thực hiện 16 chương trình đào tạo về An toàn vệ sinh lao động cho các nhóm I, II, III, IV, V, VI với tổng chi phí ~ 100 triệu đồng.

Công ty cũng tổ chức cho Nhân viên tham gia các chương trình khám sức khỏe định kỳ, thực hiện theo dõi kết quả khám chữa bệnh thường xuyên, đặc biệt là đối với các Nhân viên làm việc trong khu vực có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp cao. Cụ thể, đối với Nhân viên làm việc ở khu vực có điều kiện bình thường, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm; đối với Nhân viên làm việc tại các vị trí nặng nhọc, độc hại và các vị trí có kết quả giám định Môi trường vượt ngưỡng theo Quy chuẩn Việt Nam, Công ty sẽ tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo quy định của luật An toàn vệ sinh lao động. Đối với các trường hợp phát hiện Nhân viên bị mắc bệnh nghề nghiệp, Công ty sẽ theo dõi và có kế hoạch khám, tái khám định kỳ theo tần suất được quy định. Kết quả khám bệnh nghề nghiệp tại TTC Biên Hòa trong năm qua không phát hiện bất cứ loại bệnh nghề nghiệp hay thương tích mắc phải trong khu vực sản xuất cũng như văn phòng. Xét về tai nạn lao động, Công ty ghi nhận 2 trường hợp tai nạn lao động mức độ nhẹ đối với 2 nam công nhân tại khu vực nhà máy, ngay lập tức Công ty đã có những biện pháp hỗ trợ, bồi thường kịp thời nhằm giúp người lao động nhanh chóng bình phục và quay trở lại làm việc.



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ kế thừa là nền tảng để CBNV thích ứng được với những thay đổi và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Công ty. Làm việc trong một môi trường được đào tạo bài bản, Nhân viên sẽ có xu hướng gắn bó lâu dài, nỗ lực cống hiến và sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển của tổ chức hơn, từ đó Công ty sẽ tiết kiệm chi phí, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch đào tạo cho CBNV từ nhân viên cho đến các cấp quản lý và triển khai đến từng Phòng ban/Nhà máy. CBNV phải tham gia đầy đủ các khóa đào tạo bắt buộc của Công ty. Sau mỗi khóa đào tạo, nhân viên sẽ được yêu cầu thực hiện các bài kiểm tra và được cấp chứng chỉ sau mỗi khóa học. Mỗi Phòng ban đều có một lộ trình đào tạo cụ thể để có thể phát triển năng lực bản thân một cách tốt nhất. Mỗi nhân viên luôn được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các chương trình đào tạo cũng như khuyến khích văn hóa học tập không ngừng. Hoạt động giáo dục và đào tạo tại TTC Biên Hòa đã đem lại những kết quả tích cực khi CBNV được phát triển toàn diện cả về chuyên môn, nghiệp vụ lẫn kỹ năng mềm.

GRI 404-1 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN

Trong NĐ 2019-2020, dù đại dịch Covid-19 bùng phát, lệnh giãn cách xã hội kéo dài nhưng Công ty nỗ lực không để hoạt động đào tạo bị ảnh hưởng bằng cách tận dụng ứng dụng công nghệ tiên tiến như đào tạo online, ứng dụng "zoom meeting". Công ty đã tổ chức 396 khóa học với hơn 7.000 lượt học có tổng 43.561 giờ đào tạo cho người lao động các cấp. Tổng chi phí đào tạo trong NĐ ghi nhận 10 tỷ đồng.

Số giờ đào tạo trung bình theo giới tính

Chỉ tiêu	Số giờ đào tạo trung bình của mỗi nhân sự
Nữ	18,5
Nam	12,2
Nhân sự Công ty	**13,6**

Nguồn: TTC Biên Hòa

396 KHÓA ĐÀO TẠO

7.000 LƯỢT HỌC

43.561 GIỜ ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CÁC CẤP

10 TỶ ĐỒNG TỔNG CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc

Chỉ tiêu	Nhân viên nghiệp vụ/ Công nhân kỹ thuật	Chuyên viên	Quản lý Sơ cấp	Quản lý Cấp trung	Quản lý Cấp cao	Tổng số
Tổng số giờ đào tạo (Giờ)	32.269	5.054	3.233	2.280	725	**43.561**
Tổng số nhân viên (Người)	2.129	314	262	158	5	**2.868**
Số giờ đào tạo bình quân (Giờ/người)	15,16	16,1	12,3	14,4	145	**15,2**

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 404-2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN

Công ty đã triển khai 396 chương trình đào tạo, trong đó 67% là đào tạo nội bộ, 33% là đào tạo bên ngoài trong niên độ. Các chương trình đào tạo được phân ra thành 5 nhóm chính (1) Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tương đương 69%, (2) Đào tạo hội nhập tương đương 20%, (3) Đào tạo kỹ năng Lãnh đạo tương đường 4,6%, (4) Đào tạo Kỹ năng mềm tương đương 1,2% và (5) Luật định tương đương 5,2%.

Nhóm	Số lượng chương trình	Số giờ đào tạo (Đvt: giờ)					
		Nhân viên	Chuyên viên	Quản lý sơ cấp	Quản lý cấp trung	Quản lý cao cấp	Tổng cộng
Chuyên môn, Nghiệp vụ	245	25.260	2.287	1.914	520	24	30.005
Đào tạo hội nhập	120	6.045	1.592	438	652	72	8.799
Kỹ năng lãnh đạo	13	66	150	664	864	260	2.004
Kỹ năng mềm	10	21	35	181	28	239	504
Luật định	8	877	990	36	216	130	2.249
Tổng	**396**	**32.269**	**5.054**	**3.233**	**2.280**	**725**	**43.561**

Nguồn: TTC Biên Hòa

GRI 404-3 TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

100% CBNV của Công ty đều được đánh giá năng lực định kỳ hàng quý nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đánh giá thi đua khen thưởng.



CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

TTC Biên Hòa luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ CBNV nói chung và các CBNV nữ nói riêng cho thành công chung của Công ty. Trong những năm qua, Công ty nỗ lực xây dựng các chính sách, chế độ phúc lợi toàn diện và công bằng trên cơ sở cạnh tranh để thu hút và giữ nhân tài bằng những chính sách đãi ngộ hợp lý, cung cấp môi trường làm việc năng động, đồng thời luôn đối xử công bằng, đảm bảo cơ hội bình đẳng trong các hoạt động đào tạo, phát triển, thăng tiến. Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo,…

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

- Tạo điều kiện để nhân viên hiểu rằng cơ hội cho nam và nữ là bình đẳng, đồng thời qua đó tạo điều kiện để nhân sự nữ có cơ hội phát triển.
- Tổ chức nhiều chương trình thi đua, tạo điều kiện nhân viên trẻ và quản lý cấp cao có cơ hội trao đổi, chia sẻ nhằm đa dạng ý kiến và quan điểm để Công ty phát triển toàn diện.
- Tạo môi trường bình đẳng khuyến khích cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý.

GRI 405-1 SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

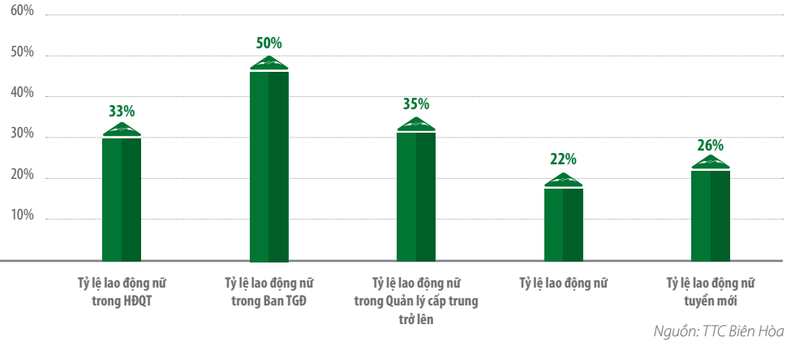
Chi tiết tham khảo nội dung Nhân sự và Đào tạo trang 177.

GRI 405-2 TỶ LỆ LƯƠNG CƠ BẢN VÀ THÙ LAO CỦA PHỤ NỮ SO VỚI NAM GIỚI

TTC Biên Hòa đảm bảo các CBNV nữ luôn được đối xử công bằng, trả lương theo đúng năng lực, nhận các chế độ phúc lợi cũng như có những cơ hội phát triển, thăng tiến bình đẳng như nam giới. Trong NĐ 2019 -2020, Công ty tổ chức đào tạo 13.068 giờ cho lao động nữ, trung bình 18,5 giờ/ người với tổng chi phí gần 2,2 tỷ đồng.

Trên thực tế, Công ty rất quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới và luôn sẵn sàng trao quyền cho phụ nữ. Trong suốt những năm qua, Công ty luôn nỗ lực duy trì và không ngừng gia tăng tỷ lệ lao động nữ trong cơ cấu nhân sự. Điều đó đã được thể hiện rõ nét nhất trong sự thay đổi của cơ cấu Ban lãnh đạo, cụ thể, trong cơ cấu HĐQT, 2 trên 6 thành viên HĐQT là nữ, chiếm 33%, đặc biệt Chủ tịch HĐQT là nữ. Đồng thời, trong cơ cấu Ban điều hành, 2 trên 4 thành viên Ban TGĐ là nữ, chiếm 50%. Điều này đã thể hiện sự đa dạng về bình đẳng giới trong cơ cấu nhân sự mà TTC đang hướng tới.

Cơ cấu lao động nữ tại TTC Biên Hòa Niên độ 2019 -2020



Nguồn: TTC Biên Hòa

Xã hội

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Rê chuột

CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

"Phát triển địa phương" luôn là mục tiêu hàng đầu trong trong các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội tại TTC Biên Hòa. Công ty luôn đồng hành cùng với Chính quyền các địa phương trong việc xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống cho người dân.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

TTC Biên Hòa hiện sở hữu 9 Nhà máy luyện Đường tại Tây Ninh, Khánh Hòa, Đồng Nai, Gia Lai, Ninh Thuận, Attapeu - Lào cùng VNL trải dài khắp 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Đối với những địa bàn đặt Nhà máy luyện Đường, TTC Biên Hòa tạo ra nguồn việc làm ổn định cho lực lượng lao động địa phương với hơn 40.000 việc làm được tạo ra, góp phần tăng thu nhập và phát triển kinh tế địa phương cũng như mang lại hàng loạt tác động tích cực cho cộng đồng nơi đây. Đối với những khu vực VNL thuộc sở hữu của TTC Biên Hòa, Công ty tạo ra việc làm ổn định cho nông dân, hướng người nông dân "làm giàu cùng cây mía" với tư duy và tác phong hiện đại, được hưởng nguồn thu nhập cao hơn cũng như các chính sách phúc lợi tốt.

GRI 413-1

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

2 TỶ ĐỒNG
DÀNH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG TRONG NIÊN ĐỘ

Trong niên độ qua, bên cạnh việc tích cực tham gia các chương trình đồng hành vì sức khỏe cộng đồng, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác thiện nguyện nhằm hỗ trợ cộng đồng thông qua việc tham gia vào nhiều hoạt động do các địa phương tổ chức, như Chương trình "Hỗ trợ phòng chống Covid-19", Chương trình "Tiếp sức bác tài" hỗ trợ các tài xế Grab, "Tiếp sức mùa thi" hỗ trợ cho Trung tâm hỗ trợ sinh viên học sinh Tp.HCM, "Mang mùa xuân yêu thương tới 1.700 hộ gia đình khó khăn" cho người dân nghèo tại các tỉnh miền núi, "Gói bánh chưng xanh cùng người nghèo ăn Tết" tại Điện Biên, Nam Định, Thanh Hóa, ... Tổng chi phí hoạt động vì cộng đồng trong niên độ đạt hơn 2 tỷ đồng.

TTC Biên Hòa gửi tặng 1.600kg đường trong chương trình Tiếp sức bác tài công nghệ



TTC Biên Hòa đã cùng đồng hành với BTC chương trình "Tiếp sức mùa thi 2020"





Ban lãnh đạo TTC Biên Hòa chụp hình lưu niệm tại Làng Văn hóa - Du lịch các Dân tộc





TTC Biên Hòa tặng Đường trong chương trình "Triệu bữa cơm - Ngọt vị yêu thương"

GRI 413-2 NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ THỰC TẾ ĐÁNG KỂ VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Do đặc thù hoạt động canh tác và sản xuất luôn tiềm ẩn những nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng, TTC Biên Hòa luôn ý thức những rủi ro có thể xảy ra với cộng đồng xung quanh và đưa ra những biện pháp ngăn chặn cũng như giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực.

Nhận diện các rủi ro và những biện pháp giảm thiểu rủi ro

CANH TÁC MÍA NGUYÊN LIỆU

Rủi ro

- Phá rừng làm đất canh tác
- Ô nhiễm môi trường đất, nguồn nước
- Mất cân bằng sinh thái địa phương
- Mất cân đối diện tích cây trồng



Hành động

- Đảm bảo đất canh tác không xâm phạm đến diện tích đất rừng
- Kiểm soát chặt chẽ sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
- Đảm bảo không để tồn dư chất độc trong đất và nguồn nước
- Các hoạt động canh tác hạn chế thấp nhất việc ảnh hưởng đến hệ động thực vật
- Các loài chim và côn trùng thiên địch được khuyến khích phát triển
- Hoa được trồng dọc theo bờ các ruộng mía
- Mở rộng Vùng nguyên liệu tuân theo chủ trương, quy hoạch về Nông nghiệp của chính quyền địa phương
- Tỷ lệ diện tích đất trồng mía được xác định theo hướng có lợi nhất cho người dân

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Rủi ro

- Ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí, tiếng ồn
- Vấn đề thất nghiệp



Hành động

- **Về nước thải:** Đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải ra môi trường không gây ô nhiễm
- **Về chất thải rắn:** Tận dụng hầu như toàn bộ các phụ phẩm sinh ra trong quá trình sản xuất để sử dụng cho các mục đích khác nhau
- **Về ô nhiễm không khí và tiếng ồn:** Quy định chi tiết trong vận hành máy móc thiết bị, đảm bảo không phát thải đáng kể bụi cũng như tiếng ồn
- Tạo điều kiện tối đa cho lao động địa phương có việc làm tại Công ty
- Trong quá trình sáp nhập, tái cơ cấu, Công ty vẫn giữ lại những lao động cũ có năng lực
- Hỗ trợ phương tiện đưa đón, ăn ở khi điều động công tác tại địa phương khác.

Nguồn: TTC Biên Hòa



GRI 416-1 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM HOẶC DỊCH VỤ

"Mang Đường sạch đến với mọi nhà" là tiêu chí hoạt động của TTC Biên Hòa, chính vì vậy sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng sẽ là ưu tiên hàng đầu mà Công ty tuân thủ trong quá trình sản xuất. Hiện Công ty sở hữu nhiều Chứng nhận quốc tế quan trọng liên quan đến chất lượng sản phẩm như: Chứng nhận An toàn thực phẩm tại Trung Đông do HCA cấp, Chứng nhận Kosher do KOF-K cấp, Chứng nhận FSSC 22000, ISO 9001:2015, ISO 14001:2004 do Bureau Veritas BSI cấp, đặc biệt Công ty còn đạt Chứng nhận Organic (EU) và USDA (Mỹ) do Control Union cấp từ đó giúp Công ty từng bước thâm nhập vào thị trường Đường hữu cơ vô cùng tiềm năng.

Bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu tiêu dùng của khách hàng đặc biệt là an toàn sức khỏe, Công ty đang đẩy mạnh phát triển mảng Đường hữu cơ, không chỉ mang lại giá trị gia tăng lớn mà còn góp phần cải thiện sức khỏe của người tiêu dùng. Công nghệ sản xuất cho sản phẩm này sẽ cho ra những hạt Đường "sạch" theo tiêu chuẩn quốc tế, được làm từ những cây mía không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, hoàn toàn tốt cho sức khỏe người dùng vì chứa hàm lượng dinh dưỡng và khoáng chất cao.

GRI 416-2 CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC TÁC ĐỘNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Chi tiết tham khảo nội dung Đảm bảo chất lượng trang 163.



Rê chuột

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

222 Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất NĐ 2019-2020 (VAS)
284 Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng NĐ 2019-2020 (VAS)
290 Thông tin liên hệ

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 28 tháng 10 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019
Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019
	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019
Bà Đặng Huỳnh Ức My	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019
Ông Henry Chung	Thành viên độc lập	
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2019
Bà Võ Thúy Anh	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2020
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Ông See Beow Tean	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019

TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2019
Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2019
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2019
Ông Henry Chung	Thành viên	
Ông See Beow Tean	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Phó Tổng Giám đốc thường trực	bổ nhiệm ngày 6 tháng 8 năm 2020
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 2 năm 2020
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019
Ông Lê Đức Tồn	Quyền Giám đốc Chi nhánh	
Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 1	miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2020
Bà Trương Thị Kim Phượng	Giám đốc Kinh doanh	miễn nhiệm ngày 11 tháng 2 năm 2020
Ông Trần Huy Hào	Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại TTC Plaza Tây Ninh	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 6 tháng 8 năm 2020
Ông Lưu Anh Kiệt	Giám đốc Cung ứng	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2019
Bà Lê Hà Thị Mai Thảo	Giám đốc Nhân sự	miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Bá Chủ	Giám đốc Phát triển	miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Bích Ngọc	bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2019
Ông Phạm Hồng Dương	miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Huỳnh Bích Ngọc
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 612428750/21481888/HN

Kính gửi: **Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 9 năm 2020 và được trình bày từ trang 227 đến trang 283, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 30 tháng 6 năm 2020 **B01-DN/HN**

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**10.030.796.116.425**	**9.794.108.835.254**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***999.620.661.512***	***1.004.775.238.727***
111	1.	Tiền		799.320.661.512	916.275.238.727
112	2.	Các khoản tương đương tiền		200.300.000.000	88.500.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***899.284.845.919***	***767.786.825.451***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	6	403.156.950.516	165.370.489.390
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(43.067.104.597)	(808.663.939)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	539.195.000.000	603.225.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.447.159.078.206***	***5.036.419.501.120***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.1	1.026.526.902.684	1.697.027.535.241
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.2	2.522.123.757.499	1.946.736.551.586
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	673.291.034	15.000.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	10	1.937.434.918.704	1.425.093.673.613
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8, 10	(39.599.791.715)	(47.438.259.320)
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***11***	***2.529.346.657.059***	***2.781.398.584.531***
141	1.	Hàng tồn kho		2.541.154.800.749	2.803.564.311.503
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.808.143.690)	(22.165.726.972)
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***155.384.873.729***	***203.728.685.425***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	48.619.538.175	140.253.036.651
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	22	92.081.678.271	51.414.140.996
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	14.683.657.283	12.061.507.778
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7.924.922.667.487**	**6.949.187.500.459**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***		***101.806.889.451***	***146.094.934.345***
212	1.	Trả trước cho người bán dài hạn	8.2	92.623.661.450	109.158.380.150
216	2.	Phải thu dài hạn khác	10	9.183.228.001	36.936.554.195
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***4.179.804.562.879***	***4.352.308.080.526***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	13	3.844.903.217.562	4.135.227.110.484
222		Nguyên giá		8.484.840.315.880	8.458.357.225.032
223		Giá trị khấu hao lũy kế		(4.639.937.098.318)	(4.323.130.114.548)
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	14	108.160.541.664	102.937.566.560
225		Nguyên giá		140.481.291.500	142.678.391.405
226		Giá trị khấu hao lũy kế		(32.320.749.836)	(39.740.824.845)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	15	226.740.803.653	114.143.403.482
228		Nguyên giá		284.497.398.107	157.580.686.655
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(57.756.594.454)	(43.437.283.173)
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***16***	***592.437.897.729***	***157.234.743.426***
231	1.	Nguyên giá		638.075.095.511	179.231.206.174
232	2.	Giá trị hao mòn lũy kế		(45.637.197.782)	(21.996.462.748)
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***341.526.808.768***	***678.948.939.496***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	341.526.808.768	678.948.939.496
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***1.245.605.087.900***	***124.931.823.163***
252	1.	Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	381.424.975.548	105.631.208.868
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	767.001.478.655	20.041.830.629
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.001.366.303)	(741.216.334)
255	4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		99.180.000.000	-
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***1.463.741.420.760***	***1.489.668.979.503***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.319.693.751.650	1.332.920.724.205
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	10.072.275.631	8.941.089.965
269	3.	Lợi thế thương mại	19	133.975.393.479	147.807.165.333
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**17.955.718.783.912**	**16.743.296.335.713**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2020

B01-DN/HN

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**10.313.417.423.502**	**10.924.103.440.168**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***8.807.443.159.566***	***8.966.033.051.411***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	20	585.381.760.110	503.771.032.003
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	145.426.604.808	147.197.520.262
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	178.370.150.839	193.431.046.035
314	4.	Phải trả người lao động		16.613.110.146	21.063.605.678
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	23	361.548.318.820	366.675.617.145
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	27	6.317.162.616	13.697.420.559
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	24	394.675.252.848	284.522.703.568
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	6.989.555.523.295	7.284.286.378.356
321	9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		363.858.167	1.922.008.250
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	129.191.417.917	149.465.719.555
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***1.505.974.263.936***	***1.958.070.388.757***
336	1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	26	5.575.597.730	12.202.129.425
337	2.	Phải trả dài hạn khác	24	6.310.971.782	6.718.381.960
338	3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	1.221.069.938.518	1.848.530.201.711
339	4.	Trái phiếu chuyển đổi	26	152.294.181.382	-
341	5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	118.723.574.524	87.850.408.862
342	6.	Dự phòng phải trả dài hạn		-	769.266.799
343	7.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.16	2.000.000.000	2.000.000.000
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**7.642.301.360.410**	**5.819.192.895.545**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***28.1***	***7.642.312.996.647***	***5.818.592.161.948***
411	1.	Vốn cổ phần		6.083.518.850.000	5.867.405.520.000
411a		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.867.405.520.000	5.867.405.520.000
411b		- Cổ phiếu ưu đãi		216.113.330.000	-
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		6.712.852.344.539	6.243.045.915.565
413	3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	26	13.666.133.635	-
414	4.	Vốn khác của chủ sở hữu		(5.502.116.030.924)	(5.502.116.030.924)
415	5.	Cổ phiếu quỹ		-	(1.099.985.561.092)
417	6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(127.041.441.949)	(44.001.327.529)
418	7.	Quỹ đầu tư phát triển		17.202.026.560	124.701.077.143
421	8.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		281.924.507.850	181.120.487.767
421a		- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(38.044.364.281)	(50.928.020.415)
421b		- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		319.968.872.131	232.048.508.182
429	9.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		162.306.606.936	48.422.081.018
430	***II.***	***Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***(11.636.237)***	***600.733.597***
431	1.	Nguồn kinh phí		(11.636.237)	600.733.597
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**17.955.718.783.912**	**16.743.296.335.713**

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B02-DN/HN

VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1.**	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**29.1**	**12.923.457.051.438**	**10.884.713.247.355**
02	**2.**	**Các khoản giảm trừ**	**29.1**	**(34.774.449.661)**	**(28.100.847.211)**
10	**3.**	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**29.1**	**12.888.682.601.777**	**10.856.612.400.144**
11	**4.**	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**30**	**(11.434.141.815.578)**	**(9.984.924.715.250)**
20	**5.**	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.454.540.786.199**	**871.687.684.894**
21	**6.**	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**29.2**	**730.201.665.535**	**1.110.636.362.737**
22	**7.**	**Chi phí tài chính**	**31**	**(853.865.883.976)**	**(823.392.731.847)**
23		Trong đó: Chi phí lãi vay		(685.620.883.846)	(705.491.023.191)
24	**8.**	**Phần lãi trong công ty liên kết**	**18.2**	**18.736.282.164**	**7.221.968.308**
25	**9.**	**Chi phí bán hàng**	**32**	**(446.086.303.998)**	**(400.439.326.380)**
26	**10.**	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**32**	**(381.565.980.379)**	**(447.127.107.682)**
30	**11.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**521.960.565.545**	**318.586.850.030**
31	**12.**	**Thu nhập khác**	**34**	**48.566.222.616**	**143.368.375.466**
32	**13.**	**Chi phí khác**	**34**	**(58.167.071.012)**	**(40.171.279.603)**
40	**14.**	**(Lỗ) lợi nhuận khác**	**34**	**(9.600.848.396)**	**103.197.095.863**
50	**15.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**512.359.717.149**	**421.783.945.893**
51	**16.**	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**35.1**	**(136.720.597.833)**	**(158.028.686.431)**
52	**17.**	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**35.4**	**(12.719.302.684)**	**(4.462.592.400)**
60	**18.**	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**362.919.816.632**	**259.292.667.062**
61	**19.**	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**364.259.001.778**	**268.425.858.779**
62	**20.**	**Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**(1.339.185.146)**	**(9.133.191.717)**
70	**21.**	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**28.5**	**595**	**511**
71	**22.**	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**28.5**	**581**	**511**

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 **B03-DN/HN**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**512.359.717.149**	**421.783.945.893**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 16, 19	465.220.919.767	492.028.403.104
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		22.995.122.858	(53.017.800.801)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.219.939.424	(5.972.608.468)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(569.619.315.855)	(1.096.605.388.453)
06	Chi phí lãi vay	30	685.620.883.846	705.491.023.191
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.120.797.267.189**	**463.707.574.466**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(212.748.255.201)	852.574.883.928
10	Giảm hàng tồn kho		262.409.510.754	1.205.812.973.889
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		139.170.653.422	(411.478.118.795)
12	Giảm chi phí trả trước		105.077.139.617	153.976.270.202
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(374.906.621.884)	75.434.980.880
14	Tiền lãi vay đã trả		(723.688.515.355)	(714.368.155.580)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(169.105.854.417)	(117.747.598.634)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.669.289.840)	(72.445.157.401)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**98.336.034.285**	**1.435.467.652.955**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(302.947.407.068)	(1.303.763.127.960)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		17.786.059.812	98.379.571.024
23	Tiền chi cho vay		(636.221.882.031)	(686.735.166.667)
24	Tiền thu hồi cho vay		733.760.000.000	534.742.753.646
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.885.112.291.193)	(8.662.795.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.257.549.634.970	1.756.807.803.729
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		103.412.233.274	168.522.351.212
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(711.773.652.236)**	**559.291.389.184**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận góp vốn	28	685.919.758.974	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	28	1.099.985.561.092	
33	Tiền thu từ đi vay	25	14.093.156.883.631	13.658.599.528.090
34	Tiền trả nợ gốc vay	25	(15.023.192.054.123)	(14.752.764.526.999)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	25	(33.834.401.342)	(28.092.150.657)
36	Cổ tức đã trả	28.2	(214.065.647.645)	(192.683.748.041)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**607.970.100.587**	**(1.314.940.897.607)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(5.467.517.364)**	**679.818.144.532**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**1.004.775.238.727**	**324.968.354.928**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		312.940.149	(11.260.733)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**999.620.661.512**	**1.004.775.238.727**

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/ Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 28 tháng 10 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 2.868 người (ngày 30 tháng 6 năm 2019: 3.759 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và Tỷ lệ quyền biểu quyết (*) (%)
I	**Công ty con trực tiếp**			
1	**Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Thành Thành Công**	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	90,00
2	**Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai ("TTC Gia Lai")**	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	100,00
3	**Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU**	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	100,00
4	**Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai ("BHS")**	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật	100,00
5	**Công ty TNHH MTV Nước Miaqua**	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất và chế biến nước ngọt, nước trái cây và sữa đậu nành; sản xuất nước tinh khiết đóng chai	100,00
6	**Công ty TNHH Hải Vi**	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, tư vấn kỹ thuật, kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường	100,00
7	**Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ TTC An Hòa**	Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	Dịch vụ đóng gói; sản xuất đường; bán buôn thực phẩm; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh bất động sản	100,00

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và Tỷ lệ quyền biểu quyết (*) (%)
II	**Công ty con gián tiếp**			
1	**Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa**	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho	100,00
2	**Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa**	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	100,00
3	**Công ty Cổ phần Đường Nước Trong**	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía, trồng cây lấy củ có chất bột, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp thực phẩm và bán buôn tổng hợp	50,58
4	**Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai**	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100,00
5	**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang**	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ và cồn thực phẩm; và kinh doanh xăng dầu và khí gas	95,79
6	**Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long**	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp	98,00
7	**Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa**	Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống	100,00
8	**Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu**	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	100,00
9	**Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu**	Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía	100,00
10	**Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công**	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	100,00
11	**Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung**	Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác	92,04
12	**Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd**	Singapore	Kinh doanh hàng hóa, các công cụ vốn và cung cấp dịch vụ	83,00

(*) Bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Nhóm Công ty

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	8 - 15 năm
Tài sản khác	12 - 25 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	50 năm	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 25 năm	6 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vụ chờ kết chuyển, chi phí phát triển vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với nông dân trong thời hạn 44 - 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được ghi nhận riêng biệt như một khoản phụ trội hợp nhất trong nguồn vốn chủ sở hữu và được trình bày tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán năm, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.15 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được Nhóm Công ty mua lại được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

  Quỹ này được trích lập theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 nhằm phục vụ việc đầu tư khoa học và công nghệ tại Việt Nam của Nhóm Công ty.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm đường và phụ phẩm từ đường. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty.

4. CÁC GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua Công ty Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd (" Công ty GMC"), công ty con mới

Vào ngày 2 tháng 9 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất giao dịch nhận chuyển nhượng 11.340.000 cổ phần của Công ty GMC, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 45% từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá phí là 259.965.000.000 VND. Theo đó, Công ty GMC trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty. Vào ngày 2 tháng 1 năm 2020, theo biên bản thỏa thuận giữa các cổ đông, Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty GMC và do đó, Công ty GMC trở thành công ty con của Nhóm Công ty từ ngày này.

Mua Công ty Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd (" Công ty GMC"), công ty con mới (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá trị hợp lý ước tính của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của GMC vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

VND

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
TÀI SẢN	
Tiền và tương đương tiền	346.936.037.936
Phải thu ngắn hạn	208.886.942.645
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.857.903.384
Phải thu ngắn hạn khác	76.034.305.852
Các khoản cho vay ngắn hạn	274.445.659
Tài sản cố định (Thuyết minh ("TM") số 13)	58.463.216.892
Bất động sản đầu tư (TM số 16)	223.062.383.155
Đầu tư dài hạn	98.901.203.912
Các tài sản khác	6.445.817.772
	1.033.862.257.207
NỢ PHẢI TRẢ	
Phải trả người bán ngắn hạn	221.208.750.344
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	33.915.805.280
Chi phí phải trả ngắn hạn	19.171.267.458
Phải trả khác ngắn hạn	670.909.750
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả do tăng giá trị hợp lý (TM số 35.4)	17.022.677.312
Vay dài hạn (TM số 25)	171.710.810.452
Các khoản khác	8.274.622.916
	471.974.843.512
GIÁ TRỊ TÀI SẢN THUẦN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ	**561.887.413.695**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(309.038.077.532)
Lợi thế thương mại (TM số 19)	7.115.663.837
Tổng giá phí đầu tư	**259.965.000.000**
Trong đó:	
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 38% vào Công ty GMC tại ngày mua thêm để đạt được quyền kiểm soát	*213.517.217.204*
Dòng tiền từ việc mua lại	
Tiền thu về từ công ty con	346.936.037.936
Tiền chi thuần để mua công ty con tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	(259.965.000.000)
Dòng tiền thuần từ việc mua lại	**86.971.037.936**

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 38% cổ phần của Công ty GMC từ các cá nhân với tổng giá phí là 219.333.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty GMC là 83%.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.854.737.237	3.316.465.385
Tiền gửi ngân hàng	795.465.924.275	912.958.773.342
Các khoản tương đương tiền (*)	200.300.000.000	88.500.000.000
TỔNG CỘNG	**999.620.661.512**	**1.004.775.238.727**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,5% một năm.

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết						
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("GEG")	339.978.654.175	305.954.000.005	(34.024.654.170)	137.120.422.575	142.049.358.700	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("VNG")	34.051.000.000	28.390.000.000	(5.661.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo ("ITA")	8.470.939.579	6.372.899.999	(2.098.039.580)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("VCI")	6.747.003.347	5.470.015.000	(1.276.988.347)	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh ("SB1")	15.022.500	8.600.000	(6.422.500)	15.022.500	12.800.000	(2.222.500)
Đầu tư khác	13.894.330.915	13.894.330.915	-	28.235.044.315	27.428.602.876	(806.441.439)
TỔNG CỘNG	**403.156.950.516**	**360.089.845.919**	**(43.067.104.597)**	**165.370.489.390**	**169.490.761.576**	**(808.663.939)**

7. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 7,1% một năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, một phần các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

8.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	942.977.117.672	849.764.765.504
Trong đó:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tú Vinh	*213.479.110.000*	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Liên Lộc Phát	*108.091.410.500*	-
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	*2.344.779.150*	*131.745.022.500*
Bà Châu Như Phượng	-	*144.366.740.000*
Các khách hàng khác	*619.061.818.022*	*573.653.003.004*
Phải thu các bên liên quan (TM số 36)	83.549.785.012	847.262.769.737
TỔNG CỘNG	**1.026.526.902.684**	**1.697.027.535.241**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(2.355.871.658)	(3.457.073.421)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.024.171.031.026**	**1.693.570.461.820**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, một phần các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.457.073.421	3.095.617.778
Dự phòng trích lập trong năm	5.522.798.990	955.766.394
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.624.000.753)	(594.310.751)
Số cuối năm	2.355.871.658	3.457.073.421

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

8.2 *Trả trước cho người bán*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**2.522.123.757.499**	**1.946.736.551.586**
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 36)	592.142.205.877	1.088.360.866.098
Trả trước cho nông dân (*)	379.735.552.751	310.127.756.881
Trả trước cho các bên khác	1.550.245.998.871	548.247.928.607
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tú Vinh	*499.078.665.783*	-
- Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	*349.900.000.000*	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Liên Lộc Phát	*301.362.125.734*	*50.000.000.000*
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hồng Minh Huy	*200.000.000.000*	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Tuyết	-	*249.976.000.000*
- Các khoản trả trước khác	*199.905.207.354*	*248.271.928.607*
Dài hạn	**92.623.661.450**	**109.158.380.150**
Trả trước cho nông dân (*)	92.623.661.450	109.158.380.150
TỔNG CỘNG	**2.614.747.418.949**	**2.055.894.931.736**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(31.703.663.469)	(43.354.882.201)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.583.043.755.480**	**2.012.540.049.535**

(*) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất áp dụng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	43.354.882.201	58.036.481.816
Dự phòng trích lập trong năm	11.103.142.912	16.194.355.014
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.754.361.644)	(30.875.954.629)
Số cuối năm	31.703.663.469	43.354.882.201

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	398.706.816	15.000.000.000
Phải thu các bên khác (*)	274.584.218	-
TỔNG CỘNG	**673.291.034**	**15.000.000.000**

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,0% đến 8,5% một năm.

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**1.937.434.918.704**	**1.425.093.673.613**
Ký quỹ và đặt cọc thuê đất (*)	1.198.218.256.726	1.204.178.761.999
Ký quỹ cho các hợp đồng tương lai	546.772.649.476	-
Lãi phải thu	106.961.636.993	132.531.071.829
Tạm ứng nhân viên	15.139.431.243	42.222.321.893
Khác	70.342.944.266	46.161.517.892
Dài hạn	**9.183.228.001**	**36.936.554.195**
Ký quỹ thuê đất	9.029.459.533	-
Khác	153.768.468	36.936.554.195
TỔNG CỘNG	**1.946.618.146.705**	**1.462.030.227.808**
Dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(5.540.256.588)	(626.303.698)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.941.077.890.117**	**1.461.403.924.110**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 36)	*1.218.995.305.217*	*1.221.948.087.129*
Phải thu từ các bên khác	*722.082.584.900*	*239.455.836.981*

(*) Chủ yếu bao gồm:

(i) Khoản đặt cọc trị giá 673 tỷ VND theo các Hợp đồng Đặt cọc ký ngày 21 tháng 6 năm 2019 và ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Phụ lục số 3 ký ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân với tổng giá trị hợp đồng là 1.440 tỷ VND để thuê các lô đất có tổng diện tích 218.238,06 m2 thuộc Dự án Khu Phức hợp Vịnh Đầm, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 40 năm; và

(ii) Khoản đặt cọc trị giá 522 tỷ VND theo các Biên bản Ghi nhớ ký ngày 24 tháng 6 năm 2019 và ngày 25 tháng 12 năm 2019 và Phụ lục số 7 ký ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công với tổng giá trị theo Biên bản Ghi nhớ là 634 tỷ VND để thuê các lô đất có diện tích 456.655,3 m2 tại Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Ấp An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 38 năm.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	626.303.698	14.285.119.008
Dự phòng trích lập trong năm	5.183.437.086	402.910.848
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(269.484.196)	(14.061.726.158)
Số cuối năm	5.540.256.588	626.303.698

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	1.051.092.338.189	(3.945.634.726)	941.734.766.976	(2.389.182.020)
Hàng hóa	507.351.475.633	(6.663.039.137)	936.411.956.323	(17.728.811.195)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	444.169.101.425	-	382.244.481.692	-
Nguyên vật liệu	440.174.810.698	-	424.942.250.381	(956.559.197)
Công cụ và dụng cụ	63.390.339.421	(1.199.469.827)	40.500.114.566	(1.091.174.560)
Hàng gửi đi bán	34.976.735.383	-	11.858.338.161	-
Hàng đi đường	-	-	65.872.403.404	-
TỔNG CỘNG	**2.541.154.800.749**	**(11.808.143.690)**	**2.803.564.311.503**	**(22.165.726.972)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, một phần hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.165.726.972	37.654.315.402
Dự phòng trích lập trong năm	21.652.663.544	33.047.490.288
Sử dụng dự phòng trong năm	(31.304.903.466)	(48.125.714.370)
Chênh lệch tỷ giá	(705.343.360)	(410.364.348)
Số cuối năm	11.808.143.690	22.165.726.972

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**48.619.538.175**	**140.253.036.651**
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	6.602.348.452	27.552.798.819
Chi phí vụ chờ kết chuyển	11.500.067.583	68.633.490.722
Tiền thuê đất trả trước	3.445.559.523	2.689.920.000
Khác	27.071.562.617	41.376.827.110
Dài hạn	**1.319.693.751.650**	**1.332.920.724.205**
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất (*)	969.765.486.374	1.052.902.380.707
Chi phí hom giống dài hạn	60.697.528.550	45.406.351.260
Tiền thuê đất trả trước (**)	232.864.843.891	190.204.382.696
Công cụ, dụng cụ	23.843.656.742	11.569.156.210
Khác	32.522.236.093	32.838.453.332
TỔNG CỘNG	**1.368.313.289.825**	**1.473.173.760.856**

(*) Vùng nguyên liệu và cây trồng trên đất chủ yếu bao gồm các chi phí về đất và chi phí phát triển nông trường trồng mía của Nhóm Công ty tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Chi phí này được ghi nhận vào ngày mua theo giá trị hợp lý phản ánh theo Chứng thư Thẩm định giá số 177/017/CT/TĐGSG ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được phân bổ trong suốt thời gian thuê 44 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2017.

(**) Một phần của tiền thuê đất trả trước được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (TM số 25.1).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.693.141.906.315	6.342.165.370.814	276.579.448.499	52.269.547.606	94.200.951.798	8.458.357.225.032
Mua mới	17.524.791.440	88.207.853.008	16.847.816.383	21.312.436.529	1.591.516.574	145.484.413.934
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.772.142.754	77.822.554.048	-	1.890.380.931	167.616.267	98.652.694.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh (TM số 4)	53.867.376.671	-	6.946.778.639	9.345.153.965	-	70.159.309.275
Phân loại lại	(97.525.131.879)	165.946.400.789	-	-	-	68.421.268.910
Thanh lý	(9.021.642.700)	(107.665.314.423)	(24.665.199.187)	(20.717.463.324)	(126.571.000)	(162.196.190.634)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(75.852.930.091)	(99.304.212.848)	(16.696.845.348)	(367.929.964)	(1.816.486.386)	(194.038.404.637)
Số cuối năm	1.600.906.512.510	6.467.172.651.388	259.011.998.986	63.732.125.743	94.017.027.253	8.484.840.315.880
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*113.035.843.049*	*1.616.870.814.263*	*27.621.826.026*	*13.131.511.313*	*59.107.403.537*	*1.829.767.398.188*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	754.193.874.441	3.336.777.806.094	131.878.707.103	30.914.836.963	69.364.889.947	4.323.130.114.548
Tăng do hợp nhất kinh doanh (TM số 4)	4.630.703.874	-	2.153.923.590	4.910.620.430	-	11.695.247.894
Khấu hao trong năm	67.501.886.558	308.457.175.153	16.485.487.597	4.235.397.234	2.394.710.476	399.074.657.018
Phân loại lại	4.571.120.504	17.382.559.731	-	-	-	21.953.680.235
Thanh lý	(2.344.164.453)	(28.352.659.032)	(14.190.272.514)	(231.924.048)	(72.952.888)	(45.191.972.935)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.480.412.228)	(42.241.597.898)	(7.479.902.524)	(106.721.756)	(415.994.036)	(70.724.628.442)
Số cuối năm	808.073.008.696	3.592.023.284.048	128.847.943.252	39.722.208.823	71.270.653.499	4.639.937.098.318
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	938.948.031.874	3.005.387.564.720	144.700.741.396	21.354.710.643	24.836.061.851	4.135.227.110.484
Số cuối năm	792.833.503.814	2.875.149.367.340	130.164.055.734	24.009.916.920	22.746.373.754	3.844.903.217.562
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25)	*741.054.552.636*	*2.157.006.483.380*	*139.025.438.972*	*6.796.950.414*	*7.497.112.878*	*3.051.380.538.280*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	142.678.391.405
Tăng trong năm	61.374.210.459
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(63.571.310.364)
Số cuối năm	140.481.291.500
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	39.740.824.845
Khấu hao trong năm	10.817.072.773
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(18.237.147.782)
Số cuối năm	32.320.749.836
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	102.937.566.560
Số cuối năm	108.160.541.664

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	131.094.126.023	26.450.180.698	36.379.934	157.580.686.655
Mua mới	119.366.036.410	8.099.320.596	-	127.465.357.006
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.328.631.113	-	12.328.631.113
Thanh lý	(11.543.288.384)	-	-	(11.543.288.384)
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con	-	(1.167.385.487)	-	(1.167.385.487)
Chênh lệch tỷ giá	-	(166.602.796)	-	(166.602.796)
Số cuối năm	238.916.874.049	45.544.144.124	36.379.934	284.497.398.107
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	*7.365.828.923*	*6.964.002.048*	*36.379.934*	*14.366.210.905*
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	28.279.955.232	15.120.948.007	36.379.934	43.437.283.173
Hao mòn trong năm	10.852.725.554	5.223.229.419	-	16.075.954.973
Giảm do thanh lý đầu tư công ty con	-	(1.167.385.487)	-	(1.167.385.487)
Thanh lý	(533.246.846)	-	-	(533.246.846)
Chênh lệch tỷ giá	-	(56.011.359)	-	(56.011.359)
Số cuối năm	38.599.433.940	19.120.780.580	36.379.934	57.756.594.454
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	102.814.170.791	11.329.232.691	-	114.143.403.482
Số cuối năm	200.317.440.109	26.423.363.544	-	226.740.803.653
Trong đó:				
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25)	*5.199.519.344*	-	-	*5.199.519.344*

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	29.296.423.000	149.934.783.174	179.231.206.174
Tăng từ hợp nhất kinh doanh *(TM số 4)*	-	243.907.302.995	243.907.302.995
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	210.392.416.100	-	210.392.416.100
Mua mới trong năm	-	32.000.960.916	32.000.960.916
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(11.239.464.908)	(11.239.464.908)
Thanh lý	(16.328.127.682)	-	(16.328.127.682)
Chênh lệch tỷ giá	-	110.801.916	110.801.916
Số cuối năm	223.360.711.418	414.714.384.093	638.075.095.511
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	5.955.601.609	16.040.861.139	21.996.462.748
Tăng từ hợp nhất kinh doanh *(TM số 4)*	-	20.842.056.795	20.842.056.795
Khấu hao và hao mòn trong năm	566.392.750	6.816.620.811	7.383.013.561
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.571.120.504)	(4.571.120.504)
Chênh lệch tỷ giá	-	(13.214.818)	(13.214.818)
Số cuối năm	6.521.994.359	39.115.203.423	45.637.197.782
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	23.340.821.391	133.893.922.035	157.234.743.426
Số cuối năm	216.838.717.059	375.599.180.670	592.437.897.729
Trong đó:			
Tài sản cầm cố, thế chấp (TM số 25.1)	*22.774.428.641*	*335.143.055.679*	*357.917.484.320*

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở các bất động sản đầu tư hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	30.213.621.672	24.041.879.003
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(16.566.455.776)	(18.414.797.301)

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống điện mặt trời	237.601.325.244	335.246.983.270
Hệ thống sấy bã mía	40.095.293.483	31.182.337.499
Hệ thống máy móc thiết bị đang lắp đặt	27.208.126.436	41.323.481.783
Chi phí chuyển nhượng đất tại Tây Ninh	-	210.392.416.100
Máy móc thiết bị ("MMTB") sản xuất mía đường	-	14.331.497.957
Cải tạo nhà máy và văn phòng	-	2.119.149.379
Khác	36.622.063.605	44.353.073.508
TỔNG CỘNG	**341.526.808.768**	**678.948.939.496**

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 18.1)*	381.424.975.548	105.631.208.868
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 18.2)*	767.001.478.655	20.041.830.629
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	99.180.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.247.606.454.203**	**125.673.039.497**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.001.366.303)	(741.216.334)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.245.605.087.900**	**124.931.823.163**

(*) Đây là các khoản trái phiếu tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ ba (3) đến mười (10) năm và hưởng lãi suất từ 6,5% tới 8,3% một năm. Một phần của khoản trái phiếu trên được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (TM số 25).

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình hình hoạt động	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Số lượng (cổ phần)	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Số lượng (cổ phần)	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định (*)	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	2.082.900	351.065.814.753	41,65	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Đang hoạt động	3.157.920	30.359.160.795	19,13	3.157.920	30.359.160.795	19,13
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su	Đang hoạt động		-	-	6.370.806	75.272.048.073	21,67
TỔNG CỘNG				**381.424.975.548**			**105.631.208.868**	

VND

Giá gốc của khoản đầu tư:	
Số đầu năm	100.546.056.133
Đầu tư tăng thêm trong năm	693.096.900.000
Chuyển thành công ty con – Công ty GMC *(TM số 4)*	(332.755.200.000)
Giảm giá trị đầu tư	(68.966.856.133)
Số cuối năm	391.920.900.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	5.085.152.735
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	18.736.282.164
Cổ tức được nhận trong năm	(16.664.000.000)
Chuyển thành công ty con – Công ty GMC *(TM số 4)*	(11.348.167.411)
Giảm do thanh lý	(6.305.191.940)
Số cuối năm	(10.495.924.452)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	105.631.208.868
Số cuối năm	381.424.975.548

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Kinh doanh bất động sản, kho cảng, bến bãi	591.654.980.000	18,12	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Kinh doanh cho thuê, quản lý khu công nghiệp	112.700.000.000	10,89	-	-
Công ty Cổ phần Đường Tây Ninh (*)	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường, sắn và cao su	59.051.540.000	6,93	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, hoặc đi thuê	1.940.478.185	6,74	1.940.478.185	6,74
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Chế biến đường mật và các sản phẩm sau đường	-	-	17.360.136.000	13,08
Đầu tư dài hạn khác		1.654.480.467		741.216.444	
TỔNG CỘNG		**767.001.478.652**		**20.041.830.629**	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.001.366.303)		(741.216.334)	
GIÁ TRỊ THUẦN		**765.000.112.349**		**19.300.614.295**	

(*) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.334.546 cổ phần, tương đương 14,74% quyền biểu quyết trong Công ty Tani Sugar với tổng giá phí chuyển nhượng là 125.701.834.000 VND và tỷ lệ sở hữu giảm từ 21,67% xuống 6,93%. Tại ngày chuyển nhượng, khoản đầu tư dài hạn khác này được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị hợp lý (giá gốc) tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư còn lại cộng với khoản thu từ chuyển nhượng 4.334.546 cổ phần và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị 33.844.721.573 VND, được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (TM số 29.2).

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:	
Số đầu năm	189.832.404.093
Tăng do hợp nhất kinh doanh *(TM số 4)*	7.115.663.837
Giảm do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	(772.462.143)
Số cuối năm	196.175.605.787
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	42.025.238.760
Phân bổ trong năm	20.174.973.548
Số cuối năm	62.200.212.308
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	147.807.165.333
Số cuối năm	133.975.393.479

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan *(TM số 36)*	107.563.620.963	119.253.087.037
Phải trả các bên khác	477.818.139.147	384.517.944.966
Trong đó:		
- Czarnikov Group Limited	*78.448.807.979*	-
- Nông dân	*66.485.218.314*	*42.816.328.627*
- ED&F MAN Sugar Limited	*40.078.975.876*	-
- Sharp Solar Solution Asia Company Limited	-	*183.669.534.777*
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	*18.480.886.512*
- Khác	*292.805.136.978*	*139.551.195.050*
TỔNG CỘNG	**585.381.760.110**	**503.771.032.003**

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan *(TM số 36)*	45.161.183.576	108.087.627.478
Các bên khác	100.265.421.232	39.109.892.784
Trong đó:		
- XinYuan Trading (Thailand) Co., Ltd.	*36.487.098.670*	-
- Xiamen Hehujia Trading Co., Ltd.	*29.528.430.500*	-
- Kingwell Co., Ltd.	*17.729.459.300*	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm & Bánh kẹo Phạm Nguyên	*12.343.731.250*	-
- Khác	*4.176.701.512*	*39.109.892.784*
TỔNG CỘNG	**145.426.604.808**	**147.197.520.262**

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.521.173.696	136.720.597.833	(169.105.854.417)	91.135.917.112
Thuế giá trị gia tăng	36.134.813.872	638.960.427.529	(627.274.249.998)	47.820.991.403
Thuế thu nhập cá nhân	6.546.209.954	14.449.316.804	(12.242.682.004)	8.752.844.754
Khác	27.228.848.513	164.662.263.723	(161.230.714.666)	30.660.397.570
TỔNG CỘNG	**193.431.046.035**	**954.792.605.889**	**(969.853.501.085)**	**178.370.150.839**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	51.414.140.996	263.562.591.226	(218.146.032.871)	96.830.699.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.942.855.586	214.694.656	(236.880.272)	5.920.669.970
Thuế thu nhập cá nhân	320.321.667	617.902.851	(515.497.304)	422.727.214
Khác	5.798.330.525	11.960.109	(2.219.051.615)	3.591.239.019
TỔNG CỘNG	**63.475.648.774**	**264.407.148.842**	**(221.117.462.062)**	**106.765.335.554**

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	118.284.120.243	156.294.765.451
Chi phí mua nguyên vật liệu	86.865.960.582	56.712.015.167
Chi phí vận chuyển và dỡ hàng	35.210.471.142	29.367.976.840
Chi phí thưởng hỗ trợ kinh doanh cho đại lý	19.336.490.902	16.402.966.537
Trích trước chi phí thuế nhà thầu	18.526.087.020	18.952.066.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.696.825.525	9.461.816.151
Trích trước chi phí thuế xuất nhập khẩu đường thô	718.325.850	24.833.182.360
Khác	67.910.037.556	54.650.828.163
TỔNG CỘNG	**361.548.318.820**	**366.675.617.145**

24. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**394.675.252.848**	**284.522.703.568**
Cổ tức	324.120.209.282	217.905.972.826
Chi phí thu hộ	15.773.749.677	15.777.116.532
Thuê máy móc	3.900.000.000	5.460.000.000
Ký quỹ	11.978.374.983	5.047.181.408
Khác	38.902.918.906	40.332.432.802
Dài hạn		
Ký quỹ	6.310.971.782	6.718.381.960
TỔNG CỘNG	**400.986.224.630**	**291.241.085.528**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*379.104.033.788*	*214.788.579.780*
Phải trả các bên liên quan (TM số 36)	*21.882.190.842*	*76.452.505.748*

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	Thay đổi trong năm				Số cuối năm
		Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giải ngân	Trả nợ vay	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	
Vay ngắn hạn	**7.284.286.378.356**	**7.286.716.080**	**13.776.991.386.902**	**(14.660.827.342.018)**	**(7.998.122.499)**	**6.989.555.523.295**
Vay ngân hàng *(TM số 25.1)*	6.071.039.794.718	-	13.266.423.487.356	(12.973.501.381.680)	(1.596.893.380)	6.362.365.007.014
Vay bên khác *(TM số 25.2)*	-	-	465.067.899.546	(459.879.917.503)	(5.338.345)	5.182.643.698
Vay các bên liên quan *(TM số 36)*	6.000.000.000	-	45.500.000.000	(27.400.000.000)	-	39.000.000.000
Trái phiếu ngắn hạn	485.883.333.333	-	-	(485.883.333.333)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng *(TM số 25.3)*	241.050.061.082	7.286.716.080	-	(233.849.520.279)	(6.395.890.774)	255.180.631.198
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác	970.000.000	-	-	(970.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan *(TM số 36)*	3.449.020.000	-	-	(3.449.020.000)	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả *(TM số 25.4)*	452.850.466.660	-	-	(452.850.466.660)	-	309.180.571.649
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(TM số 25.5)*	23.043.702.563	-	-	(23.043.702.563)	-	18.646.669.736
Vay dài hạn	**1.848.530.201.711**	**164.424.094.372**	**214.485.596.977**	**(411.401.627.510)**	**(5.151.820.558)**	**1.221.069.938.518**
Vay ngân hàng *(TM số 25.3)*	623.648.397.718	164.424.094.372	87.254.643.385	(83.012.694.652)	(5.151.820.558)	540.073.355.176
Vay dài hạn các bên liên quan *(TM số 36)*	14.900.000.000	-	60.855.404.999	(60.855.404.999)	-	-
Trái phiếu dài hạn *(TM số 25.4)*	1.189.254.200.010	-	2.095.133.328	(247.580.000.000)	-	634.588.761.689
Nợ thuê tài chính dài hạn *(TM số 25.5)*	20.727.603.983	-	64.280.415.265	(19.953.527.859)	-	46.407.821.653
TỔNG CỘNG	**9.132.816.580.067**	**171.710.810.452**	**13.991.476.983.879**	**(15.072.228.969.528)**	**(13.149.943.057)**	**8.210.625.461.813**

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	913.425.687.122	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2020 đến 15 tháng 11 năm 2020	Hợp đồng tiền gửi với giá trị 100 tỷ; 10 triệu cổ phần SBT của bà Huỳnh Bích Ngọc, MMTB 163 tỷ tại Nhiệt điện Ninh Hòa và Quyền sử dụng đất tại thửa số 8 tại Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	723.059.790.715	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2020	Khoản phải thu với giá trị 150 tỷ VND; hàng tồn kho với giá trị 130 tỷ VND; hợp đồng tiền gửi với giá trị 3,5 tỷ VND; trái phiếu Vietinbank của Bà Huỳnh Thị Bích Ngọc và NHS với tổng giá trị là 46,5 tỷ VND; bất động sản thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công với tổng giá trị 112 tỷ VND; máy móc thiết bị với giá trị 278 tỷ VND tại NHS; quyền sử dụng đất với giá trị 159 tỷ VND theo biên bản đánh giá tháng 2 năm 2020 tại NHS
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	643.314.040.329	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất 329,44 ha tại Huyện Bến Cầu; phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai với giá trị 339.998.760.000 VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 45 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	437.081.693.818	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến 30 tháng 12 năm 2020	Hàng tồn kho 150 tỷ, tiền gửi có kỳ hạn 164 tỷ; 5 tỷ trái phiếu BIDV của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa, Đồng Nai và KPT tối thiểu 120% doanh số vay. Quyền sử dụng đất 144,51 ha tại Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu,Tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	341.622.870.866	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 12 năm 2020	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 76 tỷ VND, hàng tồn kho với giá trị 350 tỷ VND và trái phiếu trị giá 44 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh ĐăkLăk	340.159.044.510	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 11 năm 2020	Hàng tồn kho với giá trị 286.000.000.000 VND và phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa vào Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa với giá trị 174.886.000.000 VND và 2.190.000 cổ phiếu của TTC Biên Hòa
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	334.464.797.202	Từ ngày 23 tháng 5 năm 2020 đến ngày 16 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất thửa đất số 49 tại Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	250.000.000.000	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2020 đến ngày 9 tháng 8 năm 2020	Hàng tồn kho trị giá 200 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	247.603.192.057	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày 26 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất 156,2 ha tại Tỉnh Tây Ninh

25.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	200.000.000.000	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	200.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Lợi tức thu được từ việc kinh doanh và bảo hiểm cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được quản lý bởi Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	199.970.073.037	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 đến ngày 22 tháng 11 năm 2020	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị 86.225.000.000 VND, phương tiện vận chuyển với giá trị 1.550.000.000 VND và hàng tồn kho với giá trị tối thiểu 243 tỷ VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hồ Chí Minh	179.648.302.705	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2020 đến ngày 13 tháng 10 năm 2020	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị 15,5 triệu USD
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội	140.357.415.683	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2020 đến ngày 13 tháng 10 năm 2020	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	161.621.124.923	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2020 đến ngày 9 tháng 9 năm 2020	Hàng tồn kho; 4.900.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa và 7.300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Hồ Chí Minh	148.251.857.501	Từ ngày 4 tháng 9 năm 2020 đến ngày 4 tháng 12 năm 2020	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị tối đa lần lượt là 10.100.000 USD; và hàng tồn kho trị giá 60 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu	145.307.942.191	Từ ngày 16 tháng 10 năm 2020 đến 19 tháng 11 năm 2020	Hàng tồn kho với giá trị 70.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Lai	100.000.000.000	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2020 đến ngày 29 tháng 11 năm 2020	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	99.831.859.256	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2020 đến ngày 9 tháng 8 năm 2020	Hàng tồn kho trị giá tối thiểu 200 tỷ VND

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)*

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	97.089.250.266	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2020	Các công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị tại trụ sở Công ty - KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai; Quyền sử dụng đất tại Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	66.640.337.731	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2020 đến ngày 12 tháng 11 năm 2020	Khoản phải thu ,1.640.000 cổ phiếu của Công ty tại GEC; Quyền sử dụng đất 65,13 ha tại Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	63.923.934.999	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2020 đến 4 tháng 11 năm 2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số trị giá 4 tỷ VND, hàng tồn kho và khoản phải thu trị giá 250 tỷ VND
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Hồ Chí Minh	57.887.004.157	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2020 đến 4 tháng 10 năm 2020	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2020 đến ngày 28 tháng 8 năm 2020	Hàng tồn kho với giá trị 200 tỷ VND và 8.849.000 cổ phiếu của Công ty CP TTC Biên Hòa và 6.267.000 cổ phiếu Công ty CP Điện Gia Lai. Tiền gửi, sổ tiết kiệm tại ngân hàng
Ngân hàng United Oversea Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.995.739.500	Ngày 18 tháng 8 năm 2020	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 6.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	47.802.393.171	Từ ngày 11 tháng 9 năm 2020 đến ngày 19 tháng 11 năm 2020	Tín chấp
Ngân hàng Maybank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	41.549.092.000	Từ ngày 9 tháng 10 năm 2020 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020	Hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm và nguyên vật liệu trị giá không thấp hơn 3 triệu USD, khoản phải thu tối thiểu 3 triệu USD, quyền đòi nợ trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	41.114.508.062	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2020	Máy móc thiết bị với giá trị 41,4 tỷ VND
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	40.143.055.213	Ngày 17 tháng 8 năm 2017	Khách sạn Hoàng Anh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị và 3.441,3 héc-ta vùng mía nguyên liệu
TỔNG CỘNG	**6.362.365.007.014**		
Trong đó:			
VND	*6.104.483.586.245*		
Đô la Mỹ	*8.739.109,94*		

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

25.2 *Vay bên khác*

Đối tượng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Macquarie	5.182.643.698	222.431,06	Không kỳ hạn	Bổ sung vốn	Tín chấp

25.3 *Vay dài hạn ngân hàng*

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	344.705.300.097	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 đến ngày 21 tháng 4 năm 2023	Mua sắm và xây dựng tài sản cố định	Công trình xây dựng, hệ thống thiết bị nhà máy đường và nhà máy nhiệt điện hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	133.965.686.900	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2020 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022		Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Toàn bộ nhà máy Bã mía Nhiệt điện Gia Lai với giá trị thế chấp là 262.082.986.000 VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	50.092.341.500	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2020 đến ngày 17 tháng 11 năm 2022		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	44.413.478.042	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 13 tháng 9 năm 2024		Tài sản hình thành từ vốn vay với giá tri thế chấp là 186 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	13.063.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2020 đến ngày 21 tháng 8 năm 2021		Quyền sử dụng đất thử số 513 tại Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăk Lăk	26.467.254.655	Từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 đến 10 tháng 9 năm 2023		Máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay trị giá 25,8 tỷ VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	65.009.083.253	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040	Mua sắm tài sản cố định và hối phiếu xuất khẩu	Bất động sản đầu tư do Công ty nắm giữ; và Thư bảo đảm cá nhân từ Tổng giám đốc
Ngân hàng TNHH Oversea Chinese	100.734.463.216	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2041	Tái cấu trúc nợ và mua hối phiếu xuất khẩu	Thư bảo đảm từ TSU, Chủ tịch TTCS, và ông Lovia Huang và bất động sản đầu tư tại KCN Techpark Singapore

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	8.600.978.711	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2021 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022	Mua sắm và xây dựng tài sản cố định	Máy móc và thiết bị hình thành từ khoản vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai	7.901.300.000	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2020 đến ngày 24 tháng 2 năm 2027		Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	301.100.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022		Tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu và máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	**795.253.986.374**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*255.180.631.198*			
Vay dài hạn	*540.073.355.176*			
VND	*284.805.139.808*			
USD	*22.785.692*			

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được sử dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và chịu lãi suất thị trường.

25.4 Trái phiếu dài hạn

	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay
	VND			
Phát hành theo mệnh giá				
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (i)	510.720.000.000	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến ngày 21 tháng 2 năm 2026	9,95	Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định (i)	340.480.000.000	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	10,13	
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	100.000.000.000	Ngày 27 tháng 5 năm 2021	8,5	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động
Chi phí phát hành	(7.430.666.662)			
	943.769.333.338			
Trong đó:				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*309.180.571.649*			
Trái phiếu dài hạn	*634.588.761.689*			

(i) Hình thức đảm bảo

» Quyền thuê đất giữa Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu ("TTC Attapeu Lào") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.790,9 héc-ta tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của TTC Attapeu Lào; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy đường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và

» Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty và BHS tại Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu trị giá 2.230.109.999.975 VND.

(iii) Hình thức đảm bảo

» Công trình xây dựng trên đất - Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An tại thửa đất số 9, Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của BHS và máy móc thiết bị tại nhà máy;

» -Bất động sản tại thửa đất số 329, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của BHS; và

» -Toàn bộ vốn góp của BHS tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa trị giá 1.030.726.951.350 VND.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.5 *Thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Từ 1 năm trở xuống	23.704.618.103	5.057.948.367	18.646.669.736	25.718.702.591	2.675.000.028	23.043.702.563
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 đến 5 năm	52.236.577.937	10.054.589.602	42.181.988.335	21.965.435.303	1.237.831.320	20.727.603.983
Trên 5 năm	4.370.361.114	144.527.796	4.225.833.318	-	-	-
TỔNG CỘNG	**80.311.557.154**	**15.257.065.765**	**65.054.491.389**	**47.684.137.894**	**3.912.831.348**	**43.771.306.546**

26. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 172 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 1 tỷ VND/trái phiếu cho Cape Yeollim Coretrend Global Fund với tổng giá trị là 172 tỷ VND. Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 28/2020/NQ-HDQT ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Một số điều kiện và điều khoản quan trọng của trái phiếu chuyển đổi như sau:

» Trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn ba (3) năm.

» Trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau một (1) năm từ ngày phát hành sang cổ phần phổ thông với giá chuyển đổi thỏa thuận với Công ty, nhưng đảm bảo lãi suất tương ứng là 6,5%/ năm.

» Công ty cũng có trách nhiệm trả lãi vay với lãi suất 3,5%/năm mỗi 6 tháng một lần.

Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi như sau:

VND

	Năm nay
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	172.000.000.000
Chi phí phát hành	(6.039.684.983)
Cơ cấu vốn chủ sở hữu (TM số 28.1)	(13.666.133.635)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	152.294.181.382
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	152.294.181.382

27. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước một lần từ khách hàng liên quan đến hoạt động cho thuê mặt bằng ở Trung tâm Thương mại TTC Tây Ninh tại Số 217 – 219, Đường 30/4, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam về các dịch vụ liên quan đến hoạt động cho thuê.

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước									
Số đầu năm	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	(5.534.410.411.336)	(1.099.985.561.092)	(60.609.170.380)	69.863.681.464	856.496.451.241	52.772.298.854	6.097.359.934.316
Cổ tức bằng cổ phiếu *(TM số 28.2)*	297.218.790.000	-	-	-	-	-	(297.218.790.000)	-	-
Cổ tức bằng tiền *(TM số 28.2)*	-	-	-	-	-	-	(408.224.244.952)	-	(408.224.244.952)
Chuyển nhượng công ty con	-	-	32.294.380.412	-	3.417.408.916	-	(37.789.403.995)	(28.519.506.114)	(30.597.120.781)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	268.425.858.779	(9.133.191.717)	259.292.667.062
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	-	(33.709.509.644)	33.709.509.644	-
Chuyển đổi báo cáo tài chính sang VND	-	-	-	-	13.190.433.935	-	-	-	13.190.433.935
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	54.837.395.679	(54.837.395.679)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(112.022.477.983)	(407.029.649)	(112.429.507.632)
Số cuối năm	5.867.405.520.000	6.243.045.915.565	(5.502.116.030.924)	(1.099.985.561.092)	(44.001.327.529)	124.701.077.143	181.120.487.767	48.422.081.018	5.818.592.161.948

(*) Đây là phần phụ trội hợp nhất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh các công ty dưới sự kiểm soát chung *(TM số 3.11)*.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

VND

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	Cổ phiếu ưu đãi									
Năm nay											
Số đầu năm	5.867.405.520.000	-	6.243.045.915.565	-	(5.502.116.030.924)	(1.099.985.561.092)	(44.001.327.529)	124.701.077.143	181.120.487.767	48.422.081.018	5.818.592.161.948
Phát hành thêm cổ phiếu (*)	-	216.113.330.000	432.226.670.000	-	-	-	-	-	-	-	648.340.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**)	-	-	37.579.758.974	-	-	1.099.985.561.092	-	-	-	-	1.137.565.320.066
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (TM số 26)	-	-	-	13.666.133.635							13.666.133.635
Ảnh hưởng của hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.670.456.209)	115.375.533.741	89.705.077.532
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(151.822.677)	(151.822.677)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	364.259.001.778	(1.339.185.146)	362.919.816.632
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cho chuyển đổi đồng tiền lập BCTC	-	-	-	-	-	-	(83.040.114.420)	-	-	-	(83.040.114.420)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(27.782.618.368)	-	(27.782.618.368)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	17.202.026.560	(17.202.026.560)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(124.701.077.143)	(192.799.880.558)	-	(317.500.957.701)
Số cuối năm	5.867.405.520.000	216.113.330.000	6.712.852.344.539	13.666.133.635	(5.502.116.030.924)	-	(127.041.441.949)	17.202.026.560	281.924.507.850	162.306.606.936	7.642.312.996.647

(i) Đây là phần phụ trội hợp nhất phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh các công ty dưới sự kiểm soát chung *(TM số 3.11)*.

(*) Vào ngày 23 tháng 9 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành 21.611.333 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi với giá 30.000 VND/ cổ phần, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018. Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019, Nhóm Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 phê duyệt việc tăng vốn cổ phần trên lên 6.083.518.850.000 VND.

Một số điều kiện và điều khoản quan trọng của cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi ("CPƯĐCTCĐ") như sau:

- CPƯĐCTCĐ không có quyền biểu quyết.
- CPƯĐCTCĐ có thời gian ưu đãi cổ tức và mức cổ tức theo thỏa thuận, được ưu tiên chi trả trước bất kỳ khoản chi trả cổ tức nào cho cổ đông phổ thông.
- Cổ phần ưu đãi được quyền chuyển đổi, vào bất cứ thời điểm nào sau ngày phát hành, một phần hoặc toàn bộ CPƯĐCTCĐ thành cổ phần phổ thông với giá chuyển đổi thỏa thuận với Công ty, nhưng không vượt quá 38.000 VND/ cổ phần.

(**) Vào ngày 4 tháng 10 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc tái phát hành 61.600.900 cổ phiếu quỹ cho cổ đông riêng lẻ với giá trung bình VND 18.500, phù hợp với Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2019.

28. 2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	5.867.405.520.000	5.570.186.730.000
Tăng trong năm	216.113.330.000	297.218.790.000
Số cuối năm	**6.083.518.850.000**	**5.867.405.520.000**
Cổ tức công bố (*)	***317.500.957.701***	***705.474.908.750***
Cổ tức của cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức chia bằng cổ phiếu	-	*297.250.663.800*
- Cổ tức chia bằng tiền	*293.370.276.000*	*408.224.244.950*
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	*24.130.681.701*	-
Cổ tức trả bằng tiền	***214.065.647.645***	***192.683.748.039***
Cổ tức của cổ phiếu phổ thông	*204.003.055.590*	*192.683.748.039*
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	*10.062.592.055*	-

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, Công ty công bố việc chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc/và cổ phiếu với giá trị 293.370.276.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Sau đó, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 27a/2020/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 6 năm 2020, Công ty công bố việc chia cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 293.370.276.000 VND.

Công ty thực hiện trích cổ tức cho CPƯĐCTCĐ với giá trị là 24.130.681.701 VND, trong đó Công ty đã chi trả 10.062.592.055 VND phù hợp với Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 41/2019/NQ.HĐQT ngày 16 tháng 12 năm 2019.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28. 3 Chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	% sở hữu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	168.021.963	-	27,62	168.021.963	-	28,64
Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft (DEG)	-	21.611.333	3,55	-	-	-
Khác	418.718.589	-	68,83	418.718.589	-	71,36
TỔNG CỘNG	**586.740.552**	**21.611.333**	**100**	**586.740.552**	**-**	**100**

28.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	608.351.885	586.740.552
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*586.740.552*	*586.740.552*
Cổ phiếu ưu đãi	*21.611.333*	
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	*(61.600.900)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*586.740.552*	*525.139.652*
Cổ phiếu ưu đãi	*21.611.333*	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 30 tháng 6 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	364.259.001.778	268.425.858.779
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	**364.259.001.778**	**268.425.858.779**
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	(24.130.681.701)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	340.128.320.077	268.425.858.779
Số lượng cổ phiếu bình quân *(cổ phiếu)*	571.829.119	525.142.839
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi *(TM số 26.1)*	13.565.699	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	585.394.818	525.142.839
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	595	511
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**581**	**511**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 27a/2020NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm nay do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

29. DOANH THU

29.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	**12.923.457.051.438**	**10.884.713.247.355**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*12.025.739.829.084*	*9.499.260.144.181*
Doanh thu bán mật đường	*311.464.944.384*	*301.548.502.704*
Doanh thu bán điện	*167.044.939.026*	*180.874.229.036*
Doanh thu từ bán sữa	*104.300.842.491*	*239.148.590.437*
Doanh thu bán phân bón	*66.621.313.725*	*179.170.758.732*
Doanh thu bán bia	*61.321.704.612*	*109.816.050.005*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 16)	*30.213.621.672*	*24.041.879.003*
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	-	*300.223.315.709*
Doanh thu khác	*156.749.856.444*	*50.629.777.548*
Trừ:	**(34.774.449.661)**	**(28.100.847.211)**
Giảm giá hàng bán	*(18.488.866.776)*	*(650.428.352)*
Chiết khấu thương mại	*(9.295.490.818)*	*(20.935.297.004)*
Hàng bán trả lại	*(6.990.092.067)*	*(6.515.121.855)*
Doanh thu thuần	**12.888.682.601.777**	**10.856.612.400.144**
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	*12.002.669.165.517*	*9.471.159.296.970*
Doanh thu bán mật đường	*311.464.944.384*	*301.548.502.704*
Doanh thu từ bán điện	*167.044.939.026*	*180.874.229.036*
Doanh thu bán sữa	*104.300.842.491*	*239.148.590.437*
Doanh thu bán phân bón	*66.321.313.725*	*179.170.758.732*
Doanh thu bán bia	*61.321.704.612*	*109.816.050.005*
Doanh thu dịch vụ cho thuê (TM số 16)	*30.213.621.672*	*24.041.879.003*
Doanh thu bán sản phẩm từ cao su	-	*300.223.315.709*
Doanh thu khác	*145.346.070.351*	*50.629.777.548*
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*11.740.174.658.094*	*9.061.543.976.357*
Doanh thu đối với các bên liên quan	*1.148.507.943.683*	*1.795.068.423.787*

29.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần	269.800.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và lãi từ khoản ứng trước cho nhà cung cấp	213.709.910.660	225.735.348.191
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	139.409.184.262	833.413.611.053
Lãi từ việc thay đổi hình thức đầu tư *(TM số 18.2)*	33.844.721.573	-
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	28.901.351.795	25.442.276.545
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.802.111.661	18.510.907.742
Cổ tức	1.039.573.565	2.921.948.401
Khác	33.694.812.019	4.612.270.805
TỔNG CỘNG	**730.201.665.535**	**1.110.636.362.737**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*618.302.882.606*	*520.837.095.865*
Doanh thu đối với các bên liên quan	*111.898.782.929*	*589.799.266.872*

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	10.663.152.692.920	8.622.131.810.976
Giá vốn bán mật đường	273.126.755.215	315.239.534.885
Giá vốn bán điện	151.801.009.825	171.963.910.883
Giá vốn bán sữa	99.506.609.727	229.234.998.877
Giá vốn bán phân bón	56.674.950.234	170.132.786.390
Giá vốn bán bia	58.520.127.031	108.433.036.004
Giá vốn dịch vụ cho thuê	16.566.455.776	18.414.797.301
Giá vốn bán sản phẩm từ cao su	-	293.471.599.578
Giá vốn khác	114.793.214.850	55.902.240.356
TỔNG CỘNG	**11.434.141.815.578**	**9.984.924.715.250**

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	685.620.883.846	705.491.023.191
Chiết khấu thanh toán và chi phí lãi từ khoản ứng trước từ khách hàng	2.064.059.832	86.201.558.627
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	78.639.371.507	19.476.463.838
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư	44.273.444.227	(256.686.600)
Lỗ từ giảm giá trị hợp lý của khoản đầu tư *(TM số 4.1)*	18.463.831.249	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	631.821.687
Khác	24.804.293.315	11.848.551.104
TỔNG CỘNG	**853.865.883.976**	**823.392.731.847**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.563.959.584	149.053.046.065
Chi phí vận chuyển	110.629.430.355	100.397.236.894
Chi phí nhân viên	68.377.867.633	82.596.488.479
Chi phí hỗ trợ bán hàng	65.089.742.479	47.526.237.399
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.944.527.846	6.570.182.394
Chi phí khác	20.873.152.511	14.296.135.149
TỔNG CỘNG	**446.086.303.998**	**400.439.326.380**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	215.524.076.235	190.416.769.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.638.873.942	116.124.198.046
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.998.736.882	48.812.339.418
Lợi thế thương mại *(TM số 19)*	20.174.973.548	19.896.436.574
Hoàn nhập dự phòng	(7.286.532.703)	(28.167.042.823)
Chi phí khác	18.515.852.475	100.044.407.369
TỔNG CỘNG	**381.565.980.379**	**447.127.107.682**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	9.869.635.823.750	9.412.141.271.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.524.470.761	470.309.760.868
Chi phí nhân công	624.009.110.280	441.885.539.776
Chi phí khấu hao và hao mòn	465.220.919.767	346.934.495.313
Chi phí khác	461.131.716.940	281.486.856.167
TỔNG CỘNG	**12.262.522.041.498**	**10.952.757.923.756**

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**48.566.222.616**	**143.368.375.466**
Lãi thanh lý tài sản	17.786.059.812	118.044.085.801
Thu nhập từ cho thuê tài sản	14.112.618.863	16.201.127.183
Các khoản phạt	3.958.467.252	2.308.180.176
Khác	12.709.076.689	6.814.982.306
Chi phí khác	**58.167.071.012**	**40.171.279.603**
Chi phí khấu hao của tài sản ngừng sử dụng	33.261.254.275	-
Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	5.431.107.833	18.414.797.301
Xóa sổ dự án	3.945.931.296	-
Các khoản phạt	2.366.375.202	8.942.395.015
Khác	13.162.402.406	12.814.087.287
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	**(9.600.848.396)**	**103.197.095.863**

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	176.553.224.617	157.953.526.009
Chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu các năm trước (*)	(39.832.626.784)	75.160.422
	136.720.597.833	158.028.686.431
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12.719.302.684	4.462.592.400
TỔNG CỘNG	**149.439.900.517**	**162.491.278.831**

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm khoản điều chỉnh giảm do thay đổi quy định về chi phí lãi vay được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định Số 68/2020/NĐ-CP - Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 Nghị định Số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**512.359.717.149**	**421.783.945.893**
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng	95.087.294.944	60.691.110.796
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	17.696.480.769	57.777.865.096
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	8.579.073.131	11.618.318.773
Phân bổ lợi thế thương mại	4.034.994.710	3.979.287.316
Thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(12.919.883.217)	(842.506.415)
Lỗ thuế mang sang	43.101.174.904	32.041.508.338
Lãi từ thay đổi các khoản đầu tư	6.768.944.315	-
Cổ tức	3.124.885.287	(54.145.256)
Lãi từ các công ty liên kết	(3.747.256.433)	(1.444.393.662)
Thuế TNDN được miễn	(12.285.807.893)	(1.195.123.165)
Chi phí thuế TNDN	**149.439.900.517**	**162.491.278.831**

35.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

35.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.398.717.540	1.540.142.687	3.858.574.853	(4.488.788.858)
Chi phí phải trả	3.928.835.639	7.400.947.278	(3.472.111.639)	543.221.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	744.722.452	-	744.722.452	(2.967.049.423)
TỔNG CỘNG	**10.072.275.631**	**8.941.089.965**		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Tăng giá trị hợp lý tài sản khi hợp nhất kinh doanh	85.029.392.108	87.109.192.528	2.079.800.420	1.944.201.132
Tăng giá trị hợp lý của khoản đầu tư của công ty con tại ngày mua *(TM số 4)*	17.022.677.312	-	-	-
Tăng giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn	7.656.337.600	-	(7.656.337.600)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	7.196.958.856	741.216.334	(6.455.742.522)	505.823.519
Dự phòng phải thu khó đòi	1.818.208.648	-	(1.818.208.648)	-
TỔNG CỘNG	**118.723.574.524**	**87.850.408.862**		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			***(12.719.302.684)***	***(4.462.592.400)***

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan bao gồm các công ty trong cùng Tập đoàn Thành Thành Công ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	324.763.879.636	616.427.136.275
		Mua hàng hóa	170.489.979.071	319.127.548.796
		Thu nhập lãi	17.832.584.470	36.340.753.189
		Mua dịch vụ	13.496.149.845	24.343.706.697
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Đồng sở hữu	Bán hàng hóa	194.956.690.775	78.942.513.696
		Mua hàng hóa	74.533.169.087	417.508.047.496
		Mua dịch vụ	63.705.337.782	86.870.291.693
		Thu nhập lãi	28.440.810.763	55.428.067.091
		Cung cấp dịch vụ	-	16.208.443.771
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Mua cổ phần	350.910.400.000	-
		Đặt cọc mua cổ phần	199.999.980.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Cổ đông	Bán hàng hóa	248.547.553.638	2.344.246.849
		Mua cổ phần	150.000.000.000	-
		Thu nhập lãi	1.031.188.565	10.015.092.202
		Mua hàng hóa	5.316.019.238	100.940.649.046
		Mua nguyên liệu	-	58.668.080.004
Bà Huỳnh Thảo Linh	Chủ tịch HĐQT Công ty liên kết	Chuyển nhượng khoản đầu tư	166.675.325.000	-
		Thu nhập lãi từ chuyển nhượng cổ phần	48.000.000.000	-
Ông Đặng Văn Thành	Cổ đông	Mua cổ phần	151.911.300.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao bì Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	26.308.068.790	151.300.000
		Mua nguyên liệu	28.463.521.816	34.245.606.161
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	28.901.351.795	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	14.339.929.606	18.653.363.970
		Chi phí lãi	2.555.864.486	-
		Mua hàng hóa	-	314.593.186.239
		Bán hàng hóa	-	143.289.950.473
		Mua cổ phiếu	-	58.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Đồng sở hữu	Mua dịch vụ	4.043.175.414	10.651.954.125
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	2.669.750.322	-
		Bán hàng hóa	258.937.926	77.213.715.808
		Mua hàng hóa	-	26.415.000.000
		Bán tài sản	-	52.090.909.091

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan bao gồm các công ty trong cùng Tập đoàn và các bên liên quan khác trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd (*).	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	1.077.114.695.499	456.319.898.239
		Bán hàng hóa	90.944.117.259	301.858.688.142
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	91.491.143.013
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	439.318.653.333
		Mua hàng hóa	-	213.483.040.000
		Thu nhập lãi	-	16.319.855.596
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Bán cổ phần	-	717.000.000.000
	Cùng chủ sở hữu	Đặt cọc thuê đất	-	700.000.000.000
Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft (DEG)	Cổ đông	Cổ tức công bố	24.212.498.159	-
		Chi cổ tức	10.062.592.055	-

(*) Công ty trở thành Công ty con từ ngày 2 tháng 1 năm 2020 *(TM số 4)*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty (ngày 30 tháng 6 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	9.783.121.638	10.761.433.802

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	57.330.474.358	462.832.902.215
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	24.369.171.300	3.493.114.450
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	370.253.510	65.368.446.508
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	296.012.843.500
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	6.172.500.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.479.885.844	13.382.963.064
TỔNG CỘNG			**83.549.785.012**	**847.262.769.737**
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	315.703.360.000	433.576.050.183
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Thuê đất	110.261.990.683	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	96.439.737.590	4.605.136.626
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	63.126.543.196	70.137.489.034
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	2.859.351.385	1.071.151.790
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	1.218.816.223	242.585.600
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	307.453.353.986
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	258.250.050.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Nhận dịch vụ	160.710.000	160.710.200
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.371.696.800	12.864.338.679
TỔNG CỘNG			**592.142.205.877**	**1.088.360.866.098**

(*) Trả trước ngắn hạn cho bên liên quan hưởng lãi suất từ 8,0% đến 9,5% một năm.

[1] Các công ty này không còn là bên liên quan của Nhóm Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2019.

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê đất	673.000.000.000	418.000.000.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Đặt cọc thuê đất	522.000.000.000	700.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Thu nhập lãi	15.861.211.951	10.173.025.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Thu nhập lãi	4.237.882.945	32.726.208.580
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	-	40.111.954.726
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Thu nhập lãi	-	19.339.778.428
Các bên liên quan khác			3.896.210.321	1.139.411.626
TỔNG CỘNG			**1.218.995.305.217**	**1.221.490.379.129**
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Nhận dịch vụ	100.343.608.911	70.025.072.550
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	3.953.924.624	10.854.842.398
Công ty Cổ phần Sản xuất-Thương mại Bao bì Thành Thành Công	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật liệu	2.677.389.714	-
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	172.264.536	18.289.801.639
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	25.200.001	6.237.636.733
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tâm Bình An [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	10.024.942.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	391.233.177	3.820.791.717
TỔNG CỘNG			**107.563.620.963**	**119.253.087.037**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	29.354.185.348	23.327.583.343
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	15.800.000.000	15.800.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín [1]	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	68.446.631.907
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.998.228	513.412.228
TỔNG CỘNG			**45.161.183.576**	**108.087.627.478**

[1] Các công ty này không còn là bên liên quan của Nhóm Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2019.

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác				
Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft (DEG)	Cổ đông	Cổ tức phải trả	14.068.089.646	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty cùng Tập đoàn	Cổ tức phải trả Mua dịch vụ	- 145.473.370	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	4.061.876.978	67.208.785.200
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Cùng chủ sở hữu	Mua dịch vụ	2.432.682.353	-
Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty cùng Tập đoàn	Lãi vay	1.159.068.495	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi phí lãi	15.000.000	1.243.720.548
TỔNG CỘNG			**21.882.190.842**	**76.452.505.748**
Vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Năng Lượng TTC	Công ty cùng Tập đoàn	Vay	33.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Tân Hội	Công ty cùng Tập đoàn	Vay	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG			**39.000.000.000**	**6.000.000.000**

(*) Đây là khoản vay tín chấp không có thời hạn thu hồi với lãi suất vay từ 6,5%/ năm để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty.

[1] Các công ty này không còn là bên liên quan của Nhóm Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2019.

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, nhà kho, và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	31.319.372.040	25.597.958.373
Từ 1 – 5 năm	72.850.102.018	128.521.028.740
Trên 5 năm	360.655.795.159	492.609.733.116
TỔNG CỘNG	**464.825.269.217**	**646.728.720.229**

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*11.439.218.367.116*	*1.449.464.234.661*	*-*	*12.888.682.601.777*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*4.607.058.625.066*	*2.588.267.159.850*	*(7.195.325.784.916)*	*-*
Tổng doanh thu thuần	**15.891.130.396.973**	**4.192.877.989.720**	**(7.195.325.784.916)**	**12.888.682.601.777**
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Kết quả của bộ phận				1.450.679.138.934
Chi phí không phân bổ	(732.078.169.939)	(95.574.114.438)		(827.652.284.377)
Doanh thu hoạt động tài chính	862.719.990.024	23.529.726.072	(156.048.050.561)	730.201.665.535
Chi phí tài chính	(834.975.860.305)	(168.584.365.695)	149.694.342.024	(853.865.883.976)
Phần lãi trong công ty liên kết				18.736.282.164
(Lỗ) lợi nhuận khác				(9.600.848.396)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				512.359.717.149
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(136.720.597.833)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(12.719.302.684)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				**362.919.816.632**
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Tài sản của bộ phận				
Tiền và tương đương tiền	*766.857.430.069*	*232.763.231.443*	*-*	*999.620.661.512*
Đầu tư tài chính ngắn hạn	*885.390.515.004*	*13.894.330.915*	*-*	*899.284.845.919*
Các khoản phải thu ngắn hạn	*7.123.699.700.430*	*903.829.489.641*	*(2.580.370.111.865)*	*5.447.159.078.206*
Hàng tồn kho	*2.087.554.256.134*	*485.348.738.418*	*(43.556.337.493)*	*2.529.346.657.059*
Tài sản ngắn hạn khác	*140.469.109.784*	*14.915.763.945*	*-*	*155.384.873.729*
Các khoản phải thu dài hạn	*101.806.889.451*	*-*	*-*	*101.806.889.451*
Tài sản cố định				*4.179.804.562.879*
Bất động sản đầu tư	*396.402.966.195*	*196.034.931.534*	*-*	*592.437.897.729*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*341.526.808.768*	*-*	*-*	*341.526.808.768*
Đầu tư tài chính dài hạn	*1.146.703.883.985*	*98.901.203.915*	*-*	*1.245.605.087.900*
Tài sản dài hạn khác				*1.463.741.420.760*
Tổng tài sản				**17.955.718.783.912**
Nợ phải trả của bộ phận				
Phải trả người bán ngắn hạn	*1.246.372.342.440*	*535.012.127.366*	*(1.196.002.709.696)*	*585.381.760.110*
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	*7.309.673.574.901*	*278.218.706.847*	*(598.336.758.453)*	*6.992.245.281.748*
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	*1.247.321.341.435*	*390.882.597.083*	*(417.134.000.000)*	*1.221.069.938.518*
Nợ phải trả không phân bổ				*1.519.150.169.158*
Tổng nợ phải trả				**10.313.417.423.502**

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Thành phẩm đường (tấn)	*30.763*	*52.885*
- Mật rỉ (tấn)	*14.675*	*-*
Ngoại tệ các loại		
LAK	*1.664.336.467*	*8.127.315.813*
USD	*10.205.815*	*556.416*
INR	*18.140*	*18.140*
AUD	*950*	*950*
GBP	*630*	*630*
EUR	*250*	*250*

40. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Nguyễn Thùy Trang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

B01-DN

VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.188.684.452.600	4.876.805.195.380
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***510.081.795.392***	***276.506.697.442***
111	1.	Tiền		375.081.795.392	276.506.697.442
112	2.	Các khoản tương đương tiền		135.000.000.000	-
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***195.241.515.004***	***45.012.800.004***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	5	49.283.965.426	15.022.500
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(9.042.450.422)	(2.222.496)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	155.000.000.000	45.000.000.000
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***		***3.395.471.753.145***	***3.391.335.155.624***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	811.658.108.303	1.256.490.697.164
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.495.579.321.218	1.211.622.236.247
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	34	112.610.000.000	124.000.000.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	9	1.004.932.343.278	815.386.044.645
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9	(29.308.019.654)	(16.163.822.432)
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***10***	***1.047.470.814.321***	***1.098.141.094.051***
141	1.	Hàng tồn kho		1.054.918.038.845	1.115.454.620.806
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.447.224.524)	(17.313.526.755)
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***40.418.574.738***	***65.809.448.259***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	11	31.429.677.963	56.826.677.045
153	2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	8.988.896.775	8.982.771.214
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		13.454.247.972.698	12.070.997.104.848
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***		***248.947.958.662***	***58.976.154.002***
212	1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	7	214.080.522.339	-
212	2.	Trả trước cho người bán dài hạn	8	29.450.581.274	20.722.680.610
216	3.	Phải thu dài hạn khác	9	5.416.855.049	38.253.473.392
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***625.748.714.594***	***623.783.511.518***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	12	562.615.651.339	552.001.595.182
222		Nguyên giá		2.247.315.596.811	2.187.532.975.556
223		Giá trị khấu hao lũy kế		(1.684.699.945.472)	(1.635.531.380.374)
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	13	10.463.017.867	-
225		Nguyên giá		11.587.378.400	-
226		Giá trị khấu hao lũy kế		(1.124.360.533)	-
227	3.	Tài sản cố định vô hình	14	52.670.045.388	71.781.916.336
228		Nguyên giá		83.959.417.564	92.566.119.973
229		Giá trị hao mòn lũy kế		(31.289.372.176)	(20.784.203.637)
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***15***	***146.209.719.552***	***157.234.743.426***
231	1.	Nguyên giá		167.991.741.266	179.231.206.174
232	2.	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.782.021.714)	(21.996.462.748)
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***58.023.905.975***	***51.641.103.470***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	58.023.905.975	51.641.103.470
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***17***	***12.206.888.633.367***	***11.005.658.160.140***
251	1.	Đầu tư vào công ty con	17.1	11.648.586.221.986	10.956.546.221.985
252	2.	Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	391.920.900.000	31.579.200.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.3	182.414.414.444	36.804.268.445
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17	(26.032.903.063)	(19.271.530.290)
255	5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17	10.000.000.000	-
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***168.429.040.548***	***173.703.432.292***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	11	167.684.318.096	167.969.672.807
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	744.722.452	5.733.759.485
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.642.932.425.298	16.947.802.300.228

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

B01-DN

VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**5.176.725.984.391**	**5.339.830.043.141**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***4.677.822.621.957***	***4.614.437.435.790***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	18	656.475.478.588	192.684.834.921
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	38.340.501.212	19.560.931.969
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	72.720.107.420	84.162.747.282
314	4.	Phải trả người lao động		7.900.484.084	6.800.725.986
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	21	63.462.274.673	82.782.704.254
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	6.161.783.616	13.542.041.559
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	23	409.580.588.634	249.402.038.685
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	3.348.318.154.768	3.861.031.969.987
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	74.863.248.962	104.469.441.147
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***498.903.362.434***	***725.392.607.351***
336	1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	5.200.098.480	11.671.251.175
337	2.	Phải trả dài hạn khác	23	6.026.471.782	6.433.881.960
338	3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	335.382.610.790	707.287.474.216
339	4.	Trái phiếu chuyển đổi	25	152.294.181.382	-
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**26**	**13.466.206.440.907**	**11.607.972.257.087**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***		***13.466.206.440.907***	***11.607.972.257.087***
411	1.	Vốn cổ phần		6.083.518.850.000	5.867.405.520.000
411a		*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*5.867.405.520.000*	*5.867.405.520.000*
411b		*- Cổ phiếu ưu đãi*		*216.113.330.000*	-
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		6.712.852.344.539	6.243.045.915.565
413	3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		13.666.133.635	-
415	4.	Cổ phiếu quỹ		-	(1.099.985.561.092)
418	5.	Quỹ đầu tư phát triển		-	124.701.077.143
421	6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		656.169.112.733	472.805.305.471
421a		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*294.136.106.614*	*20.945.234.557*
421b		*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*362.033.006.119*	*451.860.070.914*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**18.642.932.425.298**	**16.947.802.300.228**

Lê Bằng Giang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

B02-DN

VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	6.653.210.041.390	5.356.595.344.087
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(5.218.840.295)	(11.627.048.562)
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	6.647.991.201.095	5.344.968.295.525
11	4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28, 32	(6.038.197.662.107)	(4.825.324.790.701)
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		609.793.538.988	519.643.504.824
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	537.319.060.938	696.697.390.064
22	7.	Chi phí tài chính	29	(377.013.740.975)	(397.145.563.492)
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(332.117.011.654)*	*(370.173.805.404)*
25	8.	Chi phí bán hàng	30, 32	(149.764.440.458)	(122.012.830.421)
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 32	(163.088.097.049)	(157.278.103.895)
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		457.246.321.444	539.904.397.080
31	11.	Thu nhập khác	31	17.285.326.566	30.075.479.191
32	12.	Chi phí khác	31	(10.792.761.994)	(29.500.193.177)
40	13.	Lợi nhuận khác	31	6.492.564.572	575.286.014
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		463.738.886.016	540.479.683.094
51	15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(72.586.161.163)	(88.068.991.520)
52	16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.3	(4.989.037.033)	(550.620.660)
60	17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		386.163.687.820	451.860.070.914

Lê Bằng Giang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 **B03-DN**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**463.738.886.016**	**540.479.683.094**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13, 14	68.049.698.463	79.961.221.373
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		19.079.495.690	(45.261.293.695)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.042.563.550	(1.321.701.772)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(528.424.663.761)	(676.831.501.500)
06	Chi phí lãi vay	29	332.117.011.654	370.173.805.404
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**357.602.991.612**	**267.200.212.904**
09	Tăng các khoản phải thu		(182.010.806.969)	(508.481.945.515)
10	Giảm hàng tồn kho		60.536.581.961	431.602.097.028
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		447.590.500.184	(8.257.774.109)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		25.682.353.793	(32.569.895.126)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(49.268.942.926)	2.514.265.753
14	Tiền lãi vay đã trả		(346.563.526.727)	(376.532.719.696)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(85.033.896.081)	(55.565.878.039)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.606.192.185)	(10.319.046.376)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**188.929.062.662**	**(290.410.683.176)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(177.312.745.535)	(803.506.338.890)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		27.296.816.020	363.982.156.119
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng		(2.672.898.400.000)	(1.314.800.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng		2.564.288.400.000	1.304.600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.557.991.846.000)	(8.662.795.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		766.193.037.208	1.266.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		253.154.612.483	113.969.169.181
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(797.270.125.824)**	**922.082.190.610**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ	26.1	1.785.905.320.066	-
33	Tiền thu từ đi vay		7.349.539.014.806	7.335.040.965.504
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.078.988.173.500)	(7.554.099.715.765)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(796.583.334)	-
36	Cổ tức đã trả	26.2	(214.065.647.645)	(192.683.748.039)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**841.593.930.393**	**(411.742.498.300)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**233.252.867.231**	**219.929.009.134**
60	**Tiền đầu năm**		**276.506.697.442**	**56.585.754.828**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		322.230.719	(8.066.520)
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**510.081.795.392**	**276.506.697.442**

Lê Bằng Giang
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Trụ sở chính

- Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- (0276) 375 32 50
- ttcs@ttcsugar.com.vn

Văn phòng thương mại

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- (028) 39 99 88 11
- ttcs@ttcsugar.com.vn

Đường dây nóng về Quy chế ứng xử

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Ông **Huỳnh Thành Nhân** - Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ
- 090 123 37 90 (Số điện thoại 24/7)
- ia.mgr@ttcsugar.com.vn



THÔNG TIN HỖ TRỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU CỦA BÁO CÁO

Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Bà **Vũ Thị Lệ Giang** - Trưởng Phòng Quan hệ Nhà đầu tư
- (028) 39 99 88 11
- giangvtl@ttcsugar.com.vn

Phòng Kinh doanh

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Bà **Dương Thị Tô Châu** - Phó Tổng Giám đốc Khối Kinh doanh
- (028) 39 99 88 11
- cd.dep-ceo@ttcsugar.com.vn

Phòng Nông Nghiệp

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Ông **Nguyễn Văn Kiên** - Giám đốc Nông nghiệp
- (028) 39 99 88 11
- cad@ttcsugar.com.vn

Phòng Cung ứng

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Bà **Trần Thị Anh Thư** - Trưởng phòng Mua hàng
- (028) 39 99 88 11
- ad.pur.mgr@ttcsugar.com.vn

Phòng Nhân sự

- Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Bà **Thái Thị Ánh Tuyết** - Phó Giám đốc Công ty phụ trách Nhân sự
- (028) 39 99 88 11
- hr.dir@ttcsugar.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Trụ sở chính

| Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tây Ninh
| (0276) 37 53 250

Văn phòng thương mại

| Tầng 11, Tòa nhà TTC, 253 Hoàng Văn Thụ,
Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM
| (028) 39 99 88 11
| ttcs@ttcsugar.com.vn

| **www.ttcsugar.com.vn**